DẪN NHẬP

Ngũ Bộ Chú là một nghi thức trì niệm của Mật Giáo gồm có 5 Chú Đà La Ni là: Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn, Văn Thù Nhất Tự Hộ Thân Chân Ngôn, Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn, Chuẩn Đề Cửu Thánh Tự Chân Ngôn và Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn.

Nguyên khởi của năm Bộ Chú này thì không biết rõ, chỉ nhận biết được qua quyển **Hiển Mật Viên Thông Thành Phật Tâm Yếu** do ngài **Thích Đạo Chân** (?Thích Đạo Điển) ở chùa Kim Hà trên núi Ngũ Đài biên tập. Từ đấy trở đi, nghi thức này được phổ truyền trong Nhân Gian, đến nay hầu như trong giáo đồ Phật Giáo Đại Thừa, ai cũng có thể thuộc lòng năm câu Chú này.

_ **Hiển Mật Viên Thông Thành Phật Tâm Yếu, quyển thượng** ghi nhận là:

Tưởng trên đỉnh đầu của thân mình có một chữ **Lam** (रं : RAṂ) của Phạn Thư. Khắp chữ này đều toả ánh sáng giống như viên ngọc sáng, hoặc như vành trăng đầy.

Tưởng chữ này xong, lại dùng bàn tay trái kết **Kim Cương Quyền Ấn** (đem ngón cái vịn lóng thứ nhất ở gốc của ngón vô danh, bốn ngón còn lại nắm ngón cái thành Quyền. Ấn này hay trừ **chướng nhiễm bên trong bên ngoài**, thành tựu tất cả Công Đức) Tay phải cầm tràng hạt, miệng tụng **Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn** 21 biến.

Chân Ngôn là:

"Án lam" (hoặc chỉ tụng riêng chữ **Lam** cũng được, hoặc nói ra chữ **Lam**)

ॐ रं

OṂ RAṂ (Đây là **Án lam** của Phạn Thư)

Chữ **Lam** của **Tịnh Pháp Giới** này. Hoặc **tưởng** hoặc **tụng** hay khiến cho ba nghiệp thảy đều trong sạch, tất cả tội chướng được tiêu trừ hết. Lại hay thành biện tất cả việc Thù Thắng, thân chẳng tắm gội liền sẽ tắm gội, nếu dùng nước làm cho sạch thì chẳng gọi là **Chân Tịnh**

Nếu dùng chữ **Lam** của Pháp Giới Tâm này để làm sạch, tức gọi là **trong sạch trọn hết**. Cái bình như một hạt của Linh Đan, điểm sắt thành vàng, một chữ Chân Ngôn nhiễm khắp khiến cho sạch.

Kệ ghi rằng:

- *Chữ **La*** (RA: र) *sắc trắng sạch*

*Dùng **chấm Không** thêm vào* (Trên chữ RA của Phạn Thư an điểm Không liền thành chữ RAṂ _ रं)

Như ngọc sáng búi tóc
Đặt ở trên đỉnh đầu
Chân Ngôn đồng Pháp Giới
Trừ vô lượng các tội
Tất cả nơi xúc uế
*Thường trì **Tự Môn** này .*

(Nếu thật sự, Duyên bên ngoài chẳng đủ, không có nước tắm rửa, thiếu áo mới sạch thì chỉ dùng chữ **Lam** này làm cho sạch. Nếu Duyên bên ngoài đầy đủ thì trước tiên dùng nước xong, mặc áo mới sạch tồi dùng chữ **Lam** này làm cho sạch. Tức bên trong bên ngoài đủ sự trong sạch vậy. Rộng như các Chân Ngôn, Nghi Quỹ, Kinh nói)

_ Tiếp theo, tụng **Hộ Thân Chân Ngôn** 21 biến. Chân Ngôn là:

"Án, xỉ-lâm"

(Chữ **lâm** đọc theo tiếng có dấu sắc, búng lưỡi hô)

ॐ श्री

OṂ ŚRĪṂ (Đây là chữ **Án, xỉ-lâm** của Phạn Thư. Bên dưới dựa theo lệ này để biết)

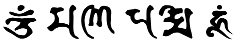
{Bản khác ghi là OṂ ŚRHYIṂ, hay TRHYIṂ]

Nếu tụng Chú này hay diệt tất cả nghiệp tội của năm Nghịch, mười Ác. Hay trừ tất cả mọi loại bệnh khổ, tai chướng, mộng ác, Tà My, Quỷ Thần, các việc chẳng lành, mà hay hoàn thành tất cả việc thù thắng, khiến cho tất cả ước nguyện đều được viên mãn.

Chú này là Tâm của chư Phật. Nếu người chuyên tâm tụng một biến thì hay thủ hộ thân của mình, tất cả Quỷ Thần, Thiên Ma chẳng dám đến gần. Tụng hai biến hay thủ hộ đồng bạn. Tụng ba biến hay thủ hộ cho người trong một nhà. Tụng bốn biến hay thủ hộ cho người trong một cái thành. Cho đến bảy biến hay thủ hộ cho người trong bốn thiên hạ (Rộng như Kinh **Văn Thù Căn Bản Nhất Tự Chú** nói. Hai Chú bên trên đều trì 108 biến cũng được)

_ Tiếp theo, tụng **Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn** 108 biến. Chân Ngôn là:

"Án, ma ni bát nột-minh hồng"



OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Nếu tụng Chú này, tuỳ theo nơi cư trú sẽ có vô lượng chư Phật, Bồ Tát, tám Bộ Trời Rồng tập hội. Lại có đủ vô lượng Pháp Môn **Tam Muội** (Samādhi), giòng tộc bảy đời của người tụng trì đều được giải thoát, các loài trùng trong bụng sẽ được địa vị của Bồ Tát. Người đó ngày ngày được đủ **sáu Ba La Mật** (Ṣaḍ-pāramitā), viên mãn Công Đức, được biện tài không tận, gom nhóm Trí trong sạch, hơi thở phát ra trong miệng chạm vào thân của người khác thì kẻ đã được tiếp chạm ấy lìa các Sân Độc, sẽ được địa vị của Bồ Tát.

Giả như người trong bốn Thiên Hạ đều được địa vị của **Thất Địa Bồ Tát** (Sapta-bhūmi-bodhisatva) thì hết thảy Công Đức của các Bồ Tát ấy cùng với Công Đức tụng **Lục Tự Chú** một biến, không có khác.

Chú này này **Bản Tâm vi diệu** (Parama-hṛdaya) của **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva). Nếu người viết chép **Lục Tự Đại Minh** này, liền ngang bằng với Công Đức đã đạt được do sự viết chép tám vạn bốn ngàn **Pháp Tạng** (Dharma-garbha) không có khác.

Nếu dùng vàng, vật báu làm tượng Như Lai nhiều như số bụi nhỏ cũng chẳng bằng Công Đức viết chép một chữ trong sáu chữ này.

Nếu người được **Lục Tự Đại Minh** này thì người đó chẳng thể nhiễm dính *Tham Sân Si.*

Nếu người đeo giữ Chú này tại thân, ắt chẳng nhiễm dính bệnh *Tham Sân Si*. Tất cả hữu tình mà được thân thể, bàn tay của người đeo giữ này chạm đến; hoặc được con mắt của người ấy nhìn thấy…sẽ mau được địa vị của Bồ Tát, vĩnh viễn chẳng nhận chịu nỗi khổ của nhóm *sinh già bệnh chết.*

_ Nói **Lục Tự Đại Minh** này xong, có 77 câu chi Đức Phật cùng một lúc hiện ra trước mặt, nói Chú **Chuẩn Đề**. Tức biết Lục Tự Đại Minh này cùng với **Chuẩn Đề Chân Ngôn** cùng tu theo thứ tự vậy (rộng như Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm** nói)

Sau đó kết **Chuẩn Đề Ấn** để ngang trên trái tim, dùng **Chuẩn Đề Chân Ngôn** cùng với **Nhất Tự Đại Luân Chú** đồng tụng một chỗ 108 biến xong, ở trên đỉnh đầu bung tán Thủ Ấn ấy (Hoặc có người chẳng thích **Đại Luân Chú** chỉ trì **Chuẩn Đề Chân Ngôn** cũng được). Ngay lúc kết Ấn tụng Chú mà muốn ghi nhớ số thời ghi nhớ

số ở trên bàn tay của thân mình, hoặc ghi nhớ trên bàn tay cánh tay của Chuẩn Đề Bồ Tát, hoặc ghi nhớ quán ở trên trái tim, hoặc ghi nhớ mười số đều được, hoặc kết An tụng được 1080 biến thì rất tốt, hoặc 108 biến. Ngoài ra chỉ dùng bàn tay trái tác **Kim Cương Quyền**, tay phải nắm tràng hạt, trì cũng được. Nếu người bận bịu với công việc thì chỉ Tán Trì)

Thất Câu Chi Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn Đề Đà La Ni.

Chân Ngôn là:

(Nam) (mô) (táp) (đá) (nam) (tam) (miểu) (tam) (bồ) (đà) (câu) (chi) (nam)

(Đát) (nễ-dã) (tha) (Án) (chiết) (lệ) (chủ) (lệ) (chuẩn) (đề) (sa-bà) (ha)

*) NAMO SAPTĀNĀṂ SAMYAKSAṂBUDDHĀ KOṬINĀṂ
TADYATHĀ: OṂ CALE CULE CUṂDE SVĀHĀ

_ (Bộ-lâm)
BHRŪṂ

Đức Phật nói:*"Chú này hay diệt tất cả tội chướng của mười ác, năm nghịch…thành tựu tất cả Công Đức của **Pháp trắng*** (Śveta-dharma tức là Pháp thiện). *Người trì Chú này chẳng kể Tại Gia, Xuất Gia, uống rượu, ăn thịt, có vợ con, chẳng lựa chọn sạch dơ…chỉ chí tâm trì tụng thì hay khiến cho chúng sinh đoản mệnh được tăng thêm tuổi thọ vô lượng, bệnh* ***Ca Ma La*** *còn được trừ khỏi huống chi là bệnh khác. Nếu chẳng tiêu diệt thời không có chuyện đó.*

Nếu tụng đủ 49 ngày thời Chuẩn Đề Bồ Tát khiến hai vị Thánh Giả thường theo người đó, hết thảy chỗ niệm của Tâm thiện ác đều ở bên lỗ tai, mỗi mỗi báo đầy đủ.

Nếu người không có Phước, không có Tướng, cầu Quan chẳng toại nguyện, bị nghèo khổ áp bức…mà thường tụng Chú này, sẽ hay khiến cho đời này được Phước của ***Luân Vương*** (Cakra-rāja), *mong cầu quan vị đều được vừa ý"*

(Trong **Thiền Tông Truyền Đăng Lục** dẫn lời của Cổ Nhân là: *Câu Chi chỉ niệm ba Hành Chú, liền được Danh (tên gọi) hơn tất cả người*. Chính là điều này vậy)

Nếu cầu Trí Tuệ sẽ được Trí Tuệ lớn, cầu con trai con gái liền được con trai con gái. Phàm có điều mong cầu thì không có gì chẳng vừa ý, giống như viên ngọc Như Ý, tất cả tuỳ theo Tâm.

Lại tụng Chú này hay khiến cho Quốc Vương, Đại Thần với các bốn Chúng sinh Tâm yêu kính, nhìn thấy liền vui vẻ.

Người tụng Chú này thì nước chẳng thể cuốn chìm, lửa chẳng thể thiêu đốt…thuốc độc, oan gia, quân trận, giặc mạnh với Rồng thú ác, các Quỷ My…đều chẳng thể hãm hại được.

Nếu muốn thỉnh hàng Phạm Vương, Đế Thích, bốn vị Thiên Vương, Diêm La, Thiên Tử…chỉ tụng Chú này tuỳ thỉnh ắt đến, chẳng dám chậm trễ, hết thảy việc muốn sai khiến thì tuỳ theo Tâm đều được.

Chú này ở **Nam Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa) có thế lực lớn, dời **núi Tu Di** (Sumeru), làm cạn khô nước biển lớn. Chú vào cây khô thì hay sinh ra hoa quả huống chi là hay y theo Pháp trì tụng, chẳng chuyển thân máu thịt được **Đại Thần Túc** đi đến cõi Trời **Đâu Suất** (Tuṣita)

Nếu cầu trường sinh với các thuốc Tiên, chỉ y theo Pháp tụng Chú liền được thấy Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) trao cho thuốc màu nhiệm của Thần Tiên, tuỳ lấy ăn vào liền thành Tiên Đạo, được kéo dài thọ mệnh ngang với mặt trời mặt trăng, chứng địa vị của Bồ Tát.

Nếu y theo Pháp tụng đủ một trăm vạn biến, liền được sinh về mười phương Tịnh Thổ, trải qua việc phụng sự chư Phật, nghe khắp Pháp màu nhiệm, được chứng Bồ Đề.

……………………..

_ **Đại Luân Nhất Tự Chú** tức là **Bộ lâm** (BHRŪṂ) vậy, cũng gọi là **Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú**. Chú này ở thời Mạt Pháp, lúc Pháp muốn diệt thời có thế lực lớn, hay ở Thế Gian làm lợi ích lớn, hay hộ giữ tất cả Pháp Tạng của Như Lai, hay giáng phục tất cả Chúng của **tám Bộ**, hay nghiền nát tất cả nẻo ác của Thế Gian. Là Đỉnh của tất cả chư Phật, là Tâm của **Văn Thù Bồ Tát** (Maṃjuśrī), hay ban cho tất cả chúng sinh điều không sợ hãi, hay ban cho tất cả chúng sinh sự khoái lạc.

Phàm có tu trì, tuỳ ý được quả, đồng với viên ngọc Như Ý hay mãn tất cả Nguyện. Nếu tụng Chú này, ở bốn phương diện, bên trong năm trăm trạm dịch, các **Quỷ Thần ác** đều tự bỏ chạy, các **Tinh Diệu** (các vì sao) ác với các **Thiên Ma** chẳng dám đến gần.

Nếu trì tụng tất cả Chân Ngôn khác, sợ chẳng thành tựu. Liền dùng Chú này cùng với Chân Ngôn khác, đồng tụng trì một chỗ, ắt quyết định thành tựu. Nếu chẳng thành tựu với không có hiện nghiệm thì nhóm của **Chú Thần** ấy liền bị phá nát cái đầu thành bảy phần. Thế nên biết Chú này hay trợ cho tất cả Chân Ngôn mau được thành tựu. Hoặc trì riêng Chú này cũng được

(Rộng như Kinh **Văn Thù Nghi Quỹ**, Kinh **Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú** nói)".

_ Trong quá trình tu hành Ngũ Bộ Chú, phần lớn mọi người quá chú trọng vào phần năng lực của các câu Chú, nhất là công năng màu nhiệm của Chú Chuẩn Đề nên đã chuyên Tâm tu hành Pháp **Chuẩn Đề** mà quên mất đi tiêu chí **Hiển Mật Viên Thông** của năm câu Chú này cùng với yếu chỉ thực hiện **Tâm Đại Bi** của Bồ Tát Quán Thế Am được biểu thị qua **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni**

Thật ra năm câu Chú này được gọi là **Ngũ Bộ Chú** vì đây chính là công thức tóm gọi toàn bộ nội dung của bản Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** (Karaṇḍe Vyūha Sūtra), trong đó:

OṂ RAṂ: biểu thị cho việc **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** sau khi được nghe Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** diễn nói *công hạnh hoá độ các chúng sinh trong sáu nẻo* của Quán Tự Tại Bồ Tát cùng với năng lực nhiệm màu của **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** thời Ngài liền phát Tâm cầu được nhìn thấy Đức Quán Tự Tại Bồ Tát (tức Quán Thế Âm Bồ Tát) và mong nhận được Đà La Ni sáu chữ này

OṂ ŚRHYIṂ: biểu thị cho quá trình tìm cầu **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** lúc còn là Bồ Tát trong đời quá khứ

OṂ MAṆI PADME HŪṂ: biểu thị cho giai đoạn **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** được vị Pháp Sư tại Đại Thành **Ba La Nại** (Vārāṇa) tuân theo sự chỉ dạy của **Liên Hoa Thủ Liên Hoa Cát Tường** (tức Quán Thế Âm Bồ Tát) trao truyền **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** và đắc được Tam Muội này.

OṂ CALE CULE CUṆDHE SVĀHĀ: biểu thị cho các **Tịnh Thổ** trong lỗ chân lông trên thân của Quán Tự Tại Bồ Tát giúp cho các Bồ Tát tu hành thành tựu **Địa Niết Bàn** (Nirvāṇa-bhūmi).

BHRŪṂ: biểu thị cho việc Quán Tự Tại Bồ Tát thọ ký cho hai vợ chồng Đại Tự Tại Thiên sẽ thành Phật trong tương lai

Bản dịch Hán Văn không có phần này. Nhưng trong bản Phạn của Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** (Kāraṇḍa-vyūha) có ghi nhận phần Quán Tự Tại Bồ Tát thọ ký cho vợ chồng Đại Tự Tại Thiên ở gần cuối Kinh là:

"Maheśvara (Đại Tự Tại Thiên) đến gặp Đức Phật Thích Ca, sau khi đỉnh lễ xong thì cầu mong được ***Thọ Ký thành Phật*** (Vyākaraṇa). Đức Phật Thích Ca nhận lời thỉnh cầu của Maheśvara và hướng dẫn ông nhận sự Thọ Ký từ Đức Thánh Quán Tự Tại.

Maheśvara đi đến đỉnh lễ Quán Tự Tại Bồ Tát, sau đó phát ra lời khen ngợi là:

Namo stva-lokiteśvarāya, maheśvarāya, padma-dharāya, padmāsanāya, padma-priyāya, śubha-padma-hastāya, padma-śriye, parivṛtāya, jagad-āsvā-dana-karāya, pṛthivī-vara-locana-karāya, prahlā-dana-karāya

[Namo: Quy mệnh
Stva: Khen ngợi, tán thán
Lokiteśvarāya: Thế Tự Tại đẳng
Maheśvarāya: Đại Tự Tại đẳng
Padma-dharāya: Liên Hoa Trì đẳng
Padmāsanāya: Liên Hoa Tòa đẳng
Padma-priyāya: Liên Hoa viên mãn đẳng
Śubha-padma-hastāya : Thiện Liên Hoa Thủ đẳng
Padma-śriye: Liên Hoa Cát Tường đẳng
Parivṛtāya: vòng khắp, vây quanh
Jagad-āsvā-dana-karāya: Tác làm ban bố cho chúng sinh an ổn
Pṛthivī-vara-locana-karāya: Tác làm **Địa Thắng Diệu Nhãn**
Prahlā-dana-karāya: tác làm ban bố sự vui vẻ khoái lạc]

Quán Tự Tại Bồ Tát tiên đoán rằng trong tương lai Maheśvara sẽ thành Đức Phật, tên là **Bhasmeśvaro** ở trong Thế Giới tên là **Vivṛta**

Sau khi Śiva nhận sự Thọ Ký thì Uma-Devi (Thiên nữ Uma, vợ của Đại Tự Tại Thiên) hiện ra trước mặt Đức Quán Tự Tại Bồ Tát, đỉnh lễ và ca ngợi Ngài như sau:

Namo stva-lokiteśvarāya, meheśvarāya, prāṇaṁdadāya, pṛthivī-vara-locana-karāya, śubha-padma-śriye, parivṛtāya, nirvāṇa-bhūmi-saṁprasthitāya, sucetana-karāya, dharma-dharāya

[Namo: Quy mệnh
Stva: Khen ngợi, tán thán
Lokiteśvarāya: Thế Tự Tại đẳng
Maheśvarāya: Đại Tự Tại đẳng
Prāṇaṁdadāya: Bậc ban bố sinh lực, khí lực
Pṛthivī-vara-locana-karāya: Tác làm **Địa Thắng Diệu Nhãn**
śubha-padma-śriye: Thiện Liên Hoa Cát Tường đẳng
Parivṛtāya: Vòng khắp, vây quanh
Nirvāṇa-bhūmi-saṁprasthitāya: Chính trụ Niết Bàn Địa đẳng
Sucetana-karāya: Tác làm ân huệ, biểu hiện ý tốt
Dharma-dharāya: Pháp Trì đẳng]

Bồ Tát Quán Tự Tại tiên đoán rằng Uma-Devi trong tương lai sẽ chứng đạt Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề và trở thành Đức Phật, tên là **Umeśvara** ở Thế Giới tại phía Nam núi Hīmalāya.

Đức Phật Thích Ca nói với Trừ Cái Chướng Bồ Tát rằng, ngay sau khi Đức Quán Tự Tại chuyển hóa Uma-devi thì Ngài cũng sẽ chuyển hóa cho tất cả chúng sinh"

_ Từ ý nghĩa này, các vị Đạo Sư Mật Giáo đã ghi nhận **Ngũ Bộ Chú** chính là lược đồ ghi nhớ các giai đoạn tu tập **mười Ba La Mật** của Bồ Tát Đạo nhằm giúp cho Hành Giả tự kiểm điểm những sai lầm và thiếu sót của mình trong khi tu tập Chính Pháp giải thoát.

Và đây cũng là môn **Tịnh Bồ Đề Tâm** tức là cửa ngõ để đi vào Trí Tuệ của Chư Phật, trong đó :

a . Do phát khởi đức tin trong sạch thâm sâu là Tâm thực tế vốn chẳng sinh, tâm ấy an trụ thì sinh Đại Tuệ sáng chói, chiếu khắp vô lượng Pháp Tính, thấy rõ đường lối hành đạo của Chư Phật .

b . Bồ Tát trụ ở Đạo ấy thì tự nhiên xa lìa được những Nhân Duyên vọng tưởng, diệt trừ được mọi nghiệp khổ phiền não khiến thân tâm được an tịnh cát tường .

c . Người tu hành do Tâm Bồ Đề thanh tịnh soi sáng các Pháp nên ít dùng công sức mà chứng ngộ được bản tâm thanh tịnh vô cấu nhiễm, thấy thật tướng của 84000 món báu và đắc được **Trừ Cái Chướng Tam Muội**.

d . Khi Hành Giả đã được Tam Muội tịnh trừ năm chướng rồi thì tự tâm thường thấy diệu tướng sâu lặng tự nhiên (trạm nhiên) của tất cả Chư Phật mười phương như xem hình trong gương sáng cho đến trong mọi oai nghi: đi lại, thức ngủ đều chẳng rời những nhân duyên HỘI PHẬT như thế đồng thời hành giả thường được chư Thánh đem những phương tiện thắng diệu để dạy cho tâm tỏ ngộ và thọ nhận được mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn.

e . Khi ấy, Hành Giả: bên trong thì được đầy đủ các Công Đức, bên ngoài lại được chư Phật hộ trì. Vì thế ở nơi sinh tử mà không hề bị đắm nhiễm giống như hoa sen ra khỏi mặt nước chẳng vì xuất thân từ chỗ bùn dơ mà bị nhiễm ô. Do an nhiên tự tại trong sinh tử, Hành Giả lại dùng **bốn Nhiếp Pháp** để tế độ chúng sinh thoát khỏi biển khổ đồng thời Hành Giả ngày càng thâm nhập vào Trí Tuệ của Phật và chứng đạt quả vị Vô Thượng Chính đẳng Chính Giác.

Năm giai đoạn trên là đường nét tự thân chứng đạt được ***Pháp giải thoát vô thượng*** của các **bậc Thượng Căn đại đức** vì thế Hệ thống thuần Mật thường nhận định là “**Mau chóng thành Phật**“ hoặc **“Tức thân thành Phật**“

.) Đối với **bậc Trung Căn** thì Ngũ Bộ Chú biểu thị cho Lực gia trì của năm Bộ nhằm nhiếp trì chúng sinh đi vào nẻo lành để tự khai mở được Chính Pháp của chính mình. Trong đó :

1 . OṂ RAṂ:

Biểu thị cho lực gia trì của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) nhằm phá tan phiền não chướng đang ngăn che ánh sáng thắng diệu của Trí Tuệ bản nhiên trong tâm của mọi chúng sinh .

Để có thể tương ưng với lực gia trì này, Hành Giả cần phải phát huy những hành động hướng thượng nghĩa là hướng tâm về cuộc sống cao cả (***Hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha***) để giảm bớt các chướng ngại và phiền não của thân tâm .

2 . OṂ ŚRHYIṂ:

Biểu thị cho lực gia trì của **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) nhằm nuôi lớn Phước Đức đang tiềm ẩn trong tâm của chúng sinh khiến cho họ tự nhận biết rằng mình vốn có đầy đủ công đức như Chư Phật.

Để có thể tương ưng với lực gia trì này, Hành Giả cần phải tu tập hạnh chân thật bình đẳng, tinh tiến dẹp trừ các Pháp bất thiện và nuôi dưỡng Pháp thiện để vượt qua vòng kiềm hãm trói buộc của Ngã Chấp và lòng ích kỷ .

3 . OṂ MAṆI PADME HŪṂ:

Biểu thị cho lực gia trì của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) nhằm làm tươi tốt muôn điều lành và khai mở cho chúng sinh tự thấu ngộ được bản tâm thanh tịnh vô cấu nhiễm vốn có nơi mình .

Để có thể tương ứng với lực gia trì này, Hành Giả cần phải tu tập những hành động trong sạch nghĩa là cố gắng gìn giữ Thân Tâm không để cho nó bị nhiễm 6 phiền

não căn bản ***(ảo tưởng kiêu mạn, ganh tị tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận***) chi phối sai xử .

4 . OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ:

Biểu thị cho lực gia trì của **Nghiệp Dụng Bộ** (Karma-kulāya) [hay **Khố Tàng Bộ** (Garja-kulāya)] là đức Hóa Tha Nghiệp Dụng của Chư Phật vì thương xót chúng sinh mà thi hành tất cả sự nghiệp nhằm giúp chúng sinh đoạn trừ mọi mê vọng để tự chứng đạt được Bản Tâm tịch tĩnh an nhiên của chính mình .

Để có thể tương ưng với lực gia trì này, Hành Giả cần phải sống hoạt động dưới sự ***tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng, vị tha*** để giữ gìn Thân Tâm yên ổn không bị dao động vì sức cám dỗ của ngoại cảnh hay những lo nghĩ của Bản Tâm.

5 . BHRŪṂ:

Biểu thị cho lực gia trì của **Như Lai Bộ** (Tathāgata-kulāya) nhằm giúp chúng sinh tự thấu ngộ rằng mình vốn có Lý Trí đầy đủ, Giác Đạo viên mãn chỉ vì Vô minh che lấp nên chưa hiển lộ. Nay được ánh quang minh thắng thượng của Phật Tuệ soi sáng mà khởi Tâm **Tàm Quý** (ghê sợ tội lỗi, ưa thích làm việc tốt lành cao thượng) quyết chí noi dấu Đức **Đại Từ Phụ** mà tu tập Chính Pháp giải thoát vô thượng .

Để có thể tương ưng với lực gia trì này, Hành Giả phải thường xuyên niệm Phật để đánh thức Phật Tính vốn có nơi mình, đồng thời luôn luôn giữ gìn Thệ Nguyện thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác nghĩa là nuôi ý nguyện xa lìa cảnh giới tịch tĩnh của Niết Bàn, dấn thân vào Thế Giới uế trược của chúng sinh để thi hành vạn hạnh tự lợi lợi tha, hoàn thiện năm phần Pháp Thân Vô thượng.

.) Đối với **hàng Hạ Căn** thì Ngũ Bộ Chú biểu thị cho lực gia trì của **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) nhằm giúp cho Hành Giả gieo trồng căn lành, tạo nhân duyên với các Bậc Thánh giải thoát đồng thời làm tiêu giảm bớt một số tội chướng của Thân Tâm. Tuy nhiên dưới lực gia trì này, Hành Giả dễ tương ưng với Chư Thiên và Quỷ Thần Bộ; vì thế dễ bị uy lực của các hàng này dẫn nhiếp. Nếu Hành Giả thiếu sự khéo léo thì dễ bị lệch đường, đi vào nẻo ác và phá hoại căn lành. Chính vì thế, Hành Giả cần phải cố gắng giữ gìn giới hạnh cho trong sạch, luôn quy hướng về ân đức Tam Bảo, thường xuyên trì niệm Hồng Danh BẢN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT, luôn kiểm soát tâm ý của mình, luôn tham khảo Kinh Điển Phật Giáo và đàm luận với các bạn lành để minh xác hướng đi chân chính, tránh sự Ngã mạn tự ti, huân tập Tâm bình đẳng không chấp trước để có thể mau chóng thọ nhận được lực gia trì của Chư Phật và các Bậc Thánh giải thoát . . . Điều quan trọng là Hành Giả phải khởi Tâm chân thật và cố gắng thực hành mọi Pháp với tâm chân thật quy hướng về quả vị Toàn Giác; thì Hành Giả sẽ mau chóng xa lìa Thầy xấu, bạn ác, để gặp Thầy tốt, bạn lành và gặp được Pháp giải thoát chân thật, đúng như lời Đức Phật dạy: TÁC Ý LÀ NGHIỆP .

Trong nhiều năm, với ước nguyện góp chút ít công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam. Tôi không ngại tài hèn sức kém đã cố gắng tìm tòi, nghiên cứu pháp tu **Ngũ Bộ Chú của Bồ Tát Quán Thế Âm** và đã mạo muội soạn dịch nghĩa thú tu trì của Pháp Môn này (trọng tâm của Pháp Tu này chính là **Lục Tự Minh Chú** của Bồ Tát Quán Thế Âm) nhằm giúp cho một số người nghiên cứu hiểu Mật Giáo một cách rõ ràng hơn. Ngoài ra tôi đã tìm thêm được phương cách vận dụng 12 ứng hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm tương ứng với 12 tháng Âm Lịch trong năm của Mật Giáo Nepal, nên tôi ghi chép thêm vào phần Lục Tự Minh Chú nhằm hỗ trợ cho sự nghiên cứu và tìm hiểu thêm về pháp tu của Đức Đại Bi Quán Thế Âm. Phần soạn dịch này đã được ấn hành trong quyển **Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp** trong năm 2007.

Nay do sự yêu cầu của một số bạn đồng tu, muốn nắm vững các tư liệu về Pháp tu này, nên tôi đã chọn lựa các tư liệu trong quyển **Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp**, 2

bản dịch của em Diệu Lý (**Nguyễn Thị Mộng Lý**) kèm theo một số hình ảnh, Thủ Ấn, Kinh bản, Nghi Thức trì tụng... để soạn lại bản này.

Lẽ tất nhiên bản ghi chép này vẫn còn nhiều sự khiếm khuyết, ngưỡng mong chư vị Cao Tăng Đại Đức và các bậc Long Tượng của Mật Giáo hãy rũ lòng từ bi giúp cho bản ghi chép này được hoàn thành tốt hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, chúng con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan) và** Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng**.**

Con cũng xin chân thành cám ơn các Sư Cô **Như Hạnh, Như Trí, Như Nguyệt, Như Thông** đã và luôn hỗ trợ khuyến khích con soạn dịch Mật Giáo.

Tôi xin chân thành cảm tạ chị **Nguyễn Thị Mộng Thu** và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin cảm tạ các em Mật Trí (**Tống Phước Khải**)**, Nguyễn Thị Mộng Lý** và các con tôi đã nhiệt tình giúp đỡ cho tôi hoàn thành tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Mùa Thu năm Tân Mão (2011)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1050 (Tr.47 _Tr. 51)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ NHẤT

Hán dịch: Trung Ấn Độ_Nước Nhạ Lạn Đà La, Tam Tạng của chùa Mật Lâm, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bày tôi là) THIÊN TỨC TAI phụng chế dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Thế Tôn, ngự ở **vườn Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma) trong **rừng cây Kỳ Đà** (Jeṭavaṇe) tại **nước Xá Vệ** (Śrāvatya) cùng với chúng Đại Bật Sô gồm 1250 người đến dự và các chúng Bồ Tát Ma Ha Tát.Các vị ấy có tên là: **Kim Cương Thủ Bồ Tát** Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi), **Trí Kiến** Bồ Tát Ma Ha Tát (Jñānardaśana), **Kim Cương Quân** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-sena), **Bí Mật Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Guha-gupta_ ?Guhya-garbha), **Hư Không Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Ākāśa-garbha), **Nhật Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Sūrya-garbha), **Vô Động** Bồ Tát Ma Ha Tát (Anikṣiptaghura_ ? Acala), **Bảo Thủ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Ratna-pāṇi), **Phổ Hiền** Bồ Tát Ma Ha Tát (Samanta-bhadra), **Chứng Chân Thường** Bồ Tát Ma Ha Tát (Mahā-sthāmaprāpta:Đắc Đại Thế), **Trừ Cái Chướng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Sarva-nīvaraṇa-viskaṃbhī), **Đại Cần Dũng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Sarva-śūra), **Dược Vương** Bồ Tát Ma Ha Tát (Bhaiṣajya-sena:Dược Quân_ ? Bhaṣajya-rāja), **Quán Tự Tại** Bồ Tát Ma Ha Tát (Avalokiteśvara), **Chấp Kim Cương** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-mati:Kim Cương Tuệ_ ?Vajra-dhāra), **Hải Tuệ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Sāgara-mati), **Trì Pháp** Bồ Tát Ma Ha Tát (Dharma-dhara) gồm có tám mươi câu chi Bồ Tát đều đến tập hội.

_Lúc đó lại có các chúng Thiên Tử của 32 cõi Trời đều đến tập hội, Trời **Đại Tự Tại** (Maheśvara) với Trời **Na La Diên** (Nārāyaṇa) làm bậc Thượng Thủ. **Đế Thích** Thiên Vương (Śakra-devānāṃ-indra), **Sách Ha Thế Giới Chủ** (Sahaṃpati), **Đại Phạm Thiên Vương** (Māha-brahma-devarāja), **Nhật Thiên** (Āditya), **Nguyệt Thiên** (Candra), **Phong Thiên** (Vāyu), **Thủy Thiên** (Varuna)…Các hàng Thiên Chúng như vậy đều đến tập hội.

_Lại có trăm ngàn **Long Vương** (Nāga-rāja). Ấy là: **A Bát Lá La** Long Vương (Upalāla), **Ê La Bát Đát-Lý** Long Vương (Elapatra), **Để Minh Nghi Lệ** Long Vương (Timiṃgira), **Chủ Địa** Long Vương (Gavāṃpati), **Bách Đầu** Long Vương (Śata-śīrṣa), **Hổ Lỗ Ni Noa** Long Vương (Hullura), **Đắc Xoa Kế** Long Vương (Takṣaka), **Ngưu Đầu** Long Vương (Go-śīrṣa), **Lộc Đầu** Long Vương (Mṛga-śīrṣa), **Nan Đà** Long Vương (Nanda), **Bạt Nan Đà** Long Vương (Upananda), **Ngư Tử** Long Vương (Vātsī-putra), **Vô Nhiệt Não** Long Vương (Anavataptā), **Sa Nghiệt Lý Noa** Long Vương (Sàgara). Các hàng Long Vương như vậy đều đến tập hội.

_Lại có trăm ngàn **Ngạn Đạt Phộc Vương** (Gandharva-rāja). Ấy là: **Cổ Âm** Ngạn Đạt Phộc Vương (Duṇḍubhi-svara), **Diệu Thanh** Ngạn Đạt Phộc Vương (Manojña-svara), **Thiên Tý** Ngạn Đạt Phộc Vương (Sahasra-bhuja), **Thiên Chủ** Ngạn Đạt Phộc Vương (Sahaṃpati), **Thân Hoan Hỷ** Ngạn Đạt Phộc Vương (Śarīra-prahla-dana), **Chủng Chủng Nhạc Âm** Ngạn Đạt Phộc Vương (Nirnāditabhūrya), **Trang Nghiêm** Ngạn Đạt Phộc Vương (Alaṃkara-bhuṣita), **Hiện Đồng Tử Thân** Ngạn Đạt Phộc

Vương (Kumara-darśana), **Diệu Tý** Ngạn Đạt Phộc Vương (Subāhu-yukta), **Pháp Lạc** Ngạn Đạt Phộc Vương (Dharma-priya). Các Ngạn Đạt Phộc Vương của nhóm như vậy đều đến tập hội

Lại có trăm ngàn **Khẩn Na La Vương** (Kiṃnara-rāja). Ấy là: **Diệu Khẩu** Khẩn Na La Vương (Sumukha), **Bảo Quang** Khẩn Na La Vương (Ratna-kirīṭi), **Hy Di** Khẩn Na La Vương (Svātimukha), **Hoan Hỷ** Khẩn Na La Vương (Prahasita), **Luân Trang Nghiêm** Khẩn Na La Vương (Cakra-vyūha), **Châu Bảo** Khẩn Na La Vương (Maṇi), **Đại Phúc** Khẩn Na La Vương (Pralambodara), **Kiên Cố Tinh Tiến** Khẩn Na La Vương (Dṛḍha-vīrya), **Diệu Dũng** Khẩn Na La Vương (Suyodhana), **Bách Khẩu** Khẩn Na La Vương (Śata-mukha), **Đại Thọ** Khẩn Na La Vương (Druma). Các vị Khẩn Na La Vương của nhóm như vậy đều đến tập hội.

_Lại có trăm ngàn **Thiên Nữ** (Apsara). Ấy là: **Tối Thượng** Thiên Nữ (Tilottamā), **Diệu Nghiêm** Thiên Nữ (Suvyūhā), **Kim Đái** Thiên Nữ (Suvarṇa-mekhalā), **Trang Nghiêm** Thiên Nữ (Vibhūṣitā), **Văn Trì** Thiên Nữ (Karṇa-dhārā), **Cam Lộ Nguyệt** Thiên Nữ (Amṛtabindur), **Thanh Tịnh Thân** Thiên Nữ (Pariśobhita-kāyā), **Bảo Quang** Thiên Nữ (Maṇiprastha), **Hoa Thân** Thiên Nữ (Cūḍakā), **Thiên Diện** Thiên Nữ (Mṛdukā), **Khẩu Diễn Ngũ Nhạc Âm** Thiên Nữ (Pañca-bhūryābhimukhā), **Khoái Lạc** Thiên Nữ (Ratikara), **Kim Man** Thiên Nữ (Kāñcana-mālā), **Thanh Liên Hoa** Thiên Nữ (Nīlotpalā), **Tuyên Pháp Âm** Thiên Nữ (Dharmābhimukhā), **Diệu Lạc** Thiên Nữ (Sakrīḍa), **Lạc Sinh** Thiên Nư (Kṛtsnākarā), **Diệu Nghiêm Tướng** Thiên Nữ (Suvyūha-mukhā), **Nghiêm Trì** Thiên Nữ (Keyūra-dharā), **Bố Thí** Thiên Nữ (Dānaṃdadā), **Khiết Dĩ** Thiên Nữ (Śaśi). Các hàng Thiên Nữ như vậy đều đến tập hội.

_Lại có trăm ngàn các **Long Vương Nữ** (Nāga-kanyā). Ấy là: **Diệu Nghiêm Trì** Long Nữ (Vibhūsaṇa-dharā), **Mẫu Thử Lân Na** Long Nữ (Mucilinda), **Tam Kế** Long Nữ (Trijaṭā), **Hòa Dung** Long Nữ (Svāti-mukhā), **Thắng Cát Tường** Long Nữ (Jaya-śrī), **Điện Nhãn** Long Nữ (Vidyu-locanā), **Điện Quang** Long Nữ (Vidyut-prabhā), **Diệu Sơn** Long Nữ (Svāti-giri), **Bách Quyến Thuộc** Long Nữ (Śata-parivārā), **Đại Dược** Long Nữ (Mahā-uṣadhi), **Nguyệt Quang** Long Nữ (Jalabindu- ? Candra-prabhā), **Nhất Thủ** Long Nữ (Eka-śīrṣā), **Bách Tý** Long Nữ (Śata-bāhu), **Thọ Trì** Long Nữ (Grasatī), **Vô Phiền Não** Long Nữ (Anākṛcchragatā), **Thiện Trang Nghiêm** Long Nữ (Subhūṣaṇā), **Bạch Vân** Long Nữ (Pāṇḍala-meghā), **Thừa Xa** Long Nữ (Rathābhiruḍhā), **Vị Lai** Long Nữ (Tyāga-gatā), **Đa Quyến Thuộc** Long Nữ (Abhinna-parivārā), **Hải Phúc** Long Nữ (Sāgara-kukṣi), **Cái Diện** Long Nữ (Patra-mukha), **Pháp Tòa** Long Nữ (Dharma-pīṭhā), **Diệu Thủ** Long Nữ (Mukharā), **Hải Thâm** Long Nữ (Sāgara-gambhīrā), **Diệu Cao Cát Tường** Long Nữ (Sumeru-śrī).Các hàng Long Nữ như vậy cũng đến tập hội.

_Lại có trăm ngàn **Ngạn Đạt Phộc Nữ** (Gandharva-kanyā). Ấy là: **Ái Diện** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Priya-mukhā), **Ái Thí** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Priyaṃdadā), **Vô Kiến** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Anādarśanā), **Diệu Cát Tường** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Vajra-śrī: Kim Cương Cát Tường), **Kim Cương Man** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Vajra-mālā), **Diệu Man** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Samālinī), **Thọ Lâm** Ngạt Đạt Phộc Nữ (Vaṇaspati), **Bách Hoa** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Śata-puṣpā), **Hoa Phu** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Mudita-puṣpā), **Bảo Man** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Ratna-mālā), **Diệu Phúc** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Sukukṣi), **Cát Tường Vương** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Rāja-śrī), **Cổ Âm** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Duṇḍubhi-

svarā), **Diệu Trang Nghiêm** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Vibhūṣitalāṃkārā), **Phong Lễ** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Abhinamitā), **Pháp Ái** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Dharma-kāṅkṣiṇī), **Pháp Thí** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Dharmaṃdadā), **Thanh Liên Hoa** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Audumbarā), **Bách Thủ** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Śatākārā), **Liên Hoa Cát Tường** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Padmālaṃkārā), **Đại Liên Hoa** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Padmāvatī), **Thể Thanh Tịnh** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Pariśobhitakāyā), **Tự Tại Hành** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Vilāsendra-gāminī), **Thí Địa** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Pṛthivīṃdadā), **Thí Quả** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Phalaṃdadā), **Sư Tử Bộ** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Siṃha-gāminī), **Cự Mẫu Na Hoa** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Kumuda-puṣpā), **Diệu Ý** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Manoramā), **Huệ Thí** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Dānaṃdadā), **Thiên Ngữ Ngôn** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Deva-vacanā), **Ái Nhẫn Nhục** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Kṣānti-priyā), **Lạc Chân Tịch** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Nirvāṇa-priyā), **Bảo Nha** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Ratnāṅkurā), **Đế Thích Lạc** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Indra-śrī), **Thế Chủ Quyến Thuộc** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Prajāpatini-vāsinī**), Lộc Vương** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Mṛga-rājinī), **Biến Hóa Cát Tường** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Sphuranta-śrī), **Diệm Phong** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Jvalanta-śikharā), **Tham Giải Thoát** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Rāga-parimuktā), **Sân Giải Thoát** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Dveṣa-parimuktā), **Si Giải Thoát** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Moha-parimuktā), **Thiện Tri Thức Quyến Thuộc** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Sujana-parivārā), **Bảo Tòa** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Ratna-pīṭhā), **Vãng Lai** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Āgamana-gamanā), **Hỏa Quang** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Agni-prabhā), **Nguyệt Quang** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Candrabimba-prabhā), **Biến Chiếu Nhãn** Ngạn Đạt Phộc Nữ (Sūrya-locanā), **Kim Diệu** Ngạn Đạt Phộc Nữ (? Śukra), **Lạc Thiện Tri Thức** Ngạn Đạt Phộc Nữ (? Suvanā). Các Ngạn Đạt Phộc Nữ của nhóm như vậy cũng đến tập hội.

_Lại có trăm ngàn **Khẩn Na La Nữ** (Kiṃnara-kanyā). Ấy là: **Nhất Ý** Khẩn Na La Nữ (Manasā), **Thâm Ý** Khẩn Na La Nữ (Mānasī), **Phong Hành** Khẩn Na La Nữ (Vāyu-vegā), **Thủy Hành** Khẩn Na La Nữ (Varuṇa-vegā), **Thừa Không** Khẩn Na La Nữ (Ākāśa-plavā), **Tấn Tật** Khẩn Na La Nữ (Vega-javā), **Tài Thí** Khẩn Na La Nữ (Lakṣmīṃdadā), **Diệu Nha** Khẩn Na La Nữ (Sudaṃṣṭrā), **Vô Động Cát Tường** Khẩn Na La Nữ (Acala-śrī), **Nhiễm Giới** Khẩn Na La Nữ (Dhātu-priyā), **Xí Thịnh Quang Biến** Khẩn Na La Nữ (Kuṭilā), **Diệu Cát Tường** Khẩn Na La Nữ (? Vajra-muṣṭī: Kim Cương Quyền), **Bảo Khiếp** Khẩn Na La Nữ (Kapilā), **Quán Tài** Khẩn Na La Nữ (Avalokita-lakṣmī), **Đoan Nghiêm** Khẩn Na La Nư (? Vibhūṣitā), **Kim Quang Diện** Khẩn Na La Nữ (Suvarṇa-prabha-mukhā), **Kim Sắc** Khẩn Na La Nữ (Suvarṇa-rūpā), **Thù Diệu Trang Nghiêm** Khẩn Na La Nữ (Subhūṣaṇa-bhūṣitā), **Quảng Ngạch** Khẩn Na La Nữ (Vistīrṇalalātā), **Vi Nhiễu Thiện Tri Thức** Khẩn Na La Nữ (Sujana-parisevitā), **Chủ Thế** Khẩn Na La Nữ (Sahāṃpati), **Hư Không Hộ** Khẩn Na La Nữ (Ākāśa-rakṣitā), **Trang Nghiêm Vương** Khẩn Na La Nữ (Viyūha-rājendrā), **Châu Kế** Khẩn Na La Nữ (Maṇi-cūḍā), **Tổng Trì Châu** Khẩn Na La Nữ (Maṇi-dhāriṇī), **Vi Nhiễu** Khẩn Na La Nữ (Vidvajjana-parisevitā), **Bách Danh** Khẩn Na La Nữ (Śatākarā), **Thí Thọ** Khẩn Na La Nữ (Āyur-dadā), **Hộ Trì Phật Pháp** Khẩn Na La Nữ (Tathāgata-kośa-paripālitā), **Pháp Giới Hộ** Khẩn Na La Nữ (Dharma-dhātu-parirakṣiṇī), **Thượng Trang Nghiêm** Khẩn Na La Nữ (Nūpurottamā), **Sát Na Thượng** Khẩn Na La Nữ (Lakṣanottamā), **Cầu Pháp Thường Trì** Khẩn Na La Nữ (Satata-parigraha-dharma-kaṅkṣiṇī), **Thời Thường Kiến** Khẩn Na La Nữ (Sadānukāla-darśanī), **Vô Úy** Khẩn Na La Nữ (Abhayā), **Thú Giải Thoát** Khẩn Na La Nữ (Vimokṣa-karā), **Thường Bí Mật** Khẩn Na La Nữ (Sadānuvṛttī), **Sử Tổng Trì** Khẩn Na La Nữ (Saṃvega-dhāriṇī), **Nhận Quang Diệm** Khẩn Na La Nữ (Khaṅga-jvalanā),

Địa Hành Khẩn Na La Nữ (Pṛthivyupasaṃkramaṇā), **Hộ Thiên Chủ** Khẩn Na La Nữ (Surendra-pālā), **Diệu Thiên Chủ** Khẩn Na La Nữ (Surendrā), **Bảo Vương** Khẩn Na La Nữ (Maṇindrā), **Nhẫn Nhục Bộ** Khẩn Na La Nữ (Gotra-kṣāntī), **Hành Thí** Khẩn Na La Nữ (Bahvāśrayā), **Đa Trụ Xứ** Khẩn Na La Nữ (Yogānugatā), **Trì Chiến Khí** Khẩn Na La Nữ (Śatāyudhā), **Diệu Nghiêm** Khẩn Na La Nữ (Vibhūṣitālaṃkārā), **Diệu Ý** Khẩn Na La Nữ (Manoharā). Các Khẩn Na La Nữ của nhóm như vậy cũng đến tập hội.

_Lại có trăm ngàn **Ô Ba Sách Ca** (Upāsaka:Cận Sự Nam), **Ô Ba Tư Ca** (Upāsika:Cận Sự Nữ) cũng đến tập hội với vô số Chúng Tại Gia Xuất Gia khác, trăm ngàn nhóm Ngoại Đạo dị kiến, **Ni Kiền Tha** (Nirgrantha)…cũng đều đến ở trong Đại Tập Hội.

_Lúc ấy Địa Ngục Đại **A Tỳ** (Avīci) phát ra ánh sáng lớn, ánh sáng ấy chiếu khắp vườn cây Kỳ Đà. Vườn đó thảy đều biến thành thanh tịnh, hiện bày cột trụ trang nghiêm bằng báu Ma Ni của cõi Trời, vi diệu viên mãn. Hiện ra lầu gác lớn với vàng, vật báu xen nhau trang sức.

Lại hiện các phòng. Hiện phòng bằng vàng ròng thì cửa bằng bạc trắng, hiện phòng bằng bạc trắng thì cửa bằng vàng ròng. Hiện phòng bằng vàng bạc xen nhau thì cửa làm bằng vàng bạc xen nhau. Hiện Điện trang nghiêm làm bằng vàng, bạc, vật báu xen nhau thì dùng vàng, bạc, xen lẫn với vật báu trang nghiêm để làm cột trụ. Hiện Điện bằng vàng ròng thì dùng bạc trắng làm cột trụ, hiện Điện bằng bạc trắng thì dùng vàng ròng làm cột trụ. Hoặc Điện bằng bạc trắng thì dùng các vật báu màu nhiệm để nghiêm sức cột trụ.

Trên cây trong rừng Kỳ Đà, hiện bày mọi thứ vật báu màu nhiệm của cõi Trời dùng để trang nghiêm. Lại hiện ra **cây Kiếp Thọ** (Kalpa-vṛkṣa) bằng vàng ròng với lá bằng bạc trắng. Trên cây ấy có mọi thứ trang nghiêm, treo mắc mọi loại quần áo màu nhiệm, **Kiều Xa Gia** (Kauśika)

Lại có trăm ngàn Chân Châu, Anh Lạc, vật báu trên lưới võng. Lại có trăm ngàn mão báu thượng diệu, vòng đeo tai, dây đeo bằng lụa màu, đủ loại báu bóng lộn dùng để nghiêm sức. . Lại có đủ loại hoa thượng diệu, ngọa cụ (vật dụng dùng để nghỉ ngơi) thượng diệu, rương báu vi diệu dùng để nghiêm sức.Mọi loại như vậy trang nghiêm cây Kiếp Thọ, hiện ra số ấy có cả trăm ngàn,

Mọi lầu gác trên cửa của vườn rừng Kỳ Đà có các thềm bậc được làm bằng Kim Cương, vật báu màu nhiệm. Trên lầu gác ấy có vô số vải tơ thù diệu, Chân Châu, Anh Lạc…. trang nghiêm như vậy

Lại có trăm ngàn ao báu thượng diệu, trong đó chứa nước có tám Công Đức với có đủ loại hoa thượng diệu nở tràn khắp. Ấy là: hoa **Ưu Bát La** (Utpala), hoa **Củ Mẫu Na** (Kumuda), hoa **Bôn Noa Lý Ca** (Puṇḍarika), hoa **Mạn Na La** (Māndārava), hoa **Ma Ha Mạn Na La** (Mahā-māndārava), hoa **Ưu Đàm Bát La** (Udumbara)…. tràn đầy khắp trong ao

Lại có mọi loại cây hoa thượng diệu. Ấy là: cây hoa **Chiêm Ba Ca** (Caṃpakā), cây **Ca La Vĩ La** (Karavīra), cây hoa **Ba Tra La** (Patalā), cây hoa **Diệu Giải Thoát** (Nirmuktaka), cây hoa **Hương** Vũ (Gandharvārkṣika), cây hoa **Diệu Ý** (Sumanā)…. có cây hoa thích ý của nhóm như vậy

Vườn Kỳ Thọ ấy hiện bày tướng trang nghiêm tịnh diệu hiếm có của nhóm như vậy.

_Khi ấy, trong Hội có vị Trừ Cái Chướng Bồ Tát Ma Ha Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính, chiêm ngưỡng Tôn Nhan rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay trong Tâm của con có sự nghi ngờ, muốn thưa hỏi Đức Như Lai. Nguyện xin Đức Thế Tôn nghe con thưa hỏi.

Bạch Đức Thế Tôn! Nay ở nơi này có ánh sáng lớn từ đâu mà đến? Do Nhân Duyên nào mà hiện tướng lạ kỳ hiếm có như vậy ?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Trừ Cái Chướng Bồ Tát rằng: "Này Thiện Nam Tử! Các ông hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.

Ánh sáng lớn này là **Thánh Quán Tự Tại** Bồ Tát Ma Ha Tát (Āryāvalokiteśvara) vào trong Địa Ngục Đại A Tỳ, vì muốn cứu độ tất cả các hữu tình chịu đại khổ não. Cứu khổ ấy xong, lại vào thành lớn, cứu độ nỗi khổ của tất cả Quỷ đói".

_Lúc đó, Trừ Cái Chướng Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Địa Ngục Đại A Tỳ ấy có thành bằng sắt vây quanh, đất lại bằng sắt, bốn vòng quanh thành ấy không có gián đoạn, Khói lửa mạnh nóng bức luôn cháy sáng. Trong Địa Ngục của nẻo ác như vậy, có nước nóng trong cái vạc lớn, nước ấy sôi trào sùng sục, có cả trăm ngàn Câu chi na dữu đa hữu tình thảy đều bị ném vào nước nóng trong cái vạc ấy, ví như nồi nước sắc nấu chưng các thứ đậu, lúc thì sôi sục hoặc trồi lên hoặc lộn xuống, chưng nấu chín nát không có gián đoạn. Các hữu tình ấy trong Địa Ngục A Tỳ phải chịu khổ như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn! Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát dùng phương tiện nào vào ở trong ấy? "

Đức thế Tôn lại bảo Trừ Cái Chướng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: :Này Thiện Nam Tử! Giống như Chuyển Luân Thánh Vương vào vườn báu Ma Ni của cõi Trời vậy.

Như vậy, Thiện Nam Tử! Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát vào Địa Ngục Đại A Tỳ thời thân ấy không hề có sự chướng ngại. Lúc đó tất cả dụng cụ gây khổ (Khổ Cụ) của Địa Ngục A Tỳ không thể bức ép thân của Bồ Tát, lửa mạnh của Địa Ngục ấy đều bị dập tắt, biến thành đất mát mẻ (thanh lương địa). Khi ấy Diêm Ma Ngục Tốt trong ngục sinh Tâm sanh nghi sợ lạ lùng chưa từng có, vì sao trong chỗ này đột nhiên biến thành tướng phi thường như vậy? "

Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát vào trong ngục ấy phá vạc nước sôi đó, dập tắt lửa mạnh. Hầm lửa lớn ấy biến thành ao báu với hoa sen trong ao, lớn như bánh xe.

Khi ấy, **Diêm Ma Ngục Tốt** (Yamapāla-purūṣā) thấy việc đó xong. Đem các khí cụ trị phạt như cung, kiếm, chùy, gậy, cung tên, bánh xe sắt, tam cổ xoa … đi đến gặp **Diêm Ma Thiên Tử** (Yama-dharma-rāja: Diêm Ma Pháp Vương). Đến nơi rồi bạch rằng: "Đại Vương! Chắc Ngài đã hay biết, đất của Nghiệp Báo này, do việc gì mà thảy đều bị diệt hết? "

Lúc ấy Diêm Ma Thiên Tử nói rằng: "Vì sao đất Nghiệp Báo của ngươi thảy đều bị diệt hết ?"

Lại bạch Diêm Ma Thiên Tử rằng: "Địa Ngục Đại A Tỳ ấy biến thành nơi mát mẻ. Khi xảy ra việc như vậy, có một người sắc tướng đoan nghiêm, đầu búi tóc đội mão báu màu nhiệm của cõi Trời, trang nghiêm thân ấy, vào trong Địa ngục phá vỡ vạc nước nóng, hầm lửa thành ao nước, trong ao có hoa sen lớn như bánh xe".

Khi ấy Diêm Ma Thiên Tử dùng Tâm chân thật suy nghĩ: "Người ở cõi Trời nào mà có uy lực như thế? Là Trời Đại Tự Tại, là hàng Na La Diên …v…v… đến Địa Ngục ấy biến hiện không thể nghĩ bàn như vậy? Hay là uy thần của Đại Lực Thập Đầu La Sát biến hóa ư ?"

Bay giờ Diêm Ma Thiên Tử dùng Thiên Nhãn Thông quán khắp các cõi Trời. Quán chư Thiên xong, lúc đó lại quán Địa Ngục A Tỳ thời nhìn thấy Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Thấy như vậy xong, mau chóng đi đến chỗ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Đến xong, cúi đầu lễ bàn chân của Ngài rồi phát lời thành thật, dùng Kệ khen rằng:

Quy mạng Liên Hoa Vương
Đại Bi Quán Tự Tại.
Đại Tự Tại Cát Tường,
Hay cho **Nguyện** hữu tình.
Đủ sức đại uy thần
Giáng phục rất bạo ác.
Nẻo tối làm đèn sáng
Kẻ thấy đều không sợ.
Thị hiện trăm ngàn tay
Mắt ấy cũng như thế
Đầy đủ mười một mặt
Trí như bốn biển lớn.
Yêu thích Pháp vi diệu
Vì cứu các hữu tình.
Rùa, cá, hàng Thủy Tộc
Trí tối thượng như núi
Ban báu cứu Quần Sinh,
Tối Thượng Đại Cát Tường
Đủ Phước Trí trang nghiêm
Vào Địa Ngục A Tỳ
Biến thành đất mát mẻ
Các Trời đều cúng dường
Đinh lễ Thí Vô Úy
Nói sáu Ba La Mật
Luôn thắp đèn đuốc Pháp
Mắt Pháp hơn mặt trời (nhật minh: ánh sáng của mặt trời)
Sắc tướng diệu đoan nghiêm
Thân tướng như núi vàng
Bụng chứa biển Pháp sâu
Tương ứng ý Chân Như
Trong miệng Diệu Đức hiện
Gom chứa **Tam Ma Địa** (Samādhi)
Vô số trăm ngàn vạn
Có vô lượng khoái lạc
Tiên tối thượng đoan nghiêm
Sợ hãi trong nẻo ác
Gông cùm được giải thoát
Cho tất cả không sợ
Chúng Quyến Thuộc vây quanh
Ước Nguyện đều như ý
Như được báu Ma Ni
Phá hoại thành (cái thành) Quỷ đói
Khai mở nẻo vắng lặng (Tịch Tịnh Đạo)
Cứu độ bệnh Thế Gian

Như lọng che nơi phướng
Nan Đà (Nanda), **Bạt Nan Đà** (Upananda)
Hai Long Vương quấn nách
Tay cầm dây Bất Không
Hiện vô số Uy Đức
Hay phá sợ ba cõi (Tam Giới Bố:sự sợ hãi trong ba cõi)
Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi), **Dược Xoa** (Yakṣa)
La Sát (Rākṣasa) với **Bộ Đa** (Bhūta)
Vĩ Đa (Vetāla), **Noa Chỉ Nễ** (Ḍākiṇī)
Cùng với **Củng Bạn Noa** (Kumbhaṇḍa)
A Bát Sa Ma La (Apasmāra)
Thảy đều ôm sợ hãi
Mắt hoa Ưu Bát La
Minh Chủ Thí Vô úy
Tất cả nhóm phiền não
Mọi thứ đều giải thoát
Vào ở vi trần số
Trăm ngàn Tam Ma Địa
Mở bày các cảnh giới
Tất cả trong nẻo ác
Đều khiến được giải thoát
Thành tựu Đạo Bồ Đề

Khi ấy, Diêm Ma Thiên Tử dùng mọi loại khen ngợi cúng dường Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát xong, liền nhiễu quanh ba vòng rồi lui về chỗ của mình (Bản Xứ).

_Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy cứu nỗi khổ đó xong rồi quay lại đến ở trong Hội này ư?"

Đức Phật bảo Trừ Cái Chướng Bồ Tát rằng: "Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát ấy từ Địa Ngục Đại A Tỳ ra xong lại vào thành lớn của Quỷ đói. Trong đó có vô số trăm ngàn Quỷ đói với miệng phát ra lửa nóng đốt cháy mặt mày, hình thể khô gầy, đầu tóc rối tung, lông trên mình dựng đứng, bụng lớn như ngọn núi, cổ nhỏ như cây kim.

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đi đến thành lớn của Quỷ đói thời cái thành đang rực cháy lửa Nghiệp ấy đều tự diệt hết, biến thành mát mẻ. Thời có một Quỷ Tướng giữ cửa cầm gậy sắt nóng, hình thể to lớn xấu xí, đôi mắt đỏ ngầu phát khởi tâm lành: "*Nay tôi nay chẳng thể thủ hộ đất của nghiệp ác như vậy*".

Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát khởi Tâm Đại Bi, nơi mười đầu ngón tay mỗi mỗi đều tuôn ra giòng sông, lại ở ngón chân cũng đều tuôn ra giòng sông, mỗi một lỗ chân lông đều tuôn ra giòng sông lớn. Các Quỷ đói ấy uống nước trong giòng sông ấy, lúc uống nước ấy thì cổ họng mở lớn, thân tướng đầy đủ, lại được mọi thức ăn uống thượng vị thảy đều no đủ.

Các Quỷ đói này đã được lợi ích an vui như vậy, trong tâm của mỗi một Quỷ đói đều suy xét, chân thành suy nghĩ rằng: "Vì sao **người Nam Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpakā) thường được mát mẻ, an ổn, khoái lạc? Ở trong cõi ấy hoặc có người khéo hay thường làm cung kính hiếu dưỡng cha mẹ? Hoặc có người khéo hay hành Tuệ Thí tuân phục bậc Thiện Tri Thức? Hoặc có người Thông Tuệ hiểu đạt, thường ưa thích Đại Thừa? Hoặc có người khéo hay thường hành tám Thánh Đạo? Hoặc có người khéo hay đánh gõ chuông mõ? Hoặc có người khéo hay tu sửa chốn Tăng Già Lam bị phá hoại? Hoặc có người khéo hay tu sửa tháp Phật? Hoặc có người khéo hay tu sửa Tháp

Tướng Luân bị phá hư? Hoặc có người khéo hay cúng dường tôn trọng Pháp Sư? Hoặc có người khéo hay thấy được nơi Đức Như Lai kinh hành? Hoặc có người khéo hay thấy được nơi Bồ Tát kinh hành? Hoặc có người khéo hay thấy được nơi Bích Chi Phật kinh hành? Hoặc có người khéo hay thấy được nơi A La Hán kinh hành?"

Tác suy nghĩ đó*:"Nam Thiệm Bộ Châu có các việc tu hành thuộc nhóm như vậy"*.

Lúc ấy trong Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** (Kāraṇḍa-vyūha)tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu, các Quỷ đó được nghe âm thanh ấy thời chỗ chấp **Thân Kiến** tuy như núi cao với các phiền não đều được chày Kim Cương Trí phá hoại không dư sót, liền được vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc Thế giới, đều làm Bồ Tát tên là **Tùy Ý Khẩu** (Akaṅkṣita-mukhā)

Khi ấy, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát cứu nỗi khổ này xong, lại đi qua phương khác, trong các Thế Giới cứu độ hữu tình.

_Lúc đó Trừ Cái Chướng lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đi đến chốn này cứu độ hữu tình ư?"

Đức Thế Tôn bảo rằng: "Này Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đó luôn cứu độ vô số trăm ngàn Câu chi na dữu đa hữu tình, không có lúc ngưng nghỉ, đầy đủ Đại Uy Lực hơn cả Như Lai ".

Trừ Cái Chướng bạch rằng: "Thế Tôn! Vì sao Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát có Đại Uy Thần Lực như vậy?"

Đức Phật bảo: "Thiện Nam Tử! Ở kiếp quá khứ có Đức Phật ra đời, hiệu là **Vĩ Bát Thi** (Vipāśyī) Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vào thời đó, Ta làm con của một nhà Trưởng Giả, tên là **Diệu Hương Khẩu** (Sugandha-mukha) ở chỗ của Đức Phật ấy đã nghe được Công Đức Uy Thần của Quán Tự Tại Bồ Tát".

_Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch rằng: "Đức Thế Tôn đã nghe Công Đức Uy Thần của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát thì việc ấy như thế nào?"

Đức Thế Tôn bảo rằng: "Quán Tự Tại Bồ Tát, ở trong mắt của Ngài hiện ra **mặt trời** (Āditya), **mặt trăng** (Candra), ở vầng trán hiện ra **Trời Đại Tự Tại** (Maheśvara), ở vai hiện ra **Trời Phạm Vương** (Brahma-rāja), ở trái tim hiện ra **Trời Na La Diên** (Nārāyaṇa), răng nanh hiện ra **Trời Đại Biện Tài** (Sarasvatī), miệng hiện ra **Phong Thiên** (Vāyu), lỗ rốn hiện ra **Địa Thiên** (Pṛthivi), cái bụng hiện **Thủy Thiên** (Varuṇa). Thân của Quán Tự Tại hiện ra các Trời như thế.

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát bảo Đại Tự Tại Thiên Tử rằng: "Ông ở thời Mạt Pháp nơi đời vị lai. Trong cõi hữu tình có chúng sanh chấp trước Tà Kiến đều nói rằng ông từ vô thủy đến nay làm bậc Đại Chủ Tể mà hay sinh ra tất cả hữu tình. Khi ấy chúng sinh mất Đạo Bồ đề, ngu si mê hoặc mà nói lời như vầy:

Thân lớn như hư không
Dùng Đại Địa làm Tòa
Cảnh Giới với Hữu Tình
Đều ra từ Thân đó

Như vậy Thiện nam tử! Ta ở chỗ Tỳ Bát Thi Như Lai, sau khi nghe điều đó xong, lại có Đức Phật ra đời, hiệu là **Thức Khí** (Śikhì) Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Trừ Cái Chướng! Vào Thời đó, Ta là **Dũng Thí Bồ Tát Ma Ha Tát** (Dāna-śūra), ở chỗ Đức Phật ấy được nghe Công Đức Uy Thần của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát “.

_Trừ Cái Chướng nói: “Đức Thế Tôn đã nghe Công Đức Uy Thần của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát thì việc ấy như thế nào?”

Đức Phật nói: “Lúc đó, trong Hội của Đức **Thức Khí Như Lai** có tất cả **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **A Tô La** (Asura), **Nghiệt Lỗ Noa** (Garuḍa), **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga), **Người** (Manuṣya) với **Phi Nhân** (Amanuṣya) thảy đều đến tập hội. Lúc Đức Thế Tôn ở trong Chúng đó muốn nói Pháp thời miệng phóng ra các ánh sáng đủ màu, ấy là màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng, màu hồng ánh sáng hồng, màu **Pha Chi Ca** (Sphaṭika) ánh sáng Pha Chi Ca, màu vàng ròng ánh sáng vàng ròng. Anh sáng ấy chiếu khắp tất cả Thế Giới ở mười phương, ánh sáng ấy quay trở lại nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi nhập vào trong miệng.

_Thời trong Hội ấy có **Bảo Thủ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Ratna-pāṇi) từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính, bạch Đức Thế Tôn rằng: “Do Nhân nào, Duyên nào mà hiện ra điềm lành này?”

Đức Phật bảo: “Này Thiện Nam Tử! Thế Giới Cực Lạc có Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát muốn đến nơi đây nên hiện điềm lành đó.

Lúc Quán Tự Tại đến nơi này thời hiện ra mọi loại cây hoa **Kiếp Thọ** (Kalpa-vṛkṣa), cây hoa **Cự Mẫu Na** (Kumuda), cây hoa **Chiêm Ba Ca** (Campaka). Lại hiện ra đủ mọi loại hoa, ao báu, cây báu, tuôn mưa mọi loại hoa màu nhiệm. Lại tuôn mưa các vật báu, trân châu, Lưu Ly, vỏ ốc lóng lánh, ngọc bích, San Hô, … Lại tuôn mưa áo Trời như mây hạ xuống.

Lúc đó vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc hiện ra bảy báu là: **Kim Luân báu** (Suvarṇa-cakra-ratna), **Voi báu** (Hasti-ratna), **Ngựa báu** (Aśva-ratna), **Ngọc báu** (Maṇi-ratna), **người Nữ báu** (Strī-ratna), **Chủ Kho Tàng báu** (Gṛhapati-ratna), **Chủ Binh báu** (Pariṇāyaka-ratna). Lúc Bảy báu như vậy xuất hiện thời đất ấy đều biến thành màu vàng ròng.

Khi ấy, lúc Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rời khỏi Thế Giới **Cực Lạc** (Sakhavatī) thời mặt đất chuyển động theo sáu cách.

_Bấy giờ Bảo Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Vì Nhân Duyên gì mà hiện ra điềm lành này?”

Đức Phật nói: “Này Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đó muốn đến nơi đây nên hiện điềm lành đó”

Khi ấy lại tuôn mưa các thứ hoa màu nhiệm thích ý với hoa sen màu nhiệm.

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát tay cầm hoa sen ngàn cánh tỏa ánh sáng vàng chói, đi đến nơi Đức Phật ngự, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, cầm hoa sen đó dâng lên Đức Thế Tôn: *“Hoa sen này do Đức Phật **Vô Lượng Thọ*** (Amitāyus) *sai con đem đến dâng”*

Đức Thế Tôn nhận hoa sen đó rồi để ở bên trái.

Đức Phật bảo: “Này Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát! Nay ông hiện Thần Lực Công Đức Trang Nghiêm đó thời ý của ông thế nào ”

Quán Tự Tại nói: “Con vì muốn cứu độ các hữu tình trong tất cả nẻo ác. Ấy là tất cả Quỷ đói, Địa Ngục A Tỳ, Địa Ngục Hắc Thằng, Địa Ngục, Đẳng Hoạt, Địa Ngục Thiêu Nhiên, Địa Ngục Đường Ổi, Địa Ngục Hoạch Thang, Địa Ngục Hàn Băng….

Hết thảy chúng sinh trong Đại Địa Ngục của nhóm như vậy, con đều cứu bạt, lìa các nẻo ác, sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Khi ấy, Quán Tự Tại Bồ Tát nói như vậy xong, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật. Lễ xong rồi đi, đột nhiên chẳng hiện giống như lửa nóng nhập vào hư không.

_Bấy giờ Bảo Thủ Bồ Tát bạch rằng "Thế Tôn! Nay con có điều nghi, muốn hỏi Đức Như Lai. Nguyện hãy vì con tuyên nói! Quán Tự Tại Bồ Tát có Phước Đức gì mà có thể hiện Thần Lực đó?"

Đức Phật nói: "Như căng già sa số Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Đem áo màu nhiệm của cõi Trời cùng với dùng Cà Sa, thức ăn uống, thuốc thang, vật dụng ngồi nằm…. cúng dường chư Phật như vậy thời Phước Đức đạt được bằng với Phước một sợi lông của Quán Tự Tại Bồ Tát; lượng đó không có khác.

Này Thiện Nam Tử! Như bốn Châu lớn, trong một năm mười hai tháng, ngày đêm thường tuôn mưa lớn thời Ta có thể đếm được mỗi một hạt mưa ấy. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được của Quán Tự Tại Bồ Tát thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như biển lớn sâu rộng tám vạn bốn ngàn du thiện na. Nước của bốn biển lớn như vậy, Ta có thể đếm được mỗi một giọt. Thiện nam tử! Phước đức có được của Quán Tự Tại Bồ Tát thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như bốn Châu lớn. Hết thảy loài hữu tình có bốn chân như: sư tử, voi, ngựa, cọp, sói, gấu, nai, bò, dê…. Tất cả những loài có bốn chân như vậy thời Ta có thể đếm được hết thảy sợi lông trên mỗi một thân. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được của Quán Tự Tại Bồ Tát thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như có người dùng vàng, báu của cõi Trời tạo làm hình tượng Như Lai nhiều như số bụi nhỏ rồi ở một ngày đều được thành tựu mọi thứ cúng dường thời Phước Đức đã được, Ta đều có thể đếm được số lượng ấy. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được của Quán Tự Tại Bồ Tát thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như tất cả rừng cây, Ta có thể đếm được số của mỗi một lá. Còn Phước Đức có được của Quán Tự Tại Bồ Tát thì Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như bốn Châu lớn. Hết thảy người nam, người nữ, đồng nam, đồng nữ… những người như thế đều thành Thánh Quả: Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Hoàn, A La Hán, Duyên Giác Bồ Đề… hết thảy Phước Đức như vậy đều bằng Phước một sợi lông của Quán Tự Tại Bồ Tát, lượng ấy không có khác".

_Bấy giờ Bảo Thủ Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Từ xưa đến nay, con chưa từng thấy cũng chưa tưng nghe chư Phật Như Lai có Phước Đức như vậy!

Thế Tôn! Quán Tự Tại còn ở địa vị Bồ tát, vì sao mà có Phước Đức như vậy?"

Đức Phật bảo: "Này Thiện Nam Tử! Chẳng riêng cõi này, chỉ một thân Ta cho đến vô số Như Lai Ứng Chinh Đẳng Giác ở phương khác đều họp ở một chỗ, cũng chẳng thể nói hết số lượng Phước Đức của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Thiện Nam Tử! Ở Thế Giới này, nếu có người hay nhớ niệm tên của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát thì người đó sau này xa lìa các khổ luân hồi, sanh, già, bệnh, chết, cũng như **Nga Vương** (vua của ngỗng trời) theo gió mà đi, mau được vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc, thấy Vô Lượng Thọ Như Lai, nghe được Diệu Pháp. Người như vậy vĩnh viễn chẳng bị khổ luân hồi, không có: tham sân si, không có: già bệnh chết, không có: khổ đói khát, không chịu khổ sinh thân nơi bào thai, nương nhờ uy lực của Pháp, hóa sinh trong hoa sen, thường ở cõi ấy hầu cận Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, cứu độ tất cả hữu tình, đều được giải thoát, mãn Nguyện bền chắc".

_Lúc đó, Bảo Thủ Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Quán Tự Tại này ở vào thời nào mà cứu độ tất cả hữu tình đều được giải thoát, mãn Nguyện bền chắc?"

Đức Thế Tôn bảo: "Vô số hữu tình thường chịu sanh tử luân hồi không ngưng nghỉ. Quán Tự Tại đó vì muốn cứu độ hữu tình như vậy chứng đạo Bồ Đề, nên tùy theo loại hữu tình mà hiện thân nói Pháp.

Người cần hiện thân Phật để hóa độ, liền hiện thân Phật vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Bồ Tát để hóa độ, liền hiện thân Bồ Tát vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Duyên Giác để hóa độ, liền hiện thân Duyên Giác vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Thanh Văn để hóa độ, liền hiện thân Thanh Văn vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Đại Tự Tại Thiên để hóa độ, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Na La Diên Thiên để hóa độ, liền hiện thân Na La Diên Thiên vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Phạm Vương để hóa độ, liền hiện thân Phạm Vương vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Đế Thích để hóa độ, liền hiện thân Đế Thích vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Nhật Thiên Tử để hóa độ, liền hiện thân Nhật Thiên Tử vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Nguyệt Thiên Tử để hóa độ, liền hiện thân Nguyệt Thiên Tử vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Hỏa Thiên để hóa độ, liền hiện thân Hỏa Thiên vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Thủy Thiên để hóa độ, liền hiện thân Thủy Thiên vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Phong Thiên để hóa độ, liền hiện thân Phong Thiên vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Rồng để hóa độ, liền hiện thân Rồng vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Tần Na Dạ Ca để hóa độ, liền hiện thân Tần Na Dạ Ca vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Dược Xoa để hóa độ, liền hiện thân Dược Xoa vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Đa Văn Thiên Vương để hóa độ, liền hiện thân Đa Văn Thiên Vương vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Nhân Vương để hóa độ, liền hiện thân Nhân Vương vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân Tể Quan để hóa độ, liền hiện thân Tể Quan vì họ nói Pháp.

Người cần hiện thân cha mẹ để hóa độ, liền hiện thân cha mẹ vì họ nói Pháp.

Này Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát tùy theo hữu tình ấy cần thân nào có thể hóa độ được liền hiện thân như vậy vì họ nói Pháp, cứu các hữu tình khiến sẽ chứng địa Niết Bàn của Như Lai".

_Khi ấy Bảo Thủ Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Con chưa từng thấy cũng chưa từng nghe việc hiếm có chẳng thể luận bàn như vậy!

Thế Tôn! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát có việc chẳng thể luận bàn như vậy! Thật chưa từng có !"

Đức Phật bảo:"Này Thiện Nam Tử ! Hang Kim Cương vây quanh cõi Nam Thiệm Bộ Châu này có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa **A Tô La** (Asura) ở trong đó.

Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát hiện thân A Tô La vì A Tô La đó nói Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** này. Chúng A Tô La được nghe Kinh đó đều phát tâm **Từ Thiện** rồi dùng lòng bàn tay nâng bàn chân của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, nghe Chinh Pháp này đều được an vui.

Nếu có người được nghe Kinh Vương như vậy mà hay đọc tụng thì người đó nếu có năm Nghiệp Vô Gián đều được tiêu trừ. Lúc lâm chung thời có mười hai Đức Như Lai đi đến nghênh tiếp rồi bảo người đó rằng: "Thiện Nam Tử! Đừng nên sợ hãi! Ngươi đã nghe Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** đó chỉ bày mọi con đường vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc, có tàn lọng vi diệu, mão Trời, châu ngọc đeo tai, quần áo thượng diệu… Hiện tướng như thế thì khi mệnh chung, quyết định được sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Này Bảo Thủ! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát tối thắng không thể sánh, hiện thân A Tô La khiến cho A Tô La ấy sẽ được địa Niết Bàn".

Khi ấy Bảo Thủ Bồ Tát cúi đầu mặt sát đất, lễ bàn chân của Đức Thế Tôn. Lễ xong rồi lui ra.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)

Mật Tạng Bộ 3 _No.1050 (Tr.51 _ Tr. 55)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ HAI

Hán dịch: Trung Ấn Độ_Nước Nhạ Lạn Đà La, Tam Tạng của chùa Mật Lâm, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bày tôi là) THIÊN TỨC TAI phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Sau Đức Phật **Thức Khí** (Śikhī) đó, có Đức Phật ra đời hiệu là **Vĩ Xá Phù** (Vipāśyī) Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Trừ Cái Chướng! Vào Thời đó, Ta là **Nhẫn Nhục Tiên Nhân** (Kṣānti-vādi-ṛṣī) trụ ở núi sâu. Chỗ ấy cao ngất hiểm trở, đất cát sơ xác, không có người đi đến ở lâu trong ấy. Lúc đó, Ta ở chỗ Đức Như Lai ấy, nghe Công Đức Uy Thần của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đó

Quán Tự Tại đó vào nơi **Kim Địa** hiện thân, vì **Phúc Diện Hữu Tình** (Hữu tình bị che kín mặt) ấy mà nói Diệu Pháp, chỉ bày tám Thánh Đạo, đều khiến sẽ được Địa của Niết Bàn. Ra khỏi Kim Địa này lại vào **Ngân Địa**, hữu tình ở chỗ ấy đều có bốn chân dừng trụ trong đó. Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát cứu hữu tình ấy nên vì chúng nói Pháp: "*Ngươi nên lắng nghe! Chính Pháp như vậy, cần phải phát tâm suy xét, chân thật suy nghĩ. Nay Ta chỉ bày tư lương Niết Bàn cho ngươi*".

Các hữu tình đó đứng trước mặt Quán Tự Tại bạch với Bồ Tát rằng: *"Hữu tình không có mắt, xin cứu giúp khai sáng khiến thấy được Đạo ấy. Loài không có nơi nương tựa, xin làm cha mẹ khiến được nương cậy. Trong nẻo tăm tối, xin thắp ngọn đuốc sáng, mở bày Chính Đạo Giải Thoát . Nếu hữu tình niệm danh hiệu của Bồ Tát thì được an vui. Chúng con thường chịu khổ nạn như vậy".*

Khi ấy, tất cả hữu tình của nhóm này nghe Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương.** Được nghe Kinh đó xong đều được an vui, được Địa **Bất Thoái** (Avaivartika-bhūmi)

_Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ra khỏi nơi ấy, lại vào **Thiết Địa**, mà nơi ấy là chỗ ngăn cấm **Đại Lực A Tô La Vương** (Balisurendra-rāja). Khi Bồ Tát đến chốn đó thời hiện thân như Đức Phật. Khi ấy, Đại Lực A Tô La Vương từ xa đến nghinh đón Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đó, trong cung của A Tô La Vương có vô số quyến thuộc, phần nhiều trong ấy đều là kẻ lưng gù lùn xấu. Quyến thuộc như vậy đều đến, gần gũi lễ bái bàn chân của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rồi nói Kệ rằng:

Con đời này đắc quả,
Ước Nguyện đều viên mãn
Mong cầu được như ý
Đây **chính kiến** của con.
Đã được thấy Bồ Tát
Con với các quyến thuộc
Thảy đều được an vui.

Lúc đó đem Tòa báu hiến Quán Tự Tại Bồ Tát, cung kính chắp tay bạch rằng: *"Quyến thuộc chúng con từ xưa đến nay, ưa thích Tà Dâm, thường ôm Sân Nộ, yêu giết sinh mệnh… Gây tạo tội nghiệp đó nên tâm của con lo buồn, sợ hãi già chết, luân hồi chịu các khổ não, không có Chủ không có nơi y theo. Xin hãy rũ lòng thương cứu độ, vì con nói cách mở giải lối nẻo của sự cấm buộc"*

Quán Tự Tại Bồ Tát nói: "Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác thường đi xin ăn (Khất Thực), nếu hay bố thí thức ăn sẽ được Phước Đức nói không có hết. Thiện Nam Tử! Chẳng phải chỉ có thân Ta tại hang A Tô La nói chẳng thể hết, cho đến mười hai căng già sa số Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác đều ở một chỗ, cũng chẳng thể nói hết số lượng của Phước Đức như vậy.

Thiện Nam Tử! Hết thảy hạt bụi nhỏ, Ta có thể đếm được số lượng như vậy. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được khi bố thí thức ăn cho Đức Như Lai thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như biển lớn, Ta có thể đếm được mỗi một giọt nước. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được khi bố thí thức ăn cho Đức Như Lai thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như bốn Châu lớn, hết thảy người nam, người nữ, đồng nam. Đồng nữ thảy đều gieo mầm trong ruộng, đầy khắp bốn Châu lớn, chẳng gieo trồng vật khác chỉ gieo hạt cải. Rồng thuận thời tự tuôn mưa đúng thời, thấm ướt hạt cải chín chắc. Ở bên trong một Châu dùng làm sân chứa, dậm đạp xong rồi gom thành đống lớn. Thiện Nam Tử ! Như vậy Ta có thể đếm được hết số lượng của mỗi một hạt. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được khi bố thí thức ăn cho Đức Như Lai thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Lại như **Diệu Cao Sơn Vương** (Sumeru:núi Tu Di) nhận nước vào tám vạn bốn ngàn Du Thiện Na, tuôn nước ra tám vạn bốn ngàn Du Thiện Na. Thiện Nam Tử! Lấy Sơn Vương như vậy làm giấy, gom nước biển lớn chứa đầy trong ấy đều làm nước cốt mực. Dùng hết thảy người nam, người nữ, đồng nam , đồng nữ của bốn Châu lớn viết chép, chép hết không dư sót nhóm giấy đã được gom tụ ngang bằng núi Diệu Cao. Như vậy Ta có thể đếm được số lượng của mỗi một chữ ấy. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được khi bố thí thức ăn cho Đức Như Lai thời Ta chẳng thể nói hết số lượng.

Thiện Nam Tử! Tất cả người chép viết như vậy đều đắc địa vị của Bồ Tát mười Địa, hết thảy Phước Đức của Bồ Tát như vậy với Phước Đức bố thí một bữa ăn cho Đức Như Lai, lượng ấy không có khác

Thiện Nam Tử! Lại như hết thảy số cát ở trong Căng già hà sa số biển lớn, Ta có thể đếm được số lượng của mỗi một hạt cát ấy. Thiện Nam Tử! Phước Đức có được khi bố thí thức ăn cho Đức Như Lai thời Ta chẳng thể nói hết số lượng".

_Khi ấy, Đại Lực A Tô La Vương nghe nói việc đó thời buồn khóc rơi lệ tuôn tràn khắp mặt, tâm tư ấm ức buồn bực nghẹn ngào thở dài than thở, bạch với Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Từ thuở xa xưa, con làm việc bố thí, hoàn cảnh đã bố thí đều là **Phi Pháp** tối tăm nhơ uế. Do việc bố thí này cho nên ngày nay con và các quyến thuộc, ngược lại phải chịu Nghiệp Báo bị cấm trói tại nẻo ác này.Giờ đây làm sao giữ được chút phần thức ăn phụng thí Đức Như Lai biến thành Cam Lộ!?.....

Con từ xưa đến nay ngu si không có Trí, tập hành Pháp Bà La Môn của Ngoại Đạo. Thời có một người thân hình lùn xấu, đến chỗ của con cầu xin vật cần thiết. Con liền bày đủ mọi thứ mão báu, vàng, bạc, vòng đeo tai, quần áo thượng diệu, vật báu, vật dụng trang nghiêm, vật khí Át Già

Lại có trăm ngàn voi ngựa xe báu, Chân Châu, Anh Lạc, lưới báu trang nghiêm, treo các chuỗi ngọc xen nhau trang sức; mọi loại lọng báu, áo lễ, mành trướng bày ra trên ấy; cột buộc các chuông báu lay động vang ra tiếng leng keng

Lại có một ngàn con bò màu vàng với màu lông đẹp tốt, dùng bạc trắng trang nghiêm móng, vàng ròng nghiêm sức sừng. Lại dùng Chân Châu, đủ mọi thứ báu dùng để trang điểm.

Lại có một ngàn Đồng Nữ, hình thể đẹp đẽ, dung mạo đoan nghiêm, dáng như Thiên Nữ, đầu đội mão Trời, tai đeo vàng báu….Mọi loại áo màu nhiệm, xen với dây đai báu, nhẫn, xuyến báu, chuỗi ngọc Anh Lạc khua kêu, vòng hoa vi diệu. Mọi thứ như vậy nghiêm sức thân ấy

Lại có vô số trăm ngàn Tòa làm bằng mọi loại báu. Lại có vàng, bạc, đủ loại vật báu gom tụ vô số.

Lại có đàn bò gồm trăm ngàn vạn con với người chăn bò

Lại có vô số thức ăn uống ngon đẹp với hương vị như trên cõi Trời. Lại có vô số chuông báu, vô số tàn lọng được trang nghiêm bằng bảy báu.

Khi bày đủ mọi thứ như vậy làm Bố Thí lớn thời có trăm ngàn Tiểu Vương đều đến tập hội, Trăm ngàn **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) cũng đều đến tập hội, vô số trăm ngàn vạn Chúng **Sát Đế Lợi** (Kṣatriya) cũng đến tập hội.

Khi con nhìn thấy xong, sinh tâm nghi ngờ: *"Ngay ở Thời đó, chỉ có Ta là bậc tối tôn, đủ thế lực lớn thống lĩnh Đại Địa"*. Con y theo Pháp của Bà La Môn, chuyên vì sám hối nghiệp ác đời trước nên muốn giết các hàng Sát Đế Lợi với các vợ con quyến thuộc. Lấy tim gan của họ, cắt mổ cúng tế Trời cầu mong diệt tội ấy.

Khi ấy trăm ngàn vạn Sát Đế Lợi Tiểu Vương bị con dùng gông cùm cột trói và nhốt hết vào trong cái hang bằng đồng cùng với vô số trăm ngàn người ở biên địa, thảy đều bị nhốt trong hang đó rồi lấy dây sắt quấn trên cột sắt, cột trói tay chân các Sát Đế Lợi.

Thời con tạo dựng cửa nơi hang ấy, lấy cây thường làm lớp cửa thứ nhất, lấy cây **Khư Nễ La** (Khadira) làm lớp cửa thứ hai, lại dùng sắt làm lớp cửa thứ ba, lại dùng đồng đã tôi luyện (Thục Đồng) làm lớp cửa thứ tư, lại dùng đồng chưa tinh luyện (Sinh Đồng) làm lớp cửa thứ năm, lại dùng bạc trắng làm lớp cửa thứ sáu, lại dùng vàng ròng làm lớp cửa thứ bảy. Trên bảy lớp cửa như vậy đều dùng năm trăm cái khóa đóng chắc chắn, lại nơi trên mỗi một cái cửa đều để một ngọn núi.

Khi ấy có vị **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa) bất chợt ở một ngày hiện thân làm con ruồi bay đến thăm dò. Lại ở một ngày, hiện hình con ong. Lại ở một ngày, hiện thân con heo. Lại ở một ngày, hiện tướng Phi Nhân. Ngày ngày như vậy biến đổi Thân Tướng để thăm dò

Lúc con suy nghĩ trong tâm làm Pháp Bà La Môn đó thời vị Na La Diên Thiên thấy con tác Pháp này nên đi đến hang đồng mà phá hoại, dẹp bỏ bảy ngọn núi trên cửa, mỗi mỗi vứt bỏ nơi khác rồi lớn tiếng kêu những người bị nhốt ở nơi ấy rằng: *"Nhóm Vô Thắng Thiên Tử! Thân của các ngươi chịu khổ não lớn, chẳng hay các ngươi còn sống hay đã chết ?"*

Các nhóm người này nghe tiếng kêu hỏi ấy liền lên tiếng trả lời:*"Mạng tôi nay còn đây. Xin Na La Diên Thiên Tôn Đại Lực Tinh Tiến cứu tôi thoát nạn khổ!"*

Vị Trời ấy liền phá hoại bảy lớp cửa của hang đồng. Thời các Tiểu Vương ở bên trong hang được thoát nạn cột trói , nhìn thấy vị Na La Diên Thiên

Lúc đó mỗi một người đều suy nghĩ trong tâm: *"Đại Lực A Tô La Vương ấy đã chết chưa? Nay lại ở đâu? Hay đã chết ở phương nào?"*

Nhóm Sát Đế Lợi lại nói lời này: *"Tôi thà cùng hắn đấu địch, giết nhau đến chết để có đất, chứ chẳng chịu bị cột nhốt khiến tôi bị chết. Nay tôi sẽ y theo Pháp Sát Đế Lợi, cùng hắn chiến đấu giết nhau, giả sử bị chết ở đất ấy thì cũng được sinh về cõi Trời"*

Thời các Tiểu Vương đều ở nhà của mình chuẩn bị xe cộ, đóng khớp hàm ngựa, cột buộc yên cương, cầm nắm khí trượng muốn đại chiến đấu.

Thời vị Na La Diên Thiên hiện thành vị Bà La Môn với thân hình lùn xấu, mặc áo da hươu quấn quanh nách, trong tay cầm nắm cây gậy có ba chia với vật dụng để ngồi làm vật tùy thân, đi đến cửa của con.

Thời người giữ cửa bảo vị ấy rằng: *"Chẳng nên vào bên trong cửa này! Ông là người lùn xấu, hãy đứng lại! Đừng vào bên trong!"*

Bà La Môn nói: "*Nay Tôi từ xa, đi đến chốn này".*

Người giữ cửa hỏi Bà La Môn rằng: *"Ông từ đâu đến?"*

Bà La Môn nói: *"Tôi là Đại Tiên Nhơn ở chỗ quốc vương* **Nguyệt Thị** (Dvārapāla)*, từ chốn ấy đi đến đây"*

Thời người giữ cửa đến chỗ Đại Lực A Tô La Vương bạch rằng: *"Nay có vị Bà La Môn thân hình lùn xấu đi đến nơi này".*

Đại Lực A Tô La Vương nói: "Nay người ấy đến, cần có việc gì ?"

Người giữ cửa nói: "Nay con chẳng biết ông ấy cần việc gì? "

Đại Lực A Tô La Vương bảo rằng: "*Ngươi hãy đi, gọi Bà La Môn ấy đến đây*"

Người giữ cửa vâng theo Giáo Sắc liền gọi Bà La Môn vào trong chốn ấy.

Đại Lực A Tô La Vương nhìn thấy xong, liền đem tòa báu khiến ngồi

Thầy của Đại Lực A Tô La Vương trông coi nơi thờ phụng **Kim Tinh** (Śukra), lúc trước đã ở bên trong bảo Đại Lực A Tu La Vương rằng*:"Nay vị Bà La Môn này là người ác mà đi đến nơi này thì quyết định muốn phá hoại Thầy của ông".*

_*"Nay làm sao để có thể biết đây!?""*

_Bảo rằng: "*Nay Ta biết việc này"*

_ *Thân sở hiện thì làm sao mà biết?"*

_ "*Đây là Na La Diên Thiên"*

Được nghe điều này xong, tâm liền suy tư: "*Ta hành Tuệ Thí để không có phản phúc. Nay đi đến gây chướng nạn, phá hoại nơi Ta ư?!..."*

Đại Lực A Tô La nói*:"Con có Khẩu Biện Tài"*. Cần phải hỏi Bà La Môn đó rằng: "*Nay đến chỗ của Ta thì ý của ông thế nào?"*

Bà La Môn nói: "*Tôi đến xin vua hai Bộ* (một Bộ bằng năm thước) *đất* "

A Tô La bảo Bà La Môn rằng*:"Khanh cần đất mà chỉ nói hai Bộ. Ta sẽ cho khanh ba Bộ đất"*

Trước tiên dùng cái bình bằng vàng, trao cho nước sạch rồi bảo rằng*:"Khanh nên nhận lấy phần đất đã cần"*

Vị Bà La Môn nhận xong rồi Chú Nguyện rằng: "*Nguyện cho được an vui sống lâu* "

Thời Bà La Môn với thân lùn xấu liền ẩn mất rồi chẳng hiện.

Bấy giờ **Kim Tinh** bảo A Tô La Vương rằng*:"Nay ngươi sẽ nhận quả báo của nghiệp ác"*

Thời Na La Diên Thiên đột nhiên hiện thân, ở trên hai vai gánh vác mặt trời mặt trăng, tay cầm cây kiếm sắc bén, bánh xe, cây côn, cung tên, khí trượng như vậy

Thời Đại Lực A Tô La Vương đột nhiên thấy xong thì hoảng sợ, run rẩy. Thân bị té ngã, mê muộn nằm khèo trên mặt đất hồi lâu mới đứng dậy*: "Nay sẽ thế nào? Ta thà uống thuốc độc ấy để chết sao? Lúc đó vị Na La Diên Thiên tính đo đất ấy, chỉ với hai Bộ đã không có dư sót, chẳng cần tới ba Bộ tức là trái ngược với lời đã hứa trước đây. Nay ta phải làm sao?"*

Na La Diên nói: "*Nay nên tùy theo điều chỉ dạy của Ta*"

Thời Đại Lực A Tô La Vương bạch rằng: "*Tôi y như điều chỉ dạy"*

Na La Diên nói: "*Ngươi thật như vậy sao?"*

Đại Lực A Tô La Vương nói: *"Tôi như vậy thật. Đây là lời thành thật, tâm không có hối tiếc"*

Khi ấy con y theo lời dạy của vị Bà La Môn. Nơi tác Pháp thảy đều phá hoại. Hết thảy vàng, bạc, trân bảo, Đồng Nữ trang nghiêm, quần áo, chuông báu, tàn lọng, phất trần màu nhiệm, Tòa báu Sư Tử, trâu vàng nghiêm báu với các vật dụng trang nghiêm bằng các thứ báu. Thời các Tiểu Vương với các Chúng đều nhận lấy, liền ra khỏi đất mà Đại Lực A Tô La Vương đã tác Pháp.

Đại Lực A Tô La Vương bạch với Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Con nay thân tâm suy tư, vì xưa kia y theo Pháp Bà La Môn mà làm Hội Bố Thí rộng lớn, Do cảnh đã bố thí thật dơ bẩn, tối tăm, chẳng sạch nên nay con và các quyến thuộc bị cột nhốt tại cái hang sắt này, chịu khổ não lớn.

Hỡi Đức Quán Tự Tại! Nay Con xin quy y. Nguyện xin rũ lòng thương xót cứu chúng con thoát khỏi nạn khổ như vậy!..."

Rồi khen ngợi rằng:

Quy mệnh **Đại Bi Liên Hoa Thủ**
Đại Liên Hoa Vương Đại Cát Tường
Mọi thứ trang nghiêm ***thân Diệu Sắc***
Đầu, tóc, Mão Trời nghiêm các báu
Đỉnh đội **Di Đà,** ***Nhất Thiết Trí***
Cứu độ hữu tình nhiều vô số
Người bị bệnh khổ cầu an vui
Bồ Tát hiện thân làm Y Vương
Đại Địa làm mắt sáng hơn Nhật (mặt trời)
Mắt vi diệu thanh tịnh tối thượng
Chiếu soi hữu tình được giải thoát
Được giải thoát rồi khéo tương ứng
Giống như báo Ma Ni như ý
Hay hộ Tạng Diệu Pháp chân thật
Mà luôn nói sáu Ba La Mật
Xưng dương Pháp này đủ Đại Trí
Nay con thành khẩn đến Quy Y
Khen ngợi Đại Bi Quán Tự Tại
Hữu tình nhớ niệm tên Bồ Tát
Lìa khổ giải thoát được an vui
Tạo nghiệp ác nên đọa Hắc Thằng
Với nẻo Địa Ngục Đại A Tỳ
Chư Hữu, Quỷ đói nơi nẻo khổ
Xưng tên sợ hãi, đều giải thoát
Hữu tình nơi nẻo ác như vậy
Thảy đều lìa khổ được an vui
Nếu người luôn niệm tên Đại Sĩ
Sẽ được sinh về cõi Cực Lạc
Thấy Đức Như Lai **Vô Lượng Thọ**
Lắng nghe Diệu Pháp chứng **Vô Sinh**

Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát thọ ký riêng cho Đại Lực A Tô La Vương: "Ở thời vị lai, ông được thành Phật, hiệu là **Cát Tường** (Śrī) Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vào Thời ấy, ông sẽ chứng Môn Tổng Trì của Đại Minh có sáu chữ (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya: Lục Tự Đại Minh). Nay tất cả A Tô La Vương này, ở đời sau ông thảy đều cứu độ. Tất cả hữu tình ở cõi Phật như vậy chẳng hề nghe có tiếng Tham Sân Si"

Thời Đại Lực A Tô La Vương nghe Thọ Ký này xong, liền đem Chân Châu Anh Lạc giá trị năm ngàn. Lại đem mọi thứ báu màu nhiệm trang nghiêm trăm ngàn vạn số Mão Trời, vòng đeo tai….dâng lên nguyện xin rũ thương nhận lấy.

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bảo Đại Lực A Tô La Vương rằng: "Nay Ta vì ông nói Pháp. Ông hãy lắng nghe! Ông hãy suy tư cho đến đời người là vô thường huyễn hóa, mạng khó giữ lâu. Các ông thường ở trong tâm suy nghĩ tham ái đủ Đại Phước Đức. Tâm thường yêu thích nô tỳ, người dân cho đến lúa nếp kho lẫm với Đại Phục Tàng. Tâm thường yêu thích cha mẹ vợ con với các quyến thuộc, những thứ như vậy tuy luôn yêu thích nhưng chỉ như nằm mộng nhìn thấy. Lúc mệnh chung thời không thể cứu nhau để được chẳng chết (bất mệnh chung)

Cõi Nam Thiệm Bộ Châu này do điên đảo đó nên sau khi mạng chung, thấy sông **Nại** lớn (Mahārhā:Đại Nại Hà) cuốn chảy đầy máu mủ, lại thấy cây lớn rực lửa nóng bức. Thấy việc này xong, tâm sinh kinh sợ. Khi ấy Diêm Ma Ngục Tốt dùng dây cột trói, gấp rút lôi kéo, dẫm đạp trên con đường lớn đầy mũi dao bén nhọn, mỗi bước chân đi đều bị chẻ cắt gây thương tích. Lại có vô số con quạ, kên kên, chim Củ La La với nhóm chó dại ăn nuốt… ở Đại Địa ngục chịu sự cực khổ ấy.

Đã dẫm đạp lên mũi dao bén nhón trong đường đi lớn, lại có những mũi gai nhọn lớn dài mười sáu ngón tay, tùy theo mỗi một bước có năm trăm mũi gai nhọn, đâm vào trong bàn chân khiến cho đau đớn khóc than kêu gào thảm thiết, rồi nói: *"Hữu tình chúng tôi đều vì sự yêu thích* **(Ái)** *mà gây tạo tội nghiệp, nay phải chịu đại khổ. Giờ đây tôi phải làm thế nào?"*

Thời Diêm Ma Ngục Tốt bảo rằng:*"Từ xưa đến nay, ngươi chưa từng đem thức ăn bố thí cho các vị Sa Môn, cũng chưa từng nghe âm thanh chuông mõ của Pháp, chưa từng nhiễu quanh Tháp Tượng"*

Thời các tội nhân bảo Diêm Ma Ngục Tốt rằng: "*Tôi gây tội chướng! Đối với Phật, Pháp, Tăng chẳng có tin hiểu, cung kính mà thường xa lìa"*

Ngục Tốt bảo rằng: *"Ngươi đã tự tạo mọi loại Nghiệp ác, nay phải chịu khổ báo"*

Lúc đó, Ngục Tốt đem các tội nhân đến chỗ của vua Diêm Ma. Đến rồi, đứng ngay trước mặt. Thời vua Diêm Ma nói: *"Ngươi hãy đưa đến nơi chịu nghiệp báo"*.

Khi ấy Diêm Ma Ngục Tốt áp lãnh tội nhân đi qua Đại Địa ngục **Hắc Thằng**. Đến nơi xong, mỗi một người trong các tội nhân ấy đều bị ném vứt vào trong Địa Ngục. Đã bị ném vào xong thời mỗi một tội nhân đều bị một trăm cây giáo khoét đâm nhưng thân mệnh ấy đều không chết. Tiếp theo lại bị hai trăm cây giáo lớn móc khoét đâm vào thân nhưng mạng ấy vẫn sống. Sau đó, lại bị ba trăm cây giáo lớn đồng thời khoét đâm mà thân mệnh ấy cũng không chết. Mạng vẫn sống lại.

Khi ấy lại bị ném vào hầm lửa lớn mà mạng cũng chẳng chết. Rồi ngay lúc đó, đem cục sắt nóng nhét vào miệng tội nhân bắt buộc phải nhai nuốt khiến cho môi, răng lợi nướu, với cổ họng đều bị cháy nát. Tạng Tim, ruột, bao tử đều bị nấu chín sôi sục, khắp thân bị tiêu hoại

(Quán Tự Tại Bồ Tát) bảo Đại Lực A Tô La Vương rằng: "Lúc chịu nỗi khổ này thời không một người nào có thể cứu giúp được. Ông cần phải biết. Nay Ta vì ông Pháp như vậy, các ông cần phải tự mình làm Phước".

_Thời Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bảo Đại Lực A Tô La Vương rằng:"Nay Ta muốn đến **vườn rừng Kỳ Thọ** (Jeṭavaṇe), hôm nay Đại Chúng tập hội ở đó ".

Khi ấy Quán Tự Tại Bồ Tát phóng ra vô số ánh sáng đủ màu. Ấy là: Ánh sáng màu xanh, ánh sáng màu vàng, ánh sáng màu hồng, ánh sáng màu trắng, ánh sáng màu màu Pha Chi Ca, ánh sáng màu vàng ròng…. Ánh sáng như vậy chiếu đến trước mặt Đức Vĩ Xá Phù Như Lai.

Thời có Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dược Xoa (Yakṣa), La Sát Sa (Rākṣasa), Khẩn Na La (Kiṃnara), Ma Hộ La Nga (Mahoraga) và các hàng người cũng thảy đều tập hội.

Lại có vô số Bồ Tát Ma Ha Tát cũng đều tập hội.

Ở trong Chúng đó có một vị Bồ Tát tên là **Hư Không Tạng** (Gagana-gañja)) từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn quần áo, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, cung kính chắp tay hướng về Đức Phật rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay ánh sáng này từ đâu đi đến?"

Đức Phật bảo: "Này Thiện Nam Tử! Nay ánh sáng này là Quán Tự Tại Bồ Tát ở trong cung của Đại Lực A Tô La Vương phóng ra rồi đi đến đây".

Thời Hư Không Tạng Bồ Tát bạch Đức Thế Tôn rằng:"Nay con phải dùng phương tiện nào để có thể thấy Quán Tự Tại Bồ Tát ấy?".

Đức Phật bảo: "Thiện Nam Tử! Bồ Tát ấy cũng sẽ đến đây".

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát ra khỏi cung của Đại Lực A Tô La Vương thời vườn rừng Kỳ Đà ấy đột nhiên có cây hoa màu nhiệm của cõi Trời, cây Kiếp Ba của cõi Trời. Rồi có vô số các vật trang nghiêm đủ màu sắc màu nhiệm của cõi Trời. Bên trên treo hàng trăm loại Chân Châu Anh Lạc. Lại treo áo Kiều Thi Ca với mọi loại quần áo khác. Cành nhánh trên thân cây đều có màu hồng đậm, lá cây bàng vàng bạc. Lại có vô số cây hương thơm vi diệu và những cây hoa nhiệm màu khác lạ. Vô số ao báu có trăm ngàn vạn bông hoa màu nhiệm đủ màu nở tràn đầy trong đó.

Lúc hiện ra như vậy thời Hư Không Tạng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Quán Tự Tại Bồ Tát ấy nay ở đâu mà chưa đến vậy?"

Đức Phật dạy:"Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát ấy từ cung của Đại Lực A Tô La Vương ra khỏi xong. Lại có một nơi, tên là **Hắc Ám** (Tamondhakāra) mà không có người nào có thể đến.

Thiện Nam Tử! Chốn Hắc Ám ấy là nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng chẳng thể soi chiếu đến. Có **báu Như Ý** (Cintāmaṇi) tên là **Tùy Nguyện** (Varada) luôn luôn phát ra ánh sáng chiếu soi chốn ấy. Lại có vô số trăm ngàn vạn Dược Xoa cư trú trong đó.

Khi nhìn thấy Quán Tự Tại Bồ Tát vào ở trong ấy thời tâm rất vui mừng hớn hở, chạy vội đến nghênh đón Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát, cúi đầu mặt lễ bàn chân rồi thưa hỏi rằng:*"Hôm nay Bồ Tát không có mệt mỏi sao?!..Đã lâu rồi chẳng thấy đến đất Hắc Ám này"*.

Quán Tự Tại Bồ Tát nói: *"Ta vì cứu độ các hữu tình nên mới đến đây"*.

Thời Dược Xoa, La Sát ấy đem tòa Sư Tử làm bằng vàng báu của cõi Trời mà thỉnh Ngài ngồi. Lúc đó Bồ Tát vì Dược Xoa, La Sát ấy nói Pháp: "Các ngươi hãy lắng nghe! Có Kinh Đại Thừa, tên là **Trang Nghiêm Bảo Vương**. Nếu có người được nghe một bài Kệ bốn câu mà hay thọ trì đọc tụng, giải nói nghĩa ấy, tâm thường suy tư thời sẽ được Phước Đức không có hạn lượng.

Này Thiện Nam Tử! Hết thảy số bụi nhỏ thời Ta có thể đếm được số lượng như vậy. Thiện Nam Tử! Nếu có người đối với Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** này mà hay thọ trì một bài Kệ bốn câu thì Phước Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy

Nếu dùng hết thảy nước của biển lớn thời Ta có thể đếm số lượng của mỗi một giọt . Nếu có người đối với Kinh này mà hay thọ trì một bài Kệ bốn câu thì Phước Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Giả sử mười hai căng già sa số Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, trải qua mười hai kiếp đều ở tại một chỗ; thường đem quần áo, thức ăn uống, vật dùng nằm nghỉ, thuốc thang với vật dụng cần dùng khác, dâng thí cúng dường chư Phật như vậy, mà cũng

chẳng thể nói hết số lượng Phước Đức như vậy chứ chẳng phải chỉ có Ta ở chỗ Hắc Ám này nói chẳng thể hết.

Thiện Nam Tử! Lại như người trong bốn Châu lớn, mỗi một người đều tự mình xây dựng nhà cửa, tạo lập Tịnh xá rồi trong đó lấy vàng báu của cõi Trời tạo dựng một ngàn cái Tháp nhiều tầng (Stūpa:Tốt Đổ ba) trong một ngày thảy đều thành tựu thời Phước Đức có được do mọi thứ cúng dường cũng chẳng bằng Phước Đức có được khi đối với Kinh này, mà thọ trì một bài Kệ bốn câu

Thiện Nam Tử! Như năm con sông lớn chảy vào biển lớn, dòng chảy như vậy không có cùng tận. Nếu có người hay trì bài Kệ bốn câu trong Kinh Đại Thừa này thì dòng chảy Phước Đức đã được cũng không có tận".

_Thời Dược Xoa, La Sát ấy bạch với Quán Tự Tại Bồ Tát rằng:*"Nếu có hữu tình mà hay viết chép Kinh Đại Thừa này, thì Phước Đức đạt được có số lượng như thế nào?"*

Thiện Nam Tử! Phước Đức đã được không có bờ mé. Nếu có người hay viết chép Kinh này ắt đồng với người viết chép tám vạn bốn ngàn **Pháp Tạng** mà không có khác. Người đó sẽ được địa vị Chuyển Luân Thánh Vương, cai quản bốn Châu lớn, có uy đức tự tại, diện mạo đoan nghiêm, Thiên Tử vây quanh, tất cả kẻ địch tự nhiên thần phục.

Nếu có người chỉ thường niệm danh hiệu của Kinh này thì người đó mau được giải thoát nỗi khổ của luân hồi. Xa lìa già chết, lo buồn, khổ não. Sau này, sinh ở nơi nào thời người đó hay nhớ được Túc Mệnh, thân thường có mùi thơm của **Ngưu Đầu** (Go-śīrṣa) **Chiên đàn** (Candana); trong miệng thường tỏa ra mùi thơm của **hoa sen xanh** (Nīlotpala), thân tướng viên mãn, đầy đủ Thế Lực lớn"

_Lúc nói Pháp thời các Dược Xoa, La Sát ấy có kẻ chứng được quả **Dự Lưu** (Srotāpanna). Trong đó hoặc có kẻ đắc quả **Nhất Lai** (Sukṛtāgami), rồi nói lời như vầy: *"Nguyện xin Bồ Tát trụ ở chỗ này, đừng đi qua nơi khác. Nay con nay ở đất Hắc Ám này dùng vàng báu của cõi Trời để tạo Tháp nhiều tầng, lại đem vàng báu tạo nơi Kinh Hành".*

Khi ấy Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bảo rằng: "Ta vì cứu độ vô số hữu tình đều khiến sẽ được đạo Bồ Đề cho nên muốn đi qua chốn khác"

Thời các Dược Xoa, La Sát mỗi mỗi đều cúi đầu, đưa bàn tay chống gò má bồi hồi nghĩ ngợi suy tư rồi nói như vầy*:" Nay Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bỏ nơi đây mà đi, sau này ai có thể vì chúng ta nói Pháp vi diệu ?!...".*

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rời khỏi chốn đó thì các Dươc Xoa, La Sát ấy thảy đều theo hầu đưa tiễn. Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bảo rằng: "Các ngươi đi đã xa rồi, nên quay trở về nơi đã trú ngụ".

Thời các Dược Xoa, La Sát cúi đầu mặt sát đất, đỉnh lễ bàn chân của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát xong thời quay trở về chỗ của mình.

_Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát giống như đám lửa rực bay lên hư không, đi đến cung Trời. Đến cõi Trời ấy xong, liền hiện thân Bà La Môn. Trong Thiên Chúng ấy có một vị **Thiên Tử** (Deva-putra) tên là **Diệu Nghiêm** (Sukuṇḍala) mà thường nghèo túng, chịu Khổ Báo này

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát đã hiện thân Bà La Môn, đi đến chỗ của Thiên Tử ấy. Đến xong thời bảo rằng: "*Tôi bị đói mệt, lại rất khát"*

Lúc ấy Thiên Tử khóc than rồi bảo Bà La Môn rằng: "*Nay Tôi nghèo thiếu không có vật chi để dâng"*

Bà La Môn nói: "*Tôi có việc cần. Xin hãy biếu cho tôi ít phần"*

Thời Thiên Tử ấy gắng gượng vào cung lục tìm vật còn có được. Đột nhiên nhìn thấy các vật khí báu lớn ấy lại tràn ngập các thứ quý báu khác lạ chứa đầy trong đó. Lại có vật khí báu mà bên trong tràn ngập các thức ăn uống thượng vị. Lại có quần áo thượng diệu để trang nghiêm thân đầy dẫy khắp trong cung.

Lúc đó Thiên Tử khởi tâm suy nghĩ: "*Nay có vị Bà La Môn ở bên ngoài cửa này, quyết định vị ấy là người chẳng thể luận bàn, khiến cho Ta được Phước thù thắng đó"*

Bấy giờ Thiên Tử thỉnh vị Đại Bà La Môn ấy vào trong cung điện rồi đem vật báu màu nhiệm của cõi Trời với thức ăn uống thượng vị của cõi Trời dâng lên cúng dường. Vị Bà La Môn nhận vật cúng này xong thời Chú Nguyện rằng: "*Xin cho người được an vui sống lâu".*

Thời Thiên Tử ấy bạch với Bà La Môn rằng:*"Hiền giả từ phương nào mà đi đến đây?"*

Bà La Môn nói:*"Tôi từ trong Đại Tịnh Xá ở rừng cây Kỳ Đà đi đến đây".*

Thiên Tử hỏi rằng:"*Đất ấy như thế nào?"*

Bà La Môn bảo:*"Đất ấy ở bên trong Tịnh Xá của rừng Kỳ Đà ấy, thanh tịnh hiện ra báu Ma Ni của cõi Trời trang nghiêm cây Kiếp Thọ. Lại hiện ra mọi loại báu Ma Ni thích. Lại hiện ra mọi loại ao báu. Lại có vô số Đại Chúng có Giới Đức uy nghiêm, đầy đủ Đại Trí Tuệ hiện ra trong đó. Nơi ấy có Đức Phật, hiệu là* ***Vĩ Xá Phù Như Lai.*** *Nơi ấy là đất an trụ của bậc Thánh Thiên nên mới có việc biến hóa hiện ra như vậy"*

Thời Thiên Tử ấy bạch rằng:*"Hiền Giả! Thế nào?!.. Bậc Đại Bà La Môn nên thành thật nói Ngài là vị Trời nào? Là người nào? Hiền giả! Vì sao hôm nay lại hiện ra điềm lành này?"*

Bà La Môn nói:*"Ta chẳng phải Trời cũng chẳng phải Người. Ta là Bồ Tát vì muốn cứu độ tất cả hữu tình, đều khiến được thất Đạo Đại Bồ Đề "*

Lúc đó, Thiên Tử nghe điều này xong, liền đem mão báu màu nhiệm của cõi Trời, vòng đeo tai trang nghiêm … cầm dâng lên cúng dường rồi nói Kệ rằng:

Con gặp đất Công Đức
Lìa hẳn các tội dơ
Như nay gieo ruộng tốt (Thắng Điền)
Hiện được nơi Quả Báo

_Khi Thiên Tử nói Kệ này thời việc hóa độ của Bà La Môn ấy đã xong, nên ra khỏi Cung Trời, tức thời đi vào trong **nước Sư Tử** (Siṃhala-dvīpa). Đến xong, đứng ngay trước mặt các **nữ La Sát** (Rākṣasī), hiện ra thân tướng với dung mạo đoan nghiêm đẹp đẽ lạ kỳ hiếm có. Các nữ La Sát nhìn thấy dáng dấp với tư chất này này thì khởi tâm ham muốn (Kāma-citta), đem lòng hâm mộ, bước đến gần gũi rồi bảo với vị ấy rằng:*"Ông có thể làm chồng của tôi, tôi là Đồng Nữ chưa từng sánh đôi, nguyện xin làm chồng của tôi. Nay đã đến đây, đừng đi nơi khác, như người không có chủ mà hay làm chủ, lại như nhà tối tăm được thắp ngọn đuốc sáng. Nay tôi có thức ăn uống, quần áo chứa đầy trong kho tàng với có vườn quả trái thích ý, ao nước hợp ý"*

(Bồ Tát) bảo nữ La Sát rằng: "*Nay ngươi cần phải nghe điều Ta nói"*

Nữ La Sát nói*:"Dạ vâng ! Nguyện nghe chỉ bảo thế nào?"*

_ *"Nay Ta vì ngươi nói Pháp* ***Tám Chính Đạo****. Lại vì ngươi nói Pháp* ***bốn Thánh Đế*** *"*

Thời nữ La Sát nghe Pháp đó đều được Quả Chứng, có người được quả Dự Lưu, hoặc được quả Nhất Lai, không còn khổ Tham Sân Si, chẳng khởi tâm ác, không có ý giết hại sinh mạng. Tâm ấy ưa thích Pháp, ưa thích trụ nơi Giới. Rồi nói như vầy: *"Từ nay trở đi, chúng tôi chẳng Sát Sinh như người phụng Giới ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu,*

ăn uống trong sạch để nuôi mạng sống như vậy. Tôi từ hôm nay cũng nuôi mạng sống như thế".

Lúc đó nữ La Sát chẳng gây tạo nghiệp ác, thọ trì nơi học.

_Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ra khỏi nước Sư Tử đi đến nơi uế ác trong đại thành **Ba La Nại** (Vārāṇa) Chỗ ấy có vô số trăm ngàn vạn loại sâu giòi chuyên nương tựa nơi đó để sống. Quán Tự Tại Bồ Tát vì muốn cứu độ hữu tình ấy nên hiện ra hình con ong bay đến, ở trong miệng phát ra tiếng nói như vầy :

"**Nẵng mô một đà dã"**

*)NAMO BUDDHĀYA

[Bản Phạn ghi là: NAMO BUDDHĀYA _ NAMO DHARMĀYA _ NAMAḤ SAṂGHĀYA]

Các loài trùng ấy tùy theo nơi được nghe, rồi đều xưng niệm cũng lại như thế. Do sức này cho nên nơi chấp vào Thân Kiến của loài hữu tình ấy tuy như ngọn núi với các Tùy Hoặc …. đều bị chày Kim Cương Trí phá hoại tất cả, liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc, đều là Bồ Tát đồng danh hiệu **Diệu Hương Khẩu** (Sugandha-mukhā)

_Khi cứu độ hữu tình ấy xong, liền ra khỏi thành Ba La Nại, đi qua **nước Ma Già Đà** (Magadha). Thời trong nước ấy gặp trời nắng hạn tròn hai mươi năm. Nhìn thấy dân chúng với các hữu tình bị đói khát khổ não bức bách thảy đều ăn thịt lẫn nhau. Lúc ấy Quán Tự Tại Bồ Tát khởi tâm suy nghĩ: *"Dùng phương tiện nào để cứu hữu tình này ?"*

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát giáng xuống những trận mưa. Thoạt tiên, tuôn mưa thấm ướt làm cho nơi khô cạn được sống lại. Sau đó lại tuôn mưa mọi loại vật khí với mỗi một vật đều chứa đầy thức ăn uống có mùi vị Thượng Trung Hạ trong đó, khiến cho các nhóm người ấy đều được ăn uống no đủ mọi thứ như vậy. Khi ấy lại tuôn mưa lúa, đậu, lương thực, của cải… khiến cho các nhóm người ấy tùy theo ý muốn đều được đầy đủ các vật dụng cần thiết.

Bấy giờ tất cả người dân của nước Ma Già Đà lấy làm kinh ngạc, nói rằng "*Thật chưa từng có!*". Thời dân chúng tụ họp ở một chỗ, khi đều nhóm họp xong thời đều nói lời này: "*Hôm nay vì sao uy lực của Trời lại đến như thế* ? "

Ở trong Chúng ấy có một người tuổi tác đã cao, lưng khòm, tay chống gậy. Người này sống lâu vô số trăm ngàn tuổi, bảo mọi người rằng:*"Chẳng phải là uy lực của Trời đâu! Nay việc đã hiện ở đây, nhất định là Quán Tự Tại Bồ Tát dùng uy đức thần lực để biến hiện"*

Mọi người hỏi rằng: *"Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát ấy làm thế nào mà có thể hiện ra điềm lành này?"*

Lúc đó, cụ già liền nói: *"Đức Thánh Quán Tự Tại ấy dùng Công Đức Thần Lực vì nơi mờ tối mà làm ngọn đèn sáng, do ánh mặt trời gây nóng bức mà làm nơi che mát, vì người khát thiếu mà hiện ra dòng sông, ở nơi sợ hãi liền ban cho khiến không có sợ, vì bệnh khổ gây buồn bực mà làm thuốc men, vì hữu tình chịu khổ mà làm cha mẹ, vì hữu tình ở trong Địa Ngục A Tỳ khiến cho thấy lối nẻo của Niết Bàn, hay khiến tất cả hữu tình trong Thế Gian được Công Đức đó lợi ích an vui. Nếu lại người niệm tên của Quán Tự Tại Bồ Tát thì ngày sau người đó xa lìa tất cả nỗi khổ của Luân Hồi"*

Mọi người nghe xong, đều xưng: "*Lành thay!"*

Nếu có người hay ở trước tượng Quán Tự Tại mà kiến lập **Tứ Phương Mạn Noa La** (Đàn Trường hình vuông) thường dùng hương hoa cúng dường Bồ Tát Quán Tự Tại thì ngày sau người đó sẽ được đầy đủ bảy báu của Chuyển Luân Thánh Vương là:

Kim Luân báu, Voi báu, Ngựa báu, viên ngọc báu, người Nữ báu, Chủ Kho Tàng báu, Chu Binh báu…. được bảy báu như thế.

Nếu lại có người hay đem một bông hoa cúng dường Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thì người đá sẽ được thân thể tỏa ra mùi thơm màu nhiệm, tùy theo nơi sinh ra đều được Thân Tướng viên mãn.

Lúc đó, cụ già ấy nói Công Đức Thần Lực của Quán Tự Tại Bồ Tát xong thời các Nhân Chúng, mỗi mỗi đều quay về chỗ ở của mình. Cụ già kia đã nói Pháp xong cũng quay về nơi cư ngụ.

_Khi ấy, Quán Tự Tại Bồ Tát bay lên Hư Không rồi suy nghĩ:"Đã lâu Ta chẳng thấy Đức Vĩ Xá Phù Như Lai. Nay cần phải đi đến rừng cây Kỳ Đà, ở trong Tịnh xá để thấy Đức Thế Tôn".

Bấy giờ, Quán Tự Tại Bồ Tát liền đi đến Tịnh Xá ấy, nhìn thấy có vô số trăm ngàn vạn Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dược Xoa (Yakṣa), Ngạn Đạt Phộc (Gandharva), A Tô La (Asura), Nghiệt Lỗ Noa (Garuḍa), Khẩn Na La (Kiṃnara), Ma Hộ La Nga (Mahoraga), Người (Manuṣya) với Phi Nhân (Amanuṣya). Lại có vô số trăm ngàn vạn Bồ Tát (Bodhi-satva) thảy đều tập hội.

Lúc đó, Hư Không Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng:*"Thế Tôn! Nay người đến chốn này là vị Bồ Tát nào? "*

Đức Phật bảo:*"Này Thiện Nam Tử! Đó là Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát"*.

_Thời Hư Không Tạng Bồ Tát lặng yên rồi trụ. Khi ấy, Quán Tự Tại Bồ Tát nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi lui về ngồi bên trái.

Bấy giờ Đức Thế Tôn an ủi rồi hỏi rằng:*"Ông không có mệt nhọc sao? Thiện Nam Tử! Ông ở nơi khác đã làm công việc giáo hóa như thế nào?"*

Lúc đó, Quán Tự Tại liền nói những việc đã giáo hóa trước kia.*"Con đã cứu độ hữu tình như vậy như vậy…"*

Thời Hư Không Tạng nghe xong thì khởi tâm ngạc nhiên chưa từng có: *"Nay Ta thấy Quán Tự Tại này còn là bậc Bồ Tát mà có thể cứu độ hữu tình ở quốc thổ như thế được thấy Đức Như Lai. Hữu tình của quốc thổ như vậy đều là Bồ Tát"*

Khi đó, Hư Không Tạng Bồ Tát đứng trước mặt Quán Tự Tại Bồ Tát rồi thưa hỏi Quán Tự Tại rằng: "*Ngài hóa độ như vậy, không có mệt nhọc ư!"*

Quán Tự Tại nói: *"Tôi không có mệt nhọc"*.

Thưa hỏi xong thì yên lặng an trụ

_Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Thiện Nam Tử rằng: "Các ông hãy lắng nghe! Nay Ta vì ông nói **sáu Pháp Ba La Mật Đa** (Ṣaṭ-pāramitā)

Thiện Nam Tử! Nếu là Bồ Tát, trước hết nên tu hành **Bố Thí Ba La Mật Đa** (Dāna-pāramitā). Sau đó tu hành như là **Trì Giới** (Śīla-pāramitā), **Nhẫn Nhục** (Kṣānti-pāramitā), **Tinh Tiến** (Vīrya-pāramitā), **Thiền Định** (Dhyāna-pāramitā), **Trí Tuệ Ba La Mật Đa** (Prajñā-pāramitā). Như vậy rồi được viên mãn đầy đủ"

Nói Pháp xong, yên lặng an trụ.

Thời mỗi một vị trong Chúng Hội ấy đều quay trở về chỗ của mình. Các chúng Bồ Tát cũng quay trở về cõi Phật của mình.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ HAI (Hết)

Mật Tạng Bộ 3_No.1050 (Tr.55 →Tr. 59)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ BA

Hán dịch: Trung Ấn Độ_Nước Nhạ Lạn Đà La, Tam Tạng của chùa Mật Lâm, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bày tôi là) THIÊN TỨC TAI phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Những việc xưa kia của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát thời con đã được nghe Đức Phật nói. Vị Bồ Tát ấy có Môn Tam Ma Địa nào? Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con tuyên nói".

Đức Phật bảo: "Này Thiện Nam Tử! Môn **Tam Ma Địa** (Samādhi), ấy là: Tam Ma Địa **Hữu Tướng** (Lakkhana-kara), Tam Ma Địa **Vô Tướng** (Alakkhana-kara), Tam Ma Địa **Kim Cương Sinh** (Vajrodgata), Tam Ma Địa **Nhật Quang Minh** (Sūrya-prabha), Tam Ma Địa **Quảng Bác** (Vipula), Tam Ma Địa **Trang Nghiêm** (Vyūha), Tam Ma Địa **Tinh Kỳ** (Dhvajāgra), Tam Ma Địa **Tác Trang Nghiêm** (Alaṃkāra), Tam Ma Địa **Trang Nghiêm Vương** (Vyūha-rāja), Tam Ma Địa **Chiếu Thập Phương** (Daśadig-vyavalokana), Tam Ma Địa **Diệu Nhãn Như Ý** (Cintāmaṇi-varalocana), Tam Ma Địa **Trì Pháp** (Dharma-dhara), Tam Ma Địa **Diệu Tối Thắng** (Sujaya), Tam Ma Địa **Thí Ái**, Tam Ma Địa **Kim Cương Phan** (Vajra-keyura), Tam Ma Địa **Quán Sát Nhất Thiết Thế Giới**, Tam Ma Địa **Lạc Thiện Thệ** (Samudrāvarohaṇa), Tam Ma Địa **Thần Thông Nghiệp** (Abhinamita), Tam Ma Địa **Phật Đỉnh Luân** (Uṣṇīṣa-kuṇḍala), Tam Ma Địa **Diệu Nhãn Nguyệt** (Candra-varalocana), Tam Ma Địa **Liễu Đa Quyến Thuộc** (Bahujana-parivāra), Tam Ma Địa **Thiên Nhãn** (Deva-kuṇḍala-rocana), Tam Ma Địa **Minh Chiếu Kiếp** (Kalpa-dvīpa), Tam Ma Địa **Biến Hiện Kiến** (Prātihārya-saṃdarśana), Tam Ma Địa **Liên Hoa Thượng** (Padmottama), Tam Ma Địa **Thượng Vương**, Tam Ma Địa **Thanh Tịnh A Tỳ** (Avīci-saṃśoṣaṇa), Tam Ma Địa **Tín Tướng** (Rucita), Tam Ma Địa **Thiên Luân** (Deva-maṇḍala), Tam Ma Địa **Sái Cam Lộ** (Amṛta-bindu), Tam Ma Địa **Luân Quang Minh** (Prabhā-maṇḍala), Tam Ma Địa **Hải Thâm** (Samudrāvagāhana),Tam Ma Địa **Đa Cung** (Vimānanirvyūha), Tam Ma Địa **Ca Lăng Tần Già Thanh** (Kalaviñka-svara), Tam Ma Địa **Thanh Liên Hoa Hương** (Nīlotpala-gandha), Tam Ma Địa **Vận Tải** (Ārūḍha), Tam Ma Địa **Kim Cương Khải** (Vajra-kuca), Tam Ma Địa **Trừ Phiền Não** (Dviradarata), Tam Ma Địa **Sư Tử Bộ** (Siṃha-vikrīḍita), Tam Ma Địa **Vô Thượng** (Anuttara), Tam Ma Địa **Giáng Phục** (Damana), Tam Ma Địa **Diệu Nguyệt** (Candrottarya), Tam Ma Địa **Quang Diệu** (Ābhāsa-kara), Tam Ma Địa **Bách Quang Minh** (Śata-kiraṇa), Tam Ma Địa **Quang Xí Thịnh** (Vicchurita), Tam Ma Địa **Quang Minh Nghiệp** (Prabhā-kara), Tam Ma Địa **Diệu Tướng** (Svākāra-kara), Tam Ma Địa **Khuyến A Tô La** (Asura-saṃcodana), Tam Ma Địa **Cung Điện** (Bhavasaṃśodhana), Tam Ma Địa **Hiện Viên Tịch** (Nivārṇa-saṃcodana), Tam Ma Địa **Đại Đăng Minh** (Mahā-dvīpa), Tam Ma Địa **Đăng Minh Vương** (Dvīpa-rāja), Tam Ma Địa **Cứu Luân Hồi** (Bhavottāra-kara), Tam Ma Địa **Văn Tự Dụng** (Akṣara-kara), Tam Ma Địa **Thiên Hiện Tiền** (Devābhimukha), Tam Ma Địa **Tương Ưng Nghiệp** (Yoga-kara), Tam Ma Địa **Kiến Chân Như** (Pramārtha-darśana), Tam Ma Địa **Điển Quang** (Vidyun), Tam Ma Địa **Long Nghiêm** (Nāga-vyuha), Tam Ma Địa **Sư Tử Tần Thân** (Siṃha-vijṛmbhita), Tam Ma Địa **Toa Để Diện** (Svāti-mukha), Tam Ma Địa **Vãng Phục** (Āgamanāgama), Tam Ma Địa **Giác Ngộ Biến** (Buddhi-visphuraṇa), Tam Ma Địa **Niệm Căn Tăng Trưởng** (Smṛtīdriya-

saṃvardhana), Tam Ma Địa **Vô Tướng Giải Thoát** (Abhimukta), Tam Ma Địa **Tối Thắng** (Jayavāhana), Tam Ma Địa **Khai Đạo** (Mārga-saṃdarśana)

Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng phải chỉ có Tam Ma Địa đó mà còn ở mỗi một **lỗ chân lông** (romavivara) có đầy đủ trăm ngàn vạn Tam Ma Địa.

Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ở địa vị Bồ Tát đã có Công Đức như vậy, cho đến chư Phật Như Lai phải khen ngợi*: "Thật chưa từng có Công Đức như thế!"*

Thiện Nam Tử! Vào thời xa xưa, lúc Ta còn làm Bồ Tát thời cùng với năm trăm người lái buôn, muốn vào trong nước Sư Tử (Siṃhala-dvīpeṣu) đem theo các xe cộ, Lạc Đà, bò….để tìm kiếm tài bảo, liền bắt đầu đi đến con đường ấy, trải qua các làng xóm , dinh cơ, thành ấp, tụ lạc… theo thứ tự đến bãi biển thì muốn dùng thuyền buồm lớn.

Khi mọi người đều bước bên, vào trong cái thuyền buồm thì Ta hỏi chủ thuyền rằng: "Ông xem dấu hiệu của luồng gió ấy, thuận theo thì đi đến quốc thổ nào? Đi đến cù lao báu (Ratna-dvìpeṣu: Bảo Châu)? **Nước Đồ Bà** (Katama-dvīpeṣu)? Hay **nước La Sát** (Rākṣasa-dvīpeṣu) ư ? "

Lúc đó, chủ thuyền xem xét dấu hiệu của luồng gió ấy rồi nói như vầy: "Nay ngọn gió này thích hợp đi đến nước Sư Tử"

Lúc ấy, nương theo gió tiến đến nước Sư Tử. Ở trong nước đó có năm trăm nữ La Sát. Đột nhiên biển phát gió lớn rất mạnh bạo đẩy sóng nổi cuồn cuộn, phá hoại chiếc thuyền buồm ấy

Thời các người lái buôn bị gió đẩy rớt xuống nước, nổi trôi, đưa đẩy thân ấy dạt vào bãi biển rồi lên trên bờ.

Nam trăm nữ La Sát ấy thấy các người lái buôn, mỗi mỗi đều lay động thân, kêu ồ lên, hiện tướng Đồng Nữ đi đến chỗ của người lái buôn đều đem quần áo cho các thương nhân.

Khi mặc quần áo xong thời tự mình vắt quần áo ướt, phơi cho khô, rồi lìa khỏi chỗ ấy. Liền đến dưới **cây Chiêm Ba Ca** (Caṃpaka-vṛkṣa) để nghỉ ngơi, nghỉ xong cùng nhau nói rằng: *"Nay ta phải thế nào? Làm phương tiện gì? Không có loại trừ phương kế nào"*

Nói xong rồi yên lặng

Bấy giờ nữ La Sát ấy lại đến trước mặt các người lái buôn nói như vầy: *"Tôi không có chồng, ông có thể ở với tôi để làm chồng chăng? Ở đây tôi có thức ăn uống, quần áo, kho tàng, rừng vườn, ao tắm"*.

Thời các nữ La Sát mỗi mỗi cô đều đem một người lái buôn về chỗ ở của mình. Lúc đó, trong nữ La Sát có một cô gái làm Đại Chủ Tể tên là **La Để Ca Lãm** (Ratikara), cô gái ấy đem ta về nơi cư ngụ. Cô gái ấy đem thức ăn uống thượng vị cung cấp cho ta dư thừa no đủ.

Ta đang khoái lạc không khác Nhân Gian, ngủ nghỉ ở đó trải qua thời gian hai ba tuần lễ thời đột nhiên nhìn thấy La Để Ca Lãm mừng rỡ vui cười. Khi ấy, Ta sinh Tâm nghi ngờ: *"Thật chưa từng thấy nghe!"*. Lúc nữ La Sát ấy cười như vậy thời Ta hỏi rằng*: "Nay vì sao mà vui cười thế?"*

Nữ La Sát nói: *"Nước Sư Tử này là đất của nữ La Sát cư trú. Tôi sợ tổn thương đến mạng của ông"*.

Khi ấy Ta hỏi*: "Vì sao mà nàng biết được vậy*?"

Nữ La Sát nói:*"Đừng tới đường phía Nam để đi. Tại sao thế? Vì ở đó có cái thành bằng sắt, trên dưới vòng quanh không có cửa nẻo. Trong đó có vô số người lái*

buôn, phần nhiều đã bị ăn nuốt chỉ còn sót hài cốt. Nay ở đó có kẻ sống người chết, không có tin nhau thì hãy y theo con đường này mà đi đến chỗ đó thời tự sẽ tin tôi".

Lúc đó, Ta chờ đến khi cô gái ấy ngủ say thời Bồ Tát hướng theo thời phận ban đêm, cầm **cây kiếm Nguyệt Quang** (Candrāvabhāṣaṃ-khaṅga) qua con đường ở phía Nam rồi đi đến cái thành sắt, xem xét chung quanh, không có cửa nẻo cũng không có cửa sổ. Bên cạnh cái thành sắt ấy có một cây Chiêm Ba Ca (Caṃpaka-vṛkṣa). Lúc leo lên trên cây thời Ta cao giọng kêu hỏi thì người lái buôn bên trong thành bảo với Ta rằng: *"Hiền Đại Thương Chủ! Hãy trở về đi ! Ông có biết không? Chúng tôi bị nữ La Sát nhốt tại thành sắt này rồi ngày ngày ăn nuốt một trăm người"*

Khi nghe nhóm ấy nói hết mọi chuyện cũ xong thời Ta liền tụt xuống cây Chiêm Ba Ca, lui về y theo con đường ở phía Nam, mau chóng quay về chỗ của nữ La Sát ấy.

Lúc đó, cô gái ấy hỏi Ta rằng: *"Hiền Đại Thương Chủ! Cái thành sắt đã nói, quay lại có thấy chăng? Nay nên nói thật".*

Ta nói: *"Đã thấy"*

Bấy giờ lại hỏi cô gái ấy rằng: *"Dùng phương tiện nào khiến cho tôi được ra khỏi chốn này?"*

Nữ La Sát ấy bảo với Ta rằng: *"Nay có phương tiện lớn có thể khiến cho ông an ổn, khéo ra khỏi nước Sư Tử này để quay trở về cõi Nam Thiệm Bộ Châu* (Jambū-dvīpa) *của ông"*

Ta thấy thuyết đó, lại hỏi cô gái ấy rằng: *"Khiến tôi theo đường lối nào để ra khỏi nước này ư?"*

Thời La Đế Ca Lãm bảo với Ta rằng: *"Có **Thánh Mã Vương*** (Bālāhośva-rāja)*hay cứu độ tất cả hữu tình".*

Ta đang tìm kiếm thời đi đến nơi Thánh Mã Vương ấy đang ăn Bạch Dược Thảo [cây cỏ thuốc (Uṣadhī) tên là **Nhất Thiết Bạch** (Sarva-śvetā)]. Ăn xong thì lăn mình nơi đất cát vàng rồi đứng dậy lắc rũ lông trên thân. Làm như thế xong, rồi nói lời này: "*Người nào muốn đến ở bờ bên kia* ". Nói ba lần xong, lại bảo rằng: *"Nếu ai muốn đi nên tự nói ra"*

Lúc đó, Ta bảo với Thánh Mã Vương rằng: "*Nay tôi muốn qua bên kia*"

Nói như vậy xong, rồi lại trở về chỗ của nữ La Sát, cùng chung nghỉ ngơi. Nữ La Sát ấy ngủ dậy xong thì sanh tâm hối hận về việc đã qua, rồi hỏi Ta rằng: "*Thương Chủ! Vì sao thân của ông lạnh thế?"*

Lúc đó Ta biết ý của cô ấy chẳng muốn cho Ta đi, liền dùng phương tiện bảo với cô gái ấy rằng: *"Trước ấy tôi tạm ra ngoài thành để tiểu tiện rồi trở về cho nên thân tôi bị lạnh"*

Cô gái ấy bảo với Ta rằng: "*Hãy đi ngủ đi*"

Đến lúc mặt trời mọc thời Ta mới thức dậy, liền kêu các người lái buôn rồi bảo rằng: *"Nay là lúc thích hợp nên ra khỏi cái thành này"*

Thời các người lái buôn ra khỏi thành xong, đều đến ở một chỗ nghỉ ngơi, rồi cùng nhau nói chuyện: *"Nay trong chúng ta, vợ của người nào rất quyến luyến chồng? Đã thấy cái gì? Việc ấy thế nào?"*

Thời trong mọi người có kẻ nói rằng: *"Họ đem thức ăn uống thượng vị cung cấp cho tôi".*

Hoặc có người nói: *"Họ đem mọi loại quần áo cho tôi"*

Hoặc có kẻ nói: "*Họ đem mão Trời, vòng đeo tai, quần áo cho tôi".*

Hoặc có người nói: *"Tôi không được gì, chẳng được vừa lòng".*

Hoặc có kẻ nói: "*Họ đem mọi thứ hương Long Xạ, Chiên Đàn cho tôi*"

Khi các bạn lái buôn nói xong. Ta liền bảo rằng: *"Ông khó giải thoát. Tại sao thế? Vì thương yêu nữ La Sát vậy".*

Những người lái buôn nghe xong, khởi tâm sợ hãi mà hỏi rằng:*"Đại Thương Chủ! Thật như vậy sao?"*

Ta liền bảo rằng: "*Đây là nước Sư Tử, chỗ ở nữ La Sát ở chứ chẳng phải con người vậy. Đây thật là nữ La Sát tác lời Thề đó* ***Chỉ có Phật Pháp Tăng mới có thể biết đây là nữ La Sát****".*

Thời các thương chủ nghe xong, bảo với Ta rằng: "*Dùng phương tiện nào để được miễn trừ nạn này?"*

Lúc đó, Ta bảo với họ rằng: *"Nước Sư Tử này có Thánh Mã Vương, hay cứu tất cả hữu tình. Ngài ăn cỏ thuốc Đại Bạch, lăn mình nơi cát vàng, rồi đứng dậy lay lắc thân mình, nói ba lần là: "****Ai là người muốn qua bờ bên kia ?"*** *Tôi đã bảo với Mã Vương* (Āśva-rāja) *rằng***: "*Nay tôi nay muốn qua bờ bên kia*"**

Thời các người lái buôn lại bảo với Ta rằng: "*Ngày nào đi được đây*?"

Ta bảo chúng rằng*: "Sau ba ngày, quyết định sẽ đi. Mọi người hãy nên chuẩn bị đủ tư lương"* .

Nói lời đó xong, mọi người quay trở vào thành, mỗi một người đều về nhà của nữ La Sát. Cô gái ấy nhìn thấy, đi đến thăm hỏi rằng: "*Nay có mệt nhọc chăng?"*

Ta liền hỏi nữ La Sát ấy*: "Tôi chưa từng thấy nàng vui thích! Rừng vườn, ao tắm là có thật ư ?"*

Thời nữ La Sát ấy bảo với Ta rằng: "*Đại Thương Chủ! Nước Sư Tử này có mọi loại rừng vườn, ao tắm hợp ý"*

Ta bảo cô gái ấy rằng:*"Hãy như Pháp chuẩn bị đủ Tư Lương cho tôi. Ba ngày sau, tôi muốn đi dạo xem các vườn cây, ao tắm; ngắm danh hoa ấy, tôi sẽ hái mọi thứ hoa rồi đi về nhà".*

Thời nữ La Sát bảo với Ta rằng: *"Đại Thương Chủ! Tôi sẽ chuẩn bị đủ tư lương"*

Lúc đó sợ nữ La Sát ấy biết phương kế của Ta, ắt sẽ giết chết nên Ta suy nghĩ như vậy rồi lặng yên mà trụ. Nữ La Sát ấy lấy thức ăn uống rất ngon cho Ta. Khi ăn xong, Ta liền than thở …

Cô gái ấy hỏi rằng: *"Đại Thương Chủ! Vì sao lại than thở như vậy?"*

Lúc đó, Ta bảo với cô gái ấy rằng:*"Tôi vốn là người ở Nam Thiệm Bộ Châu nên nhớ đến đất cũ của mình"*

Cô gái ấy bảo với Ta rằng: "*Đại Thương Chủ! Đừng nhớ đến đất cũ. Nước Sư Tử này có mọi loại thức ăn uống, quần áo, kho tàng, mọi loại rừng vườn ao tắm đẹp ý, thọ hưởng mọi thứ khoái lạc. Vì sao lại nhớ cõi Nam Thiệm Bộ Châu ấy?"*

Thời Ta lặng yên mà trụ. Qua ngày đó rồi, đến ngày thứ hai cô gái ấy chuẩn bị đủ thức ăn uống, tư lương cho Ta. Các người lái buôn ấy thảy đều chuẩn bị đủ tư lương. Qua ngày thứ ba khi mặt trời vừa mới mọc thời đều ra khỏi bờ cõi ấy. Ra khỏi xong liền cùng nhau bàn luận: *"Nay chúng ta nên mau chóng đi, không nên ngoái nhìn nước Sư Tử này".*

Nói lời đó xong, Ta với Chúng ấy tức thời mau chóng đi đến chỗ của Thánh Mã Vương. Đến nơi xong, thấy Thánh Mã Vương ăn cỏ, lăn mình xong, lắc rũ lông trên thân. Khi ấy đất của nước Sư Tử đều chấn động, Mã Vương nói ba lần rằng: *"Nay người nào muốn qua đến bờ bên kia?"*

Các người lái buôn đều nói như vầy: *"Nay chúng tôi muốn qua đến bờ bên kia"*

Lúc ấy, Thánh Mã Vương vươn mình mạnh mẽ nói lời này: *"Các người nên tiến về phía trước, đừng nên ngoái lại nhìn nước Sư Tử!"*

Thánh Mã Vương ấy nói như vậy xong thời Ta cỡi lên Mã Vương trước tiên, sau đó năm trăm người lái buôn đều đều lên trên ngựa .

Khi ấy trong nước Sư Tử, các nữ La Sát đột nhiên nghe các thương nhân bỏ đi, thời miệng phát ra tiếng kêu thảm thiết, liền gấp rút đuổi theo, thương khóc, la gào, kêu

gọi phía sau. Khi các thương nhân nghe tiếng đó xong, quay đầu ngó lại, chẳng biết trong chốc lát bị rớt xuống. Khi thân rơi vào trong nước thời các nữ La Sát lấy thịt của thân ấy để ăn nuốt.

Khi ấy chỉ có một mình Ta về đến cõi Nam Thiệm Bộ Châu, Thánh Mã Vương ấy đưa đến bờ biển thì Ta bước xuống, nhiễu quanh Thánh Mã Vương ba vòng, liền lìa nơi ấy tìm đường đi đến đất cũ, về nơi cư ngụ của mình.

Khi đến nhà xong thời cha mẹ nhìn thấy đi về, liền vui mừng ôm chặt con mình, lại tuôn tràn nước mắt khóc thương. Trước kia cha mẹ vì Ta cho nên luôn khóc than đến nỗi con mắt kéo màng che mờ, nhân việc này được khỏi, mắt lại trong sáng như xưa.

Bấy giờ cha mẹ với con cùng ở một nơi. Ta bèn thuật lại đầy đủ những việc gian khổ đã trải qua. Cha mẹ nghe xong, bảo với Ta rằng: *"Ngày nay con được toàn mạng, an ổn trở về là tốt rồi! Ta không còn phải lo âu nữa, Ta chẳng cần con có nhiều tài bảo. Nay chính ta tự biết tuổi tác đã suy yếu, cần con gần gũi ra vào giúp đỡ. Đến khi ta chết, con hãy làm chủ để chôn cất thân của ta".*

Khi xưa cha mẹ đã dùng lời hiền thiện như thế để an ủi Ta. Trừ Cái Chướng! Lúc đó, Ta là thân Thương Chủ đã chịu những việc khổ não nguy nan như vậy!"

Đức Phật bảo Trừ Cái Chướng Bồ Tát: "Thánh Mã Vương ấy tức là Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, khi ấy trong cơn nguy nan, sợ hãi bị chết ấy đã cứu giúp cho Ta.

Trừ Cái Chướng! Nay Ta chẳng thể rộng nói số lượng Công Đức của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đó.

Nay Ta vì ông mà lược nói hết thảy Công Đức trong lỗ chân lông trên thân của Quán Tự Tại đó.

Trừ Cái Chướng! Thân của Quán Tự Tại Bồ Tát có lỗ chân lông bằng vàng ròng mà trong đó có vô lượng trăm ngàn vạn Câu chi na dữu đa Ngạn Đạt Phộc (Gandharva). Nhóm ấy không có nỗi khổ của luân hồi mà hưởng thọ sự khoái lạc tối thắng, thọ dụng các vật ở cõi Trời không có cùng tận, không có tâm ác, không có tâm ganh ghét, không có Tham Sân Si, thường hành tám Chính Đạo, thường thọ niềm vui của Pháp .

Trừ Cái Chướng! Ở trong lỗ chân lông vàng ấy lại có viên ngọc báu Như Ý (Cintāmaṇi-ratnaṃ) tên là **Phóng Quang** (Avabhāṣaṃ) tùy theo chúng Ngạn Đạt Phộc ấy nghĩ nhớ điều cần dùng gì thì tùy ý đầy đủ. Ở trong lỗ chân lông vàng đó có hiện ra điều này.

Lại có lỗ chân lông đen mà ở trong đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa các vị **Thần Tiên** (Ṛṣī) có đủ **Thần Thông** (Abhijña). Trong đó có vị có đủ một Thần Thông. Hoặc có đủ hai, ba, bốn, năm Thần Thông; cũng có kẻ có đủ sáu Thần Thông.

Ở trong lỗ chân lông ấy, lại hiện đất bằng bạc, vàng ròng làm núi, bạc trắng làm ngọn núi, ba mươi bảy báu, hoa sen ái nhiễm trang nghiêm núi ấy. Ở trong núi ấy có tám vạn bốn ngàn chúng Thần Tiên (Ṛṣīnāṃ). Tiên Chúng như vậy hiện ra cây Kiếp Thọ (Kalpa-vṛkṣa) với thân màu hồng thẫm, lá cây bằng **vàng ròng** (Suvarṇa) **bạc trắng** (Rūpya)… phóng ra ánh sáng báu.

Lại ở mỗi một lỗ chân lông hiện ra bốn ao báu, trong ấy tràn đầy nước tám Công Đức. Trong ao có hoa màu nhiệm nở đầy tràn, ở cạnh bờ ao có **cây Diệu Hương** (Sugandha-vṛkṣa) của cõi Trời, **cây Chiên Đàn Hương** (Candana-vṛkṣa). Lại có cây Kiếp Thọ trang nghiêm, ở trên treo mão Trời, vòng đeo tai, lại có Anh Lạc thù diệu tô điểm cho cây. Lại ở trên cây treo mọi cái chuông báu, đeo buộc áo màu nhiệm, áo lễ Kiều Thi Ca

Ở bên dưới mỗi một cây Kiếp Thọ này có một trăm **Ngạn Đạt Phộc Vương** (Gandharva-rāja) thường tấu các nhạc. Lại có các bầy nai, chim chóc, các loài linh cầm

nghe âm nhạc này thảy đều suy nghĩ: *"Các loại hữu tình, phần nhiều chịu nỗi khổ của Luân Hồi. Vì sao người ở Nam Thiệm Bộ Châu nhìn thấy phải chịu sinh, già, bệnh, chết, yêu nhau mà phải xa lìa… các khổ như vậy?!...."*

Các loài chim chóc, hươu nai này lúc đấy suy nghĩ tên gọi như vậy của Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** (Kāraṇḍa-vyūha-mahā-yāna-sūtra-ratna-rāja) như thế. Khi ấy, có thức ăn uống thượng vị của cõi Trời, các hương thơm màu diệu của cõi Trời, quần áo màu nhiệm của cõi Trời….. mọi vật tùy theo ý nghĩ đều đầy đủ như ý".

_Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Thế Tôn! Nay con nghe được việc thật là hiếm có !"

Đức Phật bảo: "Này Thiện Nam Tử! Ý của ông thế nào?"

Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn: "Tâm của loai hữu tình như vậy chỉ nghĩ đến danh hiệu của Kinh này còn được lợi ích an vui như thế. Nếu lại có người được nghe Kinh này, mà hay viết chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính thì người như vậy thường được an vui. Hoặc lại có người đối với Kinh này viết chép một chữ, thì ngày sau người này chẳng bị khổ của Luân Hồi, vĩnh viễn không sinh vào những nhà hạ tiện như: đồ tể, thái thịt nhỏ làm nem… Thân được sinh ra, hoàn toàn không bị lưng gù, miệng méo, môi sứt, ghẻ lác, cùng hết thảy những bệnh tướng không đáng ưa, đắc được thân tướng viên mãn, đầy đủ các căn, có thế lực lớn. Huống chi Công Đức có được của người thọ trì đọc tụng chép viết, cúng dường cung kính… đầy đủ

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen rằng: "Lành thay! Lành thay Trừ Cái Chướng! Nay ông khéo nói Pháp như vậy. Nay trong Hội này, vô số trăm ngàn vạn Trời, Rồng, Dược Xoa, Ngạn Đạt Phộc, A Tô La, Nghiệt Lỗ Noa, Khẩn Na La, Ma Hộ La Nga, người với Phi Nhân, Ô Ba Sách Ca, Ô Ba Tư Kế… Chúng của nhóm như vậy thảy đều nghe ông nói Pháp như vậy. Được nghe điều này rồi đem truyền bá rộng rãi Pháp Môn do ông đã hỏi"

_Thời Trừ Cái Chướng bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Thế Tôn! Nay nói Diệu Pháp này thời các Chúng Trời người sinh niềm tin bền chắc"

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen rằng: "Lành thay! Lành thay Thiện nam tử! Ông hay như vậy lạ hỏi về Công Đức đã hiện trong lỗ chân lông trên thân của Quán Tự Tại đó.

Trừ Cái Chướng! Vị ấy lại có vật báu trang nghiêm lỗ chân lông. Trong đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa **nữ Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva-kanyā) với diện mạo đoan nghiêm, hình thể đẹp đẽ, mọi thứ trang nghiêm . Sắc tướng như vậy có dáng như **Thiên Nữ** (Apsara). Mọi nỗi khổ của Tham Sân Si đều chẳng thể xâm hại nơi thân phần của họ, mà cũng chẳng chịu chút phần việc khổ não của Nhân Gian. Nữ Ngạn Đạt Phộc ấy ở trong ba Thời, niệm danh hiệu của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Ở lúc đó thời nhóm ấy đều được tất cả vật cần dùng ".

_Khi ấy, Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con muốn vào trong lỗ lông ấy để nhìn xem những việc đã có".

Đức Phật bảo: "Này Thiện Nam Tử! Lỗ chân lông của vị ấy không có bờ mé như Hư Không Giới cũng không có chướng ngại.

Thiện Nam Tử! Lỗ chân lông như vậy không có Chướng, không có Ngại, cũng không có Xúc Não. Trong lỗ chân lông ấy, **Phổ Hiền** Bồ Tát Ma Ha Tát (Samanta-bhadra) nhập vào trong đó đi mười hai năm mà chẳng thấy được bờ mé, nhìn thấy trong mỗi mỗi lỗ chân lông đều có các **Phật Bộ** (Buddha-kula) trụ ở đấy. Chính vì thế

cho nên Phổ Hiền chẳng thể nhìn thấy bờ mé xa gần, còn các Bồ Tát khác làm sao mà được thấy bờ mé ấy chứ !? …”

_Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong lỗ chân lông ấy đi mười hai năm vẫn chẳng thể nhìn thấy bờ mé ấy, mà các lỗ chân lông đều có trăm Đức Phật ở trong đó. Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát còn chẳng thể được thấy chỗ của bờ mé. Nay con làm thế nào để được vào trong đó đây?”

Đức Phật bảo: “Thiện Nam Tử! Ta cũng chẳng thấy sự vắng lặng vi diệu như vậy. Vì vị ấy không có Tướng cho nên hiện ra Thân to lớn có đủ mười một mặt mà trăm ngàn mắt viên mãn rộng lớn, được Địa tương ứng với sự vắng lặng trong suốt tự nhiên (Mahā-yogī-nirvāṇa-bhūmi: Đại Tương Ứng Niết Bàn Địa), **Đại Trí** (Mahā-Prajña) không có đắc, không có Luân Hồi, không thấy cứu độ, cũng không có Chủng Tộc, không có Trí Tuệ, cũng không có nói. Các Pháp như vậy: như hình bóng, tiếng vang.

Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát không có thấy, không có nghe vì vị ấy không có Tự Tính (Svabhāvakā) cho đến Như Lai cũng đã chẳng thấy.

Ý của ông thế nào? Thiện Nam Tử! Các Bồ Tát của nhóm Phổ Hiền đều có đủ sự chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chẳng thể biết rõ nơi biến hóa của Quán Tự Tại ấy.

Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát biến hiện mọi loại cứu độ vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa hữu tình, khiến được sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhavatī) thấy Đức Như Lai **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), được nghe Pháp Yếu đều khiến sẽ được thành Đạo Bồ Đề”

_Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Chẳng biết dùng phương tiện nào khiến cho con được Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đó?”

Đức Phật bảo: “Thiện Nam Tử! Bồ Tát ấy ắt sẽ đến Thế Giới Tát Ha (Sahā-lokadhātu) này để gặp Ta, lễ bái cúng dường”

Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Lúc nào thời có thể biết Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đó đi đến nơi này?”

Đức Phật bảo: “Thiện Nam Tử! Sau khi căn cơ của hữu tình ở đây đã thuần thục thời Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy đi đến đây trước tiên”

Thời Trừ Cái Chướng Đại Bồ Tát đưa bàn tay chống gò má rồi suy nghĩ: “*Nay Ta vì sao có tội chướng đó? Thọ mệnh tuy dài mà không có lợi ích, chẳng được thấy Quán Tự Tại Bồ Tát ấy để cung kính lễ bái, giống như người mù đi trên đường”*.

Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy, thật ra lúc nào mới đến nơi đây vậy?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn mỉm cười bảo rằng: “Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát vào lúc không có Thời thì lại là Thời đi đến .

Thiện Nam Tử! Thân của Bồ Tát ấy có lỗ chân lông tên là **Sái Cam Lộ** (Amṛta-bindu: Giọt Cam Lộ). Ở trong lỗ chân lông ấy, có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Trời Người cư trú. Trong đó, có người chứng **Sơ Địa** (Eka-bhūmi), **Nhị Địa** (Dvi-bhūmi) cho đến có kẻ chứng địa vị **Thập Địa** Bồ Tát Ma Ha Tát (Daśa-bhūmi)

Trừ Cái Chướng! Trong lỗ chân lông Sái Cam Lộ ấy có sáu mươi núi báu vàng bạc. Mỗi một ngọn núi ấy cao sáu vạn Du thiện na có chín vạn chín ngàn đỉnh núi. Dùng ngọc báu,vàng màu nhiệm của cõi Trời trang nghiêm khắp nơi. Bồ Tát Nhất Bổ Xứ an trụ ở đấy

Trừ Cái Chướng! Trong lỗ chân lông Sái Cam Lộ ấy lại có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Cung điện, dùng ngọc bái màu nhiệm Ma Ni của cõi Trời trang

nghiêm khắp nơi, người nhìn thấy đều vui thích. Lại có mọi loại Chân Châu, Anh Lạc chen nhau tô điểm.

Ở cung điện ấy đều có Bồ Tát nói Pháp vi diệu, ra khỏi cung điện đó thời mỗi mỗi vị đều đi Kinh Hành

Ở nơi Kinh Hành (Caṃkrameṣu) có bảy mươi bảy cái ao báu, trong đó tràn đầy nước tám Công Đức. Có mọi loại hoa, ấy là: hoa **Ốt Bát La** (Utpala), hoa **Bát Nột-Ma** (Padma), hoa **Củ Mẫu Na** (Kumuda), hoa **Bôn Noa Lợi Ca** (Puṇḍarika), hoa **Táo Ngạn Đà Ca** (Saugandhika), hoa **Mạn Na La** (Māndāra), hoa **Ma Hạ Mạn Na La** (Mahā-māndāra) nở tràn trong đó.

Đất Kinh Hành ấy có **cây Kiếp Thọ** (Kalpa-vṛkṣa) vừa lòng ưa thích, dùng vàng bạc của cõi Trời để làm cành lá trang nghiêm. Ở bên trên treo các mão Trời, vòng đeo tai, Trân bảo, Anh Lạc, mọi thứ trang nghiêm.

Các Bồ Tát ấy đi Kinh Hành xong. Ở ban đêm thời nhớ nghĩ mọi loại Pháp của Đại Thừa, suy tư **đất Tịch Diệt** (Nairvāṇikīṃ-bhūmi), suy nghĩ các nẻo Địa Ngục, Quỷ đói, Bàng Sinh. Suy nghĩ như thế xong thì nhập vào Tam Muội **Từ Tâm** (Maitrīṃ).

Trừ Cái Chướng! Ở trong lỗ chân lông ấy hiện ra các Bồ Tát như vậy.

Lại có lỗ chân lông tên là **Kim Cương Diện** (Vajra-mukha) mà ở trong đó có vô số trăm ngàn vạn chúng **Khẩn Na La** (Kiṃnara) với mọi loại vòng hoa, Anh Lạc trang nghiêm khắp thân, dùng hương xoa bôi màu nhiệm xoa bôi thể ấy, người nhìn thấy vui vẻ. Nhóm ấy thường luôn niệm Phật Pháp Tăng, được niềm tin chẳng hoại, trụ Pháp **Nhẫn** (Kṣānti), **Từ** (Maitrī), suy nghĩ **Tịch Diệt** (Nīrvaṇa), xa lìa Luân Hồi.

Như vậy! Như vậy Thiện Nam Tử! Chúng Khẩn Na La ấy sinh tâm yêu thích.

Lỗ chân lông ấy có vô số ngọn núi mà ở trong đó có hang báu Kim Cương, hang báu bằng vàng , hang báu bằng bạc, hang báu **Pha Chi Ca** (Sphaṭika), hang báu màu hoa sen, hang báu màu màu xanh, lại có hang đầy đủ bảy báu

Như vậy Thiện Nam Tử! Ở lỗ chân lông ấy có biến hiện này mà ở trong đó có vô số cây Kiếp Thọ (Kalpa-vṛkṣa), vô số cây lớn Chiên Đàn (Candana-vṛkṣa), cây Vi Diệu Hương (Saugandhika-vṛkṣa) , vô số ao tắm. Trăm ngàn vạn cung Trời điện báu, Pha Chi Ca trang nghiêm khéo léo đẹp đẽ điện báu thanh tịnh thích ý.

Ở đấy hiện ra Cung Điện như vậy cho chúng Khẩn Na La nghỉ ngơi trong đó. Nghỉ ngơi xong liền nói Pháp vi diệu, ấy là: Pháp **Bố Thí Ba La Mật Đa** (Dāna-pāramitā) với Pháp **Trì Giới** (Śīla-pāramitā), **Nhẫn Nhục** (Kṣānti-pāramitā), **Tinh Tiến** (Vīrya-pāramitā), **Thiền Định** (Dhyāna-pāramitā), **Trí Tuệ Ba La Mật Đa** (Prajña-pāramitā). Nói **sáu Pháp Ba La Mật** (Ṣaṭ-pāramitā) xong thời mỗi mỗi đều đi Kinh Hành,

Ở nơi đó có đường đi Kinh Hành bằng vàng ròng, đường đi Kinh Hành bằng bạc trắng. Chung quanh nơi đó có cây Kiếp Thọ với lá cây bằng vàng bạc, bên trên có mọi loại áo khoác ngoài, mão báu, vòng đeo tai, chuông báu, Anh Lạc…. Như vậy trang nghiêm nơi đi Kinh Hành ấy .

Lại có lầu gác để cho Khẩn Na La đi Kinh Hành ở đó suy nghĩ các khổ trầm luân, *"Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, nghèo cùng khốn khổ, khổ vì yêu thương mà phải xa lìa, khổ vì ghét nhau mà phải gặp gỡ, khổ vì cầu không mong được. Hoặc bị bị ở Địa Ngục **Châm Thứ*** (Raurava), *Địa Ngục **Hắc Thằng*** (Kāla-sūtra), *Đại Địa Ngục **Hát Hề*** (Hāhave), *Đại Địa Ngục **Cực Nhiệt*** *(*Praptāne), *Đại Địa Ngục **hầm lửa*** (Agnighaṭeṣu)… *Hoặc bị đọa vào nẻo **Quỷ đói*** (Preta)...*Hữu tình như vậy chịu nhận đại khổ não"*

Khẩn Na La ấy tác suy nghĩ đó.

Như vậy Thiện Nam Tử! Khẩn Na La ấy vui thích Pháp thâm sâu (Dharmābhiratā), suy nghĩ **Viên Tịch Chân Giới** (Nairvāṇakīṃ-bhūmi). Lại ở mọi

Thời thường niệm danh hiệu của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, do xưng niệm đó mà ngay lúc ấy được các vật dụng cần thiết thảy đều dư đủ.

Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát cho đến danh hiệu cũng khó được gặp. Vì sao vậy? Do vị ấy ban cho tất cả hữu tình như là đại cha mẹ, tất cả sự sợ hãi của hữu tình thì ban cho sự không sợ, làm Đại Thiện Hữu mở lối nẻo cho tất cả hữu tình.

Như vậy Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát có **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya-dhāraṇī) rất khó gặp được. Nếu có người hay xưng niệm tên ấy sẽ được sanh trong lỗ chân lông kia, chẳng bị trầm luân. Khi ra khỏi một lỗ chân lông rồi lại đi đến một lỗ chân lông khác, ở đó an trụ cho đến khi chứng Địa **Viên Tịch** (Nairvāṇkīṃ-bhūmi)"

_Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Thế Tôn! Nay **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này, làm theo chốn nào để được vậy?"

Đức Phật bảo: "Thiện Nam Tử! **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này rất khó gặp được, cho đến Như Lai mà cũng chẳng biết được chỗ sở đắc thì Bồ Tát ở Nhân Vị làm sao mà biết được nơi chốn!.

Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: " Đà La Ni như vậy. Nay Đức Phật Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, vì sao mà chẳng biết được?!.."

Đức Phật bảo: "Này Thiện Nam Tử! **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này **Bản Tâm vi diệu** (Parama-hṛdaya) của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu có biết Bản Tâm vi diệu đó liền biết **giải thoát** (Mokṣa)

Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Thế Tôn! Trong các hữu tình, có ai hay biết **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó không?"

Đức Phật bảo: "Không có ai biết. Thiện Nam Tử! **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này, vô lượng tương ưng Như Lai còn chẳng biết thì Bồ Tát làm sao mà được biết nơi chốn của Bản Tâm Vi diệu của Quán Tự Tại Bồ Tát này!?... Ta đi qua các quốc độ ở phương khác cũng không có ai biết nơi chốn của **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này.

Nếu có người hay thường thọ trì **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này. Vào lúc trì tụng thời có chín mươi chín căng già hà sa số Như Lai tập hội. Lại có chúng Thiên Tử ở **ba mươi hai cõi Trời** (Dvatriṃśaddevanikāyā) cũng đều nhóm hội. Lại có **bốn vị Đại Thiên Vương** (Catur-mahā-rāja) ở bốn phương vệ hộ người đó. Lại có **Sa Nga La Long Vương** (Sāgara-nāga-rāja), **Vô Nhiệt Não Long Vương** (Anavatapta-nāga-rāja), **Đắc Xoa Ca Long Vương** (Takṣa-nāga-rāja), **Phạ Tô Chỉ Long Vương** (Vaṣuki-nāga-rāja), như vậy vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa **Long Vương** (Nāga-rāja) đến vệ hộ người đó. Lại ở hàng **Dược Xoa ở trong Đất** (Bhauma-yakṣa), **Hư Không Thần** (Gagana-Devatā) cũng đến vệ hộ người đó.

Thiện Nam Tử! Câu chi số Như Lai trong lỗ chân lông trên thân của Quán Tự Tại Bồ Tát nghỉ ngơi xong thì khen ngợi người đó rằng: "Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ngươi hay được **báu Ma Ni Như Ý** (Cintāmaṇi-ratna) này, bảy đời giòng họ của ngươi đều sẽ được giải thoát ấy"

Thiện Nam Tử ! Hết thảy loài trùng ở trong bụng của người Trì Minh ấy sẽ được địa vị **Bất Thoái Chuyển Bồ Tát** (Tevaivartikādhi-Bodhisattva)

Nếu lại có người đem **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này để trong thân, đeo trên cổ, đội giữ trên đỉnh đầu. Thiện Nam Tử ! Nếu có được người đeo giữ đó ắt đồng với thấy thân của Kim Cương, như thấy tháp Xá Lợi, lại như thấy Đức Như lai, lai như thấy người có đủ một trăm câu chi Trí Tuệ.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện mà hay y theo Pháp, niệm **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này, thì người đó sẽ được Biện Tài không cùng tận, được nhóm Trí thanh

tịnh, được Đại Từ Bi. Người như vậy, ngày ngày được đầy đủ Công Đức viên mãn của sáu Ba La Mật Đa. Người đó được **Chuyển Luân Quán Đỉnh** (Cakravatyābhiṣekaṃ) của cõi Trời, hơi phát ra từ trong miệng của người đó chạm đến thân người khác thì người được tiếp chạm phát khởi tâm lành, lìa các sân độc, sẽ được **Bất Thoái Chuyển Bồ Tát** (Tevaivartikādhi-Bodhisattva), mau chóng chứng được **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác).

Nếu người đeo giữ và thọ trì lấy tay chạm vào thân của người khác thì người đã được rờ chạm ấy mau được địa vị của Bồ Tát.

Nếu người đeo giữ đó nhìn thấy người nam, người nữ, đồng nam, đồng nữ cho đến thân của các hữu tình khác loài… người đã được nhìn thấy như vậy thảy đều mau được địa vị của Bồ Tát.

Người như vậy vĩnh viễn chẳng bị khổ bởi sinh, già, bệnh, chết; khổ vì yêu thương mà phải xa lìa… mà được sự niệm tụng tương ưng chẳng thể luận bàn..

Nay **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này được nói như vậy

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ BA (Hết)

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1050 (Tr.59 _Tr. 64)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ TƯ

Hán dịch: Trung Ấn Độ_Nước Nhạ Lạn Đà La, Tam Tạng của chùa Mật Lâm, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bày tôi là) THIÊN TỨC TAI phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay con làm thế nào để được **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó? Nếu được điều ấy thì tương ứng với vô lượng Thiền Định chẳng thể luận bàn, liền đồng được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vào Môn **Giải Thoát** (Mokṣasya), thấy Địa **Niết Bàn** (Nirvāṇa), diệt hẳn **Tham** (Rāga) **Sân** (Dveṣa), viên mãn **Pháp Tạng** (Dharma-rājasya), phá hoại sự luân hồi của **năm nẻo** (Pañca-gatika), tịnh các **Địa Ngục** (Narakānāṃ), đoạn trừ **phiền não** (Kleśānāṃ), cứu độ **bàng sanh** (Tirya-yogi-gatānāṃ), viên mãn **Pháp Vị** (Dharmānāṃ), **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-Jñāna) diễn nói không tận.

Thế Tôn! Con cần **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó. Vì điều này cho nên con đem bảy báu tràn đầy trong bốn Châu lớn (Catur-dvīpān) bố thí dùng để chép viết.

Thế Tôn! Nếu thiếu giấy bút, con sẽ đâm vào thân, lấy máu dùng làm mực, lột da dùng làm giấy, chẻ xương dùng làm bút.

Như vậy Thế Tôn! Con không có hối tiếc, mà tôn trọng như cha mẹ của con".

_Bấy giờ Đức Phật bảo Trừ Cái Chướng Bồ Tát rằng: "Này Thiện Nam Tử! Ta nhớ thời quá khứ, vì **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này, mà đã trải qua khắp số Thế Giới nhiều như bụi nhỏ. Ta cúng dường vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa các Đức Như Lai, Ta ở chỗ của các Như Lai ấy chẳng được mà cũng chẳng nghe.

Thời, đời đó có Đức Phật tên là **Bảo Thượng** (Ratnottama**) Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn**. Ta ở trước mặt Đức Phật đó, rơi lệ buồn khóc. Thời Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác ấy nói: "Thiện Nam Tử! Ông hãy đi, đừng nên buồn khóc!... Thiện Nam Tử! Ông đi đến chốn kia, thấy Đức **Liên Hoa Thượng** (Padmottama) **Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác**. Đức Phật ấy biết **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó.

Thiện Nam Tử! Ta từ giã, rời khỏi chỗ của Đức Bảo Thượng Như Lai, đi đến cõi Phật (Buddha-kṣetra) của Đức Liên Hoa Thượng Như Lai. Đến nơi xong, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, chắp tay ngay trước mặt: "Nguyện xin Đức Thế Tôn cho con **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni**. Chân Ngôn Vương ấy là tất cả **Bản Mẫu** (Mātreṇa), nhớ niệm tên ấy thì tiêu trừ tội dơ, mau chứng Bồ Đề. Vì điều này cho nên nay con mệt mỏi khốn cùng. Con đi qua vô số thế giới mà chẳng thể được. Nay con quay trở lại chốn này.

Khi ấy Đức **Liên Hoa Thượng Như Lai** (Padmottama-Tathāgata) liền nói Công Đức của **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này rằng: "Thiện Nam Tử! Hết thảy bụi nhỏ, Ta có thể đếm được số lượng. Thiện Nam Tử! Nếu có người niệm **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Lại như hết thảy số cát trong biển lớn, Ta có thể đếm được số lượng của mỗi một hạt. Thiện Nam Tử! Nếu niệm Đại Minh có sáu chữ (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya: Lục Tự Đại Minh) một biến, thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Lại như Trời Người tạo lập kho lẫm, chu vi một ngàn du thiện na, cao một trăm du thiện na, cất chứa hạt mè tràn đầy trong ấy mà không có kẻ hở chứa được mũi kim, người giữ kho ấy chẳngg già chẳng chết, trải qua một trăm kiếp, ném bỏ một hạt mè ra ngoài. Như vậy trong kho ném hết không dư sót thời Ta có thể đếm được số lượng ấy. Thiện Nam Tử! Nếu niệm **Lục Tự Đại Minh** một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Lại như bốn Châu lớn gieo trồng mọi loại lúa tẻ, lúa nếp…. Long Vương tuôn mưa đúng thời thấm ướt, xong thời vật đã được gieo trồng thảy đều chín vàng, thu cắt đều xong. Lấy cõi Nam Thiệm Bộ Châu mà làm sân chứa, dùng xe cộ vận chuyển chở về sân, dẫm đạp chọn lựa xong xuôi, dồn thành đống lớn. Thiện Nam Tử! Ta có thể đếm được số lượng của mỗi một hạt lúa ấy. Thiện Nam Tử! Nếu niệm **Lục Tự Đại Minh** này một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Hết thảy con sông lớn tuôn chảy ngày đêm ở cõi **Nam Thiệm Bộ Châu** (Jambū-dvīpe), ấy là: Sông **Tỷ Đa** (Sītā), sông **Kinh Nga** (Gaṅgā), sông **Diễm Mẫu Na** (Yamunā), sông **Phộc Sô** (Sindhu), sông **Thiết Đa Lỗ Nại Ra** (Śatadru), sông **Tán Nại-La Bà Nghiệt** (Candrabhāgā), sông **Ai La Phộc Để** (Erāvatī), sông **Tô Ma Nga Đà** (Sumāgandhā), sông **Hứ Ma** (Himaratī), sông **Ca La Thú Na Lý** (Kalaśodarī). Mỗi một con sông này đều có năm ngàn con sông nhỏ làm chi nhánh, ngày đêm tuôn chảy vào biển lớn. Như vậy Thiện Nam Tử! Sông lớn của nhóm ấy, Ta có thể đếm được số lượng của mỗi một giọt nước ấy. Thiện Nam Tử! Nếu niệm **Lục Tự Đại Minh** này một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Lại như hết thảy loài hữu tình có bốn chân ở trong bốn Châu lớn như: Sư tử, voi, ngựa, bò rừng, trâu, cọp, sói, khỉ, nai, dê đen, dê, chồn, thỏ…loài có bốn chân của nhóm như vậy, Ta có thể đếm được số lượng của mỗi một sợi lông. Thiện Nam Tử ! Nếu niệm **Lục Tự Đại Minh** một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Lại như **Kim Cương Câu Sơn Vương** (Vajrāṅkuśa-parvata-rāja) cao chín vạn chín ngàn **du thiện na** (Yojana), bên dưới tám vạn bốn ngàn du thiện na, Kim Cương Câu Sơn Vương ấy, mỗi mặt vuông đều dài tam vạn bốn ngàn du thiện na. Núi ấy có người chẳng già chẳng chết, trải qua một Kiếp nhiễu quanh núi được một vòng. **Sơn Vương** (Parvata-rāja) như vậy, Ta dùng **áo lễ Kiều thi ca** (Kauśika-vastreṇa) thời Ta có thể phủi hết không có dư sót. Nếu có người niệm **Lục Tự Đại Minh** này một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử Lại như biển lớn sâu đến tám vạn bốn ngàn du thiện na, miệng hố rộng lớn vô lượng, Ta có thể dùng một đầu sợi lông nhét vừa hết không có dư sót. Thiện Nam Tử! Nếu có người niệm **Lục Tự Đại Minh** này một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Lại như **rừng cây Đại Thi Lợi Sa** (Mahā-śīrṣa-vaṇa), Ta có thể đếm hết số lượng của mỗi một cái lá. Thiện Nam Tử! Nếu niệm **Lục Tự Đại Minh** này một biến thì Công Đức đã được, Ta chẳng thể đếm được số lượng ấy.

Thiện Nam Tử! Lại như khắp bốn Châu lớn, người nam, người nữ, đồng nam, đồng nữ cư trú khắp trong đó, như vậy tất cả đều được địa vị của **Thất Địa** Bồ Tát (Sapta-bhūmi) thời hết thảy Công Đức của chúng Bồ Tát ấy cùng với Công Đức niệm **Lục Tự Đại Minh** biến đều không có khác.

Thiện Nam Tử! Trừ năm có mười hai tháng ra, gặp năm nhuận thì một năm có mười ba tháng. Lấy tháng nhuận dư ra ấy tính làm số năm đủ mãn một Kiếp trên cõi Trời, ở đó ngày đêm thường tuôn mưa lớn. Thiện Nam Tử! Như vậy Ta có thể đếm

được số lượng của mỗi một hạt mưa. Nếu có người niệm **Lục Tự Đại Minh** này một biến thì số lượng Công Đức rất nhiều hơn cả điều kia.

Ý của ông thế nào? Thiện Nam Tử! Lại như một **câu chi** (Koṭi:một trăm triệu) số Như Lai ở tại một chỗ. Trải qua một Kiếp của cõi Trời đem quần áo, thức ăn uống, vật dụng dùng ngủ nghỉ với thuốc thang, đồ dùng cần thiết… mọi loại cúng dường các Đức Như Lai ấy mà cũng chẳng thể đếm hết số lượng Công Đức của Đại Minh có sáu chữ (Lục Tự Đại Minh). Chẳng phải chỉ có Ta ngày nay ở Thế Giới này, Ta khởi trong Định cũng chẳng thể luận bàn.

Thiện Nam Tử! Đây là Pháp **Vi Diệu** (Sūkṣma), **Gia Hành** (Anāgata), **Quán Trí** (Avyakta), **tất cả Tương Ứng** (Bhāvanāyoga). Ông ở đời vị lai sẽ được Pháp của **Tâm Vi Diệu** (Parama-hṛdaya) đó. Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát khéo trụ **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** như vậy..

Thiện Nam Tử! Ta dùng Gia Hành trải qua khắp vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Thế Giới, đến chỗ của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-Tathāgata), đứng ngay trước mặt, chắp tay vì Pháp mà rơi lệ khóc lóc.

Thời Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, thấy Ta tại đó và vì đời vị lai mà bảo Ta rằng: "Thiện Nam Tử! Ông cần Quán Hạnh Du Già (Bhāvanāyoga) của **Lục Tự Đại Minh Vương** này ư? "

Thời Ta bạch rằng: "Bạch Đức **Thế Tôn** (Bhagavan)! Con cần Pháp đó. Bạch Đấng **Thiện Thệ** (Sugata)! Con cần Pháp đó, như người quá khát cần có nước.

Thế Tôn! Con vì **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó nên đi qua vô số Thế Giới, thừa sự cúng dường vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Như Lai, mà chưa từng được **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó. Nguyện xin Đức Thế Tôn cứu kẻ ngu độn như con; như người không đầy đủ khiến cho được đầy đủ; người mê mất lối đi được dẫn bày đường đi; vì ánh nắng mặt trời gây nóng bức mà làm bóng che mát ; nơi ngã tư đường trồng **cây Sa La** (Śālā-vṛkṣa). Tâm con khao khát mong cầu Pháp đó. Nguyện xin mở lối khiến được khéo trụ nơi Đạo **Cứu Cánh**, khoác mặc **giáp trụ Kim Cương** (Vajra-kavaca)"

Khi ấy, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, dùng âm thanh Ca Lăng Tần Già bảo Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Thiện Nam Tử! Ông thấy Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác đó vì **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này mà phải trải qua khắp vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Thế Giới.

Thiện Nam Tử! Ông nên trao cho Đại Minh có sáu chữ đó. Đức Như Lai này vì nó cho nên đi đến đây".

Quán Tự Tại Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Người chẳng thấy **Mạn Noa La** (Maṇḍala: Đàn Trường) thì chẳng thể được Pháp này. Làm sao biết là **Liên Hoa Ấn** (Padmāṅka-mudra)? Làm sao biết là **Trì Ma Ni Ấn** (Maṇidhara-mudra)? Làm biết **Nhất Thiết Vương Ấn** (Sarva-rājendrā-mudra)? Làm sao biết là **Thể Thanh Tịnh của Mạn Noa La** (Maṇḍala-pariśuddhiṃ)?

Nay tướng của Mạn Noa La này: Chu vi bốn phương vuông vức, đều dài khoảng năm khuỷu tay, chính giữa (trung tâm) Man Noa La an lập Đức **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus). Dùng phấn an bày, nên dùng bột báu **Nhân Nại La Nỉ La** (Indra-nīla-cūrṇaṃ), bột báu **Bát Nột Ma La Nga** (Padma-rāga-cūrṇaṃ), bột báu **Ma La Yết Đa** (Marakata-cūrṇaṃ), bột báu **Pha Để Ca** (Sphāṭika-cūrṇaṃ), bột báu **Tô phộc La Noa Lỗ Bá** (Suvarṇa-rūpya-cūrṇaṃ)

Ở bên phải Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, để **Trì Đại Ma Ni Bảo Bồ Tát** (Mahā-maṇi-dhara-bodhisattva)

Ở bên trái Đức Phật để Đức **Lục Tự Đại Minh** (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya) có bốn cánh tay, màu thịt trắng như màu mặt trăng mùa Thu với mọi loại báu trang nghiêm. Tay trái cầm hoa sen, bên trên hoa sen để báu Ma Ni. Tay phải cầm tràng hạt, hai tay bên dưới kết Nhất Thiết Vương Ấn.

Ở bên dưới bàn chân của Đức **Lục Tự Đại Minh** để Trời Người với mọi thứ trang nghiêm; tay phải cầm lò hương, lòng bàn tay trái bưng cái bát chứa đầy các thứ báu.

Ở bốn góc của Mạn Noa La bày hàng bốn vị Đại Thiên Vương, cầm giữ mọi loại Khí Trượng.

Ở bốn góc bên ngoài Mạn Noa La để bốn cái **Hiền Bình** (Pūrṇa-kumbhā) chứa đầy mọi loại **báu Ma Ni** (Maṇi-ratna)

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện muốn vào Mạn Noa La đó thì hết thảy quyến thuộc chẳng được theo vào trong Mạn Noa La đó mà chỉ viết tên của họ. Người vào trước tiên ném tên họ của quyến thuộc ấy vào trong Mạn Noa La thời các quyến thuộc đều được địa vị của Bồ Tát. Ở trong người ấy lìa các khổ não, mau chứng được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Vị A Xà Lê (Ācārya) ấy chẳng được vọng truyền. Nếu có phương tiện khéo léo, tin sâu Đại Thừa, gia hạnh chí cầu giải thoát, người như vậy thì nên trao cho, chẳng nên trao cho **Ngoại Đạo Dị Kiến** (Tīrthikasya).

Khi ấy, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác bảo Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Thiện Nam Tử! Nếu có bột báu của năm loại màu như vậy thì mới được kiến lập Mạn Noa La đó. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện lại nghèo túng, chẳng thể lo liệu được bột báu đó thì phải làm thế nào?”

Quán Tự Tại bạch rằng: “Thế Tôn! Nên phương tiện, dùng mọi thứ nhan sắc (Araṅgaṇī) mà làm , đem mọi thứ **hương** (Gandha) **hoa** (Puṣpa) để cúng dường.

Nếu kẻ trai lành cũng chẳng thể lo liệu được, hoặc ở nhờ nơi quán trọ, hoặc đang đi trên đường thời vị A Xà Lê vận ý tưởng thành Mạn Noa La, kết **A Xà Lê Ấn Tướng** (Ācāryeṇa-mantra-mudrālakṣṇa)

Lúc đó, Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác bảo Quán Tự Tại Bồ Tát rằng: “Thiện Nam Tử hãy nói **Lục Tự Đại Minh Vương Đà La Ni** này để trao cho Ta. Ta vì vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa hữu tình, khiến họ được xa lìa khổ não của Luân Hồi, mau chóng chứng A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát trao cho Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, nên nói **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** là:

“Án, ma ni bát nột- minh hồng”

𑖌𑖼 𑖦𑖜𑖰 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽

OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Lúc đang nói **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này thời bốn Châu lớn và các Cung Trời, thảy đều chấn động lung lay như tàu lá chuối, nước bốn biển lớn nổi sóng cuồn cuộn. Tất cả hàng **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Cung Bàn Noa** (Kumbhaṇḍa), **Ma Hạ Ca La** (Mahā-kāla) với các quyến thuộc, các **Ma** (Mātṛ-gaṇa: chúng Âm Mẫu), **loài gây chướng ngại** (Vighna) thảy đều sợ hãi chạy trốn.

Bấy giờ Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, duỗi cánh tay như cái vòi của Tượng Vương, trao cho Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát chuỗi Anh Lạc giá trị bằng trăm ngàn hạt Chân Châu để dùng cúng dường.

Quán Tự Tại Bồ Tát đã nhận được xong, liền cầm dâng lên Đức Vô Lượng Thọ Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Đức Phật ấy nhận xong thì quay lại đem dâng lên Đức Liên Hoa Thượng Như Lai. Vào lúc đó Đức Liên Hoa Thượng Phật đã nhận được **Lục**

Tự Đại Minh Đà La Ni đó xong, liền quay trở lại trong Thế Giới Liên Hoa Thượng (Padmotama-lokadhātu) ấy

Như vậy Thiện Nam Tử! Vào thời xa xưa, Ta ở chỗ của Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác ấy đã được nghe Đà La Ni đó".

_Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Khiến cho con làm thế nào để được **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó?!...

Thế Tôn! Như vậy tương ứng với sự sung mãn mùi vị thuộc Đức của Cam Lộ.

Thế Tôn! Nếu con được nghe Đà La Ni đó thì không có biếng trễ, tâm tha thiết ghi nhớ suy nghĩ rồi hay thọ trì, khiến cho các hữu tình được nghe **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó, được Công Đức lớn. Nguyện hãy vì con tuyên nói".

Đức Phật bảo: "Thiện Nam Tử! Nếu có người viết chép **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này ắt đồng với người viết chép tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng mà không có khác.

Nếu có người đem vàng báu của cõi Trời tạo làm số hình tượng Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, nhiều như bụi nhỏ. Như vậy làm xong, rồi ở một ngày vui mừng khen ngợi cúng dường thời Quả Báo đã được chẳng bằng Quả Báo đã được của người viết chép một chữ trong **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này, Công Đức chẳng thể luận bàn, khéo trụ Giải Thoát

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện y theo Pháp, niệm **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này thì người đó sẽ được **Tam Ma Địa** (Samādhi), ấy là: Tam Ma Địa **Trì Ma Ni Bảo** (Maṇi-dhara), Tam Ma Địa **Quảng Bác** (Vipula), Tam Ma Địa **Thanh Tịnh Địa Ngục Bàng Sinh** (Naraka-tiryak-saṃśodhana), Tam Ma Địa **Kim Cương Giáp Trụ** (Vajra-kavaca), Tam Ma Địa **Diệu Túc Bình Mãn** (Supratiṣṭhi-caraṇa), Tam Ma Địa **Nhập Chư Phương Tiện** (Sarvopāya-kauśalya-praveśana), Tam Ma Địa **Quán Trang Nghiêm** (Dhyānālaṃkara), Tam Ma Địa **Pháp Xa Thanh** (Dharma-rathābhirūḍha), Tam Ma Địa **Viễn Ly Tham Sân Si** (Rāga-dveṣa-moha-parimokṣaṇa), Tam Ma Địa **Vô Biên Tế** (Ananta-vasta), Tam Ma Địa **Lục Ba La Mật Môn** (Ṣaṭ-pāramitā-nirdeśa), Tam Ma Địa **Trì Đại Diệu Cao** (Mahā-meru-dhara), Tam Ma Địa **Cứu Chư Bố Úy** (Sarva-bhavottāraṇa), Tam Ma Địa **Hiện Chư Phật Sát** (Sarva-buddha-kṣetra-saṃdarśana)… được 108 Tam Ma Địa của nhóm như vậy".

_Lúc đó, Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay con ở nơi nào khiến cho con được **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó. Nguyện xin vì con mà tuyên bày"

Đức Phật bảo: "Thiện Nam Tử! Ở Đại Thành **Ba La Nại** (Vārāṇa) có một vị Pháp Sư (Dharma-bhāṇaka) thường tác ý thọ trì khóa tụng **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni**

_"Bạch Đức Thế Tôn! Nay con muốn đến Đại Thành Ba La Nại gặp vị Pháp Sư ấy để lễ bái cúng dường"

Đức Phật nói: "Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Vị Pháp Sư ấy rất khó được gặp gỡ, hay thọ trì **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** đó. Thấy vị Pháp Sư ấy đồng với thấy Đức Như Lai không có khác, như thấy Thánh Địa Công Đức, như thấy nơi **nhóm tụ Phước Đức** (Pūṇya-kūṭa), như thấy **nơi cất chứa trân bảo** (Ratna-rāśiriva), như thấy ban cho **viên ngọc Ma Ni Như Ý** (Cintāmaṇi), như thấy **Pháp Tạng** (Dharma-rāja:Pháp Vương), như thấy **Đấng Cứu Thế** (Jagaduttāraṇa)

Thiện Nam Tử! Nếu ông nhìn thấy vị Pháp Sư đó thời chẳng được sinh Tâm khinh mạn nghi ngờ.

Thiện Nam Tử! Sợ ông bị lùi mất địa vị Bồ Tát của ông, ngược lại sẽ chịu trầm luân!.... Vì Giới Hạnh của vị Pháp Sư ấy có khuyết phạm, lại có vợ con, đại tiểu tiện dính dơ **áo Ca sa** (Kāṣā), không có uy nghi".

Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Như lời Đức Phật dạy dỗ răn bảo"

_Khi ấy, Trừ Cái Chướng Bo Tát với vô số Chúng Bồ Tát Xuất Gia, Trưởng Giả, Đồng Tử, Đồng Nữ, ủng hộ tùy tùng, muốn hưng khởi Cúng Dường, cầm lọng của cõi Trời với các vật cúng, mão báu, vòng đeo tai, Anh Lạc trang nghiêm, nhẫn đeo ngón tay, **quần áo lễ Kiêu Thi Ca** (Kauśila-vastra) , lụa là, vật dụng nằm nghỉ…

Lại có mọi loại hoa màu nhiệm, ấy là: Hoa **Ưu Bát La** (Utpala), hoa **Củ Mẫu Na** (Kumuda), hoa **Bôn Noa Lý Ca** (Puṇḍarika), hoa **Mạn Na La** (Māndāra), hoa **Ma hoa Ma Ha Mạn Na La** (Mahā-māndāra), hoa **Mạn Thù Sa** (Mañjuṣaka), hoa **Ma Ha Mạn Thù Sa** (Mahā-mañjuṣaka), hoa **Ưu Đàm Bát La** (Udumbarā).

Lại có hoa của mọi loại cây như: Hoa **Chiêm Ba Ca** (Caṃpaka), hoa **Ca La Vĩ La** (Karavīra), hoa **Ba Tra La** (Pāṭalā), hoa **A Để Mục Cật Đa Ca** (Ati-muktaka), hoa **Phộc Lật-Sử Ca Thiết** (Vārṣikāniśa), hoa **Quân Đá** (Kuna), hoa **Tô Ma Na** (Sumana), hoa **Ma Lý Ca** (Mālika). Còn có chim Uyên Ương, Bạch Hạc, **Xá Lợi** (Śāli)… bay nhảy theo sau

Lại có trăm loại lá cây có **màu xanh** (Nīla), **vàng** (Pīta), **đỏ** (Lohita), **trắng** (Avadata), **hồng** (Māñjiṣṭha), **Pha Chi Ca** (Sphaṭika). Lại có mọi loại quả trái ngon lạ.

Cầm vật cúng dường của nhóm như vậy đi qua Đại Thành Ba La Nại, đến chỗ ở của vị Pháp Sư. Đến nơi xong, cúi đầu mặt đỉnh lễ bàn chân của vị ấy. Tuy nhìn thấy vị Pháp Sư bị khuyết phạm Giới Hạnh, không có uy nghi nhưng vẫn đem tàn lọng, vật cúng, hương hoa, quần áo, vật trang nghiêm …làm đại lễ cúng dường. Xong rồi chắp tay đứng trước mặt vị Pháp Sư , nói rằng:

"**Đại Pháp Tạng** là kho tàng của vị Cam Lộ, là biển Pháp thâm sâu giống như Hư Không. Tất cả mọi người lắng nghe Ngài nói Pháp. Trời, Rồng, Dược Xoa, Ngạn Đạt Phộc, A Tô La, Nga Lỗ Noa, Ma Hộ La Nghiệt, Người, Phi Nhân…vào lúc Ngài nói Pháp thời đều đến lắng nghe Ngài nói Pháp. Như Đại Kim Cương khiến cho hữu tình giải thoát Báo của Luân Hồi ràng buộc, hữu tình của nhóm ấy được Phước Đức. Người cư trú trong Đại Thành Ba La Nại này, thường thấy Ngài cho nên các tội đều được diệt giống như lửa thiêu đốt cây rừng. Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác biết rõ nơi Ngài.

Nay có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Bồ Tát đi đến chỗ của Ngài, vui thích phụng sự cúng dường. **Đại Phạm Thiên Vương** (Brahmā), **Na La Diên Thiên** (Viṣṇu), **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara), **Nhật Thiên** (Āditya), **Nguyệt Thiên** (Candra), **Phong Thiên** (Vāyu), **Thủy Thiên** (Varuṇa), **Hỏa Thiên** (Agni), **Diêm Ma Pháp Vương** (Yamaśca-Dharma-rāja) và **bốn vị Đại Thiên Vương** (Catvāra-mahā-rāja) đều đến cúng dường".

Lúc đó, vị Pháp Sư bạch rằng: "Thiện Nam Tử! Ông đùa giỡn ư? Thật có mong cầu bậc Thánh vì chốn Thế Gian đoạn trừ phiền não Luân Hồi chăng?

Thiện Nam Tử ! Nếu có người được **Lục Tự Đại Minh Vương Đà La Ni** này thì người đó chẳng thể bị ba Độc **Tham** (Rāga)**, Sân** (Dveṣa)**, Si** (Moha) làm nhiễm ô giống như vật báu **Tử Ma** (Jāmbūna), **Vàng** (Suvarṇa) chẳng bị nhiễm dính bụi dơ.

Như vậy Thiện Nam Tử! **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này. Nếu có người đeo giữ ngay trong thân thì người đó cũng chẳng bị nhiễm dính bệnh Tham, Sân, Si".

_Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát nắm chân vị Pháp Sư ấy rồi bạch rằng: "Mắt chưa đủ sáng, mê mờ đánh mất Đạo nhiệm màu, ai là người dẫn đường?! Nay tôi khao khát Pháp, nguyện giúp cho Pháp Vị. Nay tôi chưa được Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề, khiến cho khéo an trụ mầm giống của Pháp Bồ Đề, Sắc Thân thanh tịnh, mọi điều

lành (Kuśalānāṃ) chẳng hoại, khiến các hữu tình đều được Pháp ấy. Mọi người nói rằng: *"Đừng nên keo kiệt"*. Nguyện xin Pháp Sư trao cho tôi Pháp **Lục Tự Đại Minh Vương** khiến cho chúng tôi mau được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ chuyển 12 **Pháp Luân** (Dharma-cakra) cứu độ khổ não Luân Hồi của tất cả hữu tình. Pháp **Đại Minh Vương** này xưa kia chưa từng nghe, nay khiến cho tôi được **Lục Tự Đại Minh Vương Đà La Ni**. Xin làm nơi nương cậy cho kẻ không có ai cứu, không có chỗ dựa! Xin làm ngọn đuốc sáng trong đêm tăm tối!...".

Thời vị Pháp Sư ấy bảo rằng: " **Lục Tự Đại Minh Vương Đà La Ni** này khó được gặp gỡ!.. Như Kim Cương kia chẳng thể phá hoại, như thấy **Trí Vô Thượng** (Anuttāra-jñāna), như **Trí Vô Tận** (Akṣa- jñāna), như **Trí Thanh Tịnh của Như Lai** (Tathāgata-jñāna-viśuddhi), như vào Giải Thoát Vô Thượng, xa lìa **Tham Sân Si Luân Hồi khổ não**, như **Thiền Giải Thoát** (Dhyāna-vimokṣa), **Tam Ma Địa** (Samādhi), **Tam Ma Bát Để** (Samāpūrti), như vào tất cả Pháp, ở nơi mà Thánh Chúng thường yêu thích.

Nếu có kẻ trai lành ở mọi nơi, vì cầu giải thoát, tuân phụng mọi loại Pháp của Ngoại Đạo như: Thờ kính **Đế Thích** (Indra), hoặc thờ **Bạch Y** (Śveta), hoặc thờ **Thanh Y** (Dhyuṣita), hoặc thờ **Nhật Thiên** (Āditya), hoặc thờ **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara), **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa), **Nghiệt Lỗ Noa** (Garuḍa), hoặc trong **Ngoại Đạo lõa thể** (Nagna-śramaṇa) yêu thích nơi như vậy. Nhóm ấy không giải thoát được hư vọng vô minh, được chuyện hão mà gọi là **Tu Hành**, chỉ tự lao nhọc mệt mỏi mà thôi!...

Tất cả Thiên Chúng, Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích Thiên Chủ, Na La Diên Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Nhật Thiên, Nguyệt Thiên, Phong Thiên, Thủy Thiên, Hỏa Thiên, Diêm Ma Pháp Vương, bốn vị Đại Thiên Vương… luôn ở mọi Thời làm sao cầu được **Lục Tự Đại Minh Vương** của Ta. Nhóm ấy được **Lục Tự Đại Minh Vương** của Ta đều được giải thoát .

Trừ Cái Chướng! Mẫu **Bát Nhã Ba La Mật Đa** của tất cả Như Lai tuyên nói **Lục Tự Đại Minh Vương** như thế. Tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác với chúng Bồ Tát, thảy đều cung kính chắp tay làm lễ.

Thiện Nam Tử! Pháp này là Tối Thượng Tinh Thuần Vi Diệu ở trong Đại Thừa. Tại sao thế? Vì đối với các **Khế Kinh của Đại Thừa** (Mahā-yāna-Sūtraṃ): **Ứng Tụng** (geya), **Thọ Ký** (Vyākaraṇa), **Phúng Tụng** (Gāthā), **Thí Dụ** (Avadana), **Bản Sinh** (Jāṭaka), **Phương Quảng** (Vaipulya), **Hy Pháp** (Adbhuta-dharma), **Luận Nghị** (Upadeśa)… đắc được trong đó.

Thiện Nam Tử! Người được **sự giải thoát** (Mokṣa) **vắng lặng** (Śivaṃ) của Bản Mẫu này thì mượn nhiều làm chi? Giống như thu nhặt lúa nếp vào nhà mình chứa đầy tràn trong vật khí, mỗi ngày đem phơi thì phải khô; giã sàng gió thổi thì vứt bỏ vỏ trấu ấy. Vì sao thế vì cần thu nhặt gạo trắng. Như vậy các **Du Già** (Yoga) khác cũng như vỏ trấu ấy. Ở trong tất cả **Du Già** thì **Lục Tự Đại Minh Vương** này như bỏ trấu thấy gạo.

Thiện Nam Tử! Bồ Tát vì Pháp này cho nên hành **Thí Ba La Mật Đa** (Dāna-pāramitā) với **Trì Giới** (Śīla-pāramitā), **Nhẫn Nhục** (Kṣānti-pāramitā), **Tinh Tiến** (Vīrya-pāramitā), **Thiền Định** (Dhyāna-pāramitā), **Trí Tuệ Ba La Mật Đa** (Prajña-pāramitā).

Thiện Nam Tử! **Lục Tự Đại Minh Vương** này khó được gặp gỡ, chỉ niệm một biến thì người đó sẽ được tất cả Như Lai đem quần áo, thức ăn uống, thuốc thang, vật dụng để nằm ngồi… tất cả vật dụng cần thiết để cúng dường".

Bấy giờ Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch với Pháp Sư rằng: "*Hãy trao cho tôi **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni***"

Thời vị Pháp Sư ấy chính niệm suy nghĩ. Đột nhiên ở Hư không có tiếng nói rằng: *"Thánh Giả hãy trao cho **Lục Tự Đại Minh Vương** đó".*

Lúc đó, vị Pháp Sư ấy suy nghĩ: *"Tiếng nói đó từ đâu phát ra?"*

Ở trong Hư Không lại phát ra tiếng nói rằng:*"Thánh Giả! Nay Bồ Tát này gia hành chí cầu điều cao xa khó thấy, nên trao cho **Lục Tự Đại Minh Vương** đó vậy".*

Thời vị Pháp Sư ấy quán thấy trong Hư Không có **Liên Hoa Thủ Liên Hoa Cát Tường** (Padma-hasta-padma-śrī) như màu trăng mùa Thu với búi tóc, mão báu, đỉnh đầu đội **Nhất Thiết Trí** thù diệu trang nghiêm. Nhìn thấy Thân Tướng như vậy, vị Pháp Sư bảo Trừ Cái Chướng rằng: "Thiện Nam Tử! Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát hay khiến trao cho ông **Lục Tự Đại Minh Vương Đà La Ni.** Ông nên lắng nghe".

Thời vị ấy chắp tay cung kính lắng nghe **Lục Tự Đại Minh Vương Đà La Ni** đó là:

"Án, ma ni bát nột- minh hồng"



OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Khi trao cho Đà La Ni ấy thời cõi đất thảy đều chấn động theo sáu cách. Trừ Cái Chướng Bồ Tát đắc được **Tam Ma Địa** (Samādhi) này, lại được Tam Ma Địa **Vi Diệu Tuệ** (Sūkṣma-jana), Tam Ma Địa **Phát Khởi Từ Tâm** (Maitrī-kāruṇa-mudita), Tam Ma Địa **Tương Ứng Hạnh** (Yogācāra).

Được Tam Ma Địa đó xong. Thời Trừ Cái Chướng Bồ Tát Ma Ha Tát đem bảy báu chất đầy trong bốn Châu lớn, phụng hiến cúng dương vị Pháp Sư.

_Khi ấy vị Pháp Sư bảo rằng: "Nay sự cúng dường chưa xứng đáng với một chữ thì làm sao cúng dường đủ Đại Minh có sáu chữ? Ta chẳng nhận vật cúng của ông. Này Thiện Nam Tử! Ông là Bồ Tát **Thánh Giả** (Ārya) hay **chẳng phải Thánh Giả** (Nārya)?"

Trừ Cái Chướng ấy lại đem chuỗi Anh Lạc trị giá bằng trăm ngàn hạt Chân Châu cúng dường Pháp Sư.

Thời vị Pháp Sư ấy nói: "Thiện Nam Tử! Hãy lắng nghe tôi nói, ông nên đem vật này đến cúng dường Đức **Thích Ca Mâu Ni** (śākya-muṇi) Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác.

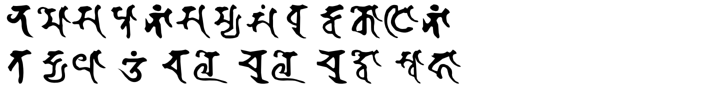
_Khi ấy Trừ Cái Chướng Bồ Tát cúi đầu mặt lễ bàn chân của vị Pháp Sư xong. Ý mong cầu đã được đầy đủ nên từ giã vị Pháp Sư ấy. Lại đi đến **vườn rừng Kỳ Đà** (Jeṭa-vaṇa), đến nơi xong đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác bảo rằng: "Thiện Nam Tử! Biết ông đã có sở đắc".

_"Đúng như vậy. Bạch Đức Thế Tôn"

Ngay lúc đó có bảy mươi mươi bảy câu chi Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác đều đến tập hội. Các Đức Như Lai ấy đồng nói **Đà La Ni** (Dhāraṇī) là:

"Nẵng mạc (1) táp bát-đá nam (2) tam miểu cật-tam một đà (3) cú trí nam (4) Đát nễ-dã tha (5) An (6) tả lệ (7) tổ lệ (8) tôn nỉ (9) sa-phộc hạ (10)"



NAMO SAPTĀNĀṂ SAMYAKSAṂBUDDHA KOṬINĀṂ

TADYATHĀ: OṂ CALE CULE CUṄDHE - SVĀHĀ

Khi bảy mươi bảy câu chi Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác nói Đà La Ni này thời trên thân của Quán Tự Tại Bồ Tát có một **lỗ chân lông** (Romavivara) tên là **Nhật Quang Minh** (Sūrya-prabha), trong đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Bồ Tát.

Trong lỗ chân lông Nhật Quang Minh ấy có một vạn hai ngàn ngọn núi bằng vàng ròng (Kim Sơn). Mỗi một ngọn núi ấy đều có một ngàn hai trăm đỉnh núi , vòng quanh núi ấy có báu màu hoa sen dùng để trang nghiêm. Rồi ở chung quanh có báu Ma Ni của cõi Trời, vườn rừng thích ý. Lại có mọi loại ao của cõi Trời, lại có vô số trăm ngàn vạn lầu gác được trang nghiêm bằng vật báu vàng ròng; bên trên treo trăm ngàn quần áo, Chân Châu, Anh Lạc. Trong lầu gác ấy có **viên ngọc báu Như Ý** (Cintāmaṇi-ratna) tên là **Vi Diệu** (Sārada) cung cấp tất cả vật dụng cần thiết cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đó.

Thời các Bồ Tát vào trong lầu gác mà niệm **Lục Tự Đại Minh**, lúc ấy thấy được **Địa Niết Bàn** (Nirvāṇa-bhūmi). Đến Địa của Niết Bàn rồi, nhìn thấy Đức Như Lai, quán thấy Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát thời sinh Tâm vui vẻ.

Khi ấy Bồ Tát ra khỏi lầu gác rồi đều đến chỗ Kinh Hành. Ở trong đó có các vườn báu, rồi lại đi đến ao tắm, lại đến núi báu màu hoa sen , ngồi Kiết Già ở tại một bên mà nhập vào Tam Muội

Như vậy Thiện Nam Tử ! Bồ Tát an trụ trong lỗ chân lông ấy.

_Thiện Nam Tử! Lại có lỗ chân lông, tên là **Đế Thích Vương** (Indra-rāja). Trong đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa **Bất Thoái Chuyển Bồ Tát** (Vaivartika-bodhisattva)

Ở trong lỗ chân lông Đế Thích Vương ấy lại có tám ngàn vạn ngọn núi báu bằng vàng ròng. Trong núi ấy có báu Ma Ni Như Ý tên là **Liên Hoa Quang** (Padmāvabhāṣa) tùy theo sự suy nghĩ trong tâm của Bồ Tát ấy đều được thành tựu. Thời Bồ Tát ở trong núi ấy, nếu nghĩ đến việc ăn uống thì không có gì không đầy đủ, không có nỗi khổ của phiền não luân hồi, luôn luôn suy nghĩ thì thân ấy không có suy tư khác

_Thiện Nam Tử! Lại có lỗ chân lông tên là **Đại Dược** (Mahoṣadhī). Ở trong ấy có v6 số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa **Bồ Tát mới phát Tâm** (Pramatha-cittotpādadika-bodhisattva)

Thiện Nam Tử! Ở lỗ chân lông ấy có chín vạn chín ngàn **ngọn núi** (Parvata). Ở trong núi này có **hang báu Kim Cương** (Vajra-mayāṃ), **hang báu vàng** (Suvarṇa-mayāṃ), **hang báu bạc** (Rūpya-mayāṃ), **hang báu Đế Thanh** (Indra-nīla-mayāṃ), **hang báu màu hoa sen** (Padma-rāga-mayāṃ), **hang báu màu xanh lục** (Marakata-mayāṃ), **hang màu Pha Chi Ca** (Sphaṭika-mayāṃ).

Núi vua (Sơn Vương) như vậy có tám vạn đỉnh núi, mọi loại Ma Ni thích ý với các báu màu nhiệm khác trang nghiêm trên ấy. Ở trong đỉnh núi ấy có chúng **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva) thường tấu âm nhạc. Bồ Tát mới phát Tâm ấy suy nghĩ : "**Không** (Śūnyatā), **Vô Tướng** (Animitta), **Vô Ngã** (Anattā), nỗi khổ do Sinh, nỗi khổ do Già, nỗi khổ do bệnh khổ, nỗi khổ bị chết, nỗi khổ vì yêu thương mà phải xa lìa, nỗi khổ vì ghét nhau mà phải gặp gỡ, nỗi khổ vì bị đọa vào Địa Ngục A Tỳ, nỗi khổ của các hữu tình bị đọa vào Địa Ngục Hắc Thằng, nỗi khổ của các hữu tình bị đọa vào nẻo Quỷ đói. Lúc tác suy nghĩ đó thời ngồi Kiết Già mà nhập vào Tam Muội, trụ ở trong ngọn núi ấy.

_Thiện Nam Tử! Lại có một lỗ chân lông tên là **Hội Họa Vương** (Citta-rāja:Tâm Vương). Trong đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa chúng **Duyên Giác** (Pratyeka-buddha) hiện ra hào quang rực lửa nóng (Hỏa Diệm Quang)

Ở lỗ chân lông ấy có trăm ngàn vạn núi vua (Parvata-rāja:sơn vương), các núi vua được trang nghiêm bằng bảy báu. Lại có mọi loại cây Kiếp Thọ (Kalpa-vṛkṣa) có lá cây bằng vàng bạc với vô số trăm thứ báu, mọi loại trang nghiêm. Bên trên trên treo mão báu, vòng đeo tai, quần áo, mọi loại Anh Lạc, treo các chuông báu, áo lễ Kiều Thi Ca. Lại có chuông báu bằng vàng bạc khi chấn động vang ra tiếng leng keng.Cây Kiếp Thụ như vậy tràn đầy trong núi. Vô số Duyên Giác an trụ ở đó thường nói Khế Kinh, Ứng Tụng, Thọ Ký, Phúng Tụng, Thí Dụ, Bản Sinh, Phương Quảng, Hy Pháp, Luận Nghị…. các Pháp như thế.

_Trừ Cái Chướng! Khi ấy các Duyên Giác ra khỏi lỗ lông ấy, cuối cùng có một lỗ chân lông tên là **Phan Vương** (Dhvajāgra), rộng khoảng tám vạn **du thiện na** (Joyana), ở trong có tám vạn ngọn núi được trang sức bằng mọi loại báu màu nhiệm với Ma Ni thích ý. Trong núi vua ấy có vô số cây Kiếp Thọ, có vô so trăm ngàn vạn cây Chiên Đàn Hương (Candana-vṛkṣa), vô số trăm ngàn vạn cây lớn. Lại có đất báu Kim Cương báu,.Lại có chín mươi chín lầu gác, bên trên treo trăm ngàn vạn vàng, báu, Chân Châu, Anh Lạc, quần áo. Ở trong lỗ chân lông ấy hiện ra như thế".

[Bản Phạn của Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** (Kāraṇḍa-vyūha) có ghi nhận thêm phần sau mà Kinh bản tiếng Hán không có, là:

"Maheśvara (Đại Tự Tại Thiên) đến gặp Đức Phật Thích Ca, sau khi đỉnh lễ xong thì cầu mong được ***Thọ Ký thành Phật*** (Vyākaraṇa). Đức Phật Thích Ca nhận lời thỉnh cầu của Maheśvara và hướng dẫn ông nhận sự Thọ Ký từ Đức Thánh Quán Tự Tại.

Maheśvara đi đến đỉnh lễ Quán Tự Tại Bồ Tát, sau đó phát ra lời khen ngợi là:

Namo stva-lokiteśvarāya, maheśvarāya, padma-dharāya, padmāsanāya, padma-priyāya, śubha-padma-hastāya, padma-śriye, parivṛtāya, jagad-āsvā-dana-karāya, pṛthivī-vara-locana-karāya, prahlā-dana-karāya

[Namo: Quy mệnh
Stva: Khen ngợi, tán thán
Lokiteśvarāya: Thế Tự Tại đẳng
Maheśvarāya: Đại Tự Tại đẳng
Padma-dharāya: Liên Hoa Trì đẳng
Padmāsanāya: Liên Hoa Tòa đẳng
Padma-priyāya: Liên Hoa viên mãn đẳng
Śubha-padma-hastāya : Thiện Liên Hoa Thủ đẳng
Padma-śriye: Liên Hoa Cát Tường đẳng
Parivṛtāya: vòng khắp, vây quanh
Jagad-āsvā-dana-karāya: Tác làm ban bố cho chúng sinh an ổn
Pṛthivī-vara-locana-karāya: Tác làm **Địa Thắng Diệu Nhãn**
Prahlā-dana-karāya: tác làm ban bố sự vui vẻ khoái lạc]

Quán Tự Tại Bồ Tát tiên đoán rằng trong tương lai Maheśvara sẽ thành Đức Phật, tên là **Bhasmeśvaro** ở trong Thế Giới tên là **Vivṛta**

Sau khi Śiva nhận sự Thọ Ký thì Uma-Devi (Thiên nữ Uma, vợ của Đại Tự Tại Thiên) hiện ra trước mặt Đức Quán Tự Tại Bồ Tát, đỉnh lễ và ca ngợi Ngài như sau:

Namo stva-lokiteśvarāya, meheśvarāya, prāṇaṁdadāya, pṛthivī-vara-locana-karāya, śubha-padma-śriye, parivṛtāya, nirvāṇa-bhūmi-saṁprasthitāya, sucetana-karāya, dharma-dharāya

[Namo: Quy mệnh
Stva: Khen ngợi, tán thán
Lokiteśvarāya: Thế Tự Tại đẳng
Maheśvarāya: Đại Tự Tại đẳng
Prāṇaṁdadāya: Bậc ban bố sinh lực, khí lực
Pṛthivī-vara-locana-karāya: Tác làm **Địa Thắng Diệu Nhãn**
śubha-padma-śriye: Thiện Liên Hoa Cát Tường đẳng
Parivṛtāya: Vòng khắp, vây quanh
Nirvāṇa-bhūmi-saṁprasthitāya: Chính trụ Niết Bàn Địa đẳng
Sucetana-karāya: Tác làm ân huệ, biểu hiện ý tốt
Dharma-dharāya: Pháp Trì đẳng]

Bồ Tát Quán Tự Tại tiên đoán rằng Uma-Devi trong tương lai sẽ chứng đạt Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề và trở thành Đức Phật, tên là **Umeśvara** ở Thế Giới tại phía Nam núi Hīmalāya.

Đức Phật Thích Ca nói với Trừ Cái Chướng Bồ Tát rằng, ngay sau khi Đức Quán Tự Tại chuyển hóa Uma-devi thì Ngài cũng sẽ chuyển hóa cho tất cả chúng sinh"]

(Đức Thế Tôn) vì Trừ Cái Chướng nói xong.

Bấy giờ Đức Phật bảo **A Nan Đa** (Ānanda): "Nếu có người chẳng biết nghiệp báo, ở trong Tịnh Xá mà khạc nhổ với đại tiểu tiện ….Nay Ta vì ông mà nói

Nếu ở đất Thường Trụ mà khạc nhổ thì người đó sinh ở trong cây Sa La, làm con trùng có miệng như cây kim, trải qua mười hai năm.

Nếu ở đất Thường Trụ mà đại tiểu tiện thì người đó sinh làm con trùng dơ uế trong chỗ đại tiểu tiện nơi Đại Thành Ba La Nại,.

Nếu dùng riêng vật xỉ mộc (tăm xỉa răng) của chốn Thường Trụ thì sinh ở trong loài rùa, cá với cá Ma Kiệt

Nếu trộm lấy dầu, mè, gạo, đậu…của chốn Thường Trụ thì bị đọa vào trong nẻo Quỷ đói, đầu tóc rối tung, lông trên thân dựng đứng, bụng to như ngọn núi, cổ họng nhỏ như cây kim, thiêu đốt héo khô chỉ còn lại hài cốt. Người đó chịu khổ báo này.

Nếu khinh mạn chúng Tăng, người ấy sẽ bị sinh vào nhà nghèo hèn, tùy nơi sinh ra chẳng đủ các Căn, lưng gù, lùn xấu. Bỏ thân đó xong, rồi lại sanh chỗ khác bị nhiều bệnh hoạn, khô gầy, tay chân cong queo mà thân ấy tuôn chảy máu mủ, rơi rụng thịt trên thân trải qua trăm ngàn vạn tuổi chịu khổ báo này.

Nếu trộm dùng đất của chốn Thường Trụ thì bị đọa trong Địa Ngục **Đại Hiệu Khiếu** (Raurava) miệng nuốt hòn sắt nóng làm cho môi răng cắn đứt vòm miệng với cổ họng bị thiêu cháy nát, tim gan ruột bụng khắp mình rực cháy.Thời có vị Bật Sô nói: *"**Gió Nghiệp*** (Karma-vāyu)*thổi kẻ ấy chết đi sống lại*". Khi ấy Diêm Ma Ngục Tốt (Mṛta-purūṣa) lôi cổ Tội Nhân, tự Nghiệp cảm của người ấy sinh vào Địa Ngục **Đại Thiệt** (Mahā-jihva) có trăm ngàn vạn lưỡi cày sắt cày trên cái lưỡi ấy, chịu khổ báo đó trải qua nhiều ngàn vạn năm. Khi ra khỏi Địa Ngục ấy rồi, lại vào Địa Ngục Đại Hỏa Hoạch, nơi ấy có Diêm Ma Ngục Tốt lôi cổ tội nhân, dùng trăm ngàn vạn cây kim châm chích trên cái lưỡi đó, vì Nghiệp Lực cho nên vẫn sống lại. Rồi bi lôi đi, ném vào Địa Ngục **Hỏa Khanh** (Agnighaṭe), rồi lại lôi đến ném vào trong Nại hà mà cũng chẳng chết. Như vậy chuyển dần vào Địa Ngục khác. Trải qua ba Kiếp, Người đó lại sinh vào nhà nghèo hèn ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu, thân ấy đui mù chịu khổ báo này. Hãy cẩn thận, đừng trom cắp tài vật của nơi Thường Trụ.

Nếu Bật Sô giữ Giới, nên nhận giữ ba áo (Cīvara). Khi vào Vương Cung cần phải mặc giữ Đại Y thứ nhất (Ekaṃ-cīvara). Nếu thường trong Chúng, cần phải mặc giữ Y thứ hai (Dvitīyaṃ-cīvara). Nếu làm công vụ hoặc vào làng xóm, hoặc vào thành hoàng

(cái thành có hào không có nước), hoặc lúc đi đường thì cần phải mặc giữ áo thứ ba (Tṛtīyāṃ-cīvara). Bật Sô nên như vậy nhận giữ ba cái áo. Nếu được Giới, được Công Đức, được Trí Tuệ. Ta nói Bật Sô nên giữ Giới đó, chẳng được trộm cắp tài vật của nơi Thường Trụ. Giống như hầm lửa thường trụ, như thuốc độc thường trụ. Như nhận lấy thuốc độc thì có thể cứu chữa, còn nếu trộm cắp tài vật của chốn Thường Trụ, thì không thể nào cứu giúp được.

Bấy giờ Cụ Thọ **A Nan Đà** bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Như Đức Phật dạy dỗ răn bảo, chúng con sẽ thực hành tu học đầy đủ. Nếu Bật sô thọ trì **Biệt Giải Thoát** (Pratimokṣa), nên khéo an trụ thủ hộ chỗ học (học xứ) của Đức Thế Tôn.

_Thời Cụ Thọ **A Nan Đà** đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh rồi lui ra. Khi ấy các vị Đại Thanh Văn mỗi mỗi đều lui trở về chỗ của mình (bản xứ). Tất cả hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, Ngạn Đạt Phộc, A Tô La, Nghiệt Lỗ Noa, Khẩn Na La, Ma Hộ La Già, Người, Phi Nhân trong Thế Gian nghe Đức Phật nói xong đều vui vẻ tin nhận, lễ Phật rồi lui ra

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG
QUYỂN THỨ TƯ (Hết)

Hiệu chỉnh một Bộ gồm bốn quyển vào ngày 12/08/2010

NGŨ BỘ CHÚ

Ngũ Bộ Chú là một nghi thức trì niệm của Mật Giáo gồm có 5 Chú Đà La Ni là: Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn, Văn Thù Nhất Tự Hộ Thân Chân Ngôn, Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn, Chuẩn Đề Cửu Thánh Tự Chân Ngôn và Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn .

Về ý nghĩa của Chú Đà La Ni thì đại đa số các Dịch Giả không chịu phiên dịch vì 5 duyên cớ :

1 . Vì tâm niệm bí mật nên không phiên dịch

2 . Vì ý nghĩa bí mật nên không phiên dịch

3 . Vì danh tự bí mật nên không phiên dịch

4 . Vì âm thanh bí mật nên không phiên dịch

5 . Vì thiện sinh bí mật nên không phiên dịch.

Lại có một số học giả dựa theo nguyên tắc Ngũ chủng bất phiên do Ngài Huyền Trang đề xuất nên không chịu phiên dịch Chú Đà La Ni, đó là :

1_***Trang trọng bất phiên*** (tôn trọng sự trang nghiêm nên không phiên dịch)

2_***Đa Hàm bất phiên*** (do một chữ có rất nhiều nghĩa nên không phiên dịch)

3_***Bí mật bất phiên*** (do sự bí mật nên không phiên dịch)

4_***Thuận cổ bất phiên*** (do thuận theo người xưa nên không phiên dịch)

5_***Thử phương bất phiên*** (do phương này không có nghĩa thú đó nên không phiên dịch)

Chính vì Chú Đà La Ni không được phiên dịch nên nhiều người học Phật cho rằng Chú Đà La Ni không hề có nghĩa lý mà chỉ là một số âm vận ghép lại mà thành. Từ đấy họ nhận định rằng những ai tu học tìm cầu đường lối giải thoát qua phương pháp trì niệm Chú Đà La Ni đều là những kẻ mê tín dị đoan, không thể nào nhận chân được ***Chính Pháp giải thoát*** của Đức Phật .

Trong quyển ***"Buddhism of Tibet or Lamaism"*** ông Austin Waddwell nhận định rằng: *"Những Mạn Trà* (Mantra: Thần Chú) *và Đà La Ni* (Dhāraṇī: Tổng Trì) *là những tiếng ú ớ vô nghĩa, cái huyền bí của nó là một trò đùa ngu xuẩn với những tiếng lóng tối nghĩa và vong Pháp, còn Thiền của nó là một thứ ăn hại mà sự phát triển quỷ quái đã phá tan và làm ung thối đời sống bé nhỏ của chút kho tàng trong trắng còn lại của Đại Thừa Phật Giáo..."*[Trích ở tr.02 trong bài **Mật Tông Phật Giáo dưới mắt người Phương Tây** của ông **Ngô Trọng Anh**]

Trong thực tế, các Đạo Sư Mật Giáo đã giảng nghĩa lý cơ bản của các câu **Chú** (Mantra) **Đà La Ni** (Dhāra,nī) và **Đàn Pháp** (Maṇḍala) rất nhiều. Như Tam Tạng **Thiện Vô Úy** (Śubhakāra-siṃha : 637 - 735) đã giảng dạy ý nghĩa câu chú A VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ . . ., ngài Sa Môn **Nhất Hạnh** (Ichigyo 638 - 727) giảng nghĩa lý của rất nhiều câu Chú và ghi trong bộ ***Đại Nhật Kinh Sớ*** . . . , ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** (Amogha-vajra 705 - 774) đã chú giải nghĩa của bài Chú LĂNG NGHIÊM . . ., ngài **Không Hải** (KuKai 774 - 835) giảng nghĩa hai Mandala trọng yếu của Mật giáo là **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu) và **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu). . ., Đại Sư **Thái Hư** giảng nghĩa câu Chú **Nhân Vương Hộ Quốc Đà La Ni** . . ., các Đạo Sư Mật giáo Tây Tạng cũng giảng dạy nghĩa lý của nhiều câu Chú như Lục Tự Đại Minh Chú, Kim Cương Thượng Sư Chú, Tam Tự Tổng Trì Chân Ngôn . . . và trong các quyển Mật Giáo Đồ Tượng đã ghi nhận nhiều lời giảng dạy về ý nghĩa của Chú Đà La Ni.

Trong Mật Tạng Đồ Tượng, quyển 3, trang 219 có ghi nghĩa của bài Chú **Như Ý Luân Đà La Ni** như sau :

- NAMO (): là Quy mệnh
- RATNA-TRAYĀYA (): là Tam Bảo
- NAMAḤ (): là Khể thủ (cúi lạy)
- ĀRYĀVALOKITEŚVARA (): là Thánh Quán
- IŚVARĀYA (): là Tự tại
- BODHI-SATVĀYA (): là Bồ Tát
- MAHĀ-SATVĀYA (): là Đại dũng mãnh đạo tâm giả (Bậc có tâm đạo đại dũng mãnh)
- MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA (): là Đại Từ Bi tâm giả (Bậc có tâm Đại Từ Bi)
- TADYATHĀ (): là Như vậy ; Khai Như Lai Tạng thuyết Chân Ngôn (Mở Tạng Như Lai nói Chân Ngôn)
- OṂ (): là thành ở ba Thân. Dùng ba chữ A () , U () , MA () hợp thành một chữ (OṂ) với A là *Pháp Thân*, U là *Báo Thân*, MA là *Hoá Thân*. Do ba chữ này khế hợp với Thật Tướng, tức thành nghĩa **Khể thủ lễ nhất thiết Như Lai** (Cúi đầu lễ tất cả Như Lai) cũng có nghĩa là **Như Lai Vô Kiến Đỉnh** (Nhục Kế không thể thấy của Như Lai)
- CAKRA VARTTI (): là hay chuyển bánh xe Pháp vô thượng, cũng có nghĩa **Đập phá.**
- CINTĀ-MAṆI (): là Tư Duy Bảo, cũng có nghĩa là Như Lai Bảo. **Bảo** (báu) có 6 loại hay làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh .
- MAHĀ-PADME (): là Đại Liên Hoa, biểu thị cho sự Tĩnh các phi pháp, vốn chẳng nhiễm .
- RU RU (): là lìa bụi nhơ. Vì bụi có hai loại nên xưng 2 lần chữ RU. Thứ nhất là Nội Trần tức 5 căn, thứ hai là Ngoại Trần, tức là 5 cảnh. Cả hai Trần đều vô sở đắc (không có chỗ đắc được) nên dùng làm phương tiện để thành Du Già Quán Trí
- TIṢṬA (): là Trụ, cũng có nghĩa là Vô Trụ. VÔ TRỤ được dùng làm gốc của tất cả các Pháp cũng nói là **Vô trụ Niết Bàn, bất trụ sinh tử**. Do **Đại Trí** cho nên chẳng nhiễm sinh tử . Do **Đại Bi** cho nên chẳng trụ Niết Bàn .
- JVALA (): là lửa bùng cháy. Ánh sáng tràn khắp Pháp Giới, cảnh giác Thánh Chúng giáng tập phổ khởi; Triệu tất cả Thiên Long Bát Bộ, các loại hữu tình vì ích lợi mà gia hộ .
- AKARṢAYA (): là Thỉnh triệu. Do sự thỉnh triệu này: Chư Phật, Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ ứng với lời triệu mà đến, thảy đều vân tập, gia trì hộ niệm.
- HŪṂ (): là Tất cả Pháp vô nhân, cũng nói là **Bồ Đề Đạo Tràng** tức ngồi ở Bồ Đề Đạo Tràng chuyển bánh xe Chính Pháp. Do tương ứng với một chữ chân Ngôn này tức hay chứng ngộ tất cả Phật Pháp. Khi niệm niệm chứng ngộ Phật Pháp thì đủ **Trí Tát Bà Nhã** (Sarva jñā: Nhất Thiết Trí) đi thẳng đến cứu cánh, ngồi Tòa Kim Cương, 4 Ma hiện trước mặt, liền nhập vào Đại Bi Tam Muội giáng phục 4 Ma tức thành Chính Giác .
- PHA (): là Phá nát . Khi thành Phật thì phá 4 Ma
- Ṭ (): là tất cả vô sở đắc, phàm vẽ hình như nửa vành trăng.

Thích nói rằng: Tất cả Ngã vô sở đắc dùng làm phương tiện liền thành, sinh thành không, thành bán (một nửa)

- SVĀ (): là vô ngôn thuyết. Tức thành Pháp Không Trí, nghĩa là Mãn Tự (Chữ đầy đủ) cũng nói là **Thành tựu Đại Phước Đức**

- HĀ (𑖮𑖯): là đoạn phiền não. Khiến các Hữu Tình đoạn hại phiền não, trừ bỏ tai họa. Mọi sự trông thấy đều vui vẻ. Sau khi mệnh chung, sinh về thế giới **Cực Lạc** (Sukhavatī), hóa sinh trong Hoa sen, thấy Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyuḥ) được nghe **Chính Pháp** (Sad-dharma), mau chứng **Bồ Đề** (Bodhi).

_Trong **Tổng Thích Đà La Ni Nghĩa Tán** do ngài Tam Tạng Sa môn Đại Quảng Trí **Bất Không** phụng chiếu giải thích có ghi rằng :

"Đức Như Lai ở trăm ngàn Câu chi A tăng kỳ kiếp gom chứa chất liệu Bồ Đề, gia trì văn tự Chân Ngôn của Đà La Ni khiến cho Bậc Bồ Tát đến ngộ tương ứng với điều này mà đốn tập chất liệu của Phước Đức và Trí Tuệ. Ở nơi Đại Thừa, cần tu hành hai lối của Bồ Tát Đạo để chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề. Ấy là: y theo các Ba La Mật để tu hành thành Phật, và y vào ba Mật Môn của Chân Ngôn Đà La Ni để tu thành Phật.

❖ Đà La Ni (Dhāraṇī) là tiếng Phạn, thường phiên dịch theo nghĩa Tổng Trì . Có 4 loại Trì là: Pháp Trì, Nghĩa Trì, Tam Ma Địa Trì, Văn Trì.

A . Pháp Trì:

Do được Trì này mà đập tan tất cả các Pháp tạp nhiễm và chứng được giáo pháp lưu lộ từ nơi Pháp Giới thanh tịnh .

B . Nghĩa Trì:

Do được Trì này nên ở trong nghĩa của một chữ mà được trăm ngàn vô lượng hạnh của **Tu Đa La** (Sūtra: Khế Kinh) và diễn nói thuận nghịch đều tự tại

C . Tam Ma Địa Trì:

Do được Trì này nên Tâm chẳng tán động mà được Tam Muội hiện tiền, ngộ được vô lượng trăm ngàn môn **Tam Ma Địa** (Samādhi). Vì tăng trưởng Tâm Bi của Bồ Tát cho nên dùng nguyện thọ sinh nơi sáu nẻo mà chẳng bị **Căn Bản Phiền Não** (Mūla-Kleśa) với **Tùy Phiền Não** (Upakleśa) phá hoại được Tam Muội ấy. Lại do Tam Muội Địa này mà chứng được năm thần thông để thành tựu sự lợi lạc cho vô biên chúng Hữu Tình .

D . Văn Trì:

Do đây mà thọ trì Đà La Ni để thành tựu sự nghe, ấy là tất cả Khế Kinh ở chốn của tất cả Như Lai và tất cả Bồ Tát, nghe được trăm ngàn vô lượng **Tu Đa La** (Sūtra: Khế Kinh) mà chẳng hề quên mất.

- Chân Ngôn cũng có đủ 4 nghĩa: **Chân** là tương ứng Chân Như, **Ngôn** là thích dịch nghĩa chân thật. Bốn nghĩa của Chân ngôn là :

1 . **Pháp Chân Ngôn**: là Pháp giới thanh tịnh dùng làm Chân Ngôn.

2 . **Nghĩa Chân Ngôn**: là tương ứng Thắng nghĩa, trong mỗi mỗi chữ có sự tương ứng chân thật.

3 . **Tam Ma Địa Chân Ngôn**: Do bậc Du Già dùng Chân Ngôn này để **bố liệt** (an bày) văn tự của Chân Ngôn lên trên vành trăng KÍNH TRÍ của Tâm đồng thời chuyên chú Tâm chẳng lay động mà mau chóng chứng được Tam Ma Địa. Vì thế gọi là Tam Ma Địa Chân Ngôn .

4 . **Văn Trì Chân Ngôn**: Từ chữ ÁN (OṂ) cho đến chữ SA PHỘC HA (SVĀHĀ) có bao nhiêu văn tự ở khoảng giữa thì mỗi mỗi chữ đều gọi là Chân Ngôn, cũng gọi là Mật Ngôn và cũng có đủ 4 nghĩa:

a . Pháp Mật Ngôn: chẳng phải là phi pháp với cảnh giới của Nhị Thừa và Ngoại Đạo mà chỉ tu Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát. Tất cả Sở văn, Sở từ, Ấn khế, Man Đa La, tu hành Sở cầu Tất Địa đều gọi là Pháp Mật Ngôn

b . Nghĩa Mật ngôn: là mỗi mỗi chữ trong Chân Ngôn thì chỉ có Phật với Phật cùng với Bậc Bồ Tát đại uy đức mới có thể nghiên cứu hết mà thôi .

c . Tam Ma Địa Mật Ngôn: là do Tam Ma Địa và văn tự của Chân Ngôn trong sự kiện này mà tương ứng được uy lực .

d . Biến Bố Mật Ngôn: là theo Thầy mật truyền quy tắc của ba Mật, chỉ có Thầy và Đệ Tử biết thôi chẳng thể cho người khác biết được cho đến Quán Môn, Ấn Khế, hình tượng của Bản Tôn cũng mật thọ trì cho đắc được Tâm Sở hy vọng Tam Ma Địa .

❖ Sự nghe giữ chẳng quên, Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm và Tất Địa thượng trung hạ cũng gọi là MINH (Vidya). Minh có 4 nghĩa là :

A . **Pháp Minh**:

Kẻ tu hành xưng tụng thì ánh sáng trong mỗi mỗi chữ chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh Hữu Tình đang chìm đắm trong biển khổ sinh tử đều phá được phiền não Vô Minh, đều xa lìa khổ đau mà được giải thoát. Vì thế, gọi là Pháp Minh .

B . **Nghĩa Minh**:

Là do bậc Du Già tương ứng với nghĩa của Chân Ngôn nên thông đạt, minh liễu được Bát Nhã Ba la Mật mà xa lìa đạo lý vô nghĩa .

C **. Tam Ma Địa Minh**:

Là do quán tưởng Chủng Tử (Bīja) của Chân Ngôn ở trong vành trăng Tâm mà đắc được đại quang minh, tác Tự Tha Chiếu Minh Tam Ma Địa mà thành tựu .

D . **Văn Trì Minh**:

Là chứng được **Văn Trì Pháp** (Śrutimyò Dharma) hay phá được các Hoặc của sự lãng quên. chứng đắc **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) mà thành tựu .

Như trên là nghĩa của Đà La Ni, Chân Ngôn, Mật Ngôn và Minh đều dựa theo Phạn văn. Lại ở trong Tu Đa La của Hiển Giáo hoặc ở trong Chân Ngôn của Mật Giáo cũng xưng nói 4 điều như vậy .

Hoặc có Chân Ngôn có 1 chữ, 2 chữ, 3 chữ, 100 chữ, 1000 chữ, vạn chữ cho đến biến con số này thành vô lượng vô biên chữ thì đều gọi là Đà La Ni, Chân Ngôn, Mật Ngôn, và Minh .

Nếu tương ứng với ba Mật Môn thì chẳng cần phải trải qua nhiều kiếp cực nhọc tu hành khỗ hạnh mà lại hay mau chóng chuyển được Định Nghiệp để dễ thành tựu sự an lạc và thành Phật . Do đó nên biết đây chính là con đường đi mau chóng vậy".

[*Đại Chính Tân Tu, Mật Giáo Bộ I. Quyển 18_ No 902_ Tr 898*]

Theo từ ngữ thì **Thần Chú** (Mantra) là lời cầu đảo, câu chú nguyện có ý nghĩa rấr bí hiểm, khi đọc lên có tác dụng hiện ra các hiện tượng thiên nhiên cả lành lẫn dữ. Hoặc Mantra diễn tả ước vọng mãnh liệt, khát vọng nồng nhiệt của mục đích nhằm ve vãn các Thần Linh. Do đó, Mantra là phương tiện đi đến giao hảo với những sức mạnh vô hình chung quanh chúng ta và rất hiệu nghiệm nếu chúng ta thực hành đúng tất cả quy luật chi ly của Mantra ấy. Dựa vào ý nghĩa này, các hệ phái Bí Mật của Thần Giáo đã dùng những Mantra vào những mục đích nhằm thỏa mãn những dục vọng cá nhân như : *đạt năng lực siêu nhiên*, trừ *Ma Quỷ bệnh tật, thư ếm*; cầu *giầu sang, phú quý, quyền lực, danh vọng...*

Theo Mật Tông Phật Giáo thì **Thần Chú** (mantra) là ngôn ngữ bí mật được phát ra do sức thiền định nên có thần lực không thể lường được. Vì thế Thần Chú cũng gọi là chú Đà La Ni nghĩa là chú Tổng Trì không mất .

Diệu dụng của chú Đà La Ni là tạo ra sự suy nghĩ cho Hành Giả; giữ gìn và thâu tóm mọi nghĩa lý làm tiền đề cho việc tham khảo của Hành Giả tức là đề mục của sự Trì niệm quán tưởng nhằm đi vào Chính Định để phát sinh Trí Tuệ. Trên công năng

căn bản thì Chú Đà La Ni nắm giữ **Pháp lành** không cho tản mất, chế ngự **Pháp ác** không cho nổi lên, từ đấy sinh ra mọi công đức diệu dụng. Dựa vào ý nghĩa này, các vị Du Già Mật Tông luôn giữ gìn Thân, Khẩu, Ý cho trong sạch; thường xuyên tu tập thiền định quán tưởng cho đến khi thực chứng được Trí Tuệ giải thoát chứ không hề lưu tâm đến các năng lực Thần Thông có được trong thời gian tu tập. Đây chính là điểm sai biệt giữa Mật Tông Phật Giáo với các giáo phái bí mật khác .

Lại nữa, tùy theo trình độ cao thấp, giác ngộ cạn sâu mà Chú Đà La Ni (hay Thần Chú) được chia làm 5 loại :

1 . Thần Chú của Chư Phật

2 . Thần Chú của Chư Bồ Tát và Kim Cương Mật Tích

3 . Thần Chú của Chư Thánh Văn và Bích Chi Phật

4 . Thần Chú của chư Thiên

5 . Thần Chú của các vị Quỷ Thần (Rồng, Chim, A tu la, Dạ xoa, La sát, Quỷ đói...)

Mỗi một Thần Chú được biểu tượng cho mỗi một Giáo Pháp đang lưu lộ từ nơi Pháp Giới thanh tịnh. Mỗi một Giáo Pháp lại được biểu tượng bằng một Bản Tôn. Mỗi Bản Tôn đều gồm đủ 3 mật của Thân, Khẩu, Ý trong đó *Hình sắc các chữ* biểu thị cho **Thân Mật**, *âm thanh các chữ* biểu thị cho **Khẩu Mật**, *nghĩa thú các chữ* biểu thị cho **Ý Mật**. Nếu tương ứng được ba môn Mật ấy tức chứng được một Giáo Pháp giải thoát. Từ đây, Hành Giả sẽ tu tập mọi Giáo Pháp để thực chứng quả vị Vô thượng Bồ Đề. Dựa vào ý nghĩa này, các vị đạo sư Mật Tông thường khuyên dạy các Đồ Chúng rằng :

"Hãy trì niệm Chân Ngôn thật chậm rãi, rõ ràng, không được bỏ sót hay lãng quên để cho thân tâm được an tĩnh. Tiếp đó, hãy nhiếp tâm ý quán tưởng các chữ của Chân Ngôn chuyển biến thành Bản Tôn với đầy đủ sắc tướng uy nghi, tâm lặng, Pháp hỷ, uy mãnh . . . mỗi mỗi đều như Ấn của Thân Ý mật chẳng được sai lầm. Sau đó quán thân của Bản Tôn; chẳng tác tưởng trong ngoài cho đến khi khoảng cách tâm ý về ***người trì niệm, Pháp trì niệm*** *và* ***đối tượng trì niệm*** *đều tan biến cả thì lúc ấy thân của Bản Tôn tức là thân của hành giả nghĩa là Hành Giả đã bước vào Chính Định. Nơi đây, mọi nghĩa thú của Chân Ngôn sẽ được sáng tỏ và Hành Giả sẽ mau chóng trực kiến được Chính Pháp giải thoát vốn có từ xưa trong bản tâm mình".*

Bình thường, để nhắc nhở các đệ tử đừng lãng quên ý hướng tu tập của mình, các vị đạo sư Mật Tông thường minh họa hình tượng của các Tôn trong một Đàn Pháp gọi là MAṆḌALA với ý nghĩa cứu cánh là Luân Viên Cụ Túc hay Phát Sinh Chư Phật.

Ngoài ra, các Ngài còn ghép các bài Chú riêng biệt hợp thành một Nghi Thức niệm tụng để giáo hoá các đệ tử và **Ngũ Bộ Chú** chính là một trong các phương pháp minh định cho Đồ Chúng thâm nhập vào pháp **Hiển Mật Viên Thông Thành Phật Tâm Yếu** vậy.

I . TỊNH PHÁP GIỚI CHÂN NGÔN

𑖌𑖼 𑖨𑖽

OṂ RAṂ

- OṂ (𑖌𑖼) có nghĩa là *ba thân quy mệnh*

- RAṂ (𑖨𑖽) là thanh chuyển của chữ RA (𑖨), trong đó RA là chủng tử của bụi dơ, nó đưa đến sự mê mờ chướng ngại. Nhưng trong chữ RA lại có mẫu âm A (𑖀), khi

nhập vào chữ A thì có thể dứt trừ được mọi sự mê mờ chướng ngại. Do vậy, RA tự môn có ý nghĩa là xa lìa tất cả bụi dơ phiền não .

Trong năm đại thì RA biểu tượng cho Hỏa đại mà lửa thì có hai loại là ***lửa thế gian*** và ***lửa xuất thế gian*** .

1 . Lửa thế gian: có hai loại là nội hỏa và ngoại hỏa .

a . Nội hỏa: tượng trưng cho lửa phiền não của ba độc Tham, Sân, Si hay thiêu đốt tất cả căn lành của các chúng sinh .

b . Ngoại hỏa: là sức nóng ấm áp hay thành tựu chúng sinh và nuôi lớn vạn vật

2 . Lửa xuất thế gian: còn gọi là **Trí Hỏa,** lửa này hay thiêu đốt tất cả phiền não của chúng sinh với tập khí của Bồ Tát, tức là đốt cháy mọi Vô minh, phiền não, ám chướng của tất cả chúng sinh .

Vì chúng sinh không thật sự biết mình vốn có tâm tính cực thanh tĩnh lại mải mê đeo đuổi các trần cảnh cho nên nguyên tố nung nóng (Hỏa đại) đã tạo thành nhiệt tâm đam mê ích kỷ, chỉ muốn tìm kiếm mọi cảm giác làm thỏa mãn ý riêng, chẳng lưu tâm đến sự tàn hại xảy ra với ngoại giới. Do đây, **NGÃ CHẤP** mỗi lúc mỗi được củng cố bền chắc, các căn bất thiện được dịp tăng trưởng, gây trở ngại, phá hủy các căn lành và dẫn dắt chúng sinh lăn lộn trong bùn sinh tử khổ đau .

Ngược lại, nếu chúng sinh nào biết trừ diệt NGÃ CHẤP qua phương pháp **Bố Thí** và tự thanh tịnh Thân Tâm qua phương pháp **Trì Giới** thì nhiệt tâm đam mê ích kỷ sẽ bị thiêu hủy. Lúc ấy, nguyên tố nung nóng sẽ chuyển thành ánh sáng rực rỡ của Trí Tuệ chiếu phá mọi Vô minh ám chướng trong Pháp Giới, giúp cho chúng sinh tự nhận biết được bản tâm cực thanh tĩnh của chính mình. Từ đây, Chân Pháp Chân Trí xuất hiện và thúc đẩy chúng sinh ấy đi thẳng đến quả vị Vô thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Dựa vào ý nghĩa này, các Đạo sư Mật Tông đã nhận định rằng*: "RA tự môn là Pháp trừ chướng chân thật bậc nhất. Nếu đặt chữ RA (𑖨) ở con mắt thì sẽ được thanh tịnh, nhờ đó tri kiến cũng được thanh tịnh và hành giả mau chóng quán thành tựu thật tướng của Tâm tức là nhận biết được Tâm Bồ Đề cực thanh tĩnh vốn có nơi mình"*

Khi chữ RA được chuyển thêm thanh Tam Muội nghĩa là chấm thêm điểm Đại Không trên đầu thì thành chữ RAṂ (𑖨𑖽). Do điểm Đại Không biểu thị cho Tam Muội Đại Không nên RAṂ chính là **Hỏa Sinh Tam Muội**, biểu thị cho **Đại Không Trí Hỏa Tam Muội** là TRÍ PHÁP THÂN của Đại Nhật Như Lai có công dụng hay thiêu đốt tất cả bụi dơ vô thủy vô minh của chúng sinh và giúp cho mầm giống của Tâm Bồ Đề được sinh trưởng .

Dựa vào công năng thiêu cháy hết tất cả bụi dơ ám chướng của Thế Gian để hiển bày Pháp Giới thanh tịnh bản nhiên mà RAṂ được gọi là Pháp Giới Sinh Chân Ngôn hay là Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn. Từ ý nghĩa này, người hành Chân Ngôn thường trì niệm OṂ RAṂ để làm cho 3 nghiệp Thân, Khẩu, Ý được trong sạch; tiêu trừ tất cả tội chướng, thành tựu tất cả thắng sự và được thanh tịnh ở bất cứ nơi nào .

Trong phẩm **Tất Địa Xuất Hiện** của Kinh **Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì** có ghi :

- Chữ LA (RA: 𑖨) *chân thật thắng*
Phật nói : Nó trên lửa
Có bao nhiêu nghiệp tội
Đáng phải chịu quả báo
Du kỳ (yogī) *Người khéo tu*
Đẳng Dẫn (Samāhita) *đều tiêu trừ*

Trú nơi hình tam giác
Khắp hình đỏ đẹp ý
Lửa tỏa quanh vắng lặng
Tam giác tại tim mình
Tương ứng quán trong đấy
Chữ LA, điểm Đại Không (RAṂ: 𑖨𑖽)
Bậc Trí như ***Du Già*** (Yoga)
Dùng nó thành mọi việc
Nhật Diệu (Āditya), *các quyến thuộc*
Làm được tất cả lửa
Nhiếp giữ, phá oán đối
Đốt hết mọi chi phần
Các điều ấy nên làm
Đều ở Trí Hỏa Luân .

Ngoài ra, Bậc cổ Đức còn có kệ rằng :
- Chữ LA (𑖨) *sắc trắng sạch*
Dùng chấm Không thêm vào (𑖨𑖽)
Như Bảo Minh Châu kia
Đặt nó ở trên đỉnh
Chân Ngôn đồng Pháp Giới
Trừ vô lượng các tội
Tất cả nơi xúc uế
Thường trì ***Tự Môn*** *này .*

Lại nữa, do ý nghĩa **Tiêu trừ tất cả bụi nhơ phiền não ám chướng** cho nên RAM còn là chủng tử của **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Sarva Nīvaraṇa-viskaṃbhin-bodhisatva). Vị Bồ Tát này hay trú ở Tam Muội Bi Lực, dùng tất cả các Môn trong Pháp Giới mà tĩnh trừ các nghiệp chướng cứu khổ chúng sinh. Viêc Trừ cái chướng này nhằm phá trừ mọi lưới mê vọng của chúng sinh và phủi sạch mọi bụi nhơ phiền não đang che phủ bản tâm thanh tĩnh như như vốn có của tất cả chúng sinh giúp họ chứng được *con đường sáng tỏ của Pháp* (Pháp Minh Đạo) là biết Tâm thực tế vốn chẳng sinh, Tâm ấy thanh tịnh an trụ sinh Đại Tuệ chiếu khắp vô lượng Pháp Tính, thấy rõ Đạo của Chư Phật hành, ít tốn công sức mà được Tam Muội Trừ Cái Chướng, thấy thực tướng của 84.000 nhóm báu, được đồng đẳng trụ với Chư Phật Bồ Tát, tự tâm chứng được Diệu tướng Trạm Nhiên của Chư Phật mười phương . Từ đó rộng làm Phật sự, nuôi dưỡng hạt giống Như Lai mà mau chóng được Quả Bồ Đề

Nay trì niệm chủng tử RAṂ này, Hành Giả sẽ mau chóng thấu ngộ được bản tính thanh tĩnh vốn có nơi mình, do đó tự phát khởi đức tin trong sạch thâm sâu nơi Phật Pháp và tự khai mở lại bản giác Như Như vốn có của mình.

Đây là giai đoạn nương theo lực gia trì của **Trí Pháp Thân**, tu tập hai Pháp **Bố Thí Ba La Mật** (Dāna-pāramitā) với **Trì Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramitā) để dọn sạch đất Tâm và gieo trồng hạt giống Bồ Đề

II .VĂN THÙ NHẤT TỰ CHÂN NGÔN



OṂ ŚRHYIṂ

- OṂ ( ) có nghĩa là Tam thân quy mệnh
- ŚRHYIṂ ( ) được kết hợp bởi 6 âm tự là :

. ŚA ( ) là tất cả các Pháp bản tính tịch

. RA ( ) là tất cả các Pháp lìa các trần nhiễm

. HA ( ) là tất cả Pháp Nhân chẳng thể đắc

. YA ( ) là tất cả Pháp Thừa chẳng thể đắc

. I ( ) là tất cả Pháp Căn chẳng thể đắc

. MA ( ) là tất cả Pháp Ngô Ngã chẳng thể đắc

Trong đó: ŚA + RA = ŚRA có nghĩa là Cát tường
HA + YA = HYA là nhân đẳng hay nhóm hạt nhân
I + MA = IṂ là tự ngã

Như vậy ŚRHYIṂ có nghĩa là **Tự Ngã an ổn trong các nhân tốt lành**

[Một số Đạo Sư truyền dạy câu Chú này là: **ŚRĪṂ** với ý nghĩa "Tự Ngã tốt lành". Mật Giáo Tây Tạng truyền dạy câu Chú này là **TRHYIṂ** với ý nghĩa "Tự Ngã an ổn trong sự cứu độ"]

Đây là Chân Ngôn của Ngài **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva) hay còn gọi là ***Nhất Kế Văn Thù Bồ Tát, Nhất Man Văn Thù Bồ Tát***. Tôn hình của Ngài là thân đồng tử màu vàng, ngồi bán già trên toà sen ngàn cánh. Tay trái cầm hoa sen xanh, trên hoa sen có viên ngọc báu Như Ý. Tay phải hướng ra ngoài rũ năm ngón xuống thành Ấn MÃN NGUYỆN, miệng mỉm cười. Trên đỉnh, tóc kết thành một búi nên gọi là Nhất Kế hay Nhất Man Văn Thù .



Trong Tôn tượng, hoa sen xanh biểu thị cho Tam Muội chẳng nhiễm dính các Pháp. Bảo Châu Như ý (Viên ngọc báu Như Ý) biểu tượng cho Phước Trí của Như Lai. Tay ấn Mãn Nguyện biểu thị cho sự làm thỏa mãn mọi ước nguyện của chúng sinh .

Kinh Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nhất Tự Đà La Ni có ghi rằng :

"Chú này hay diệt trừ tất cả yêu quái tà ác, là Pháp Cát Tường của tất cả Chư Phật, cũng hay thành tựu tất cả Thần Chú . Tụng Chú này hay khiến cho chúng sinh khởi tâm Đại Từ, tâm Đại Bi. Tất cả chướng ngại đều được tiêu diệt và đều được đầy đủ mọi ước nguyện .

Nếu có người nữ bị tai nạn lúc sinh sản hoặc người nam bị tên bắn cho đến bị tất cả các bệnh tật khổ, thì tụng Chú này sẽ trừ diệt được tất cả hiểm nạn.

Lại nữa, chú Đà La Ni này hay khiến cho chúng sinh trong đời hiện tại đắc được an ổn, Chư Phật Đại Bồ Tát thường là quyến thuộc, tất cả sở nguyện đều được thành tựu".

Dựa vào ý nghĩa này, người hành Chân Ngôn thường trì tụng OṂ ŚRHYIṂ để bảo hộ tự thân nhằm ngăn ngừa tất cả Quỷ Thần, Thiên Ma đến gây não hại và cầu được viên mãn mọi ước nguyện.

Theo ý nghĩa khác, Văn Thù Sư Lợi là vị Bồ Tát đã thông đạt Trí Tuệ thâm sâu của Như Lai, Trí Tuệ ấy chỉ có Chư Phật tự chứng biết chẳng có thể trao truyền lại cho người khác được. Nếu lìa phương tiện gia trì ắt chẳng ai có thể đạt đến được. Vì thế, vị Bồ Tát này trụ vào Tam Muội Thần Lực Gia Trì của Phật, dùng hạnh Anh Nhi (trẻ thơ) trở lại hiện thân đồng tử cầm Báu Như Ý vô nhiễm trước, soi sáng tâm ám tối của chúng sinh khiến cho họ tự nhận biết rằng mình vốn có đầy đủ các công đức bình đẳng như Chư Phật, chỉ vì Vô minh ngăn che nên chẳng tự biết rõ. Nay được ánh quang minh Phước Trí soi tỏ thì phải thi hành vạn hạnh cho thành thục để khai mở hoa Bồ Đề .

Trong thực tế, muốn thi hành vạn hạnh thì cần phải có sức kham nhẫn trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp. Đồng thời phải có một ý chí sắt đá để ngăn ngừa dứt trừ các **Pháp Bất Thiện** (Akuśala-dharma) đồng thời nuôi dưỡng và phát huy các **Pháp thiện** (Kuśala-dharma). Điều này có nghĩa là Hành Giả cần phải chuyên tâm tu tập hai Pháp **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā) và **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā) để làm sáng tỏ Tâm Hạnh Bồ Đề.

Như vậy, khi trì niệm OṂ ŚRHYIṂ Hành Giả sẽ tự giữ gìn được Bản Tâm thanh tịnh đồng thời tự tránh xa các Pháp ác, nuôi lớn các Pháp lành nhằm nuôi dưỡng hạt giống Tâm Bồ Đề đang nảy nở trong Tâm mình.

Đây là giai đoạn nương theo **Phước Trí Bình Đẳng** của Chư Phật Bồ Tát, tu tập hai Pháp Nhẫn Nhục Ba La Mật, Tinh Tiến Ba La Mật để trưởng dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là làm sáng tỏ ý nghĩa Trừ cái chướng vậy .

III . LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÂN NGÔN



OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Khi trì niệm OṂ MAṆI PADME HŪṂ Hành Giả tự an trú Tâm Ý trong Pháp **Thiền Định** (Dhyāna) quán tưởng nhằm chận đứng sự lao xao cuồng động của Tâm Ý cho đến khi Cuồng Tâm ngưng nghỉ thì lúc ấy, hành giả tự chứng ngộ được bản tâm thanh tịnh vô nhiễm trước vốn có nơi mình nghĩa là chứng ngộ được **Phật Tính bất sinh bất diệt** đang tiềm ẩn trong mọi nhân duyên sinh diệt.

Đây là giai đoạn nương theo **Trí Phổ Môn Phương Tiện** của Như Lai, tu tập **Thiền Định Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā) để chứng ngộ Tâm Bồ Đề vậy .

(Tham khảo thêm phần Lục Tự Minh Chú)

IV . CHUẨN ĐỀ CỬU THÁNH TỰ CHÂN NGÔN

𑖡𑖦𑖺 𑖭𑖢𑖿𑖝𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭𑖦𑖿𑖧𑖎𑖿𑖬𑖽𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯 𑖎𑖺𑖘𑖰𑖡𑖯𑖽

NAMO SAPTĀNĀṂ SAMYAKSAṂBUDDHĀ KOṬINĀṂ

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯

TADYATHĀ

𑖌𑖼 𑖓𑖩𑖸 𑖓𑖲𑖩𑖸 𑖓𑖲𑖽𑖠𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ

- NAMO SAPTĀNĀṂ SAMYAKSAṂBUDDHĀ KOṬINĀṂ: có nghĩa là **“Quy mệnh bẩy trăm triệu** (7 ức) **Chính Đẳng Chính Giác”**
- TADYATHĀ: có nghĩa là **Mở Tạng Như Lai nói Thần Chú là**
- OṂ: có nghĩa là Tam thân quy mệnh
- CALE: là giác động, tức là chuyển động sự giác ngộ
- CULE: là Trực khởi, tức là đi thẳng đến .
- CUṄDHE: là Tự tính thanh tĩnh của Tâm Bồ Đề .
- SVĀHĀ: là Thành tựu vị an lạc của Đại Niết bàn.

OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ có nghĩa là: Khi Thân, Khẩu, Ý hợp nhất với sự giác ngộ **Phật Tính** (Buddhatā), sẽ đi thẳng vào Tự Tính thanh tĩnh của tâm Bồ Đề và thọ nhận mùi vị an lạc tịch tĩnh của **Đại Niết Bàn** (Mahā-nirvāṇa)

Chín chữ Thánh Tự này được bẩy ức (700 triệu) Phật tuyên thuyết nhằm giúp chúng sinh khai mở được Bản Tâm cực thanh tĩnh vốn có của mình đồng thời khiến cho họ thọ nhận được mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn. Giai đoạn này chính là thành quả tu tập **Tuệ Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā) để dứt trừ các quả Hữu Lậu, thâm nhập vào quả Vô Lậu, chứng nhập Tâm Bồ Đề và vĩnh viễn thoát khỏi sự trói buộc của vòng sinh tử luân hồi.

Kinh **Thất Câu Đê Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni** có ghi rõ Pháp tu theo ***Quán Hạnh Tam Ma Địa Du Già*** nhằm giúp cho Hành Giả mau chóng thấu ngộ được Tự Tính bản nhiên của Pháp Giới, để từ đó an nhiên vượt thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử như sau :

Khi niệm tụng, hành giả tưởng tâm mình như vành trăng tròn sáng lớn, thanh tịnh lặng lẽ, trong ngoài sáng suốt . Kế đó dùng chữ ÁN an trí ở chính giữa vành trăng, tiếp theo thứ tự an bố các chữ CHIẾT, LỆ, CHỦ, LỆ, CHUẨN, ĐỀ, TÓA, HA. Xoay quanh theo vòng bên phải. Nên quán kỹ nghĩa của mỗi chữ đều tương ứng với Tâm .

- ÁN (𑖌𑖼) nghĩa là: lưu chú không sinh diệt, là Pháp tối thắng trong tất cả các Pháp
- CHIẾT (𑖓) nghĩa là: tất cả các Pháp vô hành
- LỆ (𑖩𑖸) nghĩa là: tất cả các Pháp vô tướng
- CHỦ (𑖓𑖲) nghĩa là: tất cả các Pháp không khởi trụ
- LỆ (𑖩𑖸) nghĩa là: tất cả các Pháp vô cấu (không dơ bẩn)
- CHUẨN (𑖓𑖲𑖽) nghĩa là: tất cả các Pháp vô đẳng giác
- ĐỀ (𑖠𑖸) nghĩa là: tất cả các Pháp không thủ xả
- TÓA (𑖭𑖿𑖪𑖯) nghĩa là: tất cả các Pháp bình đẳng không ngôn thuyết .
- HA (𑖮𑖯) nghĩa là: tất cả các Pháp Vô Nhân vắng lặng, là Vô Trụ Niết bàn

Nghĩa của các chữ đây tuy có lập văn tự mà thật ra không có văn tự. Đã không văn tự nên hành giả phải quán kỹ mỗi mỗi nghĩa tướng, xoay vần nối nhau, không có

ký số, không cho đoạn tuyệt. Không đoạn tuyệt là nghĩa tối thắng, là nghĩa lưu chú không sinh diệt. Vì tối thắng lưu chú không sinh diệt nên vô hành. Vì vô hành nên vô tướng. Vì vô tướng nên không khởi trụ. Vì không khởi trụ nên vô cấu. Vì vô cấu nên vô đẳng giác. Vì vô đẳng giác nên không thủ xả. Vì không thủ xả nên bình đẳng giác không ngôn thuyết. Vì bình đẳng không ngôn thuyết nên vô nhân vắng lặng, vô trụ Niết Bàn. Vì vô nhân vắng lặng, vô trụ Niết Bàn nên tối thắng lưu trú không sinh diệt. Cứ như thế quán niệm xoay vần không cho đoạn tuyệt và đây gọi là **Tam Ma Địa Niệm Tụng**



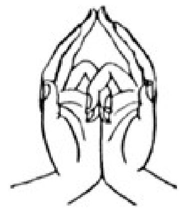
Pháp Quán Niệm Tụng này nhằm giúp cho Hành Giả đang tu tập **Tuệ Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā) dứt trừ được Pháp Chấp, thực chứng được **Pháp Tính** (Dharmatā), quán triệt được ***vạn Pháp như huyễn***, thọ nhận vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết bàn .

Trong **Bất Không Quỹ** có ghi :

"Kết Định Ấn, ngồi ngay thẳng nhắm mắt, phát tâm tĩnh ý. Quán ở bên trong ức ngực hiện rõ Viên minh (vành sáng tròn trịa) *như ánh sáng mặt trăng trắng tinh . Khởi đại tinh tiến, quyết định thủ chứng khiến chẳng quên mất, tất sẽ được tâm bản nguyên thanh tĩnh".*

Do ý nghĩa này mà **Chuẩn Đề** (Cuṅdhe) được dịch ý là thanh tĩnh và Chuẩn Đề Bồ Tát biểu thị cho tâm tính thanh tĩnh. Như vậy Thất Câu Đê Phật Mẫu được biểu thị cho ý nghĩa **Tâm Tính thanh tĩnh là mẫu của bảy trăm triệu Chư Phật** .

Lại nữa, sự thanh tĩnh vô nhiễm cấu là đặc tính của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) do đó trong Viện Biến Tri của **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Chuẩn Đề là Mẫu của Liên Hoa Bộ trong **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) nghĩa là từ Tôn này sinh ra các Tôn của Liên Hoa Bộ. Ý nghĩa này được minh họa qua Chuẩn Đề Căn Bản Ấn: Hai Luân Địa, hai Luân Thủy cài nhau đặt trong lòng bàn tay. Hai Luân Hỏa dựng đứng thẳng cùng vịn nhau. Hai Luân Phong hơi co lại vịn trên lưng hai Luân Hỏa ở đốt thứ nhất. Hai Luân Không đặt bên cạnh hai Luân Phong



Ấn này gọi là Tam Cổ Ấn, Tam Năng Sinh Phật Ấn tức là Phật Đỉnh Ấn biểu thị cho nghĩa **Phật Mẫu** (Buddha-mātṛ), trong đó :

+ Hai Luân Địa (*2 ngón út*) cài bên trong biểu thị cho Thành Sở Tác Trí, làm nghiệp Đức bên trong, là Phật Đỉnh Ấn nên tác nghiệp chẳng lộ ra ngoài.

+ Hai Luân Thủy (*2 ngón vô danh*) cài bên trong biểu thị cho Diệu quán Sát Trí là Đức thuyết Pháp đoạn nghi nên thường ở bên trong .

+ Hai Luân Hỏa (*2 ngón giữa*) là Pháp Thể của Pháp Nhĩ căn bản .

+ Hai Luân Phong (*2 ngón trỏ*) là giới Tuệ của Tu sinh Thủy giác, thường hay khai mở nghĩa Tâm Bồ Đề của chúng sinh .

+ Hai Luân Không (*2 ngón cái*) là nghĩa Nhất Đức Thành tựu của Pháp Giới Thể Tính Trí

Do Chuẩn Đề Bồ Tát có mật hiệu là Tối Thắng Kim Cương, chủng tử là BU (𑖤𑖲) và Quán Tự Tại Bồ Tát ở cánh hoa Đông Bắc trong Trung Đài Bát Diệp Viện cũng có chủng tử là BU (𑖤𑖲) nên người đời thường hợp xưng thành danh hiệu ***Chuẩn Đề Quán Âm*** và Hồng Danh này biểu thị cho Hạnh Nguyện của Tâm Bồ đề với Đức **tự chứng**. Ý nghĩa này được minh họa qua Tôn tượng Chuẩn Đề trong Biến Tri viện. Tôn tượng màu vàng lợt, mặc áo lục mỏng như Thiên y, đầu đội mão báu có ngọc lưu ly rũ treo, mặt có ba mắt, ngồi trên tòa sen, toàn thân có 18 tay, mỗi tay có đeo vòng xuyến khảm xà cừ và mỗi tay đều cầm các loại Khí Cụ biểu thị cho các **Tam Muội Gia** (Bản Thệ: Samaya).



Ý nghĩa của Tôn Tượng này đã được minh họa rất rõ trong ***Bạch Bảo Khẩu Sao*** như sau:

Tượng có thân màu vàng trắng: Màu vàng (A) tượng trưng cho Thai Tạng Giới, màu trắng (VAM) tượng trương cho Kim Cương Giới. Màu vàng trắng biểu thị

cho nghĩa *" Lý Trí chẳng hai, Định Tuệ một Thể*" và biểu thị cho Đức **Năng Sinh của chư Phật.**

Mặt Tượng có 3 mắt: 3 mắt là Phật Nhãn, Pháp Nhãn, Tuệ Nhãn biểu thị cho nghĩa *" 3 Đế chẳng dọc chẳng ngang, nhất như bình đẳng*"

Thân Tượng có mọi loại trang nghiêm tỏa ánh hào quang tròn sáng rực lửa: **Sắc Pháp** biểu thị cho nghĩa của Thai Tạng Giới. **Mọi loại** biểu thị cho các Pháp như cát bụi. **Trang Nghiêm** biểu thị cho nghĩa Bồ Tát dùng phiền não làm Bồ Đề.**Ánh hào quang tròn sáng rực lửa** biểu thị cho nghĩa Tâm Pháp của Kim Cương Giới, là Trí hay phá mọi ám chướng của Tâm hư vọng.

Thân Tượng có 18 tay:

Hai tay bên trên tác Tướng Thuyết Pháp: Tôn này vào Nhân Đạo hay làm vị Hóa Chủ phá 3 Chướng nên đặt biệt hiện ra 3 mắt Trí nói Pháp lợi sinh nên y theo giáo vì Pháp Cơ khiến cho chứng quả vị của 3 Thân

Bên Phải:

Tay thứ hai tác Thí Vô Úy: 5 ngón tay bên phải biểu thị cho 5 Trí là nghĩa của Quang Minh. Tôn này là Hóa Chủ của Nhân Đạo nên ở Thế Giới Sa Bà có hiệu là **Thí Vô Úy** (Abhayaṃdada). Do hiển nghĩa Đại Bi chân thật sạu rộng nên hiện tay này.

Tay thứ ba cầm cây Kiếm: Cây Kiếm biểu thị cho Trí Tuệ giáng 4 Ma , trừ 3 Chướng, hại 3 Độc , dứt 5 Dục.

Tay thứ tư cầm Sổ Châu Tràng Hạt) : Tràng Hạt biểu thị cho Trí Tuệ mang nghĩa Chuyển Pháp Luân. Mẫu Châu là Bản Tôn A Di Đà. Manh mối của tràng hạt là Quán Âm, đây là manh mối Đại Bi của Quán Âm xâu suốt 108 phiền não. Mỗi lần chuyển dời một hạt ắt dứt bỏ một phiền não, nên đoạn 108 phiền não chứng 108 Tam Muội, mỗi mỗi đều đủ cho Pháp, như Đức Thần Lực chẳng thể nghĩ bàn,mỗi mỗi đều đủ vô lượng Bản Thệ Tam Muội của thân khẩu ý.

Tay thứ năm cầm quả ***Vĩ Nhạ Bố La*** **Ca** (Bījapūraka): **Bīja** là hạt, **Pūraka** là tràn đầy nên **Bījapūraka** được dịch là **Tử Mãn Quả**, quả này chí có ở Thiên Trúc.Quả này biểu thị cho hạt giống mãn vạn hạnh vạn thiện, hiển nghĩa công đức viên mãn của Phật Quả.

Tay thứ sáu cầm cây búa (Phủ Việt): Cây búa phá tất cả, không có gì không tồi phá được là tồi phá nạn Vô Minh, cắt đứt Hoặc Chướng biểu thị không dư sót.

Tay thứ bảy cầm móc câu: Móc câu (Aṃkuśa) có nghĩa là vua, 4 biển đều triều tôn nhà vua nên vạn đức đều quy vào Tôn này, nghĩa là vua của các Tôn nên gọi là Phật Mẫu. Sở Thuyên Câu Triệu tất cả chúng sinh khác vào cung Pháp Giới Nội Chứng vốn có là có triệu vào Như Lai Tịch Tĩnh Trí Đức. Do vậy hiện tay cầm móc câu.

Tay thứ tám cầm ***Bạt Chiết La*** (Vajra): Đời Đường gọi Độc Cổ Xử là chày Kim Cương, Tam Cổ Xử là Bạt Chiết La (Vajra). Tam Cổ Xử hay tồi diệt 3 Độc hiển chư Tôn của 3 Bộ nên là Phật Mẫu của 3 Bộ.

Tay thứ chín cầm vòng hoa báu (Ratna-mālā: Bảo Man): Hoa Man xâu suốt hoa lá biểu thị cho nghĩa Vạn Đức Trang Nghiêm, là công đức của Bình Đẳng Tính Trí.

Bên trái:

Tay thứ hai cầm cây phướng báu Như Ý: Phướng báu Như Ý là phướng báu của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) có địa vị cao tột. Đối với chúng sinh không có Phước Tuệ , bần cùng thì ban cho Nguyện Thế Xuất Thế. Viên ngọc báu (Bảo châu) là gốc rễ của mọi thiện, đáy nguồn của vạn hạnh.

Tay thứ ba cầm hoa sen hồng: Hoa sen hồng tên Phạn là Padma.

Hoa sen là tự tính thanh tĩnh biểu thị cho nghĩa Tự Tính Thanh tĩnh của tất cả các Pháp. Là Pháp tĩnh 3 Độc, 5 Dục, tất cả tội của Nhân Gian.

Màu hồng biểu thị cho màu sắc khả ái (đáng yêu)

Tôn này vào Nhân Đạo làm vị Hóa Chủ nên đặc biệt dùng hoa sen hồng biểu thị cho Đức này

Tay thứ tư cầm bình Táo Quán: Cái Bình mang nghĩa chứa đầy tất cả vật. Phật Mẫu Tôn sinh ra các Tôn trong 3 Bộ là Đức chứa đầy. Do vậy hiện thị tay cầm bình Táo Quán.

Tay thứ năm cầm sợi dây: Sợi dây biểu thị cho nghĩa giáng phục Ác Ma. Các **Tôn Phẫn Nộ** (Krodha-nātha) hay cầm sợi dây. Tôn này trói buộc kẻ khó phục khiến cho khuynh động dẫn vào cung Pháp Giới vốn có. Trong 4 Nhiếp Phương Tiện thì đây là phương tiện Đại Bi cực vị vậy.

Tay thứ sáu cầm bánh xe: **Bánh Xe** (Luân:Cakra) nghĩa là chuyển hoặc tồi phá, biểu thị cho sự lưu chuyển sinh tử trong 25 Hữu. Khi luân chuyển đã diệt thì bánh xe dừng lại vậy.

Tay thứ bảy cầm loa : Loa là **vỏ ốc** (Śaṅkha) mang nghĩa nói tịch tĩnh như Pháp. Lại biểu thị cho tiếng rống của sư tử, khi sư tử rống thì muôn thú trong sơn dã đều bị giáng phục. Nay dùng tiếng vang lớn của loa khiến giáng phục loại **phiền não hoặc chướng** của chúng sinh.

Tay thứ tám cầm Hiền Bình: Hiền Bình là **Tam Muội Gia** (Samaya) biểu thị sự chứa đầy 4 Trí Cam Lộ ban cho chúng sinh đều khiến mở Hoa Giác vốn có.

Tay thứ chín cầm rương Kinh Bát Nhã: Rương Kinh Bát Nhã biểu thị cho Thể của Trí Tuệ. 10 phương 3 đời Phật Bồ Tát đều y theo Bát Nhã này thành Chính Giác. Do Tôn này là Phật Mẫu của chư Phật nên cầm rương Kinh Bát Nhã.



_ Lại nữa để có thể giúp cho người tu hành nắm vững Pháp Tu của mình, nên các vị Đạo Sư Mật Giáo đã minh họa rất rõ phương thức vẽ Tôn Tượng **Chuẩn Đề Phật Mẫu và giảng giải nghĩa thú của tranh tượng này**

Thất Câu Đê Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh (Do Tam Tạng BẤT KHÔNG dịch) có ghi:

"*Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu với thân màu trắng vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen, thân tỏa hào quang tròn có dính hạt thóc nhẹ như áo của 10 Ba La Mật Bồ Tát, phía trên bên dưới đều tác màu trắng. Lại góc áo khoác ngoài (Thiên Y) có quấn anh Lạc, đội Mão Trời, cánh tay đều đeo vòng xuyến. Đàn Tuệ* (2 bàn tay) *đều đeo vòng báu. Mặt Tượng ấy có 3 mắt, 18 cánh tay.*

Hai tay bên trên tác tướng Thuyết Pháp

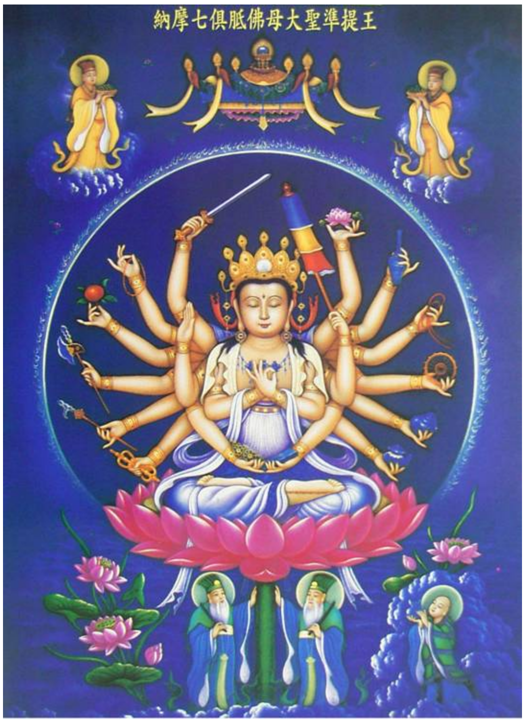
Bên phải: Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, lòng bàn tay thứ năm cầm Cụ Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây Búa, tay thứ bảy cầm Móc Câu, tay thứ tám cầm chày Kim Cương, tay thứ chín cầm Tràng Hạt.

*Bên trái: Tay thứ hai cầm cây Phướng báu Như Ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm Sợi Dây, tay thứ sáu cầm Bánh Xe, tay thứ bảy cầm **Thương Khư*** (Śaṅkha: vỏ ốc)*, tay thứ tám cầm Hiền Bình, tay thứ chín cầm rương Kinh Bát Nhã.*

*Bên dưới hoa sen vẽ ao nước. Trong ao có Long Vương **Nan Đà*** (Nanda-nāga-rāja), *Long Vương **Ổ Ba Nan Đà*** (Upananda-nāga-rāja) *nâng tòa hoa sen.*

Bên trái vẽ người Trì Minh, tay cầm lò hương chiêm ngưỡng Thánh Giả. Chuẩn Đề Phật Mẫu thương xót người Trì Minh, hướng mắt nhìn xuống.

*Bên trên vẽ 2 vị Tĩnh Cư Thiên Tử, một vị tên là **Cụ Sách Đà Thiên Tử**, tay cầm vòng hoa hướng xuống dưới, nương theo trên hư không đến cúng dường Thánh Giả*".



Ý nghĩa của Tranh Tượng này là:

_ ***Thân màu trắng vàng***: Biểu thị cho nghĩa Lý Trí chẳng hai, Định Tuệ một Thể hàm chứa Đức Năng Sinh của chư Phật.

_ ***Ngồi Kiết Già****:* Biểu thị cho tính Nhất Như của sinh tử và Niết Bàn

_ ***Hoa sen***: Biểu thị cho Tâm Đại Bi

_ ***Thân tỏa hào quang***: Biểu thị cho Trí phá ám chướng của Tâm hư vọng.

_ ***Phía trên bên dưới toàn là màu trắng***: Biểu thị cho sự hiển bày Pháp Đại Bi trắng tịnh để hóa độ chúng sinh

_ ***Mọi thứ trang sức trên thân:*** Biểu thị cho hiện tượng Bồ Tát đi vào dòng sinh tử dùng phiền não để hiển thị Bồ Đề.

_ ***Mặt có 3 mắt***: Hiện Phật Nhãn, Pháp Nhãn, Tuệ Nhãn biểu thị cho nghĩa **Ba Đế chẳng dọc chẳng ngang, nhất như bình đẳng.**

_ ***Thân có 18 tay*:**

Hai tay thứ nhất: tác tướng thuyết Pháp biểu thị cho sự hiển bày Phật Pháp hóa độ chúng sinh. Còn lại tám tay bên trái biểu thị cho Mê Giới và tám tay bên phải biểu thị cho Phật Giới .

Hai tay thứ hai: Tay trái cầm Phướng báu tượng trưng cho Tâm Bồ Đề vốn có nơi mọi chúng sinh mà chẳng tự biết. Nay dùng tay Thí Vô Úy bên phải gia trì khiến cho hiển đắc Tâm Bồ Đề đó .

Hai tay thứ ba: Tay trái cầm hoa sen tượng trưng cho Bản Thể vô cấu nhiễm vốn có của mọi chúng sinh, nhưng do dựa vào phiền não ngăn trệ mà dư Tập khí chưa hết nên chẳng hiển lộ được vạn Đức. Nay dùng cây kiếm sắc bén bên phải tượng trưng cho Đẳng Giác của Phật giới, một lần chuyển kiếm chém đứt dư Tập khí ấy khiến cho hoa sen thanh tịnh nở bày những cánh hoa vạn Đức vạn Thiện.

Hai tay thứ tư: Tay trái cầm bình Quân trì chứa nước Táo Quán (nước rưới vảy) tượng trưng cho Trí Tuệ vốn có của chúng sinh. Nhưng do không có Phước, không có trí như đất khô cằn chẳng có nước thấm ướt nên mầm giống Bồ Đề chẳng thể sinh trưởng được, đây tức là dựa vào phiền não mà chẳng thể phát sinh Trí Tuệ. Nay dùng tay phải cầm Tràng hạt gia trì khiến cắt đứt 108 phiền não để cho hiển đắc được nước Trí Tuệ của Như Lai rưới thấm ướt đất tâm khô cằn. Nước ấy là Đức của Trí Thủy chứa trong bình Quân Trì vậy .

Hai tay thứ năm: Tay trái cầm sợi dây tượng trưng cho sự ràng buộc cột trói chúng sinh trong nhà sinh tử, sự ràng buộc này thiên về **Thức thứ tám** (Ālaya-vijñāna). Tay phải cầm **Cụ Duyên Quả** (Bīja pūraka: Tử Mãn Quả) tượng trưng cho thức thứ tám là Thức của Tâm. Nhiều hạt giống của Pháp ở ngoài Tâm được thu nạp vào mà chẳng bị hư hoại hao tổn, lại tùy ý khiến sinh ra sự xoay chuyển làm cho Thức thứ tám lưu chuyển, chứng đắc được cảnh giới Đại Viên. Khi ấy tất cả năm ấm thuộc chủng tử trong Thức thứ tám đều bị thiêu hủy hết nên A Lại Gia hiển bày Tâm Tĩnh Bồ Đề vô cấu nhiễm giống như đẳng hư không. Như vậy, dùng Cụ Duyên Quả gia trì **chuyển Thức thành Trí** thì dây nghiệp bị thiêu cháy hết mà ngưng nghỉ sự luân chuyển của sinh tử bản hữu.

Hai tay thứ sáu: Tay trái cầm Bánh xe tượng trưng cho sự luân chuyển trong ba cõi sáu đường của các chúng sinh. Tay phải cầm cây búa là lợi khí đập nát. Nay dùng búa lớn đập nát bánh xe luân chuyển khiến nó trở thành Đức Luân Viên Cụ Túc của Như Lai .

Hai tay thứ bảy: Tay trái cầm **Thương Khư** (Śaṅkha) là vỏ ốc trong biển tượng trưng cho chúng sinh đang trầm luân trong biển khổ sinh tử. Nay tay phải cầm Đại Bi Câu (*Móc câu Đại Bi*) tiếp dẫn khiến cho đến được bờ bên kia là Niết Bàn an lạc.

Hai tay thứ tám: Tay trái cầm Hiền Bình tượng trưng cho sự hòa hợp của **Sắc** (Rūpa) **Tâm** (Citta) là nẻo sinh tử, nước trong bình tượng trưng cho sự nắm giữ tội của ba nghiệp mà lưu chuyển không cùng. Nay tay phải dùng Bạt Chiết La Tam Cổ Xử (*Chày Tam Cổ Kim Cương*) phá nát ba nghiệp ấy mà chặn đứng dòng sinh tử.

Hai tay thứ chín: Tay trái cầm Bát Nhã Phạm Khiếp là Trí Thức sở nạp trong Tâm, do chẳng tự biết nên phải bị trầm luân trong biển khổ. Nay tay phải dùng Bảo Man (*vòng hoa báu*) gia trì khiến khai phát Bản Trí ấy. Bảo Man là Tâm Tính Nghiêm vậy

Do các nghĩa này mà Chuẩn Đề (Cuṅdhe) còn được dịch ý là MINH hoặc **Diệu Giác**. Đây là thành quả của **Tuệ Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā) và là điều kiện căn bản để phát sinh Chư Phật vậy .

_ ***Trong ao nước có 2 vị Long Vương Nan Đà, Ô Ba Nan Đà cùng nâng đỡ tòa sen****:* Tòa sen tượng trưng cho **núi Tu Di** (Sumeru) 2 anh em Long Vương Nanda và Upananda là 2 Long Vương quấn quanh chân núi ấy.

Khi Đức Thích Ca đản sinh thời Long Vương dùng nước nóng tắm gội nên 2 vị Rồng này biểu thị cho Đẳng Giác Vị hay Vô Cấu Vị. Dùng nước Vô Cấu tắm gội khiến thành Diệu Giác, mãn Quả Diệu Giác này thì Thích Ca và Chuẩn Đề đồng Thể. Sau khi mãn Quả dùng Đẳng Giác Vô Cấu nên hai vị Rồng làm Tòa biểu thị cho nghĩa này.

Hai vị Rồng nâng đỡ cọng sen: Bồ Tát Đạo theo thứ tự tu hành Địa Ba La Mật từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười một. Nên biết Địa sau dùng Địa trước làm thềm bậc nên nói **Như Lai dùng Thân Bồ Tát làm Tòa Sư Tử.** Nay 2 rồng nâng đỡ cọng sen được biểu thị cho nghĩa này

Hoa sen sinh từ nước*:** Nước biểu thị cho **nước Định** (Định Thủy) mang ý nghĩa ***Dưỡng Nuôi Thủ Hộ. Do đó hoa sen sinh từ nước được hiểu là *Dùng nước Định nuôi dưỡng tự tính thanh tịnh bất nhị .*

_***Bên trên vẽ 2 vị Tĩnh Cư Thiên****:* Chúng Tĩnh Cư gồm có 5 vị Thiên Tử là: Tự Tại Thiên Tử, Phổ Hoa Thiên Tử, Quang Man Thiên Tử, Ý Sinh Thiên Tử, Danh Xưng Viễn Văn Thiên Tử. Các vị Thiên này đều biểu thị cho nghĩa **Trong Sạch** (Śuddha) đều là Pháp căn bản để sinh ra Thánh Giả. Nay đề cử 2 vị Thiên này đều là Thánh Giả thân cận Đức Phật, lắng nghe nói Pháp để hóa độ phương khác. Vì Chuẩn Đề Phật Mẫu hay vào Nhân Đạo nói Pháp lợi sinh, xoay chuyển Pháp Luân tồi phá tội ác của chúng sinh. Nên trong tranh tượng vẽ 2 vị Thiên này.

_ ***Bên trái vẽ người Trì Minh, tay cầm lò hương chiêm ngưỡng Thánh Giả. Chuẩn Đề Phật Mẫu thương xót người Trì Minh, hướng mắt nhìn xuống****:*

Người Trì Minh cầm lò hương chiêm ngưỡng Thánh Giả: Biểu thị cho sự đem nhiệt tâm chân thành quán sát rõ ràng Pháp Yếu của Bản Tôn nhằm chuyên chú thực hành

Chuẩn Đề Phật Mẫu thương xót người Trì Minh, hướng mắt nhìn xuống: Biểu thị cho lực gia trì của Bản Tôn luôn luôn hiện hữu. Nếu Hành Giả biết cách thọ nhận sẽ thành tựu Tất Địa mong cầu.

Ngoài ra trong Kinh còn ghi rằng bên dưới trang tượng nên viết Bài Kệ **Pháp Thân Duyên Khởi** nhằm giúp cho Hành Nhân chuyên chú quán niệm sẽ mau chóng thực chứng được Pháp Duyên Khởi mà chứng Đạo Bồ Đề.

Pháp Thân Duyên Khởi Kệ là:

"Chư Pháp tùng Duyên Khởi
Như Lai thuyết thị Nhân
Bỉ Pháp Nhân Duyên tận
Thị Đại Sa Môn thuyết"

Dịch là:

"Các Pháp theo Duyên khởi
Như Lai nói là Nhân
Pháp ấy Nhân Duyên hết
Là Đại Sa Môn nói"

Các Bậc Đạo Sư Tây Tạng thì thay bài Kệ trên bằng Thần Chú **Duyên Khởi** là:

OṂ_YE DHARMA HETU PRABHĀVA HETUN
TEṢĀṂ TATHĀGATO HYA VADATA
TEṢĀṂ CHAYO NIRODHA.
EVAṂ VĀDI MAHĀŚRAMAṆAḤ YE _ SVĀHĀ

Để giúp cho Đồ Chúng dễ ghi nhớ Tôn Tượng 18 tay của Chuẩn Đề Bồ Tát, các vị Đạo Sư Trung Hoa đã biên soạn bài tán Chuẩn Đề Phật Mẫu là:

Khuôn mặt Bồ Tát như trăng đầy
Sắc tướng trắng vàng rất đoan nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện thấy Tôn nhan thường cúng dường
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Trên mặt Bồ Tát có ba mắt
Như bốn biển lớn thật lặng trong
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được năm loại mắt thanh tịnh
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tai Bồ Tát đeo báu trang sức
Mọi thứ thù thắng rất trang nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Nhĩ Thông, nghe Diệu Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Lồng ngực Bồ Tát hiện chữ Vạn
Như trăng tròn diệu hiển quang minh
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Tâm Thông, nghe liễu ngộ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát đội mão hoa trên đỉnh
Trong mão hóa hiện năm Như Lai
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Từ Tôn ban quán đỉnh
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát khoác áo màu trắng tinh
Sáu Thù đeo thể thật trang nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được quần áo khéo giải thoát
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Thân Bồ Tát đeo Châu Anh Lạc
Tay, ngón đeo vòng báu trang nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y

Nguyện đủ băm hai (32) tướng Như Lai
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát ngồi thẳng trên hoa sen
Lớn cao chẳng động tựa núi vàng
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện sau sẽ ngồi tòa Bồ Đề
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Mọi chi phần trên thân Bồ Tát
Thường phóng vô lượng ánh sáng lớn
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Từ Quang đến hộ niệm
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát kết Ấn Thuyết Pháp
Biểu thị khéo nói tất cả Pháp
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được các Pháp đều thông đạt
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm Phướng báu diệu
Biểu thị Thế Gian là Tối Thắng
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con hay dựng Phướng Đại Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát kết Ấn Thí Vô Úy
Dìu dắt chúng sinh bị hiểm nạn
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con mau lìa sự đáng sợ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm hoa sen diệu
Biểu thị sáu căn thường thanh tịnh
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con lìa dơ (ly cấu) như hoa sen
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm kiếm Trí Tuệ
Hay chặt trói buộc của phiền não
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con chặt đứt Tham, Sân, Si
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay bồ Tát cầm bình Táo Quán (rưới vảy)
Tuôn nước Cam Lộ thấm chúng sinh
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thường được Phật quán đỉnh

NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm tràng hoa màu nhiệm
Mọi thứ trang điểm thật thù thắng
Nay con đỉnh lễ , thệ quy y
Nguyện con được buộc lụa Diệu Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm sợi dây Kim Cương
Khéo hay dẫn nhập vào tất cả
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con được vào Pháp tương ứng
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm quả Thiên Diệu
Biểu thị viên thành quả Bồ Đề
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con rộng tu các quả lành
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm bánh xe tám căm
Uy quang chiếu diệu khắp Tam Giới (3 cõi)
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thường chuyển Đại Pháp Luân
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm cây búa lớn
Hay phá Pháp Bất Thiện bền chắc
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con đập nát núi Nhân Ngã (Người và Ta)
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm Loa Đại Pháp
Âm thanh chấn động ba ngàn cõi
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con hay nói tất cả Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm móc câu Kim Cương
Khéo hay câu triệu khắp tất cả
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thành tựu Pháp Câu Triệu
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm Bình Như Ý
Tuôn ra Tạng báu với Kinh Điển
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thọ dụng thường như ý
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm chày Kim Cương
Tám Bộ Trời Rồng đều quy ngưỡng
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con điều phục kẻ khó phục
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm Kinh Bát Nhã
Hàm chứa nghĩa vi diệu thâm sâu
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con không Thầy tự nhiên ngộ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm viên ngọc Ma Ni
Hào quang tròn trắng không tỳ vết
Nay con đỉnh lễ , thệ quy y
Nguyện Tâm Địa con luôn lanh lợi
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ Tát
Hiện mười tám tay ngồi trên Đàn
Tám Đại Bồ Tát hộ tám phương
Đệ Tử một lòng quy mệnh lễ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT



Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Chuẩn Đề Bồ Tát được nhận biết dưới danh hiệu **Kim Cương Hộ Bồ Tát** (Vajra-rakṣa Bodhisatva) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật **Bất Không Thành Tựu** (Amogha Siddhi) [tức là Phật Thích Ca Mâu Ni] ở phương Bắc. Tôn này được sinh ra từ môn Giáp Trụ Đại Từ của tất cả Như Lai; vì thế Chuẩn Đề được dịch ý là Hộ Trì Phật Pháp và vị Bồ Tát này thường đi lại Thế Gian để đập nát các **Hoặc Nghiệp** của tất cả chúng sinh; khiến cho kẻ đoản mệnh được thọ mệnh lâu dài, tăng tiến Phước Tuệ, đời đời xa lìa các nẻo ác, mau chóng phát Tâm Bồ Đề và viên mãn mọi ước nguyện. Ý nghĩa này thường được đại chúng nhận biết nhiều qua các công năng của thần Chú Chuẩn Đề ghi trong các Kinh Quỹ

- Kinh **Thất Câu Chi Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn Đề Đà La Ni** có ghi:

"Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, thọ trì đọc tụng Thần Chú này, mãn 80 vạn biến thì những tội ngũ vô gián đã tạo từ vô lượng kiếp đến nay hết thảy đều được tiêu diệt . Sinh ra chỗ nào cũng được gặp Chư Phật và Bồ Tát, đời sống tư sinh tùy ý đầy đủ, đời đời thường được xuất gia, trì đủ luật nghi tịnh giới Bồ Tát, thường sinh Nhân Thiên, không đọa ác thú, thường được Chư Thiên ủng hộ .

Nếu có những người tại gia nam nữ thường trì tụng thì nhà kẻ ấy không có khổ não tai họa bệnh khổ, ra làm việc gì đều được hạnh thông, nói ra lời gì người nghe đều tín thọ"

- Trong **Thất Câu Chi Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn Đề Đà La Ni Pháp** có ghi:

Ấn Chú này có công năng diệt tất cả tội nặng như : tội ngũ nghịch và tội thập ác, thành tựu tất cả Bạch Pháp . Trì giới đầy đủ thanh khiết mau chứng Bồ Đề . Nếu người tại gia không thể đoạn đứt vợ con rượu thịt mà chỉ y Pháp Ta (Pháp Phật) trì tụng đều được thành tựu .

... Đức Phật dạy : Đà La Ni này có thế lực lớn, chí tâm tụng trì quyết phải tự chứng Có công năng khiến cây khô phát sinh hoa trái, huống gì những quả báo ở thế gian. Nếu thường trì tụng thì nước, lửa, đao binh, oan gia, độc dược đều không thể làm hại . Nếu người bị Quỷ Thần làm bệnh chết; kết Ấn tụng Chú này 7 biến, lấy Ấn ấn nơi ngực đều khiến sống trở lại . Gia đình nhà cửa ở không yên, bị Quỷ Thần gây họa ; trì Chú chú vào 4 hòn đất đem trấn ở bốn phía thì liền đi .

Nếu người trong lục thân không hòa, không nghĩ đến tình thương nhau, nên y Pháp tụng Chú hướng về lục thân thì được hòa hợp, nghe tên thấy thân đều được hoan hỷ ; phàm cầu việc gì cũng được vừa lòng toại tâm . Huống chi người trai giới đầy đủ, nhất tâm thanh tịnh y Pháp tụng trì, thì nhất định chuyển thân này tức chứng Bồ Đề, có được đại công lực

Ngài **Long Thọ Bồ Tát** (Nāgārjuna) có bài kệ khen ngợi công đức của Chuẩn Đề Bồ Tát rằng :

Chuẩn Đề công đức tụ
Tịch tịch tâm thường tụng
Nhất thiết chư đại nạn
Vô năng xâm thị nhân
Thiên thượng cập nhân gian
Thọ phước như Phật đẳng
Ngộ thử Như Ý châu
Định hoạch vô đẳng đẳng .

Dịch :
Nhóm công đức Chuẩn Đề
Tâm vắng lặng thường tụng

Tất cả các nạn lớn
Không thể phạm đến người
Trên Trời với cõi Thế
Thọ phước ngang bằng Phật
Gặp ngọc Như Ý này
Được sự không gì hơn .

Lại nữa, phương Bắc là Thắng Phương nên tương ứng với vị trí cứu cánh là địa vị cao cả của Niết Bàn, vì thế Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai là dạng thần cách hóa của **Trí Niết Bàn của Như Lai** tức là sự chứng nhập vào cảnh giới thậm thâm của Đại Niết Bàn. Đồng thời Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai còn biểu thị cho Thành Sở Tác Trí là Trí dùng ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng hữu tình, vì chúng sinh hành thiện mà thành *Bản Nguyện Lực*. Đây là dùng phương tiện lợi tha để thành tựu diệu nghiệp vị tha, thường ứng với căn cơ của chúng sinh mà đoạn trừ mê vọng cho họ. Do Biến Hóa Luân tác dụng giới ở phương Bắc, dùng Bất Xả Chúng Sinh Đại Tinh Tiến Ba La Mật mà thành tựu bốn vị thân cận là **Kim Cương Nghiệp** Bồ Tát (Vajra-karma), **Kim Cương Hộ** Bồ Tát (Vajra-rakṣa), **Kim Cương Nha** Bồ Tát (Vajra-yakṣa, hay Vajra-daṃṣṭra), **Kim Cương Quyền** Bồ Tát (Vajra-saṃdhi). Trong đó: Kim Cương Nghiệp Bồ Tát được sinh ra từ *môn Công Nghệ khéo léo của tất cả Như Lai*. Kim Cương Hộ Bồ Tát được sinh ra từ *môn Giáp Trụ Đại Từ của tất cả Như Lai*. Kim Cương Nha Bồ Tát được sinh ra từ *môn Điều phục không sợ hãi của tất cả như Lai*. Kim Cương Quyền Bồ Tát được sinh ra từ *môn Trụ Trì Thành Tựu của tất cả Như Lai*.

Như thế, khi trì niệm Chuẩn Đề Cửu Thánh Tự Chân Ngôn, Hành Giả sẽ tương tứng được với ***môn Đại Từ Giáp Trụ của tất cả Như Lai*** để thâm nhập vào chân lý.

Đây là giai đoạn nương theo Trí Niết Bàn của Như Lai, tu tập **Tuệ Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā) để đi thẳng vào tự tính an lạc của Đại Niết Bàn, tức là chứng nhập được Tâm Bồ Đề

V . NHẤT TỰ KIM LUÂN PHẬT ĐỈNH CHÂN NGÔN



BHRŪṂ

BHRŪṂ () được kết hợp bởi bốn âm tự là BHA, RA , Ū, MA. Trong đó:

- BHA () là tất cả Pháp **Hữu** chẳng thể đắc. Do tất cả Hữu là 3 Hữu cho đến 25 Hữu nên BHA biểu thị cho nghĩa **Được Tự Tại trong các Hữu**, thường hay phá nát các Pháp ***Dời Đổi*** (thiên biến) hiển lộ Pháp Tự Tại. Vì thế BHA còn biểu thị cho **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā) là phương cách trong đó công hạnh tu tập 6 Độ được chuyển sang để giác ngộ kẻ khác.

- RA () là tất cả Pháp **Lìa bụi nhiễm**. Do hay phá nát sự nhiễm ô của 6 Trần hiển lộ sự thanh tịnh vô cấu nên RA được biểu thị cho **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhanā-pāramitā) là ý chí hành 6 Độ để giác ngộ kẻ khác.

- Ū () là tất cả Pháp **Tổn giảm chẳng thể đắc**. Do tất cả Pháp Hữu đều không lìa được thể Tổn Giảm nên Ū hàm chứa nghĩa **Diệu hữu chân thiện** và biểu thị cho **Lực Ba La Mật** (Bala-pāramitā) là khả năng có thể nuôi lớn 6 Độ để giác ngộ kẻ khác.

- MA (म) được ký hiệu thành âm tiêu (●) đặt trên đầu chữ là thanh Tam Muội, biểu tượng của Trí Đại Không thường hay phá nát các Pháp **Ngô Ngã** hiển lộ Pháp **Đại Không cực thiện**. Do đó, MA được biểu thị cho **Trí Ba La Mật** (Jñāna-pāramitā) tức hiểu rõ được đức tính của 6 Độ là phương cụ để giác ngộ kẻ khác .

Do 4 Ba La Mật: *Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí* xuất phát từ Bát Nhã Ba La Mật (Prajna pàramità) nên BHRÙM biểu thị cho một giai đoại không chứng nhập quả vị Niết Bàn mà lao vào thế gian sinh tử, thi hành vạn hạnh Đại Bi, hóa độ chúng hữu tình, hoàn thiện mọi thiện căn, chứng nhập từng phần Pháp Thân để viên mãn quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác của các vị **Bồ Tát Bất Thoái Chuyển** .

_ Kinh **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa , phẩm CHÂN THẬT** có ghi :

"Bậc Bồ Tát tu tập Bát Nhã Ba La Mật Đa đều phải học và thực hành các Pháp KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC GIẢI THOÁT MÔN nhưng không chứng nhận quả vị mà chỉ nhận quả vị khi thiện căn đầy đủ "

Theo Mật Giáo thì Nhất Tự Đỉnh Luân Vương là Mật Hiệu của Đại Nhật Như Lai, là Tổng xưng mọi Đức của Pháp Thân. Trong **một chữ** này nhiếp vô tận Mật Pháp. Trong **một Ấn** chứa hằng sa Ấn. Lực phá hủy các nghiệp ác mạnh hơn Chư Phật và mau chóng thành tựu Công Đức vượt hơn hẳn các Pháp khác. Chân Ngôn này được Đức Đại Nhật Như Lai tuyên thuyết khi Ngài nhập vào Tối Thắng Tam Ma Địa. Và BHRŪṂ biểu thị cho nghĩa **Tam Thân Nhất Thể** tức là Tam Muội vốn ngay ở một.

BHRŪṂ do bốn chữ BHA, RA, Ū, MA hợp thành, với :

. BHA (भ) biểu thị cho **Ứng Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) là *Sinh Thân* Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương Bắc, hiển thị mọi giáo nghĩa giúp chúng sinh vượt ra khỏi nhà lửa của Tam Giới. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn được xưng tán là PHÁ HỮU PHÁP VƯƠNG

. RA (र) biểu thị cho **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) là **Sa La Thọ Vương Phật** ở phương Nam, hiển thị cho sự mở bày vạn Đức, nuôi lớn Tâm Bồ Đề, viên mãn vạn hạnh Đại Bi để thành Chính Giác .

Hai chữ BHA và RA đều hàm chứa chữ A biểu thị cho **Pháp Thân Đại Nhật Như Lai**, biểu thị nghĩa Vạn Pháp thảy đều Bất Sinh thường trụ. Điều này có nghĩa là Hóa Thân Thích Ca ở phương Bắc (भ) sau khi hết hạn hóa duyên sẽ nhập vào chữ RA (र) ở phương Nam là Trí Đại Thành Pháp Thân Nội Chứng Pháp Giới, phân chia ngọc Xá Lợi còn mọi tướng tốt đẹp của thân thể đều biến thành một chữ BHRŪṂ để nhiếp trì Chính Pháp. Tức là: ***Biến Hóa Thân vô thường quy về Pháp Thân Thường Trụ Kim Cương Bất Hoại Xá Lợi***

Như vậy, hai chữ BHA, RA là **nội chứng ngoại dụng, Sinh Thân Pháp Thân**, chủng tử của Lý Trí, Trí Đức Phước Đức, công đức của hai Bộ. Từ hai chữ này sinh ra hóa dụng của Đại Trí Đại Bi.

. Ū (ऊ) là nghĩa Tối Thắng của Kim Cương, biểu thị cho Chân Thiện Diệu Hữu.

. MA (म) là Kim Luân Tối Thắng vạn đức trang nghiêm cụ túc viên mãn, hiển thị cho Trí Đại Không.

Dạng Thần cách hóa của BHRŪṂ là Đại Kim Luân Minh Vương với Tôn hình màu vàng rực hoặc màu trắng, ngồi trên hoa sen trắng tám cánh, tay kết Trí Quyền Ấn. Hình tượng là Trí Phật trong Kim Cương Giới nhập vào tướng Nhật Luân Tam Muội của Thai Tạng Giới. Do đó, Tôn này là chỗ quy thú cho mọi công đức của Chư Phật Bồ Tát và được xem là bậc Tối Thắng trong các Phật Đỉnh, cho nên Tôn này có tên là Kim Luân Phật Đỉnh hay Nhất tự Kim Luân Phật Đỉnh Vương .

- Trong **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Kinh Du Già Nhất Thiết Thời Xứ Niệm Tụng Thành Phật Nghi Quỹ** có ghi :

"Đại Kim Luân Minh Vương có uy quang vượt khắp các mặt trời, bảy báu vây đầy chung quanh, là Luân Vương của tất cả Phật Đỉnh Luân Vương. Khi Ngài mới hiện thân đặc biệt kỳ diệu thì các Thánh Chúng đều mất sự hiển hiện thắng tuyệt, chẳng dám chung cùng, chỉ có Phật mới cùng chung một Thể"

- Trong **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Kinh** có ghi là :

"Đức Phật Thích Ca ngồi ở Kim Cương Đạo Trường dưới gốc cây Bồ Đề trong nước Ma Kiệt Đà, nhận lời thỉnh cầu của Kim Cương Mật Tích chủ Bồ Tát nhập vào Tam Ma Địa, hiện thành tướng Đại Chuyển Luân Vương nói NHẤT TỰ ĐỈNH LUÂN VƯƠNG CHÚ thì Đại Thiên Thế Giới chấn động . . .

*Nếu dùng Tôn này làm Bản Tôn của Pháp tu **tất cả Tất Địa với Pháp Trừ Tai** thì sẽ trừ diệt được vô lượng các tội chướng rất nặng của đời hiện tại, cũng có thể vượt qua các nẻo ác, trừ bệnh tật và chứng Đạo Bồ Đề . . ."*

Lại nữa, BHRŪṂ còn được tôn xưng là MẠT PHÁP NHẤT TỰ ĐÀ LA NI nghĩa là trong thời Mạt Pháp, chú này có thế lực rất lớn như: làm lợi ích lớn cho thế gian, bảo hộ tất cả Pháp Tạng của Như Lai, hàng phục tất cả chúng tám Bộ, hay ban Pháp vô úy cho chúng sinh, thường giúp chúng sinh được mọi phỉ lạc, giúp cho hành giả mau chóng thành tựu tất cả Chân Ngôn khác và thường hay giúp cho chúng sinh viên mãn tất cả ước nguyện .

Nhất Tự Chú này là Đỉnh của tất cả chư Phật là Tâm của Văn Thù Bồ Tát . Nếu tụng Chú này thì trong khoảng năm Do Tuần, các Tinh Tú ác không dám đến gần, các Quỷ Thần ác đều tự lánh xa, các loài Thiên Ma không dám đến não hại, tất cả tội chướng của người trì tụng đều được thanh tịnh và người ấy có thể vào trong các Bộ không bị chướng ngại đồng thời có công năng bẻ gãy tất cả ác Chú trong thế gian, viên mãn mọi Pháp tu trì .

- Trong Kinh **Mạt Pháp Nhất Tự Đà La Ni** có ghi bài Tụng là:

Hết thảy các Phật Tử
Các ông nên lắng nghe
Nay Ta nói Chú này
Đầy đủ các công đức
Sau này khi đời ác
Pháp Ta sắp muốn diệt
Hay ở trong thời ấy
Hộ trì Mạt Pháp Ta
Hay trừ ác Thế Gian
Các Quỷ Thần độc hại
Thiên Ma với người ác
Hết thảy các Chú Pháp
Nếu nghe tên Chú này
Thảy đều tự nép phục
Sau khi Ta diệt độ
Phân khắp Xá Lợi rồi
Sẽ ẩn các tướng tốt
Biến thân làm Chú này (_ BHRŪṂ)
Phật có hai thứ thân
Chân Thân và Hóa Thân
Nếu hay cúng dường ấy
Phước Đức không có khác

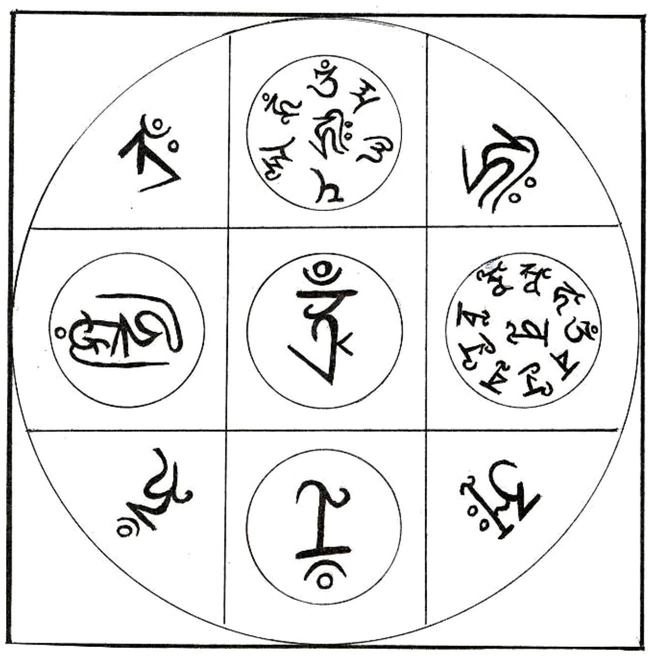
Chú này cũng như thế
Tất cả các Trời Người
Thường sinh lòng hy hữu
Thọ trì và cúng dường
Sẽ được các công đức
Như thân Ta không khác
Công đức Chú Vương này
Nay Ta chỉ lược nói

Do các ý nghĩa này, BHRŪṂ còn được xem là chủng tử Pháp Thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Như vậy, khi trì niệm BHRŪṂ Hành Giả sẽ được chư Như Lai, chư vị Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, các Bộ *Thánh Thiên, Quỷ Thần* . . . trong Pháp Giới hộ trì để giúp cho Hành Giả tự khai mở được Chính Pháp của chính mình, từ đó an nhiên thi hành vạn hạnh lợi tha cho đến khi thấu ngộ được tướng **Trừ Ám Biến Minh** của **Nhật Luân Tam Muội** thì tự mình thành tựu được Trí Tuệ của Như lai vậy.

Đây là giai đoạn nương theo lực gia trì của Pháp Thân Như Lai để chứng ngộ Phật Trí vốn có nơi mình .

NGŨ BỘ CHÚ ĐÀN

Bình thường để giúp cho Môn Đệ không lãng quên ý hướng tu tập của mình, các vị Đạo Sư Mật Giáo thường minh họa hình tượng các Tôn trong một Đàn Pháp gọi là Mandala với ý nghĩa cứu cánh là nơi phát sinh ra chư Phật. Riêng trong Pháp tu Ngũ Bộ Chú thì các vị Thầy đã truyền dạy nghĩa thú tu hành qua Đàn Pháp sau



1_ Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn (ở phương Đông):
RAṂ
RAṂ: Biểu thị cho **Đại Không Trí Hỏa Tam Muội** là Trí Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai có công dụng hay thiêu đốt tất cả bụi dơ vô thủy vô minh của chúng sinh và giúp cho mầm giống của Tâm Bồ Đề được tăng trưởng.

2_ Văn Thù Nhất Tự Hộ Thân Chân Ngôn (ở phương Nam)

ŚRHYIṂ

ŚRHYIṂ: Tự Ngã an ổn trong các nhân tốt lành nhằm nuôi dưỡng hạt giống Tâm Bồ Đề đang nảy nở trong Tâm của mình

ŚRHYIṂ biểu thị cho sự nương theo Phước Trí Bình Đẳng của Như Lai để nuôi dưỡng Tâm Bồ Đề

3_ Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn (ở phương Tây)

OṂ MAṆI PADME HŪṂ

OṂ: Quy mệnh

MAṆI: Viên ngọc Như Ý

PADME: Bên trong hoa sen

HŪṂ: Tự Ngã thành tựu

OṂ MAṆI PADME HŪṂ biểu thị cho sự nương theo Trí Phổ Môn Phương Tiện của Như Lai để chứng ngộ Tâm Bồ Đề

4_ Chuẩn Đề Cửu Thánh Tự Chân Ngôn (ở phương Bắc)

OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ

OṂ: Quy mệnh

CALE: Giác động, tức là chuyển động sự Giác Ngộ

CULE: Trực khởi , tức là đi thẳng đến

CUṄDHE: Tự Tính thanh tịnh của Tâm Bồ Đề

SVĀHĀ: Thành tựu vị an vui của Đại Niết Bàn

OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ biểu thị cho sự nương theo Trí Niết Bàn của Như Lai để chứng nhập Tâm Bồ Đề

5_ Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn (ở phương trung ương)

BHRŪṂ

BHRŪṂ biểu thị cho sự nương theo lực gia trì của Pháp Thân Như Lai để chứng ngộ Phật Trí vốn có nơi mình

6_ Chủng Tử của Kim Cương Bộ (ở phương Đông Nam)

HŪṂ

HŪṂ biểu thị cho Đại Viên Kính Trí, là Trí thanh lọc làm tiêu tan và thu nhiếp tất cả yếu tố nhân vị của cá nhân

7_ Chủng Tử của Bảo Bộ (ở phương Tây Nam)

TRĀḤ

TRĀḤ biểu thị cho Bình Đẳng Tính Trí, là sự hoàn mãn của Tâm Lực chuyển mọi tình cảm ích kỷ riêng tư thành tình thương phổ quát

8_ Chủng Tử của Liên Hoa Bộ (ở phương Tây Bắc)

HRĪḤ

HRĪḤ biểu thị cho Diệu Quan Sát Trí, là Trí khéo biết tất cả tướng chung và tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyện, lại y theo từng loại căn cơ mà thuyết Pháp giáo hóa một cách tự tại

9_ Chủng Tử của Yết Ma Bộ (ở phương Đông Bắc)

AḤ

AḤ biểu thị cho Thành Sở Tác Trí, là Trí giải thoát các Nghiệp, thành tựu tất cả Công Đức

NGHI THỨC TỤNG TRÌ ĐƠN GIẢN

Nghi Thức **Tụng Trì Ngũ Bộ Chú** có rất nhiều tùy theo từng Hệ Phái. Tuy nhiên để có thể thực hiện một cách đơn giản và dễ nhớ nhất, chúng ta có thể thực hành theo phương cách sau.

Vào các giờ Tý, Ngọ, Mão, Dậu (4 giờ sinh hóa của trời đất) Hành Giả tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, ở trước Tôn Tượng dâng hương hoa, thực phẩm, đèn nến…. (tùy theo khả năng của mình) rồi trì tụng như sau

Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tăng
Quy mệnh bảy vị Phật đời quá khứ
Quy mệnh chư Phật đời hiện tại
Quy mệnh chư Phật đời vị lai
Quy mệnh các Đệ Tử của chư Phật
Hãy khiến cho Chú Sở Trì của con liền theo như nguyện

OM, RAM
OM, SỜ-RỜ-HI-DIM
OM, MA NI, PA ĐỜ-MÊ, HÙM
OM, CHA LÊ, CHU LÊ, CHUNG ĐÊ, XỜ-VA HA
BỜ-HỜ RUM
(Tụng liền một hơi 5 câu Chú, tụng 108 lần cho đến 1080 lần)

Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tăng
Quy mệnh bảy vị Phật đời quá khứ
Quy mệnh chư Phật đời hiện tại
Quy mệnh chư Phật đời vị lai
Quy mệnh các Đệ Tử của chư Phật
Hãy khiến cho Chú Sở Trì của con liền theo như nguyện

(Sau đó Hồi Hướng, Phát Nguyện rồi lui ra)

LỤC TỰ MINH CHÚ

(VIDYĀ ṢAḌ-AKṢARĪ)



TRUYỀN THỐNG TÍN NGƯỠNG VỀ LỤC TỰ MINH CHÚ

Lục Tự Minh Chú (Vidyā-ṣaḍ-akṣarī) nguyên là Tâm Chú của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát mà giáo đồ Lạt Ma giáo thường xưng tán và sau này được lưu truyền thành câu trì tụng của tín đồ Phật giáo Đại Thừa.

Theo truyền thuyết của Tây Tạng, khoảng năm 371 tương đương với thời Đông Tấn của Trung Hoa, vào đời vua **Cáp Đóa Lật Tư Tán** (Tho Thori Gñan Btsan) đột nhiên có 04 chiếc rương từ trên trời rơi xuống nóc cung điện. Đúng lúc ấy, có 05 nhà sư từ Ấn Độ đến mở 04 chiếc rương đó ra xem thì thấy các bộ Kinh: Bảo Khiếp Trang Nghiêm Kinh, Bách Sám Hối Kinh, **Lục Tự Đại Minh Bảo Ngọc Khắc** (tức 06 chữ OṂ MAṆI PADME HŪṂ) cùng với Tháp vàng và hương Khẩn Đà Ma Ni … đồng thời còn nghe văng vẳng trên hư không có tiếng nói là: ***"Từ đây đợi đến 05 đời nữa sẽ hiểu được việc này".*** Tuy không biết việc này có ý nghĩa gì nhưng nhà vua vẫn cung kính trọng thờ. Do Công Đức của phước nghiệp ấy, nhà vua thọ được 120 tuổi và nước mạnh dân giàu.

Trải qua 05 đời, khoảng năm 615, vào đời vua **Khí Tông Lộng Tán** (Srong tsan Gampo) thì tín ngưỡng Quán Thế Âm được phát triển mạnh mẽ. Vì thế, truyền thuyết này cho rằng Lục Tự Minh Chú là một món quà quý báu do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ban cho thế gian đầy dẫy đau khổ này nhằm giúp đỡ cho tất cả chúng sinh xa lìa mọi ách nạn phiền não, đạt đến sự an vui phỉ lạc.

_ Truyền thuyết khác cho rằng Lục Tự Đại Minh Chú là câu Chân Ngôn mà Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dùng để tán thán Đức Phật A Di Đà và nói là: "***Chân ngôn này là tất cả Phước Đức, Trí Tuệ và là căn bản của các Hạnh".***

_ Tây Tạng còn lưu truyền một truyền thống khác nữa là: ở vô lượng kiếp trước, với tâm Đại Bi vô hạn, Quán Thế Âm Bồ Tát muốn cứu thoát tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử luân hồi, nên đối trước chư Phật mười phương, Ngài phát nguyện rằng: "Nguyện cho con cứu được tất cả chúng Hữu tình. Nếu có khi nào, con mệt mỏi trong công việc lớn lao này, thì nguyện cho thân con tan thành ngàn mảnh".

Thoạt tiên, Ngài xuống cõi Địa ngục, sau đó đến cõi Ngạ quỷ và tiến dần lên cho đến cõi Trời. Tại đấy, Ngài nhìn xuống thế giới đau khổ với cái nhìn thấu hiểu của Thánh Trí thì tâm Ngài bị xúc động sâu sắc. Vì mặc dù Ngài đã cứu nhiều chúng sinh thoát khỏi Địa ngục nhưng vẫn còn có vô số chúng sinh khác đang sa vào. Điều này làm cho Ngài buồn rầu vô hạn. Trong một lúc, gần như Ngài đã mất tất cả niềm tin vào lời nguyện vĩ đại mà Ngài đã tuyên thệ và thân thể Ngài liền nổ tung thành ngàn mảnh. Giữa cơn tuyệt vọng, Ngài cầu cứu tất cả chư Phật. Ngay lập tức, hằng hà sa số chư Phật từ mười phương đều hiện thân đến cứu giúp. Với thần lực nhiệm màu, chư Phật làm cho Ngài hiện trở lại toàn thân và từ đấy Ngài có 11 cái đầu, 1.000 cánh tay, trên mỗi bàn tay có một con mắt. Sự kiện này biểu thị cho sự phối hợp giữa trí tuệ và phương tiện thiện xảo, là dấu hiệu của Tâm Đại Bi chân thật.

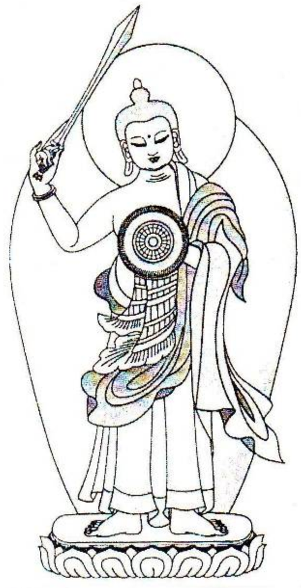
Trong hình thức này, Ngài đã sáng chói rực rỡ và có nhiều năng lực hơn trước để cứu giúp chúng sinh. Khi ấy, tâm Đại Bi của Ngài còn mãnh liệt hơn trước nữa. Và đối với chư Phật, Ngài lại phát nguyện rằng: *"Khi tất cả chúng sinh chưa thành Chính Giác, thì con nguyện không thành Chính Giác*". Từ đây, Ngài càng nhận rõ được sự khổ đau và thấy rõ từng loại chúng sinh. Do đó, đối với kẻ mong cầu và kêu gọi đến sự giúp đỡ của Ngài thì Ngài hiện ra trước mặt và giúp cho người ấy thỏa mãn sự mong ước tùy theo mỗi hoàn cảnh bằng một hình thức thích ứng. Theo cách này, Quán Thế

Âm Bồ Tát hiện thân với vật cầm tay tiêu biểu cho công tác hóa độ chúng sinh tương ứng với Bản Tính của sự sống tùy theo cõi giới của họ.

Cõi Trời (Sura hay Deva) là một cõi thụ hưởng. Trong cõi đó, chư Thiên thường khởi Tâm tự mãn và bám chặt vào các ảo tưởng về những niềm vui tạm thời. Do đó, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân **Indra** với cây đàn Tỳ Bà để tạo ra Pháp Âm (Dharma-svara) đánh thức chư Thiên thoát khỏi những ảo tưởng của Phước Báo mà họ đang thụ hưởng, đồng thời đưa họ đến một thực tại cao siêu hơn, một sự hòa hợp sâu sắc hơn và vĩnh cửu hơn.



Cõi Tu La (Asura) hay cõi Thần (Devatā) là cõi chiến đấu. Trong cõi đó, chư Thần thường khởi Tâm ganh tỵ, chỉ thích tranh đấu để chiếm đoạt các quả của cây Kalpa Taru (cây Thỏa mãn mọi ước nguyện) đứng giữa cõi Trời và cõi Thần. Do đó, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân **Vemacitra** với cây kiếm sáng chói, biểu thị cho trí tuệ hoạt động phân biệt, đâm thủng bóng tối ganh tỵ và chém đứt các mối dây ràng buộc bởi sự thèm khát, đồng thời dậy cho chư Thần sự chiến đấu cao thượng để đạt thành quả của sự thấy biết mà thoát khỏi mọi tham dục.



Cõi Người (Manuṣyana hay Nāra) là cõi hành động. Đây là thế giới của sự cố gắng, của hoạt động có ý thức về mục đích của mình, trong đó sự tự do quyết định giữ một vai trò thiết yếu. Trong cõi này, con người có khả năng biết rõ các đặc tính của các cõi và tất cả hiện tượng đều do "***Nhân duyên mà sinh khởi***" như nhau, đồng thời con người có thể tìm ra được bản tính chân thật của vũ trụ và nhận thức được con đường vĩnh viễn ra khỏi vòng sinh tử luân hồi. Tuy vậy, đại đa số con người thường mang tâm: tự kiêu, ích kỷ, hoài nghi mà bị trói buộc trong các hoạt động nhằm tìm cầu chiếm hữu và thỏa mãn dục tình cho riêng mình. Do đó, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra hình tướng Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-siṃha: Thích Sư Tử) với cái bình bát và cây gậy ẩn sĩ để chỉ con đường giải thoát cho những ai có khả năng xóa bỏ mọi dục vọng tư kỷ, dứt trừ Tâm kiêu mạn hoài nghi, thực hiện công hạnh cứu độ tối hậu.



Cõi Súc Sinh (Tiryañc hay Paśu) là cõi sợ hãi. Trong cõi đó, các loài vật thường mang Tâm Thức thờ ơ gắn chặt với bản năng, không đủ năng khiếu phát triển tư tưởng. Vì thế, chúng luôn luôn sống trong sự sợ hãi qua sự đuổi bắt, vây hãm, ăn nuốt lẫn nhau và bị đẩy vào số phận mù quáng của những nhu cầu tự nhiên, những bản năng không thể kiểm soát được. Do đó, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân Dhruva-siṃha với một quyển sách cầm tay nhằm nâng cao Tâm thức trì độn mù quáng của loài súc sinh để hướng chúng tới một tinh thần phát triển, vượt thoát bản năng tăm tối.



Cõi Ngạ Quỷ (Preta) là cõi ước mong không được thỏa mãn. Là thế giới đầy dẫy sự thèm khát mong muốn tham dục mà không bao giờ thực hiện được. Chúng sinh trong cõi này thường mang những hình tướng quái dị như: thân thể cao lớn, đầu to như núi, cuống họng nhỏ như cây kim, đầu tóc lởm chởm, miệng như ngọn đuốc lửa, bụng to lớn …. dù gặp vật thực cũng chẳng ăn nuốt được. Hoặc có loài da đen như than, đầu tóc lởm chởm, miệng khô đắng, ưa le lưỡi tự liếm miệng, thường chịu đói khát. Hoặc có loài tên là Mãnh Diễm Mang, mỗi khi ăn uống đều bị hóa lửa đốt làm cho đói khát khổ đau.

Tất cả loài Ngạ Quỷ này đều bị đói khát dày vò không bao giờ được thỏa thích no đủ. Vì thế, Tâm Thức của chúng gắn chặt với sự tham dục đam mê không biết nhàm chán và luôn bị sự thất vọng dày xéo bủa vây. Do đó, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân **Jvala-mukha** (Diệm Khẩu) với một cái bình đựng đầy những báu vật của Trời nhằm xoa dịu những nỗi khổ đau vì thèm khát của loài Ngạ Quỷ, khơi động Tâm Thức nhàm chán những đối tượng nhiễm ô và khởi tâm ưa thích những đối tượng thanh khiết (nghĩa là thay Dục Lạc bằng Pháp Lạc, tìm hiểu Chính Tri Kiến và Chân lý) để cho chúng mau chóng hồi tâm sám hối, vượt thoát cảnh khổ đau.



Cõi Địa ngục (Nāraka hay Niraya) là cõi hành hạ đền tội. Đó là thế giới đầy dẫy những cảnh khổ đau qua những cuộc hành hạ tra tấn. Chúng sinh của cõi này luôn luôn chịu đựng những nỗi thống khổ, là những phản ảnh không thể tránh được do chính các hành động của họ gây ra. Vì thế, tâm thức của họ luôn bị sự giận dữ oán ghét bủa vây. Do đó, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân **Dharma-rāja** (Pháp Vương) với ngọn lửa trên tay nhằm thanh lọc Tâm Thức bị ô nhiễm bởi sự giận ghét và biến đổi các cuộc hành hình tội nhân thành ngọn lửa thanh lọc để giúp họ vươn tới những hình thức sinh sống tốt đẹp hơn.



Do công hạnh ứng hóa trong sáu cõi (Ṣaḍa-gatayaḥ hay Ṣaḍa-kula) để hóa độ chúng sinh nên trong Lục Tự Tâm chú của Đức Quán Thế Âm thì mỗi một âm đều có một hiệu quả đặc biệt nhằm tịnh hóa 06 phiền não gốc ***(ảo tưởng kiêu mạn, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận)*** để ngăn ngừa sự tái sinh vào 06 cõi và xua tan các nỗi khổ đau ẩn tàng trong mỗi cõi.

Như Mật Tông Tây Tạng Bảo Điển có ghi: "*Y theo Lục Tự Đại Minh chú này thì có thể ngăn chận được các cửa sinh tử trong lục đạo*"

_ Trong Tây Tạng Quán Âm Kinh, Ngài **Ma Ni Già Bộ Bà** (Maṇi bkaḥ ḥbuṃ) đã dùng thi ca xưng tán Công Đức của Lục Tự Minh Chú và nói Chú này là cội nguồn của Trí Tuệ giải thoát với mọi sự cứu tế khoái lạc. Trong Lục Tự Minh Chú:

Nếu có người xướng lên chữ OṂ thì Công Đức ấy sẽ giúp cho người này sau khi chết sẽ cắt đứt được sự lưu chuyển vào Thiên Giới.

Nếu xướng lên chữ MA thì có thể miễn trừ được sự luân hồi trong nẻo Tu La, là nơi cư ngụ của loài Quỷ Thần ác.

Nếu xướng lên chữ ṆI thì sẽ xa lìa sự tái sinh vào chỗ ách nạn của cõi Nhân gian.

Nếu xướng lên chữ PAD thì sẽ xa lìa được sự luân hồi vào chỗ tai nạn của nẻo súc sinh.

Nếu xướng lên chữ ME thì sẽ tránh khỏi sự trầm luân vào cảnh khổ đau của nẻo Ngạ Quỷ.

Nếu xướng lên chữ HŪṂ thì sẽ giúp cho kẻ ấy sau khi chết miễn trừ được sự khổ đau của nẻo Địa ngục.

_ Kinh Quán Âm của Tây Tạng lại miêu tả:

Chữ OṂ (ཨོཾ) có màu trắng, biểu thị cho Thiên Giới.

Chữ MA (མ) có màu xanh, biểu thị cho Tu La đạo.

Chữ ṆI (ཎི) có màu vàng, biểu thị cho Nhân Gian giới.

Chữ PAD (པད) có màu xanh lục, biểu thị cho Súc Sinh đạo.

Chữ ME (མེ) có màu hồng, biểu thị cho Ngạ Quỷ đạo.

Chữ HŪṂ (ཧཱུྃ) có màu đen huyền, biểu thị cho Địa Ngục đạo.

Kinh này lại cho rằng: "Chẳng phải dùng miệng xướng lên Minh Chú này thì mới có Công Đức. Nếu kẻ nào đeo chú này trên thân, hoặc cột vào tay, hoặc chôn trong da thịt thì cũng tạo được nhân chủng giải thoát khỏi sinh tử".

Do kết hợp ý tưởng này với giáo lý Tịnh Độ, nhân dân Tây Tạng thường hướng về Đức **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi Bodhisatva) xưng tụng câu chú "OṂ – MA NI – PÊ MÊ – HUNG" (tức OṂ MAṆI PADME HŪṂ) để cầu nguyện ngày sau được vãng sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) ở phương Tây do Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha buddha) làm Giáo Chủ.

Ngoài ra, để tăng cường cho năng lực gia hộ cứu độ của Lục Tự Đại Minh Chú, một số vị Đạo sư đã khuyên dạy đệ tử nên phụng thờ Tôn Tượng "**Tứ Thủ Quán Âm"** và cố gắng tu hành theo ý nghĩa của Tôn Tượng này.

.)Thân thể đẹp đẽ của Ngài: biểu thị cho Báo Thân Phật.

.)Một cái đầu: biểu thị cho sự BẤT NHỊ của Bản tính tuyệt đối.

.)Bốn tay: biểu thị cho bốn Tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

.)Hai chân xếp bằng trong tư thế Kim Cương Tọa: biểu thị cho tính NHẤT NHƯ của Sinh Tử và Niết Bàn.

.)Ngồi trên hoa sen ngàn cánh: biểu thị cho Tâm Đại Bi.

.)Vành trăng dung chứa Tôn Tượng: biểu thị cho TÍNH KHÔNG (Śūnyatā).

.)Hai tay chắp ở tim và cầm viên ngọc: biểu thị cho Tâm Bồ Đề, viên ngọc như ý ban cho những thành tựu tối cao và thông thường.

.)Hai tay còn lại: Tay phải cầm một xâu chuỗi pha lê biểu thị cho lòng Từ Bi không ngưng nghỉ của Ngài trải dài như một dòng không dứt qua trái tim của mỗi một chúng sinh. Tay trái cầm một hoa sen trắng biểu thị cho sự thanh tịnh không biến đổi của Trí Tuệ của Ngài, nở trọn vẹn trên bùn lầy sinh tử.

.)Viên ngọc: biểu thị cho Trí Tuệ **Đại Lạc** như phương tiện.

.)Hoa sen: biểu thị cho Trí Tuệ **Tính Không** như sự chứng ngộ.



_ Từ các truyền thống này, các vị Đạo sư Mật giáoTây Tạng đều nhận định rằng: "OṂ MAṆI PADME HŪṂ là tinh túy Trí Tuệ của chư Phật, là tinh hoa của 05 cõi Phật và các vị Thượng Sư. Văn tự Thần Chú của 06 âm vận thể hiện là nguồn gốc của tất cả sự thiện mỹ, căn nguyên của mọi sự lợi lạc tốt lành, hoàn toàn viên mãn con đường thẳng tắt vượt qua Thế gian, thành tựu sự giải thoát Xuất Thế gian".

Để cho nhận định trên được rõ ràng hơn, các vị Đạo sư Tây Tạng đã minh họa Lục Tự Đại Minh Chú như sau:

OṂ (ༀ) màu trắng, âm vận thể hiện Thánh Đức của Quán Thế Âm Bồ Tát được phát ra từ Thần Lực du hý tự tại. OṂ là tướng thể của Thiền Định viên mãn, hằng diệt trừ tính kiêu ngạo, nhất là tính tự cao của cõi Trời, vì đó là cội nguồn phát sinh phiền não sa đọa (rơi xuống các cõi thấp hơn). OṂ tiêu trừ kiêu ngạo và nghiệp phiền não. OṂ đồng với hình tướng và công năng uy lực của vua Trời **Đế Thích** (Indra), vị Thánh của hàng Trời. OṂ thể hiện cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Nam vào thế giới Chúng Bảo Trang Nghiêm của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava).

MA (མ) màu xanh lục, âm vận tiêu biểu cho công hạnh, phát sinh từ năng lực Thần Thông Từ Bi vô ngại của Quán Thế Âm Bồ Tát, thị hiện trước tất cả chúng sinh. MA là tính thể của Nhẫn Nhục Ba La Mật, có công năng tiêu trừ tính ganh ghét đố kỵ đặc biệt đang ngự trị cõi A Tu La (Asura). MA đồng hóa với Tướng và Dụng của Ngài **Dũng Hiền** (Vīra-bhadra hay Vemacitra), vị Thánh trong hàng A Tu La. MA thể hiện cho ánh sáng của **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Bắc vào thế giới Thanh Tịnh Diệu Hạnh Thành Tựu của Đức Phật **Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi).

ṆI (ཎི) màu vàng, âm vận biểu hiện cho Trí Tuệ bao hàm Thân, Khẩu, Ý, Đức và Hạnh. ṆI hoán chuyển bản tính vượt qua Thế Gian luân hồi khổ não. ṆI biểu hiện cho năng lực Thần Thông Du Hý rộng lớn bao trùm tất cả, tùy duyên thị hiện của Đức Đại Bi Quán Thế Âm. ṆI là tính thể của Trì Giới Ba La Mật, hay diệt trừ sự si mê, là nguyên nhân đưa đến sự sinh già bệnh chết của loài người. ṆI đồng với hình tướng và công hạnh của Đức **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-siṃha: Thích Sư Tử) hóa thân của những vị Thánh trong loài người. ṆI thể hiện ánh sáng Trí Tuệ Thần Thông diệu dụng, dẫn dắt chúng sinh vào thế giới Thanh Tịnh Viên Mãn của Đức Phật Thứ Sáu là Ngài **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra: Trì Kim Cương).

PAD (པད) màu xanh da trời, âm vận tiêu biểu cho bản thân (THÂN), thể hiện Thần Thông du hý bình đẳng vô tận của Đức Đại Bi Quán Thế Âm. PAD là tính thể của Tinh Tiến Ba La Mật có công năng diệt trừ sự vô minh, là nguyên nhân đưa đến các sự khổ đau của cõi Súc sinh. PAD đồng với hình tướng và công hạnh của Ngài **Sư Tử Dũng Mãnh** (Siṃha-Ugra hay Dhruva- siṃha), vị Thánh trong cõi Súc sinh. PAD là ánh sáng **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) hướng dẫn 06 loài chúng sinh đi vào Thế Giới Trung Ương Mật Nghiêm của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana).

ME (མེ) màu đỏ, âm vận của ngôn ngữ (KHẨU) biểu hiện cho năng lực Thần Thông an lạc vô tận của Đức Đại Bi Quán Thế Âm ban bố cho tất cả chúng sinh. ME là tính thể của Bố Thí Ba La Mật có công năng tẩy trừ tính tham lam, tham dục, keo kiệt là nguồn gốc sinh ra sự khổ não đói khát của loài Ngạ Quỷ. ME đồng hóa với sắc thân và công hạnh của **Tiêu Diện Đại Sĩ** (Diệm Khẩu: Jvala-mukha) vị Thánh trong cõi Ngạ Quỷ. ME là ứng hiện của ánh sáng **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) hướng

dẫn chúng sinh vượt qua phương Tây đi vào Thế giới Cực Lạc của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha).

HŪṂ () màu đen, âm vận của ý, biểu hiện cho năng lực Thần Thông du hý của Tâm Từ vô tận mà Đức Quán Thế Âm đã nhìn tất cả chúng sinh như con một của Ngài. HŪṂ là Tính Thể của Trí Tuệ Ba La Mật, có công năng tiêu trừ tính giận dữ và thù hận là nguyên nhân đưa đến quả báo phải chịu cực hình khổ não ở cõi Địa ngục. HŪṂ đồng với sắc tướng và công hạnh của Đức **Diêm La Pháp Vương** (Yama-dharma-rāja hay Dharma-rāja), vị Thánh cứu tinh cho chúng sinh trong cõi Địa ngục. HŪṂ là ứng hiện của ánh sáng **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Đông đi vào Thế giới Diệu Lạc của Đức Phật **Bất Động** (Akṣobhya).

Ngoài ra, các danh sư Tây Tạng còn cho biết rằng 06 chữ này có rất nhiều nghĩa lý nhiệm màu bí mật, không ai có thể hiểu biết hết được. Tuy nhiên, do câu Chú này quá thông dụng lại có công năng vô cùng màu nhiệm nên được nhiều nhà Luận giải giải thích theo sự hiểu biết của riêng mình. Tựu trung đối với giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng thì Lục Tự Đại Minh Chú đã trở thành câu chú tiêu biểu cho Tâm Đại Bi và sự ân sũng của tất cả chư Phật Bồ Tát, nhất là ân sũng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm cứu độ muôn loài thoát khỏi mọi ách nạn khổ đau, đồng thời nhân dân Tây Tạng rất tin tưởng rằng Bồ Tát Quán Thế Âm là một vị Phật của lòng Bi mẫn, là vị Thần hộ mệnh bậc nhất của dân tộc (Chenresi: Thần Hộ mệnh của núi Tuyết).

Ngày nay, khắp mọi nơi ở Tây Tạng: trong những điệp khúc cầu nguyện, trên những hòn đá ở những đỉnh núi cao, trên những bia đá, trên những lá cờ, trên vật khí chuyển Pháp Luân, trên đôi môi của dân chúng … đều có thể nhận thấy sự hiện hữu của Minh Chú này.

_ Theo truyền thống Hoa văn thì Lục Tự Đại Minh Chú chỉ xuất hiện trong bài Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn, Nghi thức Ngũ Bộ Chú, Kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương … nhưng bài Chú này lại được truyền bá rất rộng rãi trong nhân gian đến nỗi hầu nhưng người ta chỉ xem đó là câu chú bình thường chuyên trừ tà ma, giải nạn chướng, trị liệu bệnh tật … mà không hề hay biết đến tính chất vi diệu rất bí mật của Lục Tự Đại Minh Chú.

Kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương (Kāraṇḍe-vyūha Sūtra) ghi rằng: *“Này Thiện Nam Tử! **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này Bản Tâm vi diệu* (Parama-hṛdaya) *của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát . Nếu có biết Bản Tâm vi diệu đó liền biết giải thoát* (Mokṣa)”

_Đức Phật nói: *“Nếu có người hay thường thọ trì **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này. Vào lúc trì tụng thời có chín mươi chín căng già hà sa số Như Lai tập hội.Lại có chúng Thiên Tử ở ba mươi hai cõi Trời* (Dvatriṃśaddevanikāyā) *cũng đều nhóm hội. Lại có bốn vị Đại Thiên Vương* (Catur-mahā-rāja) *ở bốn phương vệ hộ người đó. Lại có Sa Nga La Long Vương* (Sāgara-nāga-rāja), *Vô Nhiệt Não Long Vương* (Anavatapta-nāga-rāja), *Đắc Xoa Ca Long Vương* (Takṣa-nāga-rāja), *Phạ Tô Chỉ Long Vương* (Vaṣuki-nāga-rāja), *như vậy vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Long Vương* (Nāga-rāja) *đến vệ hộ người đó. Lại ở hàng Dược Xoa ở trong Đất* (Bhauma-yakṣa), *Hư Không Thần* (Gagana-Devatā) *cũng đến vệ hộ người đó.*

Thiện Nam Tử! Câu chi số Như Lai trong lỗ chân lông trên thân của Quán Tự Tại Bồ Tát nghỉ ngơi xong thì khen ngợi người đó rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử ! Ngươi hay được báu Ma Ni Như Ý (Cintāmaṇi-ratna) *này , bảy đời giòng họ của ngươi đều sẽ được giải thoát ấy”*

Thiện Nam Tử ! Hết thảy loài trùng ở trong bụng của người Trì Minh ấy sẽ được địa vị ***Bất Thoái Chuyển Bồ Tát*** (Tevaivartikādhi-Bodhisattva)

Nếu lại có người đem ***Lục Tự Đại Minh Đà La Ni*** *này để trong thân, đeo trên cổ, đội giữ trên đỉnh đầu. Thiện Nam Tử! Nếu có được người đeo giữ đó ắt đồng với thấy thân của Kim Cương, như thấy tháp Xá Lợi, lại như thấy Đức Như lai, lai như thấy người có đủ một trăm câu chi Trí Tuệ.*

Nếu có kẻ trai lành , người nữ thiện mà hay y theo Pháp, niệm ***Lục Tự Đại Minh Đà La Ni*** *này, thì người đó sẽ được Biện Tài không cùng tận, được nhóm Trí thanh tịnh, được Đại Từ Bi. Người như vậy, ngày ngày được đầy đủ Công Đức viên mãn của sáu Ba La Mật Đa. Người đó được Chuyển Luân Quán Đỉnh* (Cakravatyābhiṣekaṃ) *của cõi Trời, hơi phát ra từ trong miệng của người đó chạm đến thân người khác thì người được tiếp chạm phát khởi tâm lành, lìa các sân độc, sẽ được Bất Thoái Chuyển Bồ Tát* (Tevaivartikādhi-Bodhisattva), *mau chóng chứng được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề* (Anuttàra-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác).

Nếu người đeo giữ và thọ trì lấy tay chạm vào thân của người khác thì người đã được rờ chạm ấy mau được địa vị của Bồ Tát.

Nếu người đeo giữ đó nhìn thấy người nam, người nữ, đồng nam, đồng nữ cho đến thân của các hữu tình khác loài… người đã được nhìn thấy như vậy thảy đều mau được địa vị của Bồ Tát.

Người như vậy vĩnh viễn chẳng bị khổ bởi sinh, già, bệnh, chết; khổ vì yêu thương mà phải xa lìa… mà được sự niệm tụng tương ưng chẳng thể luận bàn..

Nay ***Lục Tự Đại Minh Đà La Ni*** *này được nói như vậy”*

_Đức Phật lại bảo rằng***:*** *“Thiện Nam Tử! Nếu có người viết chép Lục Tự Đại Minh Đà La Ni này ắt đồng với người viết chép tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng mà không có khác.*

Nếu có người đem vàng báu của cõi Trời tạo làm số hình tượng Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, nhiều như bụi nhỏ. Như vậy làm xong, rồi ở một ngày vui mừng khen ngợi cúng dường thời Quả Báo đã được chẳng bằng Quả Báo đã được của người viết chép một chữ trong Lục Tự Đại Minh Đà La Ni này, Công Đức chẳng thể luận bàn, khéo trụ Giải Thoát

*Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện y theo Pháp, niệm Lục Tự Đại Minh Đà La Ni này thì người đó sẽ được Tam Ma Địa (*Samādhi), *ấy là: Tam Ma Địa Trì Ma Ni Bảo* (Maṇi-dhara), *Tam Ma Địa Quảng Bác* (Vipula), *Tam Ma Địa Thanh Tịnh Địa Ngục Bàng Sinh* (Narakatiryaksaṃ-śodhana), *Tam Ma Địa Kim Cương Giáp Trụ* (Vajra-kavaca), *Tam Ma Địa Diệu Túc Bình Mãn* (Supratiṣṭhi-caraṇa), *Tam Ma Địa Nhập Chư Phương Tiện* (Sarvopāyakauśalya-praveśana), *Tam Ma Địa Quán Trang Nghiêm* (Dhyānālaṃkara), *Tam Ma Địa Pháp Xa Thanh* (Dharma-rathābhirūdha), *Tam Ma Địa Viễn Ly Tham Sân Si* (Rāga-dveṣa-moha-parimokṣaṇa), *Tam Ma Địa Vô Biên Tế* (Ananta-vasta), *Tam Ma Địa Lục Ba La Mật Môn* (Ṣaṭ-pāramitā-nirdeśa), *Tam Ma Địa Trì Đại Diệu Cao* (Mahā-meru-dhara), *Tam Ma Địa Cứu Chư Bố Úy* (Sarva-bhavottāraṇa), *Tam Ma Địa Hiện Chư Phật Sát* (Sarva-buddha-kṣetra-saṃdarśaṇa)… *được 108 Tam Ma Địa của nhóm như vậy”.*

Kinh này lại ghi rằng: “*Trừ Cái Chướng! Mẫu* ***Bát Nhã Ba La Mật Đa*** *của tất cả Như Lai tuyên nói* ***Lục Tự Đại Minh Vương*** *như thế. Tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác với chúng Bồ Tát, thảy đều cung kính chắp tay làm lễ.*

Thiện Nam Tử! Pháp này là Tối Thượng Tinh Thuần Vi Diệu ở trong Đại Thừa. Tại sao thế ? Vì đối với các Khế Kinh của Đại Thừa (Mahā-yāna-Sūtraṃ): ***Ứng Tụng***

(geya), ***Thọ Ký*** (Vyākaraṇa), ***Phúng Tụng*** (Gāthā), ***Thí Dụ*** (Avadana), ***Bản Sinh*** (Jātaka), ***Phương Quảng*** (Vaipulya), ***Hy Pháp*** (Adbhuta-dharma), ***Luận Nghị*** (Upadeśa)… *đắc được trong đó"*

Lại nữa, Kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương còn ghi nhận quá trình hóa độ các chúng sinh trong 06 nẻo luân hồi của Đức Đại Bi Quán Tự tại và minh họa công đức uy thần, năng lực cứu độ vi diệu của Ngài đồng thời khẳng định rằng mọi công đức uy thần mà Ngài có được đều là thành quả của sự chứng đắc Lục Tự Đại Minh Chú.

_Dựa trên Công Đức Uy Thần, năng lực hóa độ các chúng sinh trong 06 nẻo luân hồi của Đức Đại Bi Quán Tự Tại, hệ Đông Mật của Nhật Bản đã ghi nhận 06 vị Quán Âm là 06 Hóa Tôn của 06 Đạo.

1. Hóa Tôn Địa Ngục Đạo là: **Thánh Quán Âm** (Ārya-Avalokiteśvara)
2. Hóa Tôn Ngạ Quỷ Đạo là: **Thiên Thủ Quán Âm** (Sahasra-bhūja Avalokiteśvara)
3. Hóa Tôn Súc Sinh Đạo là: **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagrīva Avalokiteśvara)
4. Hóa Tôn Tu La Đạo là: **Thập Nhất Diện Quán Âm** (Eka-daśa-mukha Avalokiteśvara)
5. Hóa Tôn Nhân gian Đạo là: **Chuẩn Đề Quán Âm** (Cuṇdhe Avalokiteśvara)
6. Hóa Tôn Thiên Đạo là: **Như Ý Luân Quán Âm** (Cintā-maṇi-cakra Avalokiteśvara)

Hệ Thai Mật của Nhật Bản thì thay Chuẩn Đề Quán Âm bằng **Bất Không Quyến Sách Quán Âm** (Amogha-pāśa Avalokiteśvara).

_ **Ma Ha Chỉ Quán** (quyển 2, phần Thượng) cũng ghi nhận 06 vị Quán Âm là:

1. **Đại Bi Quán Thế Âm**: phá 03 chướng của nẻo Địa Ngục.
2. **Đại Từ Quán Thế Âm**: phá 03 chướng của nẻo Ngạ Quỷ.
3. **Sư Tử Vô Úy Quán Thế Âm**: phá 03 chướng của nẻo Súc Sinh.
4. **Đại Quang Phổ Chiếu Quán Thế Âm**: phá 03 chướng của nẻo Tu La.
5. **Thiên Nhân Trượng Phu Quán Thế Âm**: phá 03 chướng của nẻo Nhân Gian.
6. **Đại Phạm Tấn Tật Quán Thế Âm**: phá 03 chướng của nẻo Thiên Giới.

Tóm lại, qua mọi truyền thống về Lục Tự Đại Minh Chú, các bậc Đạo sư Mật Giáo đều công nhận Minh Chú này chính là biểu tượng của Bản Tâm Đại Từ Đại Bi của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng là Trí tuệ tinh túy của tất cả chư Phật 10 phương, hàm chứa mọi phước báo của Thế Gian và Xuất Thế Gian, nên phải dốc sức tin kính trì niệm, y Pháp phụng hành để mau chóng cùng nhau vượt thoát mọi sự khổ đau, chấm dứt vòng sinh tử luân hồi.



VÀI Ý NGHĨA CƠ BẢN CỦA LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÚ

I. Quan điểm của Mật giáo Ấn Độ:

Theo truyền thuyết của Ấn Độ, khi trời đất mới hình thành, từ trong lỗ rốn của **Tỳ Nữu Noa** (Viṣṇu) sinh ra một hoa sen, bên trong hoa sen có một vị Phạm Thiên ngồi Kiết Già và sáng tạo ra vạn vật. Một trong các sự bí mật của sự sáng tạo là âm thanh (Svara) hay sự rung động. Do sự rung động này mới phát sinh ra bản tính của các sự vật và hiện tượng sinh hoạt. Tỳ Lữu Noa và vị Thần phối ngẫu đều dùng hoa sen làm biểu tượng.

Kinh Vệ đà có ghi: "Vũ trụ tạo lập do sự phối hợp các âm thanh".

Chân dogya Upaniṣad ghi rằng:

Bản thể của vạn vật là đất
Bản thể của đất là nước
Bản thể của nước là cây cối
Bản thể của cây cối là người
Bản thể của người là lời nói
Bản thể của lời nói là thi ca Vệ đà.
Bản thể của thi ca Vệ Đà là âm nhạc Vệ Đà
Bản thể của âm nhạc Vệ Đà là Udgìtha (Tên gồm 3 chủng âm của Thượng đế).

Udgītha (OṂ) là bản thể tối hảo, tối cao trong các bản thể và xứng đáng với vị thế cao nhất: vị thế thứ tám.

Như vậy, OṂ là phần tinh tuý, là chủng tử âm của vũ trụ, là tiếng thần diệu, là vũ trụ lực, là tâm thức thâm nhập tất cả".

Dựa vào năng lực sáng tạo này, hệ thống Mật giáo Ấn Độ đã dùng Lục Tự Đại Minh chú là phương tiện để chế ngự và chỉ huy luồng sinh lực trong bản thân nhằm hòa nhập vào nguồn sinh lực tối cao tối thượng của vũ trụ, thọ nhận niềm hạnh phúc hoàn hảo nhất và đạt được sự sáng tạo tối thượng.

Theo hệ thống này thì OṂ (ओं) được kết hợp bởi 3 âm A, U, MA. Trong đó, A (अ) là Viṣṇu tức là Đấng Phòng hộ bảo toàn. U (उ) là Śiva tức là Đấng Tồi phá hủy diệt. MA (म) là Brahma tức là Đấng sáng tạo. Do đó, âm OṂ là tên gồm 3 chủng tử âm của Thượng Đế (Udgītha) biểu thượng cho **Tam Thần Nhất Thể** (Trimurti) là nguồn sinh lực tối cao tối thượng của vũ trụ.

MAṆI (मणि) là viên ngọc báu có khả năng dứt trừ mọi tai nạn bệnh tật và hay sinh ra mọi báu làm thỏa mãn tất cả nhu cầu. Vì thế, MAṆI còn được gọi là Đá Vua hay MAṆI còn biểu thị cho quyền lực tối thượng.

PADME (पद्मे) là bên trong hoa sen. Hoa sen tượng trưng cho các Luân xa (Cakra) là trung khu tích tụ năng lực. Do đó, PADME là năng lực tiền ẩn trong các Luân xa.

HŪṂ (हूं) được kết hợp bởi 3 âm H, Ū, Ṃ .Trong đó, H (ह) là âm của hơi thở, là hợp khí của Bản ngã kết hợp với sự sống động. Ū (ऊ) là âm của chiều sâu, là ngưỡng cửa của im lặng. Ṃ (•) là âm kéo dài hướng nội tâm, là âm đứng giữa nguyên âm và phụ âm, là sự hòa hợp không tiêu tán giữa phụ âm và nguyên âm. Chính vì lý do đó mà nó được trình bày bằng một âm tiêu dưới hình thức một dấu chấm, hay một giọt hoặc một vòng trai nhỏ, tức là biểu tượng của nhất thể, của tuyệt đối, của cái bất di bất dịch, của cái vượt bên trên đối đãi. Do đó, HŪṂ là sự sống động, sự thành tựu trong đời sống cao thượng.

Như vậy, OṂ MAṆI PADME HŪṂ (ओंमणिपद्मेहूं) được diễn dịch là: "Khi một cá nhân nắm vững được sự sống động (tức là nguồn sinh lực tiềm ẩn trong thân) thì sẽ khai mở được năng lực tiềm ẩn trong các Luân xa và đạt được quyền năng sáng tạo tối thượng để hòa nhập vào luồng sinh khí tối cao của vũ trụ, thọ hưởng niềm an lạc vĩnh cửu."

Theo hệ thống này thì Thần Viṣṇu tức là Trí tuệ cư ngụ nơi Cực Dương ở đỉnh sọ não. Thiên nữ Kundalini biểu thị cho năng lực sáng tạo ra vũ trụ cư ngụ nơi Cực Âm ở đốt xương sống cuối cùng. Nếu người hành Thiền Định sau khi điều hòa hơi thở, chế ngự được các quan năng, tập trung ý chí trì niệm Thần chú đánh thức Thiên nữ Kuṇḍalini rồi dẫn nàng vượt qua các Luân xa đến phối ngẫu với Viṣṇu. Khi ấy, Hành Giả sẽ đạt được trạng thái xuất thần nhập hóa, hòa tan làm một với Đại ngã (Brāhman: Phạm Thể).

Như **Muṇḍara Upaniṣad** có ghi:

"Đã dùng vũ khí lớn là Thánh Học Bí Mật để làm cung

Người ta đặt vào đó cái mũi tên nhọn là sự Thiền Định liên tục không dứt

Người ta giương cung với tinh thần tràn đầy cái ấy (Tâm Thức phổ quát hay Brāhman)

Này chàng trai cao quý! Nó sẽ xuyên qua mục đích của nó là sự bất diệt.

Âm Thiêng là Cung, Mũi tên là Ngã, Brāhman là đích

Nhờ sự chú ý, nó sẽ xuyên qua

Phải hiệp với nó như mũi tên đến đích"

Một khi Hành giả đạt đến trạng thái hợp nhất với Đại Ngã (hợp nhất chứ không đồng hóa với Đại Ngã) thì Hành Giả vượt thoát khỏi mọi sự trói buộc của Thế Gian Huyễn Ảo (Māyā) và trở thành Brāhman, có cái Đại Giác và năng lực của Brāhman.

II. Quan điểm của Mật giáo Tây Tạng:

1. <u>Theo ý nghĩa phổ truyền thì</u>: OṂ MAṆI PADME HŪṂ được dịch là "Quy y viên ngọc báu trong hoa sen" và được người Tây Tạng diễn tả là: Khi lòng **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) hoàn toàn khai mở **như một hoa sen** (Padme) vươn lên khỏi vũng bùn và bắt đầu nở hoa thì hương **Từ** (Maitra) của **Trí Tuệ** (Maṇi) bắt đầu tỏa ra khắp nơi và mọi hành động của Thân, Khẩu, Ý (OṂ) mới thực sự phản ánh trọn vẹn đúng như cái ý nghĩa cao đẹp nhất của sự sống (HŪṂ).

Theo truyền thống này thì:

OṂ (ཨོཾ) có nghĩa Quy Mệnh hay là 3 nghiệp Thân Khẩu, Ý.

MAṆI (མ ཎི) là viên ngọc Như Ý trong Trí tuệ sáng chói.

PADME (པདྨེ) là bên trong hoa sen, hay lòng Đại Bi nảy nở như hoa sen ló khỏi vũng bùn.

HŪṂ (ཧཱུྃ) là ý nghĩa cao đẹp của sự sống.

Ngoài cách diễn dịch trên, nhân dân Tây Tạng còn nhận định ý nghĩa của câu Chú 6 chữ này là: "Khi lòng Từ Bi phát triển trọn vẹn như một bông sen vươn cao khỏi vũng bùn Vô Minh thì ánh sáng Trí Tuệ mới chiếu sáng rực rỡ được".

2. <u>Theo ý nghĩa phổ truyền khác thì</u>:

OṂ: trượng trưng cho sự hòa hợp của Trí Tuệ và Thân, Khẩu, Ý đã giác ngộ.

MAṆI: Ngọc Như ý, là viên ngọc quý được cầm nơi tay của Đại Bồ Tát, tượng trưng cho sự thanh tịnh.

PADME: Là hoa sen, tượng trưng cho người đã giải thoát tự tại ngoài sinh tử luân hồi. Vì hoa sen mọc từ bùn nhơ nhưng không bị nhiễm bùn, ám chỉ Đại Bồ Tát không còn bị ràng buộc bởi Nghiệp Báo và Sinh tử. Ngài đã hoàn toàn tự tại ngoài vòng khổ đau và luân hồi nhưng Ngài không an trụ cho riêng Ngài.

HŪṂ: Tượng trưng cho Trí Tuệ thành tựu siêu việt của chư Phật, có tác động mãnh liệt xóa tan sự khổ não của Thế Gian.

Truyền thống này còn phối hợp 06 chữ của Lục Tự Đại Minh Chú với 06 Ba La Mật là:

OṂ: Biểu tượng cho sự viên mãn **Thiền Định Ba La Mật** (Dhyāna-pāramita), dứt bỏ Nhân luân hồi ở Thiên Giới.

MA: Biểu tượng cho sự viên mãn **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti-pāramita) dứt bỏ Nhân luân hồi ở Tu La Giới.

NI: Biểu tượng cho sự viên mãn **Trì Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramita) dứt bỏ Nhân luân hồi ở Nhân Gian Giới.

PAD: Biểu tượng cho sự viên mãn **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramita) dứt bỏ Nhân luân hồi ở Súc Sinh Giới.

ME: Biểu tượng cho sự viên mãn **Bố Thí Ba La Mật** (Dāna-pāramita) dứt bỏ Nhân luân hồi ở Ngạ Quỷ Giới.

HŪṂ: Biểu tượng cho sự viên mãn **Trí Tuệ Ba La Mật** (Prajñā-pāramita) dứt bỏ Nhân luân hồi ở Địa Ngục Giới.

Như vậy, truyền thống này dùng Công Đức Uy Thần và năng lực Thần Thông hóa độ vi diệu của Đức Đại Bi Quán Thế Âm mà diễn tả ý nghĩa của Lục Tự Đại Minh Chú.

3. <u>Theo quan điểm khác thì</u>:

OṂ: là huyền âm sáng tạo nên không thể giải thích hay nghĩ bàn.

MAṆI: Tượng trưng cho cõi Niết Bàn (Nirvāṇa)

PADME: Tượng trưng cho Thế giới Vô Minh hay Địa Ngục (Ṣamsara: vòng luân hồi)

HŪṂ: là huyền âm thể nhập.

Do đó, Lục Tự Đại Minh Chú minh họa cho tư tưởng: " Khi Vô Minh thì Thế Gian là sự đau khổ, khi Giác ngộ thì Thế Gian chính là cõi Niết Bàn. Cũng như viên ngọc quý nằm trong hoa sen thì Niết Bàn thật ra không ở đâu xa mà chính là Thế giới Vô Minh này".

4. Lại có quan điểm cho rằng:
OṂ: là tiếng kêu cứu của chúng sinh đang đau khổ.
MAṆI: là ngọc quý hay Trí tuệ.
PADME: là hoa sen hay Từ Bi.
HŪṂ: là phát tâm cao thượng, cương quyết phát triển hai đức tính Từ Bi và Trí Tuệ để thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Do đó, Lục Tự Đại Minh Chú (ཨོཾམཎིཔདྨེཧཱུྃ) được diễn giải là: "Khi nghe thấy tiếng kêu cứu của chúng sinh thì chư Phật Bồ tát thương xót, nên đem giáo pháp ra truyền dạy để cứu vớt họ. Muốn thoát khỏi vòng luân hồi khổ đau thì phải biết phát triển Trí Tuệ và chỉ có Trí Tuệ mới đem lại sự hiểu biết một cách chính xác như thật, có nhìn rõ ràng mọi vật thì mới biết đâu là thật, đâu là giả để tìm đường giải thoát. Nhưng có Trí Tuệ vẫn chưa đủ mà phải biết phát triển cả lòng Từ Bi nữa. Vì thiếu Từ Bi, người tu hành sẽ trở nên khô khan khắc khổ, chán ngán Thế gian rồi khởi Tâm phân biệt mà bị vướng mắc. Như viên ngọc sáng cần có hoa sen đỡ lấy che chở thì mới vươn lên khỏi vũng bùn và chiếu sáng được. Vì thế, Từ Bi và Trí Tuệ là hai đức tính cần có".

Do vậy, khi thấy sự đau khổ của Thế gian, Hành Giả phải biết tu tập phát triển Trí Tuệ và Từ Bi để giải thoát cho mình và người khác.

5. Trong quyển "Kindness Clarity and in sight" (Thiện Tri Thức xuất bản) Đức Dalai-Lama thứ 14 (Tezin Gyatso) giải thích 06 chữ của Lục Tự Đại Minh Chú là:

- OṂ: tạo bằng 03 chữ A, U, M tượng trưng cho Thân, Ngữ và Tâm thức bất tịnh của Thiền Giả (người hành Thiền), chúng cũng tượng trưng cho Thân, Ngữ và Tâm Thức thanh tịnh tuyệt vời của một vị Phật.
- MAṆI: viên ngọc, tượng trưng những yếu tố của phương tiện; ý định vị tha đạt đến giác ngộ, Đại Bi, Đại Từ như một viên ngọc chấm dứt sự nghèo khổ. Ý định vị tha được giác ngộ và có quyền lực loại bỏ sự thống khổ và những khó khăn trắc trở của vòng sinh tử và sự giải thoát riêng cho cá nhân mình. Như một viên ngọc lấp đầy những nguyện vọng của những chúng sinh, ý định vị tha được giác ngộ thành tựu những mong mỏi của họ.
- PADME: là hoa sen, tượng trưng cho Trí Tuệ. Bởi vì cũng như hoa sen mọc lên trong bùn mà không dơ nhiễm bởi sự bất tịnh của bùn. Trí Tuệ có quyền lực làm cho chúng ta trọn vẹn. Còn khi không có nó, chúng ta rơi vào mâu thuẫn.
- HŪṂ: dấu hiệu hợp nhất của phương tiện và Trí Tuệ để cho sự tịnh hóa hoàn toàn.

Sự không phân biệt là sự kiện một Tâm thức mà trong đó phương tiện và Trí Tuệ trong hình thức hoàn mãn của chúng, kết hợp với nhau thành một thực thể không phân biệt. HŪṂ là âm chủng tự của **A Súc Bệ Phật** (Akṣobhya: Bất Động) bất động bất loạn vì không có gì có thể tác động.

Tóm lại, qua con đường thực hành, trong sự phối hợp không thể phân chia của phương tiện và Trí Tuệ, chúng ta có khả năng làm cho Thân, ngữ, Tâm bất tịnh của mình thành Thân, Ngữ, Tâm siêu việt của một vị Phật. **Phật Tính** (Buddhatā) không thể tìm được ở đâu khác ngoài tự nơi mình vì những yếu tố cần thiết cho sự thành tựu của nó thì ở nơi chúng ta.

6. Theo Đạo sư Tang Tong Gyalbo (Thang stongr Gayalbo) thì Lục Tự Đại Minh Chân ngôn được coi là sự chứa đựng, sự tập trung của tất cả năng lực thiêng liêng phát ra từ lòng Đại Bi và sự đại diệu dụng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Trong đó:

OṂ: bao gồm 05 loại hình tượng và Trí Tuệ của Phật.
MAṆI: có nghĩa là viên ngọc báu (Bảo châu)
PADME: có nghĩa là hoa sen (Liên Hoa)

Hợp hai nghĩa này với nhau thì MAṆI PADME có nghĩa là: "Ngài là Bậc Thủ Trì Liên Hoa và Bảo Châu" và đây cũng chính là Biệt Hiệu khác của Quán Âm.

HŪṂ: có công năng bảo hộ chúng sinh trong 06 nẻo.



OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Như vậy, ý nghĩa của Lục Tự Chân ngôn là: *"Hỡi Bậc Đạo sư của 05 Phật Thân và 05 Trí Như Lai, Bậc Thủ Trì Liên Hoa và Bảo Châu! Xin Ngài hoan hỷ gia hộ cho chúng sinh trong 06 nẻo vượt qua các thống khổ".*

Đạo sư Tang Tong Gyalbo nhấn mạnh rằng Chân Ngôn này có nhiều sự giải thích khác nhau. Tuy nhiên khi Trì Tụng không cần thiết phải nghĩ tới tất cả ý nghĩa ấy, chỉ một âm thanh của Lục Tự này vốn hàm chứa sức mạnh đơn thuần cố hữu sẽ tự nhiên truyền đạt Trí Tuệ và Từ Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát cho Hành Giả và từ đó, qua Hành giả, nó sẽ truyền đạt đến tất cả chúng sinh.

III. Quan điểm của Mật giáo Trung Hoa và Nhật Bản:

Theo truyền thống của Mật Giáo Trung Hoa và Nhật Bản, hầu như các bậc Đạo Sư chỉ chú ý vào phương pháp Tu Trì, thực hành Lục Tự Đại Minh Chú chứ không giải thích ý nghĩa của nó. Thế nhưng, qua quá trình tham khảo, chúng tôi nhận thấy các bậc Đạo Sư Mật Giáo lại rải rác giải thích ý nghĩa của từng câu chữ trong Lục Tự Đại Minh Chú, nên mạnh dạn kết hợp thành nghĩa thú như sau:

_ OṂ () được kết hợp bởi 03 chữ A, U, MA. Trong đó:

.)A () là "Tất cả Pháp vốn chẳng sinh" nên A mang nghĩa của **Pháp Thân** (Dharma-kāya) hay Thân phổ biến, là thực trạng giống nhau đối với tất cả các Đấng Giác Ngộ. Tức là kinh nghiệm về tổng thể, về thực tại siêu nhân vị và sâu nhất của Pháp, của cơ sở nguyên sơ. Từ đó, lưu xuất mọi trật tự: vật lý, luân lý, tinh thần và siêu việt.

• U () là "Tất cả Pháp Thí Dụ chẳng thể đắc" nên U mang nghĩa của **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) hay Thân an lạc, là thực trạng lý tưởng hay đặc tính Trí Tuệ của một vị Phật. Tức là trạng huống sáng tạo của nguyên lý trong lĩnh vực của thực tại lý tưởng và gây cảm hứng. Từ đó, xuất phát mọi cảm kích sâu sắc.

• MA () là "Tất cả Pháp Vô Ngã chẳng thể đắc" nên MA mang nghĩa của **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) hay Thân biến hóa, là thực trạng cá vị trong đó sự cảm kích biến thành hiện tướng và hành động trông thấy được. Tức là sự Thể nhập thành nhân vị hay cá vị của một Bậc Giác Ngộ.

Do đó, OṂ nhiếp nghĩa vô biên, là đầu mối của các chữ. Tức là nơi phát sinh của tất cả các Pháp. Từ đây, OṂ là MẪU (Mātṛka)của các Đà La Ni nên thường đặt ở đầu câu. Ngoài ra, tùy theo ý nghĩa của câu Chú theo sau mà OṂ biểu thị cho các nghĩa: Tam Thân (03 thân), Quy Mệnh, Cúng Dường, Cảnh giác, Nhiếp phục.

Đối với cá nhân Hành Giả, thì OṂ được xem là sự hợp nhất của 03 Mật (Thân mật, Khẩu mật, Ý mật) và tiền đề của 3 Mật là cần phải trau dồi Thân, Khẩu, Ý cho thật trong sạch. Chỉ khi nào giữ vững được Thân, Khẩu, Ý thì mới có thể bước chân vào con được tu trì. Vì thế OṂ được xem là biểu tượng cho sức cố gắng phổ quát của sự giải thoát, tức biểu tượng này không phải là mục đích cuối cùng (như quan điểm của

Ấn Độ Giáo) mà chính là điều kiện đầu tiên của chân giải thoát và của sự chứng ngộ hoàn toàn (Quan điểm của Phật giáo).

Lại nữa, trong Ngũ Trí Như Lai Man Đa La của Mật giáo Tây Tạng thì OṂ là chủng tử của Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) biểu tượng cho yếu tố trong sáng của Tâm Thức đang rạng tỏa khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) mang sức mạnh sáng tác và tràn đầy tính khoan dung, hỷ xả, thông cảm mọi tư tưởng, chấp nhận sự tự do cá nhân, định đoạt giáo nghĩa theo tinh thần sống động không giáo điều. Cho nên, OṂ đại diện cho sự hiểu biết chân chính và cũng là nền tảng của các Pháp trong Phật giáo.

Như vậy, trong Lục Tự Đại Minh Chú thì OṂ biểu tượng cho nền tảng căn bản của sự giải thoát, là "Sự hiểu biết chân chính".

_ MAṆI (**𑖦𑖜𑖰**) là viên ngọc Như ý, biểu thị cho giá trị vô thượng, nhờ nó mà mọi ước nguyện được thỏa mãn. Nên thông thường MAṆI tượng trưng cho Đức Pháp Tài của chư Phật Bồ Tát, thường hay tuôn mưa tài bảo của Thế Gian và Xuất Thế Gian để làm thỏa mãn các mong cầu của chúng sinh.

Tuy nhiên, ngay từ hình thức ban đầu, Phật giáo đã xác nhận viên ngọc quý là một biểu tượng của 3 nơi chứa đựng sự giác ngộ, đó là:

Phật (Buddha) tức các Đấng Giác Ngộ.

Pháp (Dharma) tức Chân lý đưa đến giác ngộ.

Tăng (Sañgha) tức là cộng đồng tu sĩ hay những người đang tiến bước trên con đường Giác ngộ.

Như vậy, theo Phật Giáo thì giá trị vô thượng là sự giác ngộ viên mãn. Nhờ vào ánh sáng tỏa rạng từ sự giác ngộ mà mọi tối tăm mê mờ của Tâm Thức không còn khả năng trói buộc con người chìm đắm trong dòng sinh tử khổ đau nữa. Chính vì thế cho nên người nào có được viên ngọc quý tỏa rạng ấy thì người đó thoát khỏi vòng luân hồi, đồng thời viên ngọc quý không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác ngoài đóa sen (Padma) trong Tâm Ta.

Giáo thuyết của **Kim Cương Thừa** (Vajra-yāna) xác nhận là: "Những kẻ nào tìm thấy trong Tâm có viên ngọc Như ý thì nó sẽ tỏa rạng Trí Tuệ giác ngộ, lúc đó kẻ ấy sẽ biến cái Thức sinh diệt thành cái Trí vĩnh cửu, nhận ra vô biên trong hữu hạn và chuyển sự phiền não luân hồi thành Niết Bàn tự tại".

Như vậy, trong Lục Tự Đại Minh Chú, MAṆI không mang ý nghĩa về Phước báu mà được biểu tượng cho Trí Tuệ sáng chói hay Phật Tính bất sinh bất diệt vốn có sẵn trong Tâm của mỗi một chúng sinh.

_ PADME (**𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸**) là bên trong hoa sen.

Theo Phật giáo, **hoa sen** (Padma) là một hình ảnh biểu tượng cho sự thuần khiết trong trắng không hề bị ô nhiễm. Ý nghĩa căn nguyên của hoa sen đều được diễn tả là: "Hoa sen mọc từ bùn đen, vươn lên khỏi mặt nước, ra khỏi mặt nước mới nở hoa và tỏa hương thơm tinh khiết. Mặc dù sinh trưởng từ bùn đen và nước bẩn nhưng nó không hề bị nhiễm sự dơ bẩn của những thứ này".

Dựa vào hình ảnh ấy, giáo đồ Phật giáo nhận định rằng:

.) **Hạt sen**: Biểu thị cho hạt giống của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) cực tĩnh vốn có của tất cả chúng sinh, dù bị trôi lăn trong bùn lầy sinh tử nhưng không hề mất đi bản tính thanh thịnh vốn có.

.) **Nảy nở trong bùn đen nước bẩn**: Biểu thị cho sự tinh tiến tu tập phạm hạnh (Brāhma-caryā) phát huy Bản Tính thanh tĩnh vốn có trong bùn lầy chướng ngại phiền não và nước bẩn sinh tử.

.) **Vươn lên khỏi mặt nước**: biểu thị cho trạng thái dứt trừ được **Kiến Hoặc** phiền não.

.) **Nở hoa**: Biểu thị cho sự tu tập viên mãn các Đức Hạnh cần làm, là mọi hành động tự lợi lợi tha dựa trên tính cách vô ngã, vô sở chấp. Đây là trạng thái dứt trừ **Tư Hoặc** phiền não và **Lậu Hoặc** phiền não.

.) **Tỏa hương thơm tinh khiết**: Biểu thị cho mùi thơm lan tỏa của Tâm Từ Bi Hỷ Xả bao trùm mọi hoạt động Thân, Khẩu, Ý và là trạng thái dứt trừ **Trần Sa Hoặc** phiền não.

.) **Hoa nở bày gương sen và hạt sen**: Biểu thị cho Tâm thanh tĩnh (tức gương sen) là vùng đất nâng đỡ hạt giống Bồ Đề quý báu bất diệt (tức hạt sen) vốn có trong tâm. Đây là trạng thái dứt trừ **Vô Minh Hoặc** phiền não, tức là chuyển biến sự phiền não luân hồi thành Niết Bàn Tự tại.

Các trạng thái trên đều minh họa cho hiện tượng là khi Đức Hạnh và Trí Tuệ nảy nở thì nghiệp phiền não yếu dần và mất hẳn, tức là **"Cái này sinh thì cái kia diệt, cái này diệt thì cái kia sinh**". Như thế, hoa sen có thể biểu tượng cho Tâm Thức sinh diệt của mỗi một chúng sinh.

Bí Tạng Ký ghi rằng: "Tâm phàm phu như hoa sen khép kín, Tâm Thánh Nhân như hoa sen nở rộ".

Hoặc ghi là: "Trái tim thịt (Hṛdaya) của chúng sinh có 8 múi vốn là hoa sen tám cánh nhiếp trì mạn đà là (Maṇḍala: Đạo Trường) của các Tôn".

Theo ý nghĩa này thì hoa sen (Padma) biểu tượng cho Bản Tâm của chúng sinh và Padme tượng trưng cho ý nghĩa "Bên trong Bản Tâm".

Như vậy MAṆI PADME được diễn dịch là: "Trí Tuệ sáng chói trong Tâm của chính mình" hay "Phật Tính bất diệt trong Tâm Thức sinh diệt".

_ HŪṂ ( ) được hợp thành bở 4 chữ A, HA, Ū, MA. Trong đó:

• A ( )là "Tất cả Pháp vốn chẳng sinh" biểu thị cho nghĩa Pháp Thân, dùng nhiếp Lý thực tế của tất cả Chân Như Pháp giới Tính.

• HA ( ) là "Tất cả NHÂN (hạt giống) chẳng thể đắc" biểu thị cho nghĩa Báo Thân, dùng nhiếp Giáo tất cả: Trong ngoài, lớn nhỏ, quyền thực, hiển mật.

• Ū ( ) là " Tất cả Pháp Tổn Giảm chẳng thể đắc" biểu thị cho nghĩa Ứng Thân, dùng nhiếp Hạnh của tất cả: 3 Thừa, 5 Thừa.

• MA ( ) được biểu diễn bằng một điểm tròn trên đầu chữ ( ) là "Tất cả Pháp Ngô Ngã chẳng thể đắc" hay MA là Nhân Ngã (Atma) tức là vọng tình sở chấp. Nếu lìa được Tổn giảm và Tăng ích liền hợp với Trung Đạo. Do đó, MA biểu thị cho Hóa Thân, dùng Pháp ***vô sở bất nhiếp nhất thiết quả*** (không có gì không nhiếp được tất cả Quả).

Do vậy, HŪṂ biểu thị cho Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta) của tất cả Như Lai, là nguyên lý tình thương phổ biến của Tâm Giác ngộ. Hay HŪṂ là cửa ngõ của sự thành tựu trong đời qua sự buông bỏ Bản Ngã và nguyện dâng hiến trọn đời cho công việc cứu độ chúng sinh. Vì thế, HŪṂ còn biểu tượng cho cuộc sống cao đẹp.

Lại nữa, do Tâm Bồ Đề là biểu tượng cho sự phá tan mọi nghiệp ác nên HŪṂ còn mang nghĩa "Tồi phá", tức là đập tan mọi nhân Vô Minh để hiển nghĩa Đại Không cực thiện.

Vì người phát Tâm Bồ Đề là người nguyện hy sinh Bản Ngã của mình và tận lực thực hiện công hạnh hóa độ chúng sinh. Chính sự hy sinh này đã tạo thành cái sức mạnh làm cho **Ma Vương** (Māra-rāja) và quyến thuộc của nó phải sợ hãi lánh xa. Do đó, HŪṂ còn mang ý nghĩa "Khủng bố", tức là xua đuổi các loài Ma ác, Quỷ dữ.

Lại nữa, người phát Tâm Bồ Đề đã hy sinh Bản Ngã nguyện đem lại sự an lạc tốt lành cho tất cả chúng sinh nên tạo thành năng lực ủng hộ bảo vệ cho họ vượt thoát mọi chướng nạn. Do đó, HŪṂ còn mang ý nghĩa là "Hộ vệ khắp cả".

Từ các ý nghĩa này, nên HŪṂ là chủng tự của các vị **Trì Kim Cương** (Vajra-dhāra), **Phẫn Nộ Minh Vương** (Krodha-vidya-rāja), **Phẫn Nộ Thần Vương** (Krodha-devatā-rāja), hay HŪṂ là chủng tử chung của chư Thiên trong 3 Bộ và HŪṂ được biểu tượng cho đời sống cao đẹp của Thánh Nhân.

Tóm lại, OṂ MAṆI PADME HŪṂ ([illegible]) có thể được diễn dịch là: "***Khi chân chính thức ngộ được Phật Tính bất diệt vốn có trong Tâm của mình thì cuộc sống cá nhân mới thực sự có ý nghĩa cao đẹp nhất***".

Ý tưởng này đã được **Kinh Pháp Hoa** (Sad-dharma-Puṇḍarika Sūtra) minh họa qua hình ảnh một kẻ nghèo khổ mang viên ngọc quý trong người mà chẳng biết, lại cứ mải mê chìm đắm trong cuộc sống đói khát lang thang. Đến lúc gặp một người tốt chỉ cho biết là mình vốn mang viên ngọc quý thì kẻ kia chợt bừng tỉnh và từ đó người cùng tử ấy bắt đầu thực hiện một cuộc sống đầy ấm êm và khoái lạc.



VÀI BÀI CHÚ TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÚ

I. Tỳ lô Giá Na Phật Quán Đỉnh Quang Chân ngôn:

Chân ngôn này thường được gọi là “Quang Minh Chân ngôn: hoặc xưng là “Tỳ Lô Giá Na Đỉnh Quang Diệt Ác Thú Chân ngôn” hay “Bất Không Quyến Sách Tỳ Lô Giá Na Phật Đại Quán Đỉnh Quang Chân ngôn”.

_ **Kinh Bất Không Quyến Sách, quyển 28** do Ngài Tam Tạng BẤT KHÔNG dịch riêng, có ghi là:

(Án) (A) (mô) (già) (vĩ) (lô) (tả) (nẵng) (ma) (ha) (mẫu) (nại-la) (ma) (ni) (bát) (nạp-ma) (nhập-phộc) (la) (bát-la) (mạt) (đa) (giã) (hồng) (phát) (tra) (ta-bà) (ha).

OṂ_ AMOGHA-VAIROCANA MAHĀ-MUDRA MAṆI-PADME JVALA PRAVARTTAYA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Kinh này ghi nhận rằng: “Tất cả chư Phật trong 03 đời kiếp đều do sức trì Chân Ngôn này mà mau được thành Chính Giác. Thần Chú này là MẪU của vô số Bồ Tát Thánh chúng. Đấy là Đại Thần Chú, Đại Minh Chú, Vô Thượng Chú, Vô Đẳng Đẳng Chú. Do đấy mà có tên là **Quang Minh Chân Ngôn**. Chân Ngôn này thường được Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai cung kính lễ bái. Khi xưa, trong lúc tu hành hạnh Nhẫn Nhục, Tiên nhân Thích Ca Mâu Ni thường tụng Chân Ngôn Chú này nên từ đỉnh đầu hiện ra trăm ngàn sáng chiếu diệu Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới mà thành Chính Giác. Vì thế chú này gọi là Quang Minh Chân ngôn”.

“Lại nữa, y vào lửa quang minh, hàng Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La đều được giải thoát khỏi nẻo ác và mau được thành Chính Giác. Chính vì thế nên gọi là Quang Minh Chân ngôn”.

Do vậy, tất cả Hành Nhân, Trí Giả thường có thể trì Chân Ngôn này. Tất cả Thiên Thần, Địa Kỳ (Thần Đất), tất cả Linh Quỷ …. đều do Đại Nhân Duyên này mà thành Phật”.

- Về Mật nghĩa của Chân Ngôn này thì các vị Đạo Sư chú giải là:

- **Án** (OṂ) là Mật ngôn quy mệnh Kim Cương Giới.
- **A mô già** (Amogha) là Mật ngôn trong tâm của Như Lai, biểu thị cho vạn đức của 03 Thân: Pháp, Báo, Hóa.
- **Vĩ lô tả nẵng** (Vairocana) là lời Minh Chú chân thật của Như Lai.
- **Ma ha mẫu nại-la ma ni bát nạp-mạ** (Mahā-mudra maṇi-padme) là Mật Ngôn trong Tâm của 04 Bồ Tát Nhiếp Trí.
- **Nhập-phạ la bát-la mạt đa giã** (Jvala pravarttaya) là Mật Ngôn trong Tâm của các vị Bồ Tát, tất cả chư Phật Như Lai trong 03 đời 03 kiếp.
- **Hồng phát-tra** (Hūṃ Phaṭ) là Mật Ngôn đại thần lực uy mãnh, đại thế lực của Tỳ Lô Giá Na Như Lai và Vô Lượng Thọ Như Lai, là ngôn cú phá tan Địa Ngục sinh ra Tịnh Thổ.
- **Ta-bà ha** (Svāhā) là ngôn cú chứng đắc Đại Bồ Đề.

- Về năng lực thì Chân ngôn này có khả năng trừ mọi bệnh tật khổ não do nghiệp báo đời trước gây ra hay do Quỷ Thần Vọng Lượng gây bệnh … Ngoài ra, nếu gia trì 108 biến vào đất cát rồi đem rải lên mồ mả, thi hài người chết thì do sức gia trì của Đức **Bất Không Tỳ Lô Giá Na Như Lai** kèm với uy lực Thần Thông của bài “**Bản Nguyện Quán Đỉnh Quang Chân Ngôn**” nên chúng sinh ấy đều mau chóng xả bỏ thân khổ sở tội báo ở trong các nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La và được

vãng sinh về quốc độ Cực Lạc ở phương Tây, được thân hoa sen hóa sinh, được đắc Bồ Đề, không còn bị đọa lạc.

- Một bản khác (dị bản) của bài Quang Minh Chân ngôn là:
Oṃ: Quy mệnh
Amogha vairocana: Phật bộ
Mahā-vajra: Kim Cương bộ
Maṇi: Bảo bộ
Padme: Liên hoa bộ
Jvala pravarttaya: Yết Ma bộ
Hūṃ: Khủng bố
Phaṭ: Phá bại
Svāhā: Quyết định thành tựu

_Theo Mật Giáo Nhật Bản, để tăng cường cho uy lực của bài Quang Minh Chân Ngôn, các vị Đạo sư còn gia trì thêm một số câu chữ vào phần đầu và phần cuối của bài Chú, kèm theo lời giải thích là:
Oṃ: Tổng quy mệnh Kim Cương Giới.
Bhuḥ: Gia cú
Khaṃ: Riêng quy mệnh Thai Tạng Giới, sự rất sâu kín của Thai Tạng Giới.
(Ba chữ Chân Ngôn này thường được trì tụng để quán Thế Gian này thành Tĩnh Thổ Cực Lạc).
Amogha-vairocana: Bất Không Đại Nhật
Mahā-mudra maṇi-padme: Báu trên hoa sen
Jvala pravarttaya: ánh sáng chiếu diệu
Hūṃ phaṭ svāhā: Nghĩa của Kim Cương Giới
Vaṃ Hūṃ Trāḥ Hrīḥ Aḥ svāhā: 05 vị Phật được thêm vào. Là bí mật trong bí, bí mật trong mật.

_ Theo ý nghĩa khác thì bài "Quang Minh Chân ngôn" được giải thích như sau:
◆ **Oṃ**: là tổng quy mệnh Kim Cương Giới
◆ **Amogha-vairocana**: là Bất Không Biến Chiếu (hay Bất Không Đại Nhật) biểu thị cho ý nghĩa: Từ **Pháp Thân** vô hình vô sắc, do **Tâm Đại Bi**, Đức Đại Nhật Như Lai đã dùng sức Đại Bi hiển hiện thành 5 vị Phật của Kim Cương Giới là: Trung ương **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana Buddha), Đông phương **Bất Động Phật** (Akṣobhya Buddha), Nam phương **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava Buddha), Tây phương **A Di Đà Phật** (Amitābha Buddha), Bắc phương Bất Không Thành Tựu Phật (Amogha-siddhi Buddha). Và mỗi một vị Phật biểu thị cho một Trí của Như Lai là: **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna), **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna), **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna), **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana_jñāna), **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna). Sự hiển hiện này nhằm tạo phương tiện gia trì để cứu độ tất cả chúng sinh trong Thế giới.

Như vậy, Bất Không Đại Nhật có thể được xem là Bậc Đạo sư của 5 Phật Thân và 05 Trí Như Lai.

◆ **Mahā mudra maṇi**: là Đại Ấn Như Ý Bảo Châu, biểu thị cho sự viên mãn của Trí Đức (Đại Ấn) và Phước Đức (Như ý bảo châu).

◆ **Padme**: là bên trong hoa sen, biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng tinh không có nhiễm dính (vô nhiễm trước).

◆ **Jvala pravarttaya**: là ánh sáng chiếu diệu, tức là ánh sáng phóng tỏa từ mặt trời Trí Tuệ, gồm có 03 loại:

a. **Tuệ Nhật Nhất Thiết Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Chân không (Chân không Quang minh) soi khắp cõi Lục Phàm Đồng Cư Thế Gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Kiến Tư Phiền Não cho chúng sinh.

b. **Tuệ Nhật Đạo Chủng Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Diệu Hữu (Diệu Hữu Quang Minh) soi khắp cõi Nhị Thừa phương tiện Thế Gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Trần sa phiền não cho chúng sinh.

c. **Tuệ Nhật Nhất Thiết Chủng Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Trung Đạo (Trung Đạo Quang minh) soi khắp cõi Thật Báo Thế gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Vô Minh phiền não cho chúng sinh.

Do ý nghĩa này hồng danh **Đại Nhật** (vairocana) còn biểu thị cho nghĩa "Trừ ám biến Minh"

◆ **HŪṂ**: được hợp thành bởi 3 chữ H, Ū, Ṃ, trong đó:

H: là Hetu, là nguyên nhân hay nhân nghiệp

Ū: là Utpada là Sinh hay Hữu (sự có)

Ṃ: là Ātma là Bản ngã.

Do đó, HŪṂ là nguyên nhân sinh ra Bản ngã bao gồm 03 thứ phiền não là: Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não.

◆ **PHAṬ:** là sự phá bại hay đẩy xa nội chướng.

◆ **SVĀHĀ**: là biểu thức của một tình trạng tâm linh có lòng tốt "Muốn ban phước, muốn chúc sự an vui". Nó thường đi đối với phẩm vật dâng hiến hay các lời khen tặng.

Theo nghĩa khác thì SVĀHĀ được kết hợp bởi SVĀ tức Svabhāva là Tự tính và HĀ gồm có A là biểu tượng của Pháp Thân, HA là biểu tượng của Báo Thân. Do đó, SVĀHĀ còn có ý nghĩa là : "Thành tựu mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn".

Như vậy, toàn bộ câu Chân Ngôn: "**Oṃ_ Amogha-vairocana, mahā-mudra maṇi padme, jvala pravarttaya Hūṃ phaṭ, svāhā"** có thể diễn dịch là:

"Hỡi Đức Bất Không Đại Nhật! Bậc viên mãn Trí Đức và Phước Đức đang ngồi trên tòa sen thanh tịnh vô nhiễm trước. Hãy phóng tỏa ánh sáng chiếu diệu phá bại mọi phiền não đang ngủ ngầm trong tâm của con, để con mau chóng thành tựu mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn".

Do Uy Lực và ý nghĩa của Chân Ngôn này, các dòng phái Mật Giáo đã tùy căn cơ mà minh định Bản Tôn của Chân Ngôn này là: A Di Đà Như Lai, Đại Nhật Như Lai, hay **Bất Không Quyến Sách Quán Thế Âm Bồ Tát** (Amogha-pāśa Avalokiteśvara) và xếp bài chú này vào phần Tán Niệm Tụng trong các Nghi Thức (Sādhana) tu tập Pháp Quán Âm.

Qua sự tham cứu trên thì bài "Quang Minh Chân ngôn" có thể được xem là tương đương với ý nghĩa diễn dịch Lục Tự Đại Minh Chú của Đạo sư Tang Tong Gyalbo.

II. Thần Chú HRĪḤ ()

Trong **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) chữ HRĪḤ được dùng là chủng tự (Bīja) cho Đức Phật A Di Đà. Chữ này xuất hiện ở phần cuối của bài tán tiếng Phạn khi lễ bái về phương Tây và được ghi chép trong "Liên Hoa Bộ Tâm Niệm Tụng Nghi Quỹ" là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA-PŪJAṂ PRAVATTANĀYA ĀTMANAṂ NIRYĀYAMI_ SARVA TATHĀGATA-VAJRA-DHARMA PRAVARTTAYA MAYHAṂ HRĪḤ

Giáo sư **Lê Mạnh Thát** diễn dịch là: *"OṂ! Con xin hiến thân dâng lên cúng dường hết thảy Như Lai. Nguyện hết thảy Như Lai vì con chuyển Kim Cương Pháp. HRĪḤ"*

_ **Kim Cương Đỉnh Du Già Trung Lược Xuất Niệm Tụng Kinh** có ghi:
➢ OṂ (Quy mệnh) LOKEŚVARA (Thế Tự Tại) HRĪḤ
(Nghĩa bóng là: Quy mệnh Đức Quán Thế Âm Tự Tại – Hrīḥ)

_ **Kim Cương Đỉnh Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Đại Giáo Vương Kinh** có ghi:
➢ OṂ (Quy mệnh) LOKEŚVARA (Thế Tự Tại) Ràja (Vương) HRĪḤ

_ **Kim Cương Phong Lâu Các Nhất Thiết Du Kỳ Kinh** có ghi:
➢ OṂ (Quy mệnh) VAJRA (Kim Cương) LOKEŚVARA (Thế Tự Tại) RĀJA (Vương) AGNI (hỏa, lửa) HRĪḤ

_ **Kim Cương Đỉnh Kinh Du Già Quán Tự Tại Vương Như Lai Tu Hành Pháp** có ghi:
➢ OṂ (Quy mệnh) SAMAYE (Bản Thệ Nguyện) PADME (trong hoa sen) HRĪḤ.

_Tâm Chú của **Kim Cương Pháp** (tức Quán Thế Âm Bồ Tát) trong Kim Cương Giới Man Đà La (Vajra-dhātu-maṇḍala) là:
➢ OṂ (Quy mệnh) VAJRA-DHARMA (Kim Cương Pháp) HRĪḤ.

_ Về ý nghĩa của chữ HRĪḤ thì **Đại Lạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Muội Gia Kinh, Bát Nhã Ba La Mật Đa Lý Thú Thích**, có ghi là:
Chữ HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) gồm đủ 4 chữ H , R , Ī , H mà thành một câu Chân Ngôn, trong đó:

- *H tức HA (𑖮) chỉ hết thảy NHÂN chẳng thể đắc.*
- *R tức RA (𑖨) chỉ hết thảy Pháp chẳng lìa bụi dơ.*
- *Ī (𑖂) tức Tự Tại chẳng thể đắc.*
- *H (:) với ý nghĩa 2 chấm bên cạnh là chữ AḤ (𑖀𑖾) biểu thị cho Niết Bàn.*

Như vậy, HRĪḤ có nghĩa là:*"Do Giác ngộ được các Pháp xưa nay không sinh (bản lai bất sinh) nên 02 loại chấp trước (Năng thủ và Sở Thủ) được loại trừ, chứng được Pháp giới thanh tịnh".*

_ **Lý Thú Thích** lại nói rằng: "*Chữ HRĪḤ cũng có nghĩa là xấu hổ. Nếu có đủ hổ thẹn thì không làm việc Bất Thiện, tức là đầy đủ hết thảy các Pháp Vô Lậu. Cho nên **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) cũng gọi là **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya). Do sự gia trì này nên ở Thế giới **CựcLạc** (Sukha-vatī) nước, chim, cây, rừng … đều diễn **Pháp âm** (Dharma-svara). Nếu ai trì một chữ Chân Ngôn này, có thể trừ hết thảy tai họa bệnh tật. Sau khi mệnh chung sẽ vãng sinh quốc độ An Lạc, Thượng Phẩm Thượng Sinh.*

_Theo **Kim Cương Giới Hiện Đồ Sao Tư** thì:
Chữ HRĪḤ này do 04 chữ HA, RA, Ī, AḤ tạo thành, chỉ cho 04 đức ở 04 phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trong đó:

- *HA là Nhân nghiệp*

- *RA là Trần cấu (bụi dơ)*
- *Ī là tai họa*
- *AḤ là đương thể phàm phu làm rõ viễn ly.*

Như vậy, HRĪḤ là: "Toàn thể phàm phu có nghĩa là viễn ly, thanh tịch, không có bụi dơ (vô trần cấu)"

_Theo một quan điểm khác thì chữ HRĪḤ được hợp thành bỡi 04 chữ HA, RA, Ī, AḤ, trong đó:

- HA biểu thị cho sự si mê (Moha)
- RA biểu thị cho sự tham lam (Rāga)
- Ī biểu thị cho sự sân hận (Dveṣa)
- AḤ biểu thị cho sự chuyển nhập Niết bàn (Nirvāṇa)

Do đó, HRĪḤ biểu thị cho sự mau chóng lìa các bụi dơ tham, sân, si chứng được 04 đức thanh tịnh là: **Ái Nhiễm thanh tịnh** (Rāga viśuddha), **Sân thanh tịnh** (Dveṣa viśuddha), **Uế thanh tịnh** (Mala viśuddha), **Tội thanh tịnh** (Pāpa viśuddha). Quan điểm này đã minh họa được mật hiệu của Đức Phật A Di Đà là **Thanh Tĩnh Kim Cương** (Viśuddha-vajra).

_ Trong Man Đa La Ngũ Trí Như Lai của Mật giáo Tây Tạng thì HRĪḤ biểu thị cho **Hỏa Đại** (Tejaḥ) và **Tưởng Uẩn** (Saṃjña-skandha) nhằm minh họa cho sự quán tưởng phân biệt với đỉnh cao là thấy biết nội tâm một cách rõ ràng không ngăn ngại. Năng khiếu nội quán trực giác với trí phân tích cùng tột này chính là **Diệu Quán Sát Trí** và dạng Thần Cách Hóa của chữ HRĪḤ này chính là Đức Phật A Di Đà ngồi trên lưng con công tỏa ánh sáng chói màu hồng đỏ với câu chú xưng tán Ngài là : **"Oṃ– Amitābha – Hrīḥ"** nghĩa là *"Quy mệnh Đức Vô Lượng Quang – Hrīḥ"*.

_ Lại nữa, theo **Lý Thú Thích** thì Đức Phật A Di Đà có Bi Nguyện tiếp dẫn chúng sinh, nên ở Thế giới Cực Lạc thì Ngài hiện **thân Phật** (Buddha-kāya) tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyuḥ) còn ở Thế giới Uế trược thì Ngài hiện thành **Bồ Tát Đại Bi** (Mahā-kāruṇa Bodhisatva) tên là **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara). Như thế nếu xét từ **Nhân** (Hetu) đến **Quả** (Phala) thì Quán Tự Tại Bồ Tát là một Tôn vị thân cận của Đức Phật A Di Đà. Còn xét từ **Nhân Vị tu hành** đến **Quả Đức thành tựu** thì vị Bồ Tát ấy trở thành Bộ chủ của Liên Hoa Bộ, thể hiện Trí phương tiện Phổ Môn của Đức Phật A Di Đà.

Chính vì lý do này mà chủng tử HRĪḤ thường được đặt sau Lục Tự Đại Minh Chú, tức là "OṂ MAṆI PADME HŪṂ – HRĪḤ".

_ Trong quyển "The healing power of mind", phần ghi chú Thuật ngữ của Đạo sư **Tulku Thondup** (do Tuệ Pháp dịch) có ghi là:

"Trong những kinh văn Phật giáo, Chân ngôn chỉ có 06 chữ, nhưng phần lớn những ***kinh văn được phát hiện*** *(Terma) lại có 07 chữ, thêm HRI (HRĪḤ) là Chủng tự Tâm của Đức Quán Thế Âm. Trong chân ngôn này, HRI là chủng tự Tâm của Phật, được cầu khẩn và 06 chủng tự khác là phương tiện để cầu khẩn nó.*

• OṂ: A + O + M = OṂ biểu tượng cho Thân, Ngữ và Tâm của chư Phật, do Đức Quán Thế Âm hiện thân.

• MAṆI: Ngọc quý, biểu tượng cho sự thỏa mãn những ước nguyện, những phương tiện thiện xảo.

• PADME: Hoa sen, biểu tượng cho sự thanh tịnh không nhiễm ô, cho Trí Tuệ tu tập những phương tiện thiện xảo và Trí Tuệ là con đường Tâm Linh của Đạo Phật và sự hoàn thiện của chúng là phương tiện thiện xảo và Trí Tuệ của Phật Tính.

• HUNG (HŪṂ): sự hợp nhất, sự cầu khẩn hay việc hợp nhất. Nó tượng trưng cho sự hợp nhất giữa Trí Tuệ và phương tiện thiện xảo. Nó cầu khẩn chư Phật ban cho Trí Tuệ, phương tiện thiện xảo và tất cả sự gia hộ ban phước. Lần lượt HUNG (HŪṂ) hợp nhất Thân, Ngữ và Tâm của người ta làm một, không thể tách rời với (Thân, Ngữ, Tâm) Phật.

• HRI (HRĪḤ): chủng tử Tâm, đại diện cho Tinh Túy Tâm của Đức Phật Đại Bi để cầu khẩn và được hợp nhất.

Nghĩa đơn giản: *"Ôi! Đức Phật ! Ngài nắm giữ ngọc báu và hoa sen (Đại Bi và Trí Tuệ), mong Ngài ban phước gia hộ cho con".*

_ Theo quan điểm khác, trong Chân Ngôn "OṂ MAṆI PADME HŪṂ – HRĪḤ" thì chữ HRĪḤ biểu thị cho sự sống động tỏa nở tinh thần dâng hiến vị tha của Bồ Tát Đạo trong Lục Tự Minh Chú .

Để biểu thị ý nghĩa Tam Mật của Thân, Khẩu, Ý trong câu chú này, Ngài Lạt Ma **Govinda** đã diễn tả như sau:

Trong OṂ chúng ta cảm nhận Pháp Thân và Bí mật của Thân phổ biến.

Trong MAṆI là Báo Thân là bí mật của âm thanh thần chú, khơi dậy Tâm thức chiêm ngưỡng và cảm hứng.

Trong PADME là Hóa Thân và bí mật của tâm ý biến đổi tất cả.

Trong HŪṂ, chúng ta cảm nhận thân Kim Cương là thân siêu việt tổng hợp Tam Mật.

Trong HRĪḤ, chúng ta dâng hiến tập hợp nhân vị của chúng ta trở thành thân Kim Cương để phục vụ Đức Phật A Di Đà. Điều này trong khi ấy có nghĩa là "Lý tưởng Bồ Tát được thể hiện như nó đã được thể hiện trong hình tướng Đức Quán Thế Âm".

Tóm lại: Nếu dựa vào biểu tượng "Mau chóng lìa các Trần cấu" để tịnh hóa bản thân của thần chú HRĪḤ thì có thể được dùng thay cho cả câu chú Lục Tự Đại Minh.

Như Ngài **Kalu Rinpoche** có nói:

"*OṂ là tinh chất của Thân Giác ngộ*
MAṆI PADME biểu tượng cho Ngữ Giác ngộ
HŪṂ tiêu biểu cho Ý giác ngộ

Thân, Ngữ, Ý của tất cả chư Phật ẩn tàng trong âm thanh của Thần chú này. Thần chú này tịnh hóa những chướng ngại của Thân, Ngữ, Ý và đưa tất cả Hữu tình đến trạng thái chứng ngộ. Khi tụng Thần Chú này mà phối hợp với Đức Tin và tinh tiến Thiền Định, thì năng lực chuyển hóa của Thần Chú sẽ phát sinh và tăng trưởng. Quả vậy, chúng ta có thể Tịnh hóa bản thân bằng phương pháp ấy".

III. Thần Chú Đạo sư (Guru-mantra):

Theo truyền thống Mật Giáo Trung Hoa, Quán Thế Âm Bồ Tát đã chứng ngộ được cảnh giới cực thanh tĩnh của chư Phật. Cảnh giới ấy chỉ có chư Phật tự chứng nên khó có thể dùng ngôn ngữ văn tự mà diễn nói cho người khác biết được. Chính vì thế, Quán Thế Âm Bồ Tát liền trụ vào Tam Muội **Phổ Quán**, vận dụng Trí Tuệ **Phổ Môn** phương tiện của tất cả Như Lai, biểu hiện thân tướng tốt đẹp rạng tỏa ánh quang minh, ngồi trên tòa sen, tay trái cầm hoa sen, tay phải kết **Khai Hoa Diệp Thế** (tư thế bóc cánh sen). Dùng phương tiện gia trì khiến cho tất cả chúng sinh tự nhận biết rằng mình vốn có hoa sen giác ngộ, Pháp Giới thanh tĩnh, chẳng nhiễm phiền não, chỉ do một niệm vô minh nên bụi trần dấy động che lấp Bản Tâm thanh tịnh vô nhiễm trước và dựa vào đấy mà muôn vàn khổ não được dịp bủa vây, tạo tác nghiệp ác lôi kéo trong

biển khổ sinh tử. Nay nhờ ánh quang minh Diệu trí soi tỏ thì cần phải lắng tâm nhiếp niệm, điều phục **06 Căn** không cho nhiễm dính **06 Trần** cho đến khi các **Căn Trần** đều dần dần trong lặng (Tịch tĩnh). Do 06 Căn thình lình thanh tịnh không vướng bụi dơ thì Chân tính của tâm sẽ hiển bày sự cực tĩnh vốn có xưa nay, tức là chứng ngộ được Tâm Bồ Đề trắng tịnh mà vượt thoát luân hồi khổ não.

Từ ý nghĩa này, chúng ta nhận thấy rằng: Nếu biết kết hợp lực gia trì của chư Phật Bồ Tát thông qua lực gia trì của Pháp Giới với ý chí tự lực của bản thân để giữ gìn Thân, Khẩu, Ý cho thật trong sạch thì chúng ta sẽ mau chóng Tịnh hóa được **06 phiền não căn bản** (*Kiêu mạn ảo tưởng, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận)* và dễ dàng lặng yên quán sát thật tướng của 06 Trần cho đến khi thật biết được bản tính của chúng đều không vướng bụi dơ. Ngay lúc ấy, chúng ta sẽ tự hiển hiện được con mắt vô nhiễm và mọi sự thấy biết đều như thật như thị. Tức là chúng ta tự đánh thức được Chân Tính "**Diệu Giác diệu minh cực Thanh Tĩnh không nhiễm ô**" vốn có trong Tâm mình. Từ đó, chúng ta sẽ xa lìa mọi khổ não và đi vào cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân. Do cảm thông thật sự với BI NGUYỆN của chư Phật Bồ Tát, chúng ta dũng mãnh phát khởi Đại Nguyện đi vào muôn loài, thi hành vạn hạnh Đại Bi để hoằng hóa Chính Pháp, cứu bạt khổ não cho chúng sinh. Điều này còn có nghĩa là: Khi còn mê muội, chúng ta chân thành cầu xin chư Phật Bồ tát gia trì cứu hộ mình. Nhưng khi Giác Ngộ thì chư Phật Bồ Tát lại ở trong lòng chúng ta, là chính ngay chúng ta.

Lục Tổ Huệ Năng có dạy: "*Khi mê Thầy độ, Ngộ rồi con tự độ*" hay "*Niệm trước mê mờ là chúng sinh, niệm sau giác ngộ là Phật*".

_ Để có thể thực hiện được sự liên hợp của lực gia trì với ý chí tự lực của ta, các bậc Đạo sư Hiển giáo đã dạy rằng:

"Đấng **Toàn Giác** (Samyaksaṃbuddha) là Bậc tự tu tự ngộ và mở rộng lòng Từ Bi để hóa độ chúng sinh, nên hình tượng và hồng danh của Đấng Toàn Giác, thực chất là những biểu tượng nhằm kết tinh và dẫn dắt những lời cầu nguyện của hàng Phật tử, những người đang mong mỏi vượt thoát sự trói buộc của vòng sinh tử phiền não. Do vậy "*Khi Quy y Phật thì ta lễ lạy Phật với tâm nguyện đạt đến sự sáng suốt hoàn toàn, thông hiểu như thật lý sự của vạn vật để rốt ráo xa lìa phiền não khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi"*.

Lời dạy này hoàn toàn chứa ý nghĩa là: "Hình tượng và công hạnh của chư Phật Bồ Tát chính là phương tiện thiện xảo nhằm kêu gọi, đánh thức Phật tính vốn có ngay trong Bản Tâm của mỗi một chúng sinh để cho họ mau chóng thoát khỏi sự phiền não khổ đau".

_ Ý nghĩa này đã được các Đạo sư Mật Giáo cô kết thành Thần chú Đạo sư "**OṂ** ĀḤ HŪṂ – VARA GURU PADME – SIDDHI HŪṂ". Trong đó:

- OṂ ( ) biểu thị cho Thân Giác ngộ, là nguyên lý bao quát tất cả thân phổ biến.
- ĀḤ ( ) biểu thị cho Ngữ Giác ngộ, là nguyên lý bao quát tất cả chú thuật hay của âm thanh sáng tạo.
- HŪṂ ( ) biểu thị cho Ý Giác ngộ, là nguyên lý tình thương phổ biến của Tâm Giác ngộ (Bodhi-citta) của tất cả chư Phật.
- VARA ( ) là y theo,tuân theo, thực hành theo.
- GURU ( ) là danh từ chỉ một Bậc Đạo sư.
- PADME ( ) là bên trong hoa sen hay bên trong Bản Tâm.

Kết hợp hai nghĩa này lại thì GURU PADME là vị Đạo sư ngồi trên hoa sen, hay GURU PADME được dùng để chỉ MINH SƯ TRÍ vốn có trong Tâm của mỗi một chúng sinh.

◆ SIDDHI (𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰) là thành tựu, đạt đến, chứng ngộ.

◆ HŪṂ (𑖮𑖳𑖽) là cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân.

Như thế, toàn bộ câu **Chú Đạo Dư** (Guru-mantra) có thể được diễn dịch là: *"Nương vào Thân, Ngữ, Ý của các Đấng giác ngộ. Con nguyện giữ gìn Thân, Ngữ, Ý để đánh thức được Vị Thầy đang ngự trị trong Tâm của con và con nguyện noi theo sự chỉ dẫn sáng suốt của Vị Thầy này để đạt được cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân".*

_Trong quyển "***Đường Mây Qua Xứ Tuyết***" do Lạt Ma **Govinda** biên soạn và **Nguyên Phong** phỏng dịch thì Hòa thượng **Tomo Geshe Rinpoche** đã dạy cho Lạt Ma **Govinda** trong buổi lễ Nhập Môn tại **Yi Ga Cho-Lin** là:

"Nếu con muốn làm Thầy của con thì con đừng nhìn cái thân thể vô thường nay còn mai mất này như vị Thầy của con. Chúng ta đều là những kẻ bất toàn, thay vì nhìn vào những điểm bất toàn này, con hãy nhìn thẳng vào Phật tính vốn hoàn hảo và hiện diện trong tất cả chúng sinh. Thay vì chấp nhận những điều Ta chỉ dạy cho con như điều đó đến từ Ta thì con phải coi đó là những chân lý vẫn hằng có trong vũ trụ, mà Đức Phật Thích Ca đã chứng ngộ và giảng giải trong Giáo Pháp của Ngài. Ta chỉ là một kẻ tuân theo những Giáo Pháp đó mà đi, theo ngọn đuốc mà Đức Phật Thích Ca đã soi đường. Khi con quỳ lạy trước mặt ta, con hãy nghĩ đến Đức Phật Thích Ca, Người đã khai ngộ cho tất cả chúng sinh và chỉ có Ngài là NGƯỜI DUY NHẤT được hưởng tất cả mọi sự tôn kính đó. Đừng nhìn vào ngón tay chỉ mặt trăng. Đừng trông cậy vào ta như người sẽ đưa con đến chân lý mà hãy trông cậy vào chính con, trông cậy vào cái Phật tính luôn tiềm tàng sẵn nơi con để hướng dẫn con trên đường về bến Giác. Đừng nhìn vào thân thể này, bộ áo này hay những điều Ta nói như là một sự thật Tuyệt đối mà hãy chứng nghiệm nó, nghi ngờ nó, xét đoán nó cho đến khi không còn nghi ngờ hay thắc mắc nào. Đừng vì quá cung kính hay lễ phép mà không dám đặt câu hỏi, vì như vậy là con đã mất đi một cơ hội tiến gần hơn đến sự thật.

Điều quan trọng nhất mà con phải biết là tất cả mọi chúng sinh đều có khả năng thành Phật, đều có sẵn Phật tính trong mình, chỉ vì mê lầm không nhận ra tính chất cao quý thiêng liêng nơi mình mà chúng sinh mới bị mê đắm vào vòng đau khổ.

Vì tất cả chúng sinh đều có Phật tính nên tất cả chúng sinh đều tuyệt đối bình đẳng, không có sai khác. Nếu con tự cho rằng mình cao cả hơn kẻ khác và có thái độ khinh bỉ với họ thì con không thể nào tiến xa hơn trên con đường giải thoát. Con phải biết rằng lý do chúng ta sống trong Thế Giới bất toàn và tất cả mọi sự xảy ra đều chịu sự chi phối của Luật Nhân Quả. Bằng thái độ sống chân chính, con có thể vượt qua các trở ngại khó khăn, thay thế những sự kiện bất toàn bằng những sự kiện toàn vẹn và nhờ thế không những con trở nên vẹn toàn hơn mà còn biến Thế Giới này thành tốt đẹp hơn nữa".

Hòa thượng **Tomo** lại dặn **Govinda** rằng:

"Một ngày nào đó, con sẽ thấy được những Hóa thân của chư Phật và chư Bồ Tát, vốn là những điểm linh quang hiện hữu trong Tâm con. Dĩ nhiên hiện nay đó chỉ là một quan niệm trừu tượng vì nghiệp chướng con còn dầy, con chưa thể ý thức rõ rệt được. Nhờ trì tụng bài Thần chú khẩu truyền, con sẽ tiêu trừ được những nghiệp chướng này và đến khi đó con sẽ quán chiếu mọi sự vật một cách rõ ràng hơn. Nhờ suy gẫm về tính Không của sự vật cũng như phát triển Tâm Bồ Đề rộng lớn mà con sẽ nhận được Pháp giới, thấy được những hải hội chư Phật, chư Bồ tát ... hiện ra rõ ràng

như thật trước mắt con thì con sẽ ý thức rằng cái Thế giới bên trong cũng như bên ngoài có thể chuyển biến được. Lúc đó, tùy con lựa chọn muốn sống trong Thế giới nào, hướng ra bên ngoài hay quay lại bên trong, muốn trở thành nô lệ của xác thân chìm đắm trong sinh tử luân hồi hay biết tận dụng khả năng vốn sẵn có trong người để chuyển mê khai ngộ, vượt qua khỏi xiềng xích kiềm tỏa của vòng luân hồi".

_ Như chúng ta đã biết các hành động của Thân, Khẩu, Ý trong đời quá khứ đều được lưu trữ trong Tâm thức và tạo nên khuynh hướng tư tưởng cá nhân trong đời hiện tại. Vì thế Bản ngã của một người bao gồm toàn thể khuynh hướng đó và chỉ có những khuynh hướng mới chỉ rõ tính tình, tinh thần, ý niệm tốt xấu của một người. Nếu một người có khuynh hướng vững mạnh thì khó lòng bị xoay chuyển bởi ngoại cảnh trừ phi người ấy gặp một biến cố lớn lao làm cho họ tự rời bỏ khuynh hướng của mình.

Chúng ta phải nhớ rằng: ***" Người ấy tự rời bỏ chứ không phải biến cố kia phá vỡ khuynh hướng của họ"***. Do đó, chư Phật Bồ Tát hóa hiện trên đời thi hành vạn hạnh Đại Bi, cứu độ chúng sinh bằng cách sử dụng mọi phương tiện thiện xảo, hình thành những tấm gương cho chúng sinh nhìn thấy để từ đó họ quay trở lại nhìn vào Tâm Tính mình mà tự sửa đổi dần dần cho đến khi tự họ vượt thoát được nẻo sinh tử luân hồi.

Như Đức Phật thường nói rằng: **"***Ta chỉ là người dẫn đường vạch rõ phương cách cho chúng sinh đi đến nẻo giải thoát. Nhưng đi hay không là tự chúng".*

Do ý nghĩa này, nếu chúng ta mau chóng tự nhận thấy những lỗi lầm cần phải sửa chữa của mình đồng thời ý thức được việc cần làm của chính mình thì chúng ta sẽ mau chóng vượt thoát mọi sự khổ đau, đạt được sự tự tại an lạc.

Tổ Huệ Năng có dạy rằng: **"***Hằng thấy lỗi mình là phương pháp Kiến tánh".*

Các vị đệ tử của Đức Phật Thích Ca, hầu như sau khi chứng đạo, Vị nào cũng nói rằng: "*Những việc cần làm, Ta đã làm xong*".

Để minh định việc cần làm của một cá nhân, Hòa thượng **Tomo** đã tiết lộ cho Lạt Ma **Govinda** rằng: *" Tu sĩ **U Khanti** chính là Hoàng đế **Mindon Min** (Trị vì nước Miến Điện từ năm 1851 đến năm 1878) đầu thai để hoàn tất tâm nguyện xây dựng Quốc tự **Kuthaw Daw** ở Mandala để chứa toàn bộ kinh điển, mà Ngài chưa kịp làm trong kiếp làm vua*".

Theo truyền thống Mật giáo Tây Tạng, để tiếp tục giữ gìn và bảo vệ Chính Pháp của Mật giáo Hoàng Mạo phái, Sư trưởng **Gedun Truppa** liên tục tái sinh (Tulku: Hóa thân) thành các Sư Trưởng **Gedun Gyatso, Sonam Gyatso, yonsten Gyatso, Lobsang Gyatso** …, **Thupten Gyatso** (Dalai Lama đời thứ 13), **Tenzin Gyatso** (Dalai Lama đời thứ 14)

_ Tuy nhiên, để ý thức được việc cần làm của chính mình thì quả là điều khó khăn. Vì thế, các vị Đạo sư Hiển Giáo thường dạy rằng: "*Khi ta quy y Pháp hay Đỉnh lễ Pháp thì ta phải phát khởi Tâm nguyện thường gặp Chính Pháp giải thoát và thường tu tập được Chính pháp giải thoát, đồng thời ta quy y Pháp với Tâm Nguyện là đạt được sự: Định tĩnh, tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng và vị tha ngay trong cuộc sống hiện tại này".*

Ngoài ra, ta nên cầu khẩn chư Phật Bồ Tát rũ lòng Từ Bi chỉ bảo Pháp tu tập thích hợp với căn cơ của chính mình như: rút thăm để chọn lựa Pháp tu (Kinh Viên Giác), gieo quẻ thẻ để thẩm định Nghiệp báo và tìm cách sửa chữa (Kinh Địa Tạng Chiêm Sát), vào Đàn Tràng ném hoa để tìm Bản Tôn hoặc lắng Tâm nhập vào Thiền quán để cầu xin hành xứ tu hành (Nghi Thức Mật Giáo).

Kinh Kim Cương Đỉnh Du Già Quán Tự Tại Vương Như Lai Tu Hành Pháp có ghi: *" Kết A Di Đà Định Ấn, đặt lên trên Bán Già, ngưng thở, quán sát một cách tường*

tận rằng các Pháp đều do Tự tâm, hết thảy phiền não như quáng nắng, như hoa đốm giữa hư không. Sau khi quán như vậy xong, khẩn nguyện chư Phật chỉ thị hành xứ cho mình và tụng Chân ngôn: "OṂ SAMAYE PADME HRĪḤ – Nghĩa là: Quy y Bản thệ nguyện trong Tâm – Hrīḥ"

Riêng các bậc Đạo sư Tây Tạng thì việc thành kính thỉnh triệu vị Thầy trong Tâm Ta là điều tốt nhất. Một khi vị Đạo sư của Bản Tâm đã thức dậy thì ánh sáng trí tuệ dần dần tỏa rạng, thanh lọc những nhận thức mê lầm che lấp Bản Tâm. Từ đó, qua những tấm gương hóa độ của chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh, Đạo sư, Kinh điển, giáo lý, môi trường sinh hoạt … sẽ dần dần giúp ta khám phá được chân lý ẩn tàng trong Tâm mình và lúc ấy các lực gia trì của chư Phật Bồ Tát, lực gia trì của Pháp Giới sẽ hòa nhập với lực cố gắng của tự ngã giúp ta an nhiên sinh hoạt trong Thế giới đầy uế trược khổ đau này. Vì thế, các Ngài thường truyền dạy bài cầu nguyện là:

"*Từ đóa sen lòng sùng kính trong tim con*
Hỡi Đức Thầy Từ Bi! Chỗ mong cậy duy nhất của con
Hãy xuất hiện che chở con trong cơn nguy khốn
Bởi các nghiệp quá khứ và cảm xúc hỗn loạn
Như viên ngọc an trú trên đầu con, Mandala của Đại Lạc.
Khơi dậy tỉnh giác và sáng suốt trong con
Xin Thầy!"

Đối với các vị Đạo sư Tây Tạng thì một vị Thầy được xem là tốt hơn những vị Phật. Vì mặc dù lòng Từ Bi và năng lực của chư Phật luôn luôn hiện hữu, song những mê mờ đã ngăn che không cho chúng ta gặp chư Phật một cách trực tiếp, còn vị Thầy thì chúng ta có thể gặp và bằng mọi cách vị Thầy có thể chỉ cho ta thực hiện được con đường giải thoát của chư Phật. Nói cách khác, với Tâm hồn Đại Bi bình đẳng kèm với Trí Tuệ siêu việt ẩn tàng trong hình vóc con người, vị Thầy dễ gần gũi với Môn Đệ và dần dần chỉ cho họ ngày càng tự hiểu rõ mình hơn cho đến lúc họ thấy rõ Tự Tính của Tâm mình.

Theo truyền thống Huyền Linh, Bậc Đạo sư thể hiện sự kết tinh của những ân sũng của tất cả chư Phật, tất cả Bậc Thầy và các bậc Giác Ngộ. Nhờ sự hiện diện của vị Thầy đầy lòng Bi Mẫn mà môn đệ mau chóng được thọ hưởng sự an lành của Tâm Thức và trực tiếp thụ nhận được năng lực của chư Phật, Bồ Tát, các Đấng Giác Ngộ vốn hiện diện chung quanh chúng sinh để chờ dịp giúp đỡ họ. Từ đó, một niềm tin tưởng, tri ân, hỷ lạc và sùng kính Pháp phát sinh trong Tâm người đệ tử. Qua đó, Tâm Hồn của môn đồ và Tâm Giác Ngộ của Bậc Thầy hòa nhập cùng nhau để cùng trực kiến bản tính chân thật của Tâm. Thật ra, vị Thầy bên ngoài chỉ thẳng cho chúng ta thấy được chân lý của vị Thầy bên trong chúng ta. Chân lý ấy càng được khải thị qua lời dạy của Vị Thầy thì chúng ta càng nhận ra rằng vị Thầy bên ngoài và Bậc Thầy bên trong là bất khả phân, và nhờ sự hợp nhất này, chúng ta sẽ nhận chân được Trí Giác ngay thẳng.

Đạo sư Sahara của Ấn Độ có nói:

"Kẻ nào mà lời Thầy đã thâm nhập vào Tâm
Sẽ thấy được chân lý như viên ngọc trong lòng bàn tay"

Do lòng tri ân sùng kính với niềm tin tuyệt đối, các vị Đạo Sư Tây Tạng đều công nhận rằng **Liên Hoa Sinh Đại Sĩ** (Padma-saṃbhava) là Bậc Đạo sư cao cả nhất trong các bậc Đạo Sư (Padma-saṃbhava là người thành lập Đạo Phật ở Tây Tạng vào Thế kỷ thứ 8. Ngài thành lập Đạo viện **Samye** và khởi xướng lên dòng tu **Nying Mapa**. Ngày nay, Ngài được thờ phụng như một vị Tổ đầu tiên đã truyền bá Mật Tông ở Tây Tạng).

Theo truyền thống Tây Tạng, Liên Hoa Sinh Đại Sĩ được một **Không Tiến Nữ** (Ḍākiṇī: Không Hành Mẫu) truyền Pháp. Sau khi được ban phước cho Thân Khẩu Ý

thì Ngài thành thân của tất cả chư Phật, lời nói của Ngài là lời nói thiêng liêng của tất cả chư Phật, và Tâm ý của Ngài trở thành Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta). Từ đấy, Ngài là hiện thân của một nguyên lý không có thời gian. Ngài là Bậc Thầy của tất cả và giáo lý của Ngài là hiển thị bởi nhiều bậc Thầy vĩ đại, hậu thân của ngài. Một trong những giáo lý của Ngài để lại là **Tử Thư Tây Tạng** (Bardo Thodol) và câu Chú biểu tượng cho ân sủng của Ngài là : "OṂ ĀḤ HŪṂ – VAJRA-GURU PADMA SIDDHI HŪṂ" và được tôn xưng là **Kim Cương Thượng Sư Thần Chú** (Vajra-guru-mantra). Đây là một dị bản của Thần Chú Đạo Sư.

_ Trong quyển "**The Healing power of Mind**", phần ghi chú của Ngài **Tulku Thundup** do **Tuệ Pháp** dịch có ghi chú Chân Ngôn của Liên hoa Sinh Đại Sĩ là:

- OṂ: chủng tự của Thân Phật
- ĀḤ: chủng tự của Khẩu Phật
- HŪṂ: chủng tự của Tâm Phật
- VAJRA: Kim cương (cứng chắc) Pháp Thân (bản tính tuyệt đối của Phật)
- GURU: đạo sư (sự phong phú) Báo Thân (Tướng thanh tịnh của Phật)
- PADMA: Hoa sen (sự thanh tịnh) Hóa Thân (Thân Phật, Tịnh của Phật)
- SIDDHI: Thành tựu, đạt được những kết quả chung và không chung
- HŪṂ: xin ban cho, mong rằng.
-

_ Trong quyển "**Việc lớn sinh tử**" do Ngài **Sogyal Rinpoche** biên soạn và sư cô **Thích Nữ Trí Hải** dịch thì hai Ngài **Dudjon Rinpoche** và **Dilgo Khyentse Rinpoche** giải thích ý nghĩa của bài Kim Cương Thượng Sư Thần Chú như sau:

❖ OṂ ĀḤ HŪṂ: Những âm OṂ ĀḤ HŪṂ có nghĩa ngoài, nghĩa trong và nghĩa mật. Nhưng ở mỗi tầng như vậy, OṂ đều tiêu biểu cho **Thân**, ĀḤ: **Lời** và HŪṂ: **Ý**. Cả ba câu tiêu biểu cho năng lực ân sủng của chư Phật để chuyển hóa **Thân, Lời, Ý.**

a)Theo nghĩa ngoài: OṂ tịnh hóa mọi ác nghiệp của Thân, ĀḤ của Lời, HŪṂ của Ý. OṂ ĀḤ HŪṂ đem lại Thân, Lời, Ý chư Phật. OṂ là tinh túy của hình sắc, ĀḤ của âm thanh, HŪṂ của ý. Khi đọc Thần chú này là ta tịnh hóa hoàn cảnh cũng như bạn thân và những người ở trong đó. OṂ tịnh hóa tất cả nhận thức, ĀḤ tất cả âm thanh và HūṂ tất cả Tâm, ý nghĩ với cảm xúc.

b)Theo nghĩa trong: OṂ tịnh hóa những huyệt đạo vi tế, ĀḤ tịnh hóa nội phong hay khí lực và HŪṂ tịnh hóa tinh chất sáng tạo.

Ở tầng mức sâu hơn: **OM ÀH HÙM** biểu trưng cho 03 Thân của Liên Hoa Bộ. OṂ là Pháp Thân Phật, Phật A Di Đà, Đức Phật của ánh sáng vô lượng. ĀḤ là Báo Thân, Quán Thế Âm, vị Phật của Tâm Từ Bi. Và HŪṂ là Ứng Hóa Thân, Liên Hoa Sinh. Điều này có nghĩa, trong trường hợp Thần chú này cả 03 Thân đều thể hiện trong một vị là Padma-saṃbhava (Liên Hoa Sinh).

c)Ở tầng ý nghĩa sâu kín nhất: OṂ ĀḤ HŪṂ đem lại sự thực chứng 03 khía cạnh của Bản thân. OṂ đem lại sự thực chứng, dụng của Tâm hay năng lực Bi Mẫn vô biên. ĀḤ đem lại sự thực chứng Tướng hay bản chất sáng chói của Tâm. Và HŪṂ đem lại sự thực chứng Thể Tính như bầu trời của Tâm.

❖ VAJRA GURU PADMA

◆ VAJRA được ví như Kim Cương, đá quý nhất và cứng nhất. Cũng như Kim Cương có thể cắt bất cứ thứ gì mà chính nó thì không có gì phá hủy được, cũng thế Trí Tuệ bất nhị bất biến của chư Phật không bao giờ bị hại hay bị phá hủy bởi vô minh, và có thể cắt đứt mọi vọng tưởng chướng ngại, nhưng Đức Tính và hoạt động của Thân Lời Ý của chư Phật có thể làm lợi lạc Hữu Tình với năng lực sắc bén vô ngại như Kim

Cương và cũng như Kim Cương không bị tỳ vết, năng lực sáng chói của nó luôn phát từ sự chứng ngộ bản chất Pháp Thân của thực tại, bản chất của Phật A Di Đà.

◆ GURU: có nghĩa là "sức nặng" chỉ một người tràn đầy đức tính kỳ diệu, thể hiện Trí Tuệ, hiểu biết, Từ Bi và phương tiện thiện xảo. Cũng như vàng ròng là kim loại nặng nhất, quý nhất. Cũng thế, những Đức **Không Lỗi,** không thể nghĩ bàn của Bậc Thầy làm cho vị ấy không ai vượt qua được, thù thắng hơn tất cả.

GURU tương đương với Báo Thân, và với Quán Thế Âm, vị Phật của Tâm Đại Bi. Lại nữa, vì Padma-saṃbhava (Liên Hoa Sinh) giảng dạy con đường Mật Tông, biểu tượng là Kim Cương và nhờ thực hành Mật Tông mà Ngài đạt giác ngộ tối thượng, cho nên Ngài được biết đến dưới Danh hiệu là **Kim Cương Thượng Sư** (Vajra-guru).

◆ PADMA là hoa sen, có nghĩa là Liên Hoa Bộ trong 05 Bộ và nhất là khía cạnh ngôn ngữ giác ngộ của chư Phật ấy. Liên Hoa Bộ là dòng hộ Phật mà con người thuộc vào. Vì Padma-saṃbhava là Ứng Thân trực tiếp của Phật A Di Đà (vị Phật nguyên ủy của Liên Hoa Bộ) nên Ngài được gọi là Padma (Hoa sen). Danh hiệu Liên Hoa Sinh của Ngài, kỳ thật ám chỉ câu chuyện Ngài sinh ra trên một đóa sen nở.

Khi những âm VAJRA GURU PADMA đi liền nhau thì cũng có nghĩa là tinh túy và ân sủng của Kiến, Thiền và Hành. Vajra nghĩa là tinh chất của chân lý bất khả hoại, bất biến, cứng chắc như kim cương mà chúng ta cầu mong thực hiện được trong Kiến (cái Thấy) của chúng ta. Guru tiêu biểu tính chất ánh sáng và sự cao quý của giác ngộ mà ta cầu cho kiện toàn trong Thiền định của mình. Padma tiêu biểu cho Bi Mẫn mà chúng ta cần thể hiện trong hành động của chúng ta. Và nhờ đọc tụng Thần Chú này mà ta nhận được ân sũng của Tâm Giác Ngộ, những đức tính cao quý và lòng Bi Mẫn của Padma Sambhava và tất cả chư Phật.

❖ SIDDHI HŪṂ

SIDDHI là thành tựu, đạt đến, ân sủng và chứng ngộ. Có 02 thứ thành tựu: Tương Đối và Tuyệt Đối. Nhờ nhận được ân sũng tương đối, tất cả chướng ngại trong đời như: bệnh tật được tiêu trừ, mọi ước nguyện đều thành tựu, những lợi lạc như sống lâu, tiền của tăng và mọi hoàn cảnh đều tốt lành, giúp cho ta tiến đến giác ngộ.

Thành tựu hay ân sũng tuyệt đối đem lại giác ngộ, trạng thái thực chứng hoàn toàn Đấng Liên Hoa Sinh, để tự lợi và lợi tha. Bởi thế nhờ nhớ đến và cầu nguyện với những năng lực Thân, Lời, Ý của Ngài mà chúng ta sẽ được những ân sủng tương đối và tuyệt đối.

SIDDHI HŪṂ: được xem là thâu tóm vào tất cả ân sũng như nam châm hút sắt. HŪṂ tiêu biểu Tâm Giác Ngộ của chư Phật và là xúc tác thiêng liêng của Thần chú, giống như tuyên bố lên quyền năng và chân lý của Thần chú "Hãy là như vậy !".

Ý nghĩa cốt yếu của bài chú là *"Con thỉnh triệu Ngài, Đấng Kim Cương Thượng Sư, với ân sủng của Ngài, xin hãy ban cho con những thành tựu Thế Gian và Xuất Thế Gian"*.

Ngài **Dilgo Khyentse Rinpoche** giải thích:

"12 âm OṂ ĀḤ HŪṂ – VAJRA GURU PADMA SIDDHI HŪṂ mang tất cả ân sủng của 12 bộ Kinh Giáo của Phật, tinh túy của 84.000 Pháp Môn. Bởi thế tụng một lần Thần Chú Kim Cương Thượng Sư cũng có phước như là 12 bộ loại Kinh Điển và thực hành các Pháp Môn khác. 12 bộ loại Kinh Điển là phương thuốc giải cứu chúng sinh khỏi 12 Nhân Duyên giam giữ chúng ta trong vòng sinh tử: ***Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Già, Chết***. 12 móc xích này là guồng máy luân hồi sinh tử, làm cho luân hồi tiếp nối. Nhờ đọc tụng 12 âm của Thần Chú Kim Cương Thượng Sư, 12 Nhân Duyên được tịnh hóa, tẩy sạch cấu uế của nghiệp cảm và giải thoát sinh tử.

Mặc dù chúng ta không thể trông thấy được Đức Liên Hoa Sinh, nhưng Tâm Giác Ngộ của Ngài đã thể hiện dưới hình thức Thần Chú này. Thần Chú này có được toàn thể ân sũng của Ngài. Bởi thế, khi bạn kêu cầu Ngài bằng cách tụng 12 âm thanh Thần Chú này, thì bạn được ân sũng và công đức vô lượng. Trong thời đại khó khăn này, không có chỗ nương tựa nào bảo đảm hơn Thần Chú Kim Cương Thượng Sư của Ngài".

_ Trong thực tế, để có được sự gần gũi với Bậc Đạo sư chân chính thì quả là quá khó khăn nhất là trong thời đại hỗn loạn về Tâm linh và Giáo pháp này.

Trong quyển "***Trong động Tuyết sơn, Tenzin Palmo và cuộc sống chân lý***" của tác giả **Vicki Mackenzie** do **Thích Nữ Minh Tâm** dịch có ghi là:

*"Những lũng đoạn trong Tăng đoàn Phật giáo ở Âu Mỹ bắt nguồn từ những tật xấu lợi dưỡng cá nhân của các vị Tăng sĩ. Theo Phật giáo Tây Tạng, vai trò và cương vị của vị Đạo sư rất quan trọng. Các tín đồ kính ngưỡng vị Đạo sư của mình như một vị Phật. "Đạo sư (Guru) là Phật. Đạo sư là Pháp. Đạo sư là Tăng". Từ sự suy tôn đó, người ta thần thánh hóa vị Đạo sư và cho tất cả những gì vị Đạo sư đó nói đều là đúng, đều thật và họ đã vô tình tôn vinh bản ngã của ông Đạo sư để rồi đưa đến những hậu quả thảm hại, ê chề. Ông Đạo sư cũng vẫn còn bằng xương bằng thịt, đã chứng Thánh quả gì đâu, nên những sự tôn sùng cúng dường quá mức đã làm nảy sinh tâm tham đắm mê muội. Ví dụ như trường hợp của **Chogyam Trungpa**, người Thầy hướng dẫn Tâm linh và cũng là người bạn đầu tiên của **Tenzin Palmo** (Nhân vật nữ chính của sách này) đã để lại bao nhiêu là tai tiếng bê bối sau khi ông ta qua đời năm 1987. Trungpa không những chìm đắm trong men rượu mà còn liên hệ tình dục với các nữ tín đồ hay đệ tử của ông ta. Nhiều người đã than phiền và tố cáo các hành vi sai trái xúc phạm danh tiết phụ nữ của Trungpa; họ còn cho biết là cuộc đời họ thực sự đã bị phá hủy bởi ông này. Kinh khủng hơn nữa là người đệ tử kế thừa của Trungpa, **Thomas Rich**, Pháp danh là **Osel Tanzin**, sanh tại Mỹ, không những đã nhiễm căn bệnh nguy hiểm AIDS mà ông ta đã hết sức dấu kín mà còn lây luôn cho một nữ đệ tử trong số hàng loạt các Nữ Tín Đồ dấu tên của ông ta. Đó là một vài trường hợp điển hình trong số rất nhiều vụ tai tiếng bê bối của các vị Đạo sư ở Âu Mỹ.*

Các nữ tín đồ thật vô cùng ngây thơ khi bị các ông Thầy lừa bịp nói là các cô đã được tuyển chọn để làm vợ các ông trong sự liên hệ "Thần Bí" theo phái Mật Tông Tây Tạng. Vì thế, các cô rất ư là hãnh diện và sung sướng là mình đã trúng tuyển đặc biệt. Niềm tin mù quáng vào ông Thầy đã khiến các cô bị lừa bịp thảm thương và đồng thời cũng gây tiếng xấu ảnh hưởng đến Tăng đoàn Phật giáo. Tenzin Palmo nhận xét rằng người phụ nữ Tây phương còn kém kinh nghiệm và không hiểu biết phải làm thế nào để tìm cho được một vị Minh sư, và ngay cả đến ý nghĩa thế nào là một vị Đạo sư chân chính, đúng đắn, họ cũng không rõ nữa. Sự khao khát học hỏi giáo lý và nương tựa vào một vị lãnh đạo tinh thần đã khiến các phụ nữ Tây phương dễ bị mắc lừa và trở thành con mồi ngon cho sự lợi dụng thỏa mãn tính dục.

Nhiều người Tây phương đã hiểu sai về thiên chức vị Đạo sư. Họ cho rằng vị Đạo sư là người dìu dắt họ từng bước một trên con đường tìm cầu chân lý như đứa con cần sự dìu dắt của người mẹ. Nhưng thực ra không phải vậy. Vị Đạo sư là người có bổn phận giúp đỡ mọi người nhận thức rõ ràng hơn, trưởng thành hơn, tỉnh thức hơn. Chức năng của vị Đạo sư là giới thiệu cho chúng ta con đường trở về bản nguyên và sợi dây liên kết giữa Thầy trò là một sự cam kết tôn trọng lẫn nhau. Về phần người học trò thì phải có Trí Tuệ suy xét những gì Thầy mình làm có đúng Chánh Pháp hay không, nghe lời Thầy dạy và thực hành theo những gì Thầy hướng dẫn. Về phần người

Thầy cũng phải dậy dỗ hướng dẫn học trò mình đạt được chân lý, dù phải trải qua vô lượng kiếp.

Đức Đạt La Lạt Ma cũng có lời khuyên chân thật rằng: "*Quý vị phải tìm hiểu dò xét về người Thầy mình ít nhất là 10 năm. Quý vị phải nghe, phải quan sát, phải nhìn cho thật kỹ, cho đến khi quý vị nhận xét ông Thầy đó chắc chắn là trong sạch. Ngay trong lúc tìm hiểu đó, quý vị cư xử với vị Thầy đó như một người bình thường và nhận những lời dạy của ông ta như là "*một thông báo, một lời giới thiệu". *Một người Thầy chân chính, đúng đắn không bao giờ đi tìm cầu học trò hay tín đồ gì cả. Chính Đức Hạnh và đời sống thanh cao của vị Thầy sẽ hướng dẫn các Tín đồ tìm đến vị Thầy xin nương tựa"* (Tr. 143 – Tr.144)

Ngoài ra, Đức Đạt La Lạt Ma cũng công khai thừa nhận rằng *"Trong 100 Tu sĩ thì chỉ có 10 ông là hoàn toàn đức hạnh, đầy đủ phẩm chất"* (Tr.147)

Chính vì thế cho nên dựa vào lời dạy của Đức Phật là: ***"Tác ý tác nghiệp",*** các vị Đạo Sư **Hiển Giáo** thường khuyên dạy các giáo đồ hãy cẩn thận trong việc tìm cầu một người Thầy dẫn đạo và cách tốt nhất là tự mình cố gắng làm lành lánh dữ, cố gắng thường thấy lỗi của mình, cố gắng rèn luyện Thân Tâm dần dần xa lìa các Tâm Ý: ảo tưởng kiêu mạn, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận đồng thời gieo duyên với các Bậc Đạo sư chánh chính qua pháp Quy y Tăng. Các Ngài dạy rằng:

"*Tăng là người đào tận phiền não. Bởi vì các vị ấy luôn cố gắng tu tập giáo pháp giải thoát nhằm đào bới tận gốc rễ phiền não, điều phục thân tâm vượt thoát tham dục, dứt trừ ngu si".*

Do vậy "*Khi Quy y Tăng. Ta đảnh lễ chư Tăng với tâm nguyện cầu cho mình thường gặp các Đạo sư chân chính và nguyện tự xây dựng cho mình một cuộc sống: Hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha ngay trong đời hiện tại này".*

Như thế, do NHÂN chân thật thì chắc chắn ta sẽ đạt được Quả chân thật nghĩa là ta sẽ gặp được vị Đạo Sư chân chính và trực kiến được vị Đạo Sư Vô Thượng trong Tâm của mình.

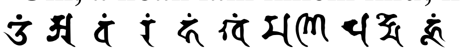
Qua các vấn đề trên, nếu nhấn mạnh vào khía cạnh đánh thức và tuân theo **Minh Sư Trí** vốn có trong Tâm mình để có được cuộc sống cao đẹp có ý nghĩa thì bài Thần Chú Đạo Sư "OṂ ĀḤ HŪṂ VARA GURU PADME SIDDHI HŪṂ" chính là phương pháp căn bản để trực kiến được viên ngọc Trí Tuệ trong Tâm hoa sen của Lục Tự Đại Minh Chú.

IV. Thần chú Tức Thân Thành Phật:

Như Ý Bảo Châu Chuyển Luân Bí Mật hiện thân thành Phật Kim Cương Chú Vương Kinh, phẩm thứ 6 "**A Xà Lê Thành Phật**" có ghi là:

"Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nhập vào **Nhất Thiết Phật Phát Tâm Giác Ngộ Pháp Giới Bình Đẳng Tánh Giả Tu Hành Bồ Đề Đại Niết Bàn Thường Trụ Kim Cang** Tam Muội nói **Hữu Tình Quyết Định Thành Phật Chân Ngôn** là:

"Úm, a noan lam khiếm khư, ma ni bát đầu mê, hồng"



OṂ A VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ MAṆI PADME HŪṂ

Nếu có hữu tình tụng một biến tức được độ thoát khỏi biển sanh tử đến cõi Niết Bàn. Tất cả hữu tình đều thành Tam Chủng Tất Địa. Tất cả ý nguyện, Thiện Nguyện một thời thành tựu. Cho nên các ông phải một lòng tu hành Pháp này khiến mở được kho báu bí mật vô thượng cho các người tu hành Chân Ngôn. Tức là Vô Thượng Thậm Thâm Bí Pháp, rất là bí mật trong các Pháp bí mật.

Đức Phật nói Chân Ngôn xong, tức thời hiện Như Lai **Biến Chiếu** đầu đội mão Ngũ Phật lại nói **Tức Thân Thành Phật Đại Hải Ấn**, cũng gọi là **Tam Muội Gia Ấn**. Nếu có Phật Tử nào muốn được **Tức Thân Thành Phật** nên tu Pháp Quán này hay khiến cho thân cha mẹ sanh ra thành thân Phật. Tức hướng về Bổn Tôn **Như Ý Bảo Châu Vương** kết **Pháp Giới Tháp Bà Ấn**: Chắp tay trống lòng, tám ngón như hình báu tức thành Bí Ấn.

Quán **A Tự Môn** (अ_ A) là Môn thanh tịnh rộng lớn của tất cả Trí Tuệ (Nhất Thiết Trí Tuệ Quảng Đại Thanh Tịnh Môn). Tùy theo lượng thân của chữ, trong ngoài rộng lớn ngang bằng hư không, không có tâm phân biệt. Ánh sáng có hai màu vàng, trắng chiếu khắp Địa Luân Diệu Thể, lìa các cảnh giới, khởi ý tác nghiệp nhiếp các hữu tình an trụ tại Tâm Vương đồng với tướng hư không, thành tựu tất cả Thượng Phẩm Tất Địa.

Phộc Tự Môn (वं _ VAṂ) nhập vào nội tâm làm Mạn Đà La gia trì tự thân, sắc như màu tuyết trắng của Đại Nhật soi suốt Diệu Thủy Luân gia trì tự thân, là môn lìa các lỗi lầm dơ bẩn.

La Tự Môn (रं _ RAṂ) là Môn Tự Thể thanh tịnh không có dơ bẩn

Ca Tự Môn (हं_ HAṂ) là Môn Nhân Nghiệp lìa khắp tất cả Pháp, xa lìa các sự dơ bẩn, vượt qua Sanh Tử

Khiếm Tự Môn (खं_ KHAṂ) là Môn Đại Không, không có sanh, gia trì tự thể an trụ Pháp Giới, không có hý luận. Là Môn không có hai Hành Tướng

Ở nơi thanh tịnh rộng bốn khuỷu, Trừ Địa như trong Nghi Thức Hộ Ma. Giữa bốn cửa để đài sen 32 cánh, trên để Bồ Tát **Như Ý Bảo Châu Vương** phóng quang chiếu khắp, Hữu Tình trong sáu nẻo gặp ánh quang liền bỏ thân được **Bất Hoại Kim Cang Tam Muội** trụ Giác Vương Phổ Hiền Thánh Vị. Tất cả các Như Lai và 16 vị Bồ Tát xoa đầu Thọ Ký. Đức Như Lai **Kim Cương Giới Biến Chiếu** dùng tay phải thọ ký ban cho mão Phật, thọ mạng một kiếp. Khi bỏ thân này được thấy Đức Như Lai **Di Lặc,** mạng chung liền được vãng sanh về quốc độ Cực Lạc của Đức Phật **Vô Lượng Thọ**

_Như chúng ta đã biết, Đức Phật có dạy rằng: **"*Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành*".** Từ câu nói này, các hệ phái Đại Thừa đã mở rộng thành các quan điểm tư tưởng: "***Tất cả chúng sinh đều có Phật tính***", "***Bản chất con người sẵn có Phật Tâm***", "***Chúng Hữu Tình có khả năng thành Phật***" … và toàn bộ Giáo Pháp của Phật giáo đều tập trung vào sự hóa độ chúng Hữu Tình.

Dựa vào những căn tính khác nhau của chúng sinh, Đức Phật đã giảng dạy các Pháp môn: Danh Sắc (Nāma Rūpa- Tâm và Sắc) , 5 Uẩn (Pañca-skandha), 6 Xứ (Ṣaḍ-āyatana), 12 Xứ (Dvādaśāyatana), 18 Giới (Aṣṭādaśa-dhātavaḥ), 6 Đại giới (Ṣaḍa-dhātu) … nhằm giúp cho chúng Hữu Tình nhanh chóng trực ngộ được thực chất của mình và nương vào đó để vượt thoát cảnh khổ não của vòng luân hồi sinh tử.

Sự khảo sát thực chất của chúng Hữu Tình không ra ngoài dạng **Sắc** (Rūpa) và **Tâm** (Citta) nên hệ thống Mật giáo đã dùng 6 đại: Địa đại (Pṛthivi-dhātu), Thủy đại (Ab-dhātu), Hỏa đại (Tejo-dhātu), Phong đại (Vāyu-dhātu), Không đại (Ākāśa-dhātu), Thức đại (Vijñāna-dhātu) làm đối tượng Thiền Định, trong đó 05 đại đầu là Sắc và đại thứ sáu là Tâm. Sắc là nguyên tắc vận chuyển của muôn vật và Tâm là nguyên lý phản chiếu trên sắc. Cho nên 05 đại đầu là LÝ cái được biết, là sự thật và đại thứ 06 là TrÍ tức là cái biết hay người biết (Giác giả), là Trí Tuệ nhận biết sự thật. Cả hai dạng Sắc, Tâm (hay Lý, Trí) đều không thể tác rời nhau mà tồn tại được. Như vậy, khi đối vật, nếu chúng Hữu Tình đem Tâm **tham ái** (Rāga) **Sân hận** (Dveṣa) **Si mê** (Moha) phản chiếu lên chúng thì vạn Pháp trở thành vòng dây phiền não cột chặt chúng sinh vào

vòng sinh tử luân hồi. Ngược lại, nếu chúng Hữu Tình dùng Tâm ý **sáng suốt** (Buddhi), **Định tĩnh** (Samādhi), **Trong lành** (viśudhha) phản chiếu lên vật thì vạn Pháp trở thành diệu dụng nhiệm màu thúc đẩy bậc Giác Giả an nhiên tự tại, vượt thoat mọi phiền não khổ đau.

Do ý nghĩa này, khởi điểm của Mật tông Du Già Phật giáo không phụ thuộc vào Vũ trụ học hay Thần học siêu hình mà chính là thuộc Tâm lý học.

OṂ (𑖌𑖼) là Thức đại (Vijñāna-dhātu) biểu tượng cho Tâm Trí, là nguyên lý nhận biết vạn vật.

A (𑖀) là Địa Đại (Pṛthivi-dhātu) biểu tượng cho nguyên lý rắn chắc sinh ra đất đai, núi, lòng biển … Ngoài ra A còn biểu tượng cho nguyên lý Bất động, hình tướng và đọa tính (tức quán tính của vật chất).

VAṂ (𑖪𑖽) là Thủy đại (Ab-dhātu) biểu tượng cho nguyên ý ngưng tụ, dính ướt sinh ra sông, suối, vạn nguồn nước … Ngoài ta VAṂ còn biểu tượng cho sự tiêu tan, sự hòa hợp nhất trí, thuốc trường sinh, sự phản chiếu, chiều sâu của Tâm Thức.

RAṂ (𑖨𑖽) là Hỏa đại (Tejo-dhātu) biểu tượng cho nguyên lý nấu chín, nung nóng sinh ra vàng, ngọc, châu báu, mặt trời, mặt trăng, tinh thần, hỏa châu, ánh sáng … Ngoài ra RAṂ còn biểu tượng cho sự trông thấy, sự phá hoại, sự nóng chảy, sự thu nhiếp, nhiệt tâm, sự phấn khởi, sự hy sinh, năng khiếu nội quán, trực giác.

HAṂ (𑖮𑖽) là Phong đại (Vāyu-dhātu) biểu tượng cho nguyên lý rung động, bốc hơi, lay chuyển sinh ra ngũ cốc, quả trái, hoa lá … Ngoài ra, HAṂ còn biểu tượng cho dòng nghiệp báo, hoạt động phổ biến của Tâm linh.

KHAṂ (𑖏𑖽) là Không đại (Ākāśa-dhātu) biểu tượng cho nguyên lý rỗng không, vô hạn, vô ngại, dung chứa tất cả hiện tượng sinh ra hương thơm, nhan sắc xinh đẹp, phú quý, phước Đức, tướng mạo trang nghiêm, 3 cõi 6 nẻo… Ngoài ra KHAṂ còn biểu tượng cho nguyên lý sáng tạo tự do của Tâm thức.

Khi tiếp xúc với nguyên tố rắc chắc (Địa đại) do Tâm ý chấp trước vào hình tướng giả hợp của vạn vật nên chúng sinh đã khởi tâm tham lam muốn chiếm hữu vạn vật làm của riêng cho mình. Trong khi chiếm hữu, có lúc được có lúc không nên Tâm Thức đã tạo ra sự giận dữ hòa hợp với nguyên tố ngưng tụ, dính ướt (Thủy đại) là cho Tâm Trí bị mờ ám không nhận biết được thực tướng của vạn hữu là **Vô thường** (Anitya), **phiền não bất toàn** (Duḥkha), **Vô ngã** (Anātman). Từ đây, sự mê mờ của Tâm Thức đã phố hợp với nguyên lý nung nấu (Hỏa đại) tạo thành nhiệt tâm đam mê ích kỷ, chỉ muốn làm thỏa mãn mọi cảm giác có được. Đồng thời nhiệt tâm ích kỷ này đã phối hợp với nguyên lý rung động, lay chuyển (Phong đại) tạo nên những hành vị vị kỷ vọng tha (vì mình quên người khác) ghen ghét những gì không phù hợp với mình. Chính hành vi vị kỷ vong tha này đã phối hợp cùng nguyên lý rỗng không, vô hạn, vô ngại (Không đại) tạo nên dòng sinh mệnh Hữu Tình trong 3 cõi 6 đường. Khi dòng sinh mệnh được tạo lập, do mê lầm đắm chấp vào tư tưởng "**Thật có ta, thật có vật**" nên chúng sinh lại buông thả, tùy theo sự đam mê ích kỷ mà mãi mãi chịu trôi nổi trong dòng sinh tử khổ đau.

Ngược lại, khi tiếp xúc với vạn vật, nếu tâm ý không lệ thuộc vào hình tướng của vật chất, luôn luôn thấy như thật với chính Trí Tuệ là ***"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi"*** thì Địa đại sẽ trở thành nguyên lý Bất động, nâng đỡ và chở che vạn vật một cách vô tư. Lúc ấy, Thủy đại trở thành nguyên lý phản chiếu rõ ràng mọi chân tướng của vật chất. Hỏa đại trở thành nguyên lý nhận biết phân biệt rõ ràng. Phong đại trở thành nguyên lý hoạt động vô tư vô kỷ (không có cái của ta, không có cái ta) nhằm thúc đẩy Không đại hiện bày nguyên lý tự do tối thượng, là đỉnh cao của Tâm thức giải thoát. Khi đó, chúng sinh đã tự mình

phá vỡ cái Bản ngã hẹp hòi, bỏ qua sự giới hạn và trở thành một với cái vô hạn, nghĩa là trực kiến được chân thể của Chân Như.

_ Theo Ngũ Luân Tam Muội thì:

A (𑖀) có nghĩa là "**Tất cả Pháp vốn chẳng sinh**". Trong quá trình Thiền định, đột nhiên hành giả tự giác được tướng của thân tâm đều **trống rỗng** (Śūnya: Không) phá hủy chủ thể và quan niệm chủ quan về Thế giới, chỉ chú ý đến Thể NHƯ (Tāthatā) Khách quan. Nhận rõ được các vật cũng như cái rỗng không, cái rỗng không cũng là các vật. Tức nhận biết được các tổng thể trong mỗi hình tướng hiện tượng. Cái biết về cái vô hạn trong cái hữu hạn, cái vô thời hạn trong cái có thời hạn, nghĩa là cái biết bao quát về tất cả sự vật hữu tướng và vô tướng. Nhờ vậy, Tâm hành giả an nhiên bất động giống như ĐẤT có đủ 02 nghĩa Trụ Trì bất động và sinh ra vạn vật. Vì thế, Tam Muội này được gọi là ĐỊA LUÂN TAM MUỘI.

VAṂ (𑖪𑖽) là thanh chuyển của chữ VA (𑖪) với VA là chủng tử của ngôn ngữ, nó đưa đến sự giận dữ chướng ngại. Nhưng trong chữ VA lại có chữ A. Khi nhập vào chữ A thì lìa được sự giận dữ và chướng ngại. Do vậy, **A Tự Môn** có nghĩa là "Vượt quá đường ngôn ngữ". Khi chữ VA được chấm thêm điểm đại không trên đầu thì trở thành VAṂ (𑖪𑖽). Vì điểm Đại Không biểu thị cho nghĩa Tam Muội đại không nên VAṂ chính là **Đại Bi Trí Thủy** (Nước Trí Đại Bi) hay dập tắt lửa sân nộ và nuôi lớn căn lành vượt qua chướng ngại. Trong quá trình Thiền Định, Hành Giả ở trong Địa Luân Tam Muội, nếu an nhiên với mọi cảm giác dẫn đến sự an lạc tràn khắp thân thể, nước Định thấm ướt Tâm và phát ra mọi công đức của Thiền định. Nghĩa là Hành Giả tự giác trong Tâm, tăng trưởng căn lành, thân tâm nhu nhuyễn, phá nát Tâm cao ngạo sân nộ và tùy thuộc Thiện pháp giống như Nước có 02 nghĩa là thấm ướt sinh trưởng và tự tính nhu nhuyễn. Vì thế, Tam Muội này được gọi là THỦY LUÂN TAM MUỘI.

RAṂ (𑖨𑖽) là thanh chuyển của chữ RA (𑖨), trong đó **Ra Tự Môn** có nghĩa là "Giải thoát được các tội lỗi". Do có điểm Đại Không trên đầu nên RAṂ chính là Trí Hỏa Tam muội hay thiêu đốt tất cả bụi dơ vô thủy vô minh của chúng sinh và giúp cho mầm giống của Tâm Bồ Đề được sinh trưởng giống như lửa có 02 nghĩa là thiêu cháy và làm chín. Trong Thiền Định, hành giả trực kiến được sự tiếp hợp của các trạng thái trái ngược nhau. Bằng nhiệt tâm buông xả, hành giả thu nhiếp được tất cả Đức Tính, nối liền các điều cao siêu nhất với sự sâu kín nhất. Nghĩa là hành giả phát khởi Kiến Tự Chân Tuệ, phá vỡ tất cả trần sa phiền não, bước vào địa vị Tam Hiền Thập Địa. Vì thế, Tam Muội này được gọi là Hỏa Luân Tam Muội.

HAṂ (𑖮𑖽) là thanh chuyển của chữ HA (𑖮) trong đó **Ha Tự Môn** có nghĩa là: "Mau lìa các nhân duyên". Do có điểm Đại Không trên đầu nên HAṂ chính là Tự Tại Lực Tam Muội hay đuổi trừ ma ác, đập nát các phiền não, được đạo phương tiện, hay phát sinh các loại căn lành xuất thế, sinh trưởng Công Đức. Trong Thiền Định, hành giả trực nhận được sự biến đổi luân hồi của cơ thể và tăng dần sự giác ngộ trong tâm trí giống như gió hay phá hoại và lay động vạn vật. Vì thế HAṂ được gọi là PHONG LUÂN TAM MUỘI

KHAṂ (𑖏𑖽) là thanh chuyển của chữ KHA (𑖏) trong đó **Kha Tự Môn** có nghĩa là: "Trí ngang bằng với Hư Không". Do có điểm Đại Không trên đầu nên KHAṂ chính là Đại Không Tam Muội, hay cắt đứt tất cả Kiết sử, thành tựu **A La Hán** (Arhat). Nếu tại Tâm Bồ Tát tức là **Kim Cương Bát Nhã** (Vajra-prajñā:Kim Cương Tuệ) hay phá trừ Tổng Hoặc của **Vô minh** (Avidya) chứng đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Bồ Tát y vào đó có thể đắc quả Đại Bồ Đề. Trong Thiền Định, các cảm giác có ngã của hành giả được phóng thích, được tự do, vượt qua cái muốn của nhân vị. Lúc đó, các

quyền năng Tâm Thức được thức tỉnh và thực hiện được sự hoàn mãn cao cả nhất của tinh thần trong thực trạng giác ngộ. Nghĩa là Tâm Thức Cá Nhân trở thành Tâm thức Tổng thể, là đỉnh cao của sự giải thoát, là Đẳng ngang bằng của Tự Thân và Pháp giới, giống như Hư Không ngang bằng tất cả. Vì thế, KHAṂ được gọi là KHÔNG LUÂN TAM MUỘI.

_ Nếu Hành Giả tu trì Chân Ngôn dùng 05 chữ A VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ bố trí trên 05 bộ vị của thân thể để trang nghiêm gia trì thân mình thì gọi là: **Ngũ Tự Nghiêm Thân Quán, Ngũ Luân Thành Thân Quán, Ngũ Tướng Thành Thân Quán**.

Chữ A (𑖀) là hình vuông, màu vàng (Pīta) quán làm Kim Cương Luân, gia trì ở thân dưới và gọi là Du Già Tọa, trụ ở Kim Cương kiên cố là đất của Tâm Bồ Đề.

Chữ VAṂ (𑖪𑖽) là hình tròn, màu trắng (Avadāta) quán làm Thủy Luân, gia trì trên rốn, gọi là Đại Bi Thủy, hay đắc được Đại Bi Tam Muội.

Chữ RAṂ (𑖨𑖽) là hình tam giác, màu đỏ (Lohita) quán làm Hỏa Luân, gia trì ở trái tim, gọi là Trí Hỏa Quang, hay trừ Cấu Uế.

Chữ HAṂ (𑖮𑖽) là hình bán nguyệt, màu đen (Kṛṣṇa), quán làm Phong Luân, gia trì ở Tam Tinh, gọi là Tự Tại Lực, hay đuổi trừ ma ác.

Chữ KHAṂ (𑖏𑖽) là hình chấm, hình giọt, màu tạp sắc (Vicitra varṇa) quán làm Không Luân, gia trì ở đỉnh đầu, gọi là Đại Không, hay ngang bằng giữa Tự thân và Pháp Giới.

_ Theo ý nghĩa "**Phát sinh chư Phật**" thì 05 đại được diễn tả là:

A là gieo hạt giống Tâm Bồ Đề xuống giữa đất Tâm Nhất Thiết Trí

VAṂ là dùng nước Đại Bi làm cho thấm ướt hạt giống.

RAṂ là dùng mặt trời Đại Tuệ soi vào để thúc chín hạt giống

HAṂ là dùng gió phương tiện hô hào khuyến khích thúc đẩy hạt giống tăng trưởng

KHAṂ là dùng cai trống rỗng của Đại Không làm cho hạt giống tăng trưởng không ngăn ngại. Nhờ thế hạt giống chẳng thể nghĩ bàn kia cứ theo thứ lớp lớn dần cho đến khi tràn đầy Pháp Giới, hiện thành cây Pháp Vương.

_ Trong "***Tam Chủng Tất Địa Phá Địa Ngục Chuyển Nghiệp Chướng Xuất Tam Giới Bí Mật Đà La Ni***" do Tam Tạng **Thiện Vô Úy** dịch thì:

"A VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ được gọi là **Ngũ Tự Pháp Thân Chân Ngôn**. Nếu từ chữ A quán xét rõ ràng như mặt trời chiếu trên hư không tức là Liễu Quán Phật Tính và sẽ gặt được phước báo không có gì sánh được".

Ngoài ra Kinh này còn ghi nhận là:

Chữ A là Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) là Lý Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, vốn có tính thanh tĩnh nên chẳng thể đắc được Lý cùng cực cứu cánh. Theo quy ước thì Địa là Sắc Uẩn (Rūpa-skandha) được phối trí với Đức A Súc Như Lai ở phương Đông.

VAṂ là Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) là Báo Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là Pháp Thần Thông tự tại thuộc biển Trí của Đại Nhật Như Lai. Theo quy ước thì Thủy là Tưởng Uẩn (Saṃjña-skandha) được phối trí với Đức A Di Đà Như Lai ở phương Tây.

RAṂ là Bảo Bộ (Ratna-kulāyaya) là Hóa Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là Lý Hỏa trong đất Tâm của Đại Nhật Như Lai, hay thiêu đốt tất cả bụi dơ vô thủy vô minh

của chúng sinh và sinh mầm giống của Tâm Bồ Đề. Theo quy ước thì Hỏa là Thọ Uẩn (Vedanā-skandha) được phối trí với Đức Bảo Sinh Như Lai ở phương Nam.

HAṂ là Yết Ma Bộ (Karma-kulāyaya) là Pháp Thân Đại Lực của Đại Nhật Như Lai, tức là nghĩa của 03 Môn giải thoát, 03 Tế chẳng thể đắc thuộc Phong đại trong sự thường trụ vô lượng của Đại Nhật Như Lai. Theo quy ước thì Phong là Hành Uẩn (Saṃskāra-skandha) được phối trí với Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương Bắc.

KHAṂ là Hư Không Bộ (Ākāśa-kulāya) là Tướng Vô Kiến đỉnh của Đại Nhật Như Lai, là xứ đại Không Trí, tức sở chứng của 05 vị Phật, là Lý Trí của Chân Như tịch diệt Theo quy ước thì Không là Thức Uẩn (Vijñāna-skandha) được phối trí với Đức Tỳ Lô Giá Na ở phương chính giữa.

_ Theo hệ thống Mật giáo Tây Tạng thì A Súc Như Lai là dạng Thần Cách Hóa của Trí Đại Viên Kính (Adarśa-jñāna) là kinh nghiệm Tâm Thức bất động, trực tiếp trông thấy mọi hiện tượng đang hiện hành trong Pháp Giới một cách rõ ràng không vướng mắc. Tức là Trí thanh lọc làm tiêu tan và thu nhiếp tất cả yếu tố nhân vị của cá nhân.

Bảo Sinh Như Lai là dạng Thần Cách Hóa của Trí Bình Đẳng Tính (Samatā-jñāna) là Trí thấy biết sự nhất thể sâu kín, căn bản của các thực thể. Do Trí này mà mọi tình cảm ích kỷ riêng tư được chuyển hóa thành tình thương bao quát tất cả.

A Di Đà Như Lai là dạng Thần cách hóa của trí Diệu Quán Sát (Pratyavekṣana-jñāna) là Trí thấy biết nội tâm một cách rõ ràng, là Trí khéo quán tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà thuyết Pháp giáo hóa họ một cách tự tại.

Bất Không Thành Tựu Như Lai là dạng Thần cách hóa của Trí Thành Sở Tác (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là Trí phân biệt rõ ràng các hậu quả của mọi hành động và thành tựu được tất cả công Đức. Đây là Trí giải thoát các nghiệp.

Tỳ Lô Giá Na Như Lai là dạng Thần cách hóa của Trí Pháp Giới Thể Tính (Dharma dhàtu parakrti Jnàna) là Trí thâm nhập khắp nơi trong Pháp giới, chuyển hóa Tâm thức cá vị thành Tâm Thức tổng quát.

Do Trí Vô ngại vô tư nhận biết mọi sự vật đúng theo bản chất chân thật của chúng mà Đại Viên Kính Trí đã đẩy xa sự giận ghét oán hận và trì độn mù quáng, chấm dứt những hình thức hiện sinh quỷ quái ở cõi Địa Ngục và cõi Súc Sinh.

Do Trí Bình Đẳng không chấp trước, vô tư vô kỷ mà Bình Đẳng Tính Trí đã làm mất Bản Ngã tự phụ hoài nghi, chấm dứt hình thức hiện sinh ở cõi Người.

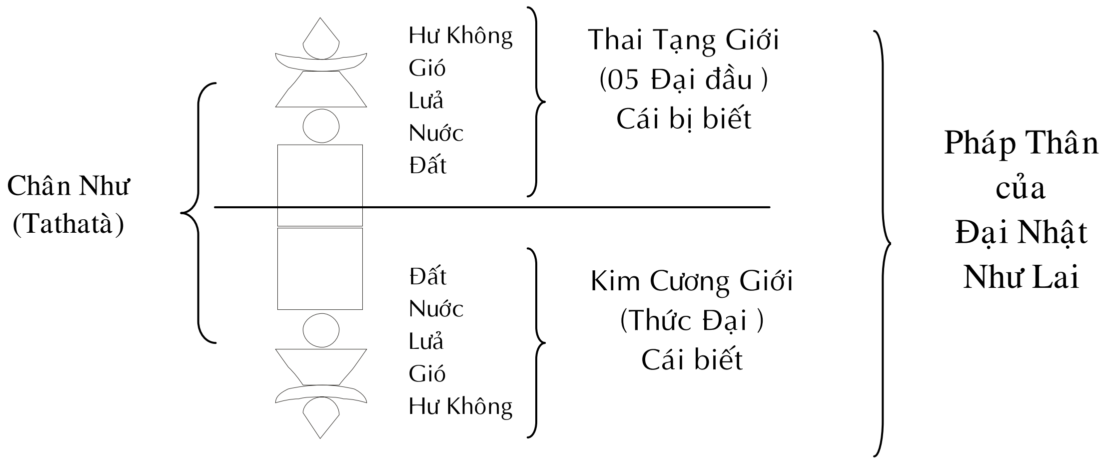
Do Trí phân biệt cao diệu nên Diệu Quán Sát Trí đã loại bỏ sự tham dục đam mê thèm khát, chấm dứt hình thức hiện sinh ở cõi Ngạ Quỷ.

Do Trí biểu thị lòng Từ Bi và hảo tâm mà Thành Sở Tác Trí đã làm chấm dứt sự ganh tỵ tranh đấu, chấm dứt hình thức hiện sinh ở cõi A Tu La.

Do Trí thấy biết thực tại cao siêu nhất mà Pháp Giới Thế Tính Trí đã đẩy xa những ảo tưởng kiêu mạn của chư Thiên và tham vọng có một hình thức hiện sinh như thế.

Như vậy, 05 Trí chính là phương tiện loại bỏ mọi hình thức tái sinh trong 03 cõi 06 đường, nghĩa là chấm dứt dòng sinh tử phiền não khổ đau. Nói cách khác, khi nhận biết được thực tính của 05 đại thì **05 Uẩn tan rã** (ngũ uẩn giai không) và 05 Trí hiện bày, tức là Phật Trí hiển hiện trong Tâm. Từ đấy, chúng Hữu Tình từ bỏ mọi hình thức phiền não trói buộc mà đi vào cuộc sống cao đẹp của Thánh nhân.

_Theo hệ thống Đông Mật của Nhật Bản thì 05 đại: địa, thủy, hỏa, phong, không là 05 phần của Tháp **Suất Đỗ Ba** (Stūpa) tượng trưng cho Chân Như là một Thân viên mãn biểu thị cho cái bị biết (tức Thai Tạng Giới: Garbha-dhātu) còn Thức đại là cái phản chiếu trên cái sự biết (tức Kim Cương Giới: Vajra-dhātu) và Pháp Thân Đại Nhật Như Lai đại diện cho sự dung hợp của 02 bên được diễn tả như sau:



Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai là dạng nhân cách hóa của Pháp (Chân Như) với mục đích nhấn mạnh rằng "**Bản chất của con người là Pháp Thân Đại Nhật".**

Vì vậy, Đại sư **Hoằng Pháp** (Kobo) tức **Không Hải** (KuKai) đã nói "***Kinh và Luận che dấu sự bí mật của Chân ngôn thừa. Nếu không dùng hình vẽ, người ta không thể hiểu được"***

_ Qua sự khảo sát trên, chúng ta nhận thấy:

OṂ A VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ nghĩa là nhận biết được thực tính của 05 Đại: **địa thủy hỏa phong không**, và được Thần Cách Hóa thành **Biến Chiếu Như Lai** (Vairocana-tathāgata).

MAṆI là viên ngọc báu hay Trí Tuệ, được Thần Cách Hóa thành **Như Ý Bảo Châu Vương Bồ Tát** (Cintāmaṇi-rāja Bodhisatva) hay ban Phước báu và Trí tuệ cho chúng Hữu Tình nhằm giúp cho họ thọ nhận được Tam Muội Kim Cương Bất Hoại và Thánh vị của **Phổ Hiền Bồ tát** (Samanta-bhadra Bodhisatva). Do Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho Tâm Bồ Đề, nên rốt ráo Như Ý Bảo Châu Vương Bồ Tát lại chính là Phật Trí vốn có của chúng hữu Tình.

PADME là bên trong hoa sen, hay bên trong bản Tâm thanh tịnh không cấu nhiễm.

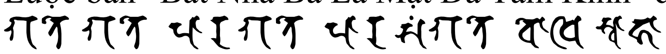
HŪṂ là cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân.

Do vậy, "OṂ A VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ – MAṆI PADME HŪṂ" có thể được diễn dịch là: ***"Khi nhận biết được thực tính của của 05 đại thì Phật Trí hiển hiện trong Tâm Thanh Tịnh vô nhiễm cấu để đi vào cuộc sống cao đẹp của Thánh nhân"***

Dựa vào ý nghĩa này thì Thần Chú "Tức Thân Thành Phật" là phương tiện trực kiến Phật Trí của Lục Tự Đại Minh Chú Tự Minh chú.

V. Thần chú Bát Nhã (Prajñ-pāramita-mantra)

Lược bản "Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh" được kết thúc bằng câu chú nguyện



GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAṂGATE BODHI SVĀHĀ

Câu Chú này hàm chứa đường lối thực hành Giáo Pháp giải thoát của Phật Giáo và nhấn mạnh vào sự lợi ích thật sự của Trí Tuệ Bát Nhã là dứt trừ tận gốc rễ sự trói buộc của phiền não khổ đau,đem lại sự an lành cho tất cả chúng sinh.

_ Trong quyển "**Kindness Clarity and insight**" do Thiện Tri Thức xuất bản thì Đức **Đạt Lai Lạt Ma thứ 14** có dạy rằng:

"Trong Tâm Kinh, sự tiến bộ biểu lộ trong câu Thần Chú GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAṂGATE BODHI SVĀHĀ (vượt qua, vượt qua, vượt qua bên kia, hoàn toàn vượt qua bên kia, hãy ở như thế trong sự giác ngộ)

Chữ GATE đầu tiên liên hệ đến con đường tích tập (gom chứa)

Chữ GATE thứ hai là con đường sửa soạn.

Trong 02 giai đoạn này, sự tiếp cận Tính Không còn mang dấu vết Nhị Nguyên, có Trí Tuệ, cái soi thấu Tánh Không và có Tánh Không được soi chiếu.

PĀRAGATE: vượt qua bên kia, chỉ ra sự băng qua từ mức độ Thế Gian của con đường Thấy (Kiến đạo vị) khi vượt qua giai đoạn này, tri giác Nhị Nguyên tan biến

PĀRASAṂGATE: hoàn toàn vượt qua bên kia, chỉ ra con đường Thiền Định suốt trong đó các bạn thực hành đã làm quen ngày càng nhiều với Tánh Không mà các bạn đã có tiếp cận trực tiếp đầu tiên tên con đường Thầy.

Để có thể kết thúc, cái nhìn chánh đáng (Chánh kiến) cho phép các bạn siêu vượt vòng sinh tử luân hồi và thực hiện giác ngộ (BODHI) cái trạng thái biến bạn thành một người an lạc và giải thoát cho tất cả (SVĀHĀ).

_ Theo cách giải thích khác thì:

GATE (𑖐𑖝𑖸) là vượt qua, có nghĩa là hãy vượt qua những sai lầm về lý trí đã do ý thức phát khởi lên nhiều thức che mờ thực tại mà sinh ra sự kiêu mạn, sự nghi ngờ, sự thấy biết sai lệch của xác thân, sự hiểu biết sai chân lý, sự hiểu biết bởi: thành kiến, tập quán, dục vọng hình thành. Sự tu tập sai đường như: tuyệt thực, hành hạ xác thân, cầu trường sinh bất tử … do giáo lý ngoại đạo xây dựng. Nếu những ai đã có cố gắng và thật sự vượt qua những mê lầm này (diệt trừ Kiến Hoặc) thì sẽ thấu hiểu chân lý VÔ NGÃ đồng thời nhận biết được lối đi chân chính. Giai đoạn này gọi là KIẾN ĐẠO.

GATE (𑖐𑖝𑖸) là vượt qua. Khi đã thấy được lối đi chân chính thì thế lực của Tham ái chấp thủ đã được giảm bớt. Tuy nhiên, thế lực này đã được củng cố từ bao đời kiếp khó có thể phá vỡ ngay nên Hành Giả cần phải cố gắng chuyên chú vượt qua những sai lầm về tình cảm. Tức là, hãy vượt qua các Tâm niệm: Tham ái, Sân hận, Si mê, được 05 Thức Thân hỗ trợ khi đối đãi với 05 Trần cảnh. Do đó, những ai nắm vững tinh thần "Vô sở Trụ, vô sở Chấp" và đã học tập rèn luyện các Pháp Môn thích ứng với mình để thấm ướt năng lực giải thoát thì sẽ mau chóng vượt qua những phiền não chướng ngại này. Khi Tham ái, Sân hận, Si mê đã bị tiêu diệt tận gốc rễ (dứt trừ Tư Hoặc) thì trạng thái an lạc giải thoát hiển hiện.

PĀRAGATE (𑖢𑖯𑖨𑖐𑖝𑖸) là vượt qua bờ bên kia. Khi trạng thái an lạc giải thoát hiển hiện, tức là các bậc Tu hành đã thật sự xả kỷ diệt Ngã chấp hoàn toàn để siêu hóa lý trí, chứng ngộ **Không Tính** (Śūnyatā) của vạn hữu hay là đã biết chuyển y để biến diệu hữu thành Chân Không. Lúc này các bậc tu hành đã hoàn thiện Công Đức Vô Vi, mọi nợ nần của Tâm Thức đã được hoàn tất và chấm dứt sinh tử luân hồi (dứt trừ Lậu Hoặc). Đây là trạng thái TỰ GIÁC VIÊN MÃN hay hoàn thiện trí tuệ Bát Nhã bờ kia, tức là chứng ngộ Niết Bàn và là mục đích cuối cùng của hàng Nhị Thừa.

PĀRASAṂGATE (𑖢𑖯𑖨𑖭𑖽𑖐𑖝𑖸) là vượt qua bờ bên kia hoàn toàn. Đối với các Bậc Bồ Tát thì mục đích rốt ráo là chứng đắc quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác cho nên khi Thiện căn chưa đầy đủ thì các Ngài không chứng nhập quả vị Niết

Bàn mà vận dụng Trí Tuệ Bát Nhã bờ cao thượng chuyển Chân Không thành Diệu Hữu, hay là rời **Chân Đế** (Pāramartha) hòa nhập cùng **Thế Tục Đế** (Saṃvṛti) thi hành hạnh nguyện cao cả qua việc hóa độ chúng sinh để hoàn thiện phước báu Hữu vi. Khi công hạnh GIÁC THA viên mãn thì vị Bồ Tát **Nhất sinh Bổ xứ** sẽ lâm phàm kiếp chót để hoàn chỉnh GIÁC HẠNH viên mãn, tức là hoàn thiện Phật Trí và chứng nhận quả vị Vô Thượng chính Đẳng Chính Giác (dứt trừ Vô Minh Hoặc).

BODHI (𑖤𑖺𑖠𑖰) là giác ngộ, giác tuệ, Phật Trí.

SVĀHĀ (𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯) là đem lại sự an lành Phước Tuệ cho tất cả chúng sinh. Ý nghĩa này cũng tương đương với nguyên lý tình thương phổ biến của Tâm Giác Ngộ của tất cả chư Phật là chữ HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Như vậy, Thần Chú Bát Nhã có thể được diễn dịch là :

"Vượt qua kiến Hoặc, vượt qua Tư Hoặc, dứt trừ Lậu Hoặc, dứt trừ Vô Minh Hoặc, chứng đắc Phật Trí, đem lại sự an lành cho tất cả chúng sinh".

Dựa vào ý nghĩa này thì Thần Chú Bát Nhã chính là chi tiết tu tập để chứng đắc PHẬT TRÍ trong Lục Tự Đại Minh.

VI. Các Tay Ấn của Lục Tự Đại Minh Chú:

Theo phương thức phổ truyền thì **Ấn quyết** (Mudra) là một phương tiện khéo léo để giao tiếp với các năng lực siêu hình. Trong đó, bàn tay trái là tay biểu thị cho Định (Samādhi), tay phải biểu thị cho TUỆ (Prajña), 05 ngón tay biểu thị cho 05 đại: Ngón út là Địa, ngón vô danh là Thủy, ngón giữa là Hỏa, ngón trỏ là Phong, ngón cái là Không.

Có truyền thống cho rằng: ngón út phải là Bố Thí, ngón vô danh phải là Trì Giới, ngón giữa phải là Nhẫn Nhục, ngón trỏ phải là Tinh Tiến, ngón cái phải là Thiền Định, ngón út trái là Tuệ, ngón vô danh trái là phương tiện, ngón giữa trái là Nguyện, ngón trỏ trái là Lực, ngón cái trái là Trí.

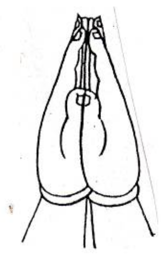
Hoặc có truyền thống thì tính ngược lại: 10 độ được phối trí từ tay trái qua tay phải, từ ngón út đến ngón cái.

Thật ra, Mật Giáo chỉ là một trong các phương cách tu hành của Phật giáo nên đường lối hành trì dù có mang hình thức nào chăng nữa thì nó vẫn không thể rời xa khỏi Pháp nền tảng của Phật Đà. Do vậy, các **Đàn Giới** (Maṇḍala) **Ấn quyết** (Mudra) **Linh phù** (Yantra) **Thần Chú** (Mantra) **Minh Chú** (Vidya) **Đà La Ni** (Dhāraṇī: Tổng Trì) đều hàm chứa lý thú giải thoát hoặc bản nguyện Từ Bi phổ độ của chư Hiền Thánh trong Phật Đạo.

Nay chúng tôi xin trình bày một và tay ấn thông dụng của Lục Tự Minh Chú.

1) Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn: (Padma-jāli Mudra)

Chắp hai tay lại sao cho mười đầu ngón tay dính vào nhau. Xong đặt trước lòng ngực biểu thị cho tư thế kính lễ (Namaskara) rồi tụng Lục Tự Minh Chú.



- Ý nghĩa: 05 ngón tay trái biểu thị cho 05 đại của chúng sinh, 05 ngón tay phải biểu thị cho 05 đại của Giác Ngộ Giới. Chắp hai tay dính nhau biểu thị cho năng lực

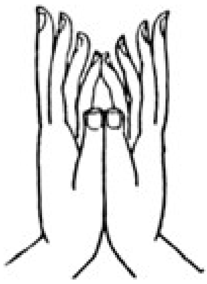
chẳng thể phân chia hai giới. Nếu năng lực này bị Tham Sân Si chi phối thì nó đưa chúng Hữu Tình đi vào cõi luân hồi, ngược lại năng lực này được Giới Định Tuệ điều khiển thì nó đưa người tu hành đến cõi giải thoát sinh tử.

Đây cũng là ý nghĩa là các Đạo sư Mật giáo thường nói: "**Dâm, Nộ, Si chính là Giới, Định, Tuệ"**

Nay chắp tay để trước ngực theo tư thế kính lễ, nghĩa là tôi xin một lòng từ bỏ cõi luân hồi, nguyện xin mau vào cõi giải thoát.

2) Bát Diệp Liên Hoa Ấn:

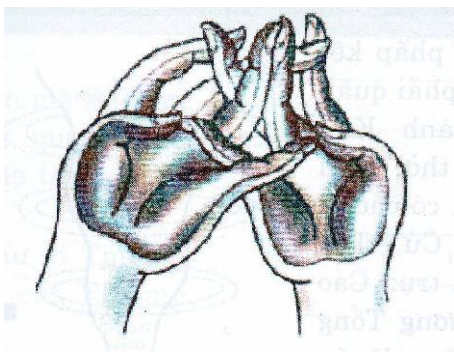
Chắp hai tay lại sao cho ở giữa hai lòng bàn tay có khoảng trống không (Hư Tâm hợp chưởng) rồi trì tụng hồng danh Quán Thế Âm. Từ từ mở các ngón vô danh, giữa, trỏ…ra giống như hoa sen nở thành 8 cánh, rồi trì tụng Lục Tự Minh Chú.



- Ý nghĩa: 02 tay chắp lại giữa trống không biểu thị cho ý nghĩa mỗi một chúng sinh vốn có Tâm Bồ Đề cực thanh tịnh. Trì tụng Hồng Danh Quán Thế Âm Bồ Tát để cầu xin lực gia trì của ngài giúp cho ta phá vỡ màn Vô minh che lấp Bản Tâm.
- Mở các ngón tay thành hoa sen 08 cánh, biểu thị cho sự chuyển đổi Tâm phàm phu thành Tâm Thánh Nhân. Trì tụng Lục Tự Minh Chú để cầu xin mau chóng trực ngộ được Phật Trí vốn có trong Tâm của mình.

3) Ngũ Trí Quang Minh Ấn:

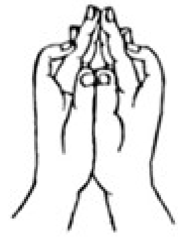
Ngửa 02 lòng bàn tay, cài chéo 08 ngón út, vô danh, giữa, trỏ sao cho nên phải đè bên trái. Lấy ngón cái phải đè lên mặt ngón út trái, ngón cái trái đè lên mặt ngón út phải, ngón trỏ phải móc đè lên mặt ngón giữa trái, ngón trỏ trái móc đè lên mặt ngón giữa phải, dựng đứng hai ngón vô danh. Trì tụng Lục Tự Minh Chú .



- Ý nghĩa: Dùng 05 Trí của Đức Phật, tịnh hóa 06 Tâm Thức phiền não căn bản để xa lìa sự kiện sinh trong 06 cõi.

4) Năng Sinh Phật Đỉnh Ấn:

Cài chéo 10 ngón tay với nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái, rồi nắm lại thành Quyền (Kim Cương Phật Ấn). Dựng đứng 02 ngón giữa cùng dính mặt nhau, co 02 ngón trỏ gác phía sau lưng 02 ngón giữa, dựng song song 02 ngón cái đặt ở lằn thứ hai của 02 ngón giữa. Trì tụng Lục Tự Minh Chú.

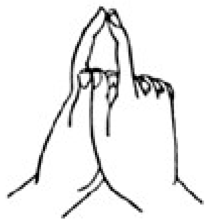


- Ý nghĩa: Kết Kim Cương Phật Ấn biểu thị cho sự quyết tâm cầu xin **cõi giác ngộ** hóa độ chuyển đổi **Tâm chúng sinh**. 02 ngón út biểu thị cho Nghiệp đức bên trong, 02 ngón vô danh biểu thị cho Đức Thuyết Pháp đoạn nghi, 02 ngón giữa biểu thị cho Pháp thể của Pháp Nhĩ căn bản, 02 ngón trỏ biểu thị cho Giới Tuệ thường hay khai mở Tâm Bồ Đề cho chúng sinh, 02 ngón cái biểu thị cho một Đức Thành Tựu của Pháp Giới Thể Tính Trí.

Trì tụng Lục Tự Minh Chú để cầu xin mau được khai mở Tâm Giác Ngộ.

5) Ngoại Phộc Thanh Liên Gia Trì Ấn:

Cài chéo 10 ngón tay bên ngoài, các mặt ngón bám trên lưng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Ngoại phộc ấn) dựng 02 ngón trỏ rồi hơi co lại sao cho đầu ngón chạm nhau giống như hình cánh sen, duỗi thẳng hai ngón cái song song nhau.



Dùng ấn này gia trì 04 nơi trên thân của mình là: Tim, Trán. Cổ họng, đỉnh đầu. Mỗi nơi vừa kết ấn vừa tụng Chú "OṂ MAṆI PADME HŪṂ – ADHIṢṬHA SVAMĀṂ" (Oṃ Mani Padme Hūṃ - Hãy gia trì cho con)

- Ý nghĩa: Hoa sen xanh (Nīla-padma) là loài hoa không có lá nên rất nhẹ, nếu bị ném xuống thì có thể bay mau.

Nay dùng Ấn này gia trì trên thân biểu thị cho sự cầu xin lực gia hộ để mau chóng vượt biển khổ mà sinh vào cõi Giác Ngộ.

VÀI THẦN CHÚ TRIỂN KHAI TỪ MẪU LỤC TỰ MINH CHÚ

Thông thường thì Thần Chú (Mantra) chỉ được tu trì để thực hiện những thỉnh cầu. Do đó, bài Thần Chú căn bản phải được lập đi lập lại thường xuyên cho đến khi nhận được lực gia trì của Bản Tôn. Muốn mau chóng được Bản Tôn gia trì thì Hành Giả phải nắm vững phương pháp **Tịnh Hóa Tâm Thức** và tự hình thành cho mình một niềm tin trong sáng chân thành.

a)Phương pháp Tịnh Hóa Tâm Thức: có 04 năng lực

-Năng lực nương dựa: Nương tựa vào Trí tuệ đã được biểu lộ của Bản Tôn Quán Thế Âm .

-Năng lực hối tiếc: Luôn sám hối những hành động xấu xa đã phạm phải.

-Năng lực đối trị: Cương quyết chống lại và dũng mãnh từ bỏ những hành động xấu xa đó.

-Năng lực quyết định: Cương quyết không bao giờ lập lại những hành động xấu xa đó và luôn tìm cách thực hiện những hành động tốt lành.

Nhờ phát triển được 04 năng lực này thì Thân, Khẩu, Ý của Hành Giả sẽ mau chóng được thanh tịnh.

b) Phương pháp phát triển Đức Tin: có 04 giai đoạn

-**Niềm tin trong sáng**: Tin vào phẩm tính kỳ diệu của Bản Tôn Quán Thế Âm.

-**Niềm tin mong mỏi**: luôn luôn mong ước đạt được những phẩm tính hoàn hảo đó để hóa độ chúng sinh.

-**Niềm tin xác tín**: Luôn nghiên cứu tìm tòi cho đến khi biết chắc những phẩm tính của Quán Thế Âm Bồ Tát là có thật.

-**Niềm tin không thể đảo ngược**: biến đức tin trở thành một phần của bản thân mình, nghĩa là tin vững chắc rằng mình có thể đạt được những phẩm tính hoàn hảo ấy mà không có gì có thể làm cho mình mất đi niềm tin đó được.

Ngoài ra, khi trì tụng, Hành Giả cần phải có tâm chí thành thì mới có thể nhận được lực gia trì của Bản Tôn. Một khi đã tương ứng được phần nào lực gia trì của Bản Tôn thì mới có thể sử dụng các mẫu Thần Chú sau để hoàn thành những hoạt động khác nhau.

1.Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ MAHĀ-JÑĀNA-KETU SAVĀDA, KETU ŚANA, VIDHĀRIYA, SARVĀTHA PARISĀDHAYA NĀPURṆA NĀPARI, UTTĀPANĀ, NAMAḤ LOKEŚVARĀYA SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ là tinh chất màu nhiệm của cây phướng Đại Trí. Hãy ngồi dưới cây phướng ấy, xa lìa mọi sự chấp giữ mà tác thành tựu trong khắp các cõi. Hãy tinh luyện các Căn cho tinh sạch sao cho không có gì không làm đầy đủ và không có gì có thể vượt hơn được.

Con xin quy mệnh Công Đức nội chứng của Đức Thế Tự Tại. Nguyện cho con được thành tựu như Ngài)

2. Tăng Phước Trí Thần Chú:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA LOKA-JÑĀNA-VIDYA, DHĀRA DHĀRA, DHIRI DHIRI, HRĪṂ HRĪṂ, JAḤ PUṆYA JÑĀNA PUṢṬIṂ KURU, OṂ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hỡi Đấng gia trì và gìn giữ **Trí Tuệ Minh** của tất cả Thế Gian. Hãy câu triệu âm thanh của **Đại Huyễn Hóa** khiến cho con được tăng trưởng Phước Trí, chứng đạt ba thân giải thoát của chư Phật).

3. Như Ý Thần Chú:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVĀRTHA SIDDHI, SIDDHI KURU SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hỡi Đấng thành tựu tất cả của cải. Hãy giúp cho con làm được sự thành tựu như Ngài).

4. Bảo Nguyên (nguồn báu) **Thần Chú:**

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ MOHE, DARIDRA, DUḤKHA JAMBHE, DHĀNA MEDHI, HRĪḤ SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy đập nát nỗi đau khổ của sự nghèo hèn ngu si, khiến cho con được thành tựu mọi Công Đức của chủng tử HRĪḤ)

5. Trừ Tội Chướng Thần Chú:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA PĀPAṂ ĀVARAṆA VIŚUDDHE SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy khiến cho tất cả tội lỗi chướng ngại của con đều được thanh tịnh)

6. Trừ Bố Úy (sợ hãi) **Thần Chú:**

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA BHAYA VIMICAYA, RĀJA, CORA, AGNI, UDAKA, VIṢA BHĀYANI PRAŚAMAYA SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy dập tắt tất cả sự sợ hãi. Hãy tiêu trừ mọi sự sợ hãi do vua chúa, trộm cướp, lửa, nước, thuốc độc … gây ra để cho được an lành)

7. Trừ Chướng Nạn Thần Chú:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA VIGHNĀṂ ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả sự chướng nạn được vắng lặng, để cho con được an lành).

8. Trừ Cuồng Tâm (Tâm điên loạn**) Thần Chú:**

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA VIKULEBHYAḤ ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả sự điện cuồng được vắng lặng, để cho con được an lành)

9. Trừ Nhiệt Bệnh Thần Chú:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA JVARĀN ŚĀNṬIM KURU SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả bệnh nóng sốt được vắng lặng, để cho con được an lành).

10. Trừ Bệnh Tật Thần Chú:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA VYĀDHIN ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả bệnh tật được vắng lặng, để cho con được an lành).

11. Trừ Phi Thời Yểu Tử Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA AKĀLA-MṚTYŪN ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả sự chết yểu không đúng thời được vắng lặng, để cho con được an lành).

12. Trừ Ác Mộng Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA DUḤSVAPNĀN ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả giấc mộng xấu ác được vắng lặng, để cho con được an lành).

13. Trừ Oan Gia Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA ŚATRŪN ŚĀNṬIM KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả oan gia được vắng lặng, để cho con được an lành).

14. Trừ Bất Tường Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA DURNI-MITTĀNI ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả điều chẳng lành được vắng lặng, để cho con được an lành).

15. Trừ Chú Trớ Yểm Đảo Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA KṚTYĀ KĀKORDHĀN ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả ma thuật của sự trù yếm nguyền rủa được vắng lặng, để cho con được an lành).

16. Trừ Binh Đao Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA YUDDHĀNI ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả các cuộc chiến tranh được vắng lặng, để cho con được an lành).

17. Trừ Phiền Não Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA UPADRAVĀN ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả sự phiền não được vắng lặng, để cho con được an lành).

18. Trừ Quỷ Thần Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA GRAHĀN ŚĀNṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy làm cho tất cả Quỷ Thần xấu ác được vắng lặng, để cho con được an lành).

19. Tăng Trưởng Thọ Mệnh Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ MAMA ĀYUḤ PUṢṬIṂ KURU SVĀHĀ

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy khiến cho tuổi thọ của con được tăng trưởng như ý nguyện).

20. Tăng Trưởng Công Đức Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ PUṆYA PUṢṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy khiến cho Phước Đức của con được tăng trưởng như ý nguyện).

21. Tăng Trưởng Trí Tuệ Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ PRAJÑĀ PUṢṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy khiến cho Trí Tuệ của con được tăng trưởng như ý nguyện).

Ngoài vài mẫu Thần Chú trên, các vị Đạo Sư Mật Giáo còn giảng dạy những định thức khác để tu Pháp Tức Tai là:
.) Trừ Chú Trớ Yểm Đảo Thần Chú:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA KṚTYĀ KAKORDEBHYAḤ RAṢAṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy tác ủng hộ giúp cho con thoạt khỏi tất cả ma thuật của sự trù yếm nguyền rủa, để cho con được an lành).
.)**Trừ Ác Quỷ Thần Thần Chú**:
OṂ MAṆI PADME HŪṂ_ SARVA GRAHEBHYAḤ RAKṢAṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Hãy tác ủng hộ giúp cho con thoát khỏi tay của hàng Quỷ Thần xấu ác, để cho con được an lành).

Các mẫu Thần Chú khai triển này được các bậc Đạo Sư Mật Giáo sử dụng rất nhiều tùy theo Pháp Môn Tu như: Pháp Tārā, Pháp Chuẩn Đề, Pháp Thiên Quang Nhãn …
_ **Bạch Độ Mẫu Chú**:
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE_ MAMA ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUṢṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE. Hãy khiến cho Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ của con được tăng trưởng như ý nguyện).

_ **Chuẩn Đề Tăng Ích Chú**:
OṂ CALE CULE CUṄDHE_ MAMA ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUṢṬIṂ KURU SVĀHĀ
(OṂ CALE CULE CUṄDHE. Hãy khiến cho Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ của con được tăng trưởng như ý nguyện).

_ **Trừ Tặc Nạn chú**:
OṂ VAJRA-DHARMA_ AVIŚA CORA-BHAYA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ
(Quy mệnh Kim Cương Pháp. Hãy cột trói nạn giặc cướp. Hãy khủng bố phá bại nạn này để cho con được an lành).

_ **Cầu Đa Văn Chú**:
OṂ VAJRA-DHARMA_ PRAJÑA-SUTRAṂ MAHĀ-NAYA SVĀHĀ

(Quy mệnh Kim Cương Pháp. Quyết định Thành tựu Đại Lý Thú của Kinh Bát Nhã).

_ **Sinh Phạm Thiên Chú**:
OṂ VAJRA-DHARMA_ SVABHĀVA BRAHMA-UDBHAVA SVĀHĀ
(Quy mệnh Kim Cương Pháp. Hãy khiến cho Tự tính của con phát sinh ra Phạm Thiên, thành tựu như nguyện).

Trong quá trình tu trì Thần Chú, do quyền năng của Tâm Trí tác động lên các âm tiết của Thần Chú nên người tu trì Chân Ngôn cũng có thể phát sinh được một số công năng nhất định. Tuy nhiên, các hiện tượng cảm ứng này chỉ là sự tác động do tha lực của các vị Hiền Thánh, chư Thiên và Quỷ Thần nhằm tăng thêm niềm tin cho Hành Giả để có thể mạnh dạn bước trên đường tu hành, nên năng lực đó chẳng thể trụ lâu dài trừ khi Hành Giả luôn luôn rèn luyện Tâm Trí xa lánh điều ác, nuôi lớn điều lành cho đến khi luôn luôn hành điều lành. Nếu không chẳng bao lâu, Hành Giả sẽ gặp nhiều tai họa thậm chí điên cuồng và có thể mất mạng.

Do vậy, các bậc Đạo Sư Mật Giáo luôn luôn khuyên dạy môn đồ phải nắm vững mọi đường lối tu tập của Hiển Giáo và Mật Giáo (**Hiển Mật Viên Thông**) để có thể xây dựng một nền tảng vững chắc cho Pháp tu giải thoát của Phật Đà.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ LỤC TỰ MINH CHÚ

Do sự lưu truyền rộng rãi nên tùy theo Tín ngưỡng và căn tính của từng địa phương mà cách thức tu trì "Lục Tự Minh chú" có nhiều sự sai khác. Đại đa số giáo đồ Phật Giáo thường trì niệm Lục Tự Minh Chú để cầu xin Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ban rải Thần Lực cứu khổ trừ mê, diệt trừ sợ hãi hoặc cầu nguyện thác sinh về cõi Cực Lạc theo phương pháp phổ thông là **lần chuỗi trì Chú, Chuyển Pháp Luân trì Chú, Quán tưởng trì Chú.**

❖ Hệ Mật Giáo Ấn Độ thường dùng **âm thanh trì Chú** phối hợp với sự điều hòa hơi thở để thanh lọc Thân Tâm hoặc quán tưởng chữ PHẠN an bố trên thân thể nhằm khai mở luồng sinh lực tiềm ẩn trong các luân xa để hòa nhập cùng năng lực vũ trụ.

❖ Hệ Mật Giáo Nhật Bản cho rằng: Vì Đại Nguyện Từ Bi muốn cứu bạt khổ não cho tất cả chúng sinh trong 06 nẻo luân hồi nên 06 chữ trong Tâm Chú của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã hóa thành 06 vị Quán Âm là 06 Tôn của 06 nẻo.

a)OṂ hóa hiện thành Như Ý Luân Quán Âm là Hóa Tôn của Thiên Giới. Chân Ngôn của Ngài là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: OṂ CAKRA-VARTTI-CINTĀMAṆI MAHĀ-PADME RURU TIṢṬA JVALA AKARṢAYA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

+ Như Ý Luân Tâm Chú là:

OṂ_ PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪṂ

+ Như Ý Luân Tùy Tâm Chú là:

OṂ_ VARADA PADME HŪṂ

b)MA hóa hiện thành Thập Nhất Diện Quán Âm, là Hóa Tôn của A Tu La Giới. Chân Ngôn của Ngài là:

OṂ_ RUHEŚVARA HRĪḤ

c)ṆI hóa hiện thành Chuẩn Đề Quán Âm, là Hóa Tôn của Nhân Gian Giới. Chân Ngôn của Ngài là:

OṂ_ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ

d)PAD hóa hiện thành Mã Đầu Quán Âm, là Hóa Tôn của Súc Sinh Giới. Chân Ngôn của Ngài là:

OṂ_ AMṚTA-UDBHAVA HŪṂ PHAṬ

e)ME hóa hiện thành Thiên Thủ Quán Âm, là Hóa Tôn của Ngạ Quỷ Giới. Chân Ngôn của Ngài là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

f)HŪṂ hóa hiện thành Thánh Quán Âm, là Hóa Tôn của Địa Ngục Giới. Chân Ngôn của Ngài là:

OṂ_ AROLIK SVĀHĀ

Vì mỗi Tôn Hình là một biểu tượng của sự giải phóng tùy theo tâm trạng và trình độ của mỗi người, đồng thời âm thanh phát ra đúng cách có thể tạo ra các quyền năng siêu hình ảnh hưởng đến cõi giới xa xăm nào đó, nên ngoài việc trì tụng Lục Tự Minh

Chú, giáo đồ Mật Giáo Nhật Bản còn quán tưởng 06 chữ Chân Ngôn biến thành 06 vị Quán Âm để tu pháp Tức Tai, Tăng Ích, hoặc Giáng Phục.

❖ Tại Trung Hoa, các vị Đạo Sư Mật giáo thường truyền dạy phương pháp "**Định Tâm niệm Chú**" nghĩa là tập trung Tâm Ý chuyên chú vào một đối tượng để loại trừ Tâm tán loạn. Theo cách này, Hành Giả cần phải giữ gìn Thân Tâm cho trong sạch, cữ ăn **Ngũ Tân** (hành, hẹ, tỏi, nén , hưng cừ) và các vị tanh hôi. Lại phải phát Tâm Bồ Đề, khởi lòng Đại Bi, chí thành quy y Đức Quán Thế Âm. Tu tập như vậy lâu dần thì tai họa tiêu tan, cầu gì được nấy. Ngoài ra các vị Đạo Sư còn khuyên dạy phương pháp "**Tán Tâm niệm Chú**" nghĩa là có thể trì niệm Lục Tự Minh Chú bất cứ lúc nào (đi, đứng, nằm, ngồi), bất cứ chỗ nào, bất cứ đang làm việc gì … nhằm gieo duyên với Đức Quán Thế Âm và loại trừ dần dần tâm ý tà bậy.

_ Nhiều hệ phái vô vi Trung Hoa đã sử dụng câu chú "ÁN MA NI BÁT DI HỒNG, HỒNG RỊ BÁT MA NI ÁN" hoặc "ÁN MA NI BÁT DI HỒNG, HỒNG DI BÁT NI MA ÁN" kèm với sự quán tưởng linh phù để liên hệ với **Mẹ Sinh Mẹ Độ** và tương ứng với các vị Thần Thánh để cầu xin Bí pháp tu tập.

_ Hoặc có hệ phái an bố Lục Tự Minh Chú để luyện pháp TỊNH THÂN như sau:
Đứng ngay thẳng, tay trái: ngón cái vịn đầu ngón trỏ thành hình cái vòng, duỗi thẳng các ngón còn lại và buông xuôi theo thân mình. Tay phải kết Ấn Cam Lộ án theo từng bộ vị từ lỗ rốn, bên trái rốn, bên trên rốn, bên phải rốn, bên dưới rốn, cổ họng. Mỗi nơi mỗi đọc Chân Ngôn.
(1) ÁN Ngô Thân **Tỳ Lô Giá Na Phật**.
(2) MA Ngô Thân **Bất Động Phật**
(3) NI Ngô Thân **Bảo Sinh Phật**
(4) BÁT Ngô Thân **Vô Lượng Thọ Phật**
(5) DI Ngô Thân **Bất Không Thành Tựu Phật**
(6) HỒNG Ngô Thân **Đại Thế Chí Kim Cương**.

_ Hoặc có hệ phái dùng Lục Tự Minh Chú để bồi dưỡng khí lực, trị liệu bệnh tật.
+ Theo giáo sư **Lâm Vân** (Trung Hoa) để cứu chữa cơ thể đang bị suy nhược bệnh hoạn thì có thể sử dụng 06 âm của Lục Tự Minh Chú kèm với 06 màu chính, thành phương pháp bồi dưỡng khí lực, gọi là LỤC ĐOẠN THIỀN.

Phải theo đúng Pháp: Bắt quyết tĩnh Tâm (Tay trái đặt trên tay phải, hai bàn tay đều để ngửa, hai ngón cái chụm lại xấp thẳng đứng một góc vuông vắn với lòng bàn tay). Niệm **Thần Chú Tĩnh Tâm** (GATE, GATE, PĀRAGATE, PĀRASAṂGATE, BODHI, SVĀHĀ). Sau đó ngồi yên lặng, điều hòa hơi thở, hít vào thở ra thật sâu, đủ 8 hơi ngắn 01 hơi dài (cả thảy là 9 lần).

Quán tưởng hai bàn chân có hai mặt trời nhỏ đang tỏa ánh sáng và hơi nóng khiến gót chân nhận biết được. Từ đó hai tia nắng trắng tinh mang âm ÚM (OṂ) từ dưới gan bàn chân nhập vào thân xác.

Tia nắng trắng tinh xuyên qua hai đầu gối, biến thành hai tia nắng màu hồng mang âm MA (MA).

Tia nắng hồng xuyên qua hai đùi đến vùng xương chậu. Đến nơi rồi hóa thành tia nắng màu vàng, mang theo âm NI (ṆI).

Tia nắng vàng đi đến vùng dưới rốn 3 phân (huyệt Đan Điền) biến thành tia nắng màu xanh lục, mang theo âm BÁT (PAD).

Tia nắng xanh lục chầm chậm lan đến bụng dưới, tim, phổi, vùng trước ngực, rồi dừng lại ở vùng cổ họng, biến thành màu xanh da trời mang theo âm MÊ (ME).

Tia nắng xanh da trời phóng tới vùng đỉnh đầu, tràn ngập não bộ, đi đến giữa trán (Tam tinh). Đến đây tia nắng xanh da trời biến hành màu đen, khắp cả vùng đầu đều nghe được âm HỒNG (HŪṂ).

Lập lại 06 âm của Thần Chú, đủ 9 lần.

+ Trong quyển "**Tạng Mật Tinh Yếu**" do học giả KHƯU LĂNG (Trung Hoa) biên soạn. Để điều trị bệnh tật thì có thể sử dụng Lục Tự Chân Ngôn chính âm, Lục Tự Chân Ngôn biến âm, Lục Tự Chân Ngôn Quyền pháp.

a) Lục Tự Chân Ngôn chính âm:

ÁN, MA, NI, BÁT, DI, HỒNG, SẮC

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ – SA)

Chữ ÁN (OṂ) thuộc **A Tự Môn** của Phạn văn, là đầu của tất cả Tự mẫu, chiếm sự khởi đầu của cách phát âm, tức là cái bắt đầu của Lục Tự, là cội nguồn của Trí Tuệ khoái lạc. Tiếng ấy được phát ra từ huyệt Khí Hải (dưới rốn 5cm) men theo mạch NHÂM đi thẳng lên đến vùng cổ họng (Hầu bộ). Há miệng hơi chúm lại, đi ra ở khoang mũi (Tỵ xoang) có âm thanh **Úm Úm**. Tiếng đó trên đầu, ngay trong miệng chuyển vòng lại tràn đầy 7 khiếu. Nếu có bệnh về mắt (Mục tật) thì trợn mắt cho khí đi ra. Nếu bị viêm tai (Nhĩ viêm) ắt rung lắc tai để khử bỏ bệnh điếc. Nếu bị viêm mũi (Tỵ viêm) có thể ấn một lỗ mũi cho khí đi ra. Nếu bị choáng váng đầu, căng thẳng não đau đầu, thiên đầu thống thì dẫn khí lên đầu, liền hướng xuống dưới cho khí đi ra.

Chữ MA (MA) là mở âm của miệng họng (Khẩu hầu âm). Lúc khởi âm trước tiên mím môi sau đó mở môi ra, âm thanh rung ở cổ họng, huyệt Thiên Đột phát tê, lan dần đến hai cánh tay cho đến hai lòng bàn tay phát tê thì có thể trịliệu bênh: viêm họng, ho khạc, viêm khớp vai, đau ê ẩm hai cánh tay.

Chữ NI (ṆI) là âm của đầu lưỡi, chảy rót vào trái tim, khiến đất tâm sáng tỏ (Tâm địa quang minh). Lúc phát âm này, hai cánh tay ôm vùng trước ngực, âm thanh chấn động lồng ngực bắn ngược vào lòng bàn tay khiến cho hai huyệt **Lao Cung** phát tê. Trị liệu bệnh: động tim, nóng ngực, bệnh phổi, cao huyết áp, và hoành cách mạc (lớp da mỏng nằm khoảng giữa ngực và bụng). Dùng cách trên để trị bệnh về nội tạng.

Chữ BÁT (PAD) là âm môi. Trước tiên ngậm miệng, sau đó mở miệng. Hai lòng bàn tay đối trước bụng, Nội khí từ phía trước Đan Điền nhập vào, sau đó từ Đan Điền đi ra, Mệnh Môn và xương sống lưng đều có cảm giác ấm áp. Trị bệnh : đau eo, viêm thận, viêm xương sống …

Chữ Di (ME) lúc phát âm thì hơi mở miệng, âm ở dưới lưỡi, tiếng hướng xuống dưới. Nội khí men theo Mạch ĐÁI chuyển động, Tiểu phúc (Bụng dưới) hơi có cảm giác chấn động. Chủ trị bệnh: Hạ tiêu (Miệng trôn của Bàng Quang), viêm gan, viêm ruột, đầy bụng …

HỒNG SẮC (HŪṂ – SA) liên kết hai tiếng để tiện dùng. HỒNG (HŪṂ) đồng với phương pháp phát thanh của Tinh Khí, chủ yếu là dẫn khí đi lên, đến cổ họng liền chuyển xuống dưới, phát ra âm thanh SẮC (SA) là âm lưỡi cuốn lại, hơi mở miệng. Khi men theo hai đùi đi xuống dưới, thẳng đến huyệt **Dũng Tuyền**, hai đầu gối hơi cong. Chủ trị bệnh : đau bắp đùi, viêm khớp. Ngoài ra còn có tác dụng Thu âm và hạ tả (bệnh tiêu chảy).

b) Lục Tự Chân Ngôn biến âm:

Âm có thuận có nghịch, thuận là chính âm, Lục Tự Chân Ngôn đều là chính âm. Do chính, nghịch chuyển là Biến âm, phần lớn là Thổ âm (âm địa phương). Chính âm

so ra ôn hòa, bổ tả đều thích hợp. Phàm bệnh khí phần nhiều đều thuộc Lương khí (khí mát mẻ). Lúc chuyển ôn hòa thì cũng là lúc bệnh tình chuyển biến tốt.

Cái phát của Biến âm, phần lớn là Lương khí. Phàm bệnh tật có lúc chống lại nhiệt, viêm mà sinh ra nóng sốt liền dùng khí mát khử bỏ lửa ấy. Thực tiễn chứng minh có hiệu quả nhất định.

Biến âm có: Ô, Mẫu, Lỗ, Bổ, Phổ, Sắc.

Ô (Wu, đọc là Gu) tức là biến của âm ÁN (OṂ). Từ khẩu hình (hình dạng của các miệng) vốn có lại làm cho như hình cái miệng mím sâu, tựa như ngậm mà chẳng phải ngậm, miệng chỉ để một lối nhỏ phát ra tiếng. Ngay lúc viêm gan đang thịnh vượng, mắt đỏ hồng là lúc hỏa khí kết uất ở bên trong, có thể dùng chữ này để tiêu trừ. Đối với chứng miệng lưỡi sinh ung nhọt cũng có hiệu quả.

Chữ MẪU (Mu, đọc là Mù) là biến của âm MA (MA). Do ban đầu mở miệng phát ra tiếng, lại chuyển thành âm của miệng mím môi lại. Nếu bị phiền nhiệt, ho khạc không dứt, phát âm này một lần, tức thời có thể khỏi bệnh.

Chữ LỖ (Lu, đọc là Lù) là biến của âm NI (ṆI). Hai chữ LỖ, NI đều có thể trị bệnh tim, phổi. Chữ ṆI là âm đầu lưỡi, chữ LỖ là âm chụm miệng. Chữ ṆI có thể hướng xuống bên dưới (Hạ giáng) mà chữ LỖ có thể hướng đi lên trên (Thượng thăng). Tức chữ ṆI dùng để giáng Tâm hỏa, chữ LỖ dùng để làm trong mát sức sống của phổi (Thanh phế nhiệt).

Chữ BỔ (Bu, đọc là Bù) là biến của âm BÁT (PAD), khẩu hình là âm của môi miệng ngậm, hay giải sức nóng của Tỳ vị.

Chữ PHỔ (Pu, đọc là Phù) là biến của âm DI (ME) khẩu hình là âm của môi miệng ngậm, cóhiệu quả trị liệu bệnh Tiện tích (Táo bón).

Chữ SẮC (Chì, đọc là Chứ) đồng với chính âm trước kia (SA) chẳng vượt qua điều lúc trước, là âm của lưỡi cong lại rồi sau đó là âm của đầu lưỡi. Công dụng là giáng cái Du tà của Tam Tiêu, Thông Thiên triệt Địa, bài trừ tất cả bệnh Tà.

Lục Tự Chân Ngôn, một âm một chữ đều có sở thuộc. Đối với thân con người tương ứng từng vùng bị bệnh, từ cái đầu cho đến bàn chân, thứ lớp rõ ràng. Nếu bệnh có phản ứng ở 2 vùng bệnh liền lấy 2 chữ tương đương mà phát ra tiếng. Nếu như có 3 vùng bệnh thì chạm 3 chữ phát thanh. Nếu bị nhiều loại bệnh tật hì có thể trị liệu toàn diện. Nếu bị nhức đầu, tiêu chảy, đau chân chỉ dùng 3 chữ ÁN, Di, Sắc (OṂ, ME, SA) mà phát thanh.

Phát ra tiếng lớn nhỏ cũng có chỗ không giống nhau. Như tiếng của Tinh, Khí, Thần có thể phát to một chút.

Sáu chữ Chân Ngôn, có lúc cần nhu hòa, có thể chọn cách phát âm vừa phải, có lúc có thể mặc niệm (niệm thầm) hoặc niệm nhỏ tiếng, một lần phát thanh với thời gian dài thì hiệu quả tốt nhất.

Cách phát thanh của Tạng ngữ có tính hồi chuyển, tính hòa chiến (rung ngân). Đây là đặc điểm của nó, so với ngôn ngữ khác thì có ưu điểm lớn.

c) Lục Tự Chân Ngôn Quyền Pháp:

.) Chính âm Quyền Pháp:

Chữ ÁN: Đứng thẳng, 2 ống chân để ngang nhau, thân ngay ngắn, hai tay nắm quyền, úp lại để 2 bên háng (chỗ 2 đùi liền với mông) đứng yên lặng khoảng nửa khắc (7 phút rưỡi) buông mở bàn tay, hướng lòng bàn tay lên trên, 2 ngón giữa đối nhau, thong thả chậm rãi nâng lên theo trước ngực. Nội khí mên theo **mạch Nhâm** đi lên đến huyệt **Thiên Đột**. Từ cổ họng phát ra tiếng ÁN (OṂ). Ngay trong miệng có âm thanh chuyển vòng rung động. Liên tiếp phát 3 lần, mỗi lần buông tay xuống sau đó liền nâng tay lên.

Chữ MA: Hướng 2 lòng bàn tay vào bên trong đối ngay bằng với **Hầu đầu** (cục xương gồ lên ở cổ họng) phát ra tiếng MA (MA) kèm theo sự rung động của thân thể. Hai tay theo nhau dần dần hướng ra bên ngoài bung mở, 2 lòng bàn tay có sự chấn động, lòng bàn tay phát tê. Cứ như thế, khai hợp 3 lần.

Chữ NỊ: Hai tay hướng trước ngực ôm vòng, phát ra tiếng Ni (NI), lồng ngực có sự chấn động. Liên tiếp phát 3 lần, cánh tay tùy theo mà khia hợp 3 lần.

Chữ BÁT: Hai lòng bàn tay đối ở bên dưới huyệt **Đan Điền**, ý niệm trụ ở huyệt **Mệnh Môn**, phát ra tiếng BÁT (PAD), Mệnh Môn và cột sống lưng có cảm giác ấm áp. Liên tiếp phát 3 lần.

Chữ DI: Hai lòng bàn tay đối ở bên dưới huyệt Đan Điền, phát ra tiếng DI (ME) men theo **mạch Đái** mà chuyển động. Liên tiếp phát 3 lần.

Chữ HỒNG, chữ SẮC: Hai tay hướng 2 lòng bàn tay lên trên rồi nâng lên, dẫn động Nội khí đến cổ họng rồi phát ra tiếng HỒNG (HŪṂ). Lật ngược lòng bàn tay hướng vào bên trong, đầu ngón tay hướng xuống dưới, theo liền đó phát ra tiếng SẮC (SA) đồng thời 2 đùi hơi co lại, ngón tay hướng xuống dưới, ngón hướng về ngón chân, ý hệ thủ huyệt **Dũng Tuyền**. Liên tiếp phát 3 lần.

.) Biến âm Quyền Pháp:

Chữ Ô đồng với thế tay của âm ÁN, phát ra tiếng Ô (GU). Liên tiếp phát 3 lần.

Chữ MẪU đồng với thế tay của âm MA, phát ra tiến MẪU (MÙ). Liên tiếp phát 3 lần.

Chữ LỖ đồng với thế tay của âm NI, phát ra tiếng LỖ (LÙ). Liên tiếp phát 3 lần.

Chữ BỔ đồng với thề tay của âm BÁT, phát ra tiếng BỔ (BÙ). Liên tiếp phát 3 lần.

Chữ PHỔ đồng với thế tay của âm DI, phát ra tiếng PHỔ (PHÙ). Liên tiếp phát 3 lần.

Chữ SẮC (CHỨ): Thế tay là hướng 10 ngón xuống dưới, đối chuẩn với 10 ngón chân. Liên tiếp phát ra tiếng 3 lần.

Thu công: 1 phóng ra, 2 thu vào, 3 dừng lại.
1 phóng ra, 2 thu vào, 3 dừng lại.
1 phóng ra, 2 thu vào, 3 dừng lại.

Ngoài ra, trong quyển "Tạng Mật Tinh Yếu" học giả KHƯU LĂNG còn biên soạn cách tu "Quán Thế Âm Bồ Tát Pháp" là:

Quán Thế Âm Bồ Tát được lưu truyền rộng rãi trong nhân gian, người ta cho rằng Quán Thế Âm có đủ Tâm tính Đại Từ Bi, Ngài cứu độ chúng sinh không hề có hạn lượng. Nhân đó, lưu truyền hình tượng của Ngài trong dân gian rất nhiều, danh xưng cũng rất nhiều, nên gốc rễ pháp tu này là dùng sự hoạt dụng làm chủ. Pháp tu như sau:

a)KẾT ẤN:

- ***Liên Hoa Hợp chưởng Ấn**: 2 tay hợp 10 ngón, sau đó giương mở như hoa sen hé nở, chỉ có 2 ngón cái và 2 ngón út cùng chạm dính nhau (Theo người dịch thì Ấn này có tên là BÁT DIỆP LIÊN HOA ẤN).*

- ***Quán Âm Ấn**: Hai tay nội phộc, rồi dựng thẳng ngón cái phải. (Theo người dịch, đây là LIÊN HOA BỘ TÂM ẤN).*

- ***Bạch Y Quán Âm Ấn**: 2 tay Nội phộc, hướng 2 ngón trỏ lên hư không dựng thẳng, chẳng để chạm dính nhau.*

Vì Quán Âm Bồ Tát phân thân rất nhiều nên Tay Ấn cũng nhiều. Với các Ấn trên có thể chọn lấy một loại như Liên Hoa Hợp chưởng có thể dùng làm Ấn thông dụng của Quán Thế Âm. Tay Ấn đặt trước ngực.

b)QUÁN TƯỞNG:

Tốt nhất là tưởng niệm hình tượng Quán Âm mà tự mình đã nhìn thấy. Quán tưởng trái tim của mình hoá thành vành trăng bắn ra một đường ánh sáng trắng bay lên hư không, biến hóa thành một TÔN Tự Tính Quán Âm, thân màu trắng khoác áo dài (Thiên y) trang sức bằng vật báu và anh lạc, ngồi trên đài sen, trang nghiêm hiền từ, có vô lượng ánh sáng trong suốt màu trắng bắn chiếu ra, có thể quán tưởng Lục Tự Đại Minh chú vây quanh Đức Quán Âm phóng tỏa ánh sáng.

c) Y THEO PHÁP KHÍ QUÁN ĐỈNH:

Nếu Đức Quán Âm có tay cầm viên Minh châu thì viên Minh châu hóa thành một tia sáng trắng, thành một độ cong chiếu rưới vào Hành Giả.

Nếu Đức Quán Âm có tay cầm Quyển Kinh thì Quyển Kinh hóa thành một tia sáng trắng, thành một độ cong chiếu rưới vào Hành Giả.

Nếu Đức Quán Âm có tay cầm Hoa sen thì Hoa sen hóa thành một sáng trắng, thành một độ cong chiếu rưới vào Hành giả.

Nếu Đức Quán Âm có tay cầm Tịnh Bình thì Tịnh Bình cam lộ hóa thành một tia sáng trắng, thành một độ cong chiếu rưới vào Hành Giả.

d) TỤNG TÂM CHÚ:

.) Quán Thế Âm Bồ Tát Tâm chú:

***“Úm Ma Ni Bái Mê Hồng”** (108 lần)*

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ)

.) Quán Thế Âm Bồ Tát Tâm chú:

*“**Úm Ma Ni Bái Mê Hồng Xá”** (108 lần)*

(OṂ MAṆI PADME HŪṂ – SA)

Hai chú này đều thông dụng, nên chọn lựa một câu.

Quán tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thành một điểm nhỏ màu trắng nhập vào đỉnh khiếu (huyệt Bách Hội) thuận theo mạch chính giữa (Trung Mạch) đến ngồi ở đài sen trong trái tim của Hành Giả, liền phóng lớn tương đương với màu giống của Thân Hành Giả. Hành Giả tức là Quán Thế Âm, Quán Thế Âm tức là Hành Giả, không hai không khác.

e) NHẬP ĐỊNH:

Vô tư vô niệm địa, nhập vào Tam Ma Địa của Quán Thế Âm Bồ Tát (tay kết Định ấn).

Trọng điểm của Pháp này vẫn là quán tưởng mặt trên, có thể dùng Pháp khí cầm tay của Quán Âm rồi quán tưởng hóa thành ánh sáng. Nếu không có Pháp khí thì có thể dùng tay Ấn hóa thành ánh sáng.

_ Một số vị Đạo Sư lại vận dụng màu sắc kèm theo hình thức vị trí của 6 chữ của Minh Chú để hình thành Pháp tu

.) **Tức Tai** (Śāntika) là Pháp làm tiêu trừ các loại bệnh nạn, việc ác của thân mình hoặc người khác. Khi thực hiện Pháp này thì các chữ của Minh Chú thuần màu trắng

.) **Tăng Ích** (Puṣṭika) là Pháp tu tăng ích về Trí Tuệ, Phước Đức, thọ mệnh cho mình và người khác. Khi thực hiện Pháp này thì các chữ của Minh Chú thuần màu vàng.

.) **Kính Ái** (Vaśikaraṇa) là Pháp tu cho mình và người khác được chư Phật, Bồ Tát gia hộ; hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đỡ. Khi thực hiện Pháp này thì các chữ của Minh Chú thuần màu đỏ.

.) **Giáng Phục** (Abhicāruka) là Pháp tu chiết phục các nhóm ác, hoặc điều phục các người ác và Quỷ Thần. Khi thực hiện Pháp này thì các chữ của Minh Chú thuần màu đen.

.) **Câu Triệu** (Ākarṣaṇi) là Pháp triệu thỉnh Bản Tôn hay chư Quỷ Thần. Khi thực hiện Pháp này thì các chữ của Minh Chú là màu tạp sắc.

Khi tu nhằm lợi ích cho tự thân mình thì thờ phượng và quán đồ hình là:



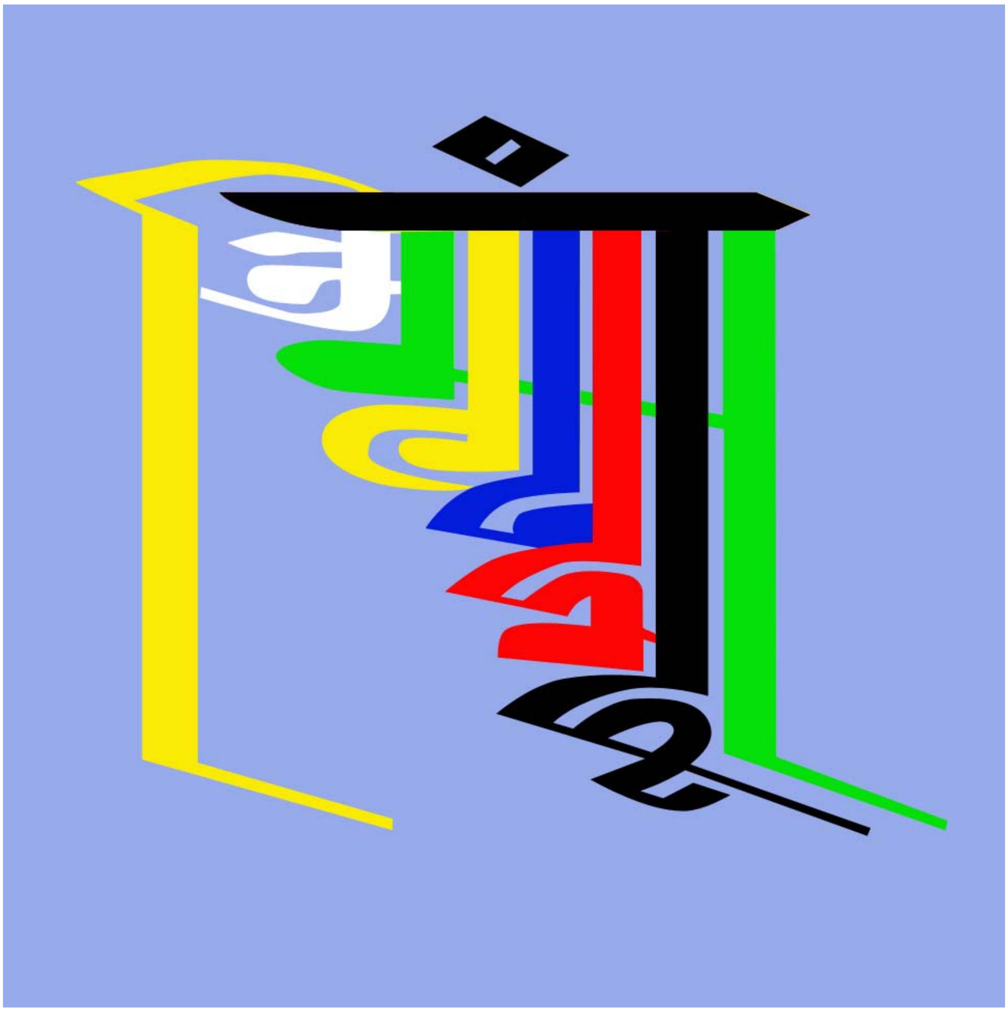
Khi tu nhằm lợi ích cho người khác thì phụng thờ và quán đồ hình là:



Khi tu nhằm lợi ích cho mình và người khác thì phụng thờ và quán đồ hình là:



_ Để phổ thông hoá **năng lực hoá độ**, một số Đạo Sư đã dùng thư pháp Lantsa gom sáu chữ **Lục Tự Đại Minh** thành một chữ, giúp cho Đồ Chúng thờ phượng hoặc mang theo thân mình, nhằm tránh tai hoạ, cầu Phước Báo.



_ Mật Giáo Nepal đã vận dụng 12 hình thức ứng hóa của Bồ Tát Quán Thế Am theo 12 tháng Âm Lịch trong năm để thực hiện Pháp Tu mang lại lợi ích cho nhiều người hơn.

Tháng Giêng (Dần**): Siṃhanāda Lokeśvara** (Sư Tử Hống Thế Tự Tại)



Tháng Hai (Mão): **Padmanrita Lokeśvara**



Tháng Ba (Thìn): **Hariharihari Vahana Lokeśvara**



Tháng Tư (Tỵ): **Trailokya Vasankari Lokeśvara**



Tháng Năm (Ngọ): **Rakta Lokeśvara** (Xích Châu Thế Tự Tại)



Tháng Sáu (Mùi): **Nīlakaṇṭha Lokeśvara** (Thanh Cảnh Thế Tự Tại)



Tháng Bảy (Thân): **Māyājāla Lokeśvara** (Huyễn Hóa Võng Thế Tự Tại)



Tháng Tám (Dậu): **Kāraṇḍavyūha Lokeśvara** (Bảo Trang Nghiêm Thế Tự Tại)



Tháng Chín (Tuất): **Ṣaḍ-akṣarī   Lokeśvara** (Lục Tự Thế Tự Tại)



Tháng Mười (Hợi): **Śrīmat Lokeśvara** (Cát Tường Hỷ Thế Tự Tại)



Tháng Mười Một (Tý): **Hàlàhalahala Loke’svara**



Tháng Mười Hai (Sửu): **Khasārpaṇa Lokeśvara** (Cáp Lị Thế Tự Tại)



Trọng yếu của Pháp tu này chính là Pháp **Tứ Vô Lượng Tâm** của Bồ Tát Quán Thế Am và được phân làm hai giai đoạn:

_ **Giai đoạn tự giác** (Xả, Hỷ, Bi, Từ):

.) **Xả:** Hành Giả cần phải biết buông bỏ những điều bất thiện và luôn luôn thực hành điều thiện nhằm lập công bồi đức. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm bớt thế lực chi phối của tâm Tham và tâm Nghi đồng thời phát khởi tâm buông bỏ vòng sinh tử khổ đau

.) **Hỷ:** Hành Giả cần phải biết vui với sự thành công của người khác nhằm diệt trừ tâm đố kỵ , nuôi dưỡng tâm bình đẳng và phát tâm xấu hổ để tiến tu. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm thế lực chi phối của Tâm Sân và Tâm Mạn (Kiêu ngạo, khinh thường người khác)

.) **Bi:** Hành Giả biết khởi lòng thương xót khi gặp những nỗi khổ đau của người khác. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm thế lực chi phối các tâm Ac Kiến

.) **Từ:** Hành Giả biết khởi tâm mong muốn đem lại niềm an vui hạnh phúc cho người khác.Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự giảm bớt thế lực chi phối của tâm Si

Do thường xuyên tu tập các Pháp trên, Hành Giả tự biết rằng muôn cứu giúp người khác thì tự bản thân phải có đủ khả năng. Nhờ vậy Hành Giả luôn tinh tiến tu tập tịnh hóa thân tâm của mình cho đến khi thực sự mong muốn thành Phật để hóa độ chúng hữu tình (đây mới đúng là **Chân thật phát Tâm Bồ Đề**)

Để có thể nhanh chóng Tịnh Hóa Thân Tâm của mình, Hành Giả cần phải nương vào sự tiếp độ hộ trì của Bồ Tát Quán Thế Am

.) Vào tháng Giêng (Dần): Hành Giả nên niệm trì như sau:
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Bi Nguyện thật thâm sâu
Như mẹ hiền hộ giúp con
Vượt khổ đau nguy nàn
Niệm niệm Quán Thế Âm
Niệm trừ Tham, Sân, Si
Niệm niệm từ Tâm khởi
Niệm niệm thành Giác Tuệ
Đại Bi Đại Nguyện Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
OṂ NAMO SIṂHANĀDA LOKEŚVARĀYA
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

.) Tương tự vào tháng Hai (Mão) thì trì niệm như trên nhưng chỉ cần thay câu Chú Nguyện là:
OṂ NAMO PADMANRITA LOKEŚVARÀYA
OṂ MAṆI PADME HŪṂ
Các tháng còn lại đều dựa theo cách thay đổi trên

_ Ngoài cách niệm trì trên, các vị Đạo Sư Ấn Độ còn truyền dạy phương cách niệm trì dựa vào năm, tháng, ngày, giờ nhằm tăng trưởng uy lực hộ niệm của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Ví dụ : Hành Giả bắt đầu niệm tụng vào năm Bính Tuất, Tháng 6, ngày Dần, giờ Dậu thì trì niệm như sau:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

OṂ **ṢAḌ-AKṢARĪ LOKEŚVARA** NAMAḤ

OṂ **NĪLAKAṆṬHA LOKEŚVARA** NAMAḤ

OṂ **SIṂHANĀDA LOKEŚVARA** NAMAḤ

OṂ **KĀRAṆḌA-VYŪHA LOKEŚVARA** NAMAḤ

OṂ MAṆI PADME HŪṂ

(Phương cách này còn có thể được trì niệm dựa theo năm, tháng, ngày, giờ sinh của Hành Giả nhằm tăng cường uy lực tự hộ thân mình)

_ **Giai đoạn Giác Tha** (Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả):

.) **Đại Từ**: Hành Giả trải rộng tâm mong muốn đem lại sự an vui cho tất cả chúng hữu tình (dứt trừ Tham)

.) **Đại Bi:** Hành Giả trải rộng tâm muốn cứu giúp tất cả chúng Hữu Tình thoát khỏi mọi sự khổ đau (dứt trừ Sân)

.) **Đại Hỷ:** Hành Giả trải rộng tâm vui vẻ tán thán tất cả chúng Hữu Tình biết thực hiện Chính Pháp Giải Thoát (dứt trừ Mạn và Ac Kiến)

.) **Đại Xả:** Hành giả trải rộng Tâm như hư không không dính mắc vào bất cứ hình thức nào (dứt trừ Nghi và Si)

Các Pháp này được thực hiện theo **Thiền Quán** và thi hành qua các hành động cụ thể cho đến khi Hành Giả thực sự chứng đắc được trạng thái an lạc tịch tĩnh (thực chứng **Vô Ngã**)

_ Thông thường giáo đồ Phật giáo Trung Hoa hay trì tụng Lục Tự Minh chú kèm với 04 câu chú khác và gọi là NGŨ BỘ CHÚ.

a) Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn:

OṂ RAṂ biểu thị cho lực gia trì của Kim Cương Bộ, giúp cho Hành Giả tu tập viên mãn 02 Pháp: Bố thí Ba La Mật (Dāna-pāramitā) và Trì Giới Ba La Mật (Śīla-pāramitā) để dọn sạch dất Tâm và gieo hạt giống Bồ Đề.

b) Văn Thù Sư Lợi Nhất Tự Hộ Thân Chân ngôn:

OṂ ŚRHYIṂ biểu thị cho lực gia trì của Bảo Bộ giúp cho Hành Giả tu tập viên mãn 02 Pháp: Nhẫn Nhục Ba La Mật (Kṣānti-pāramitā) và Tinh Tiến Ba La Mật (Vīrya-pāramitā) để nuôi lớn Tâm Bồ đề.

c) Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn:

OṂ MAṆI PADME HŪṂ biểu thị cho lực gia trì của Liên Hoa Bộ, giúp cho Hành Giả tu tập viên mãn Thiền Định Ba La Mật (Dhyāna-pāramitā) để chứng ngộ Tâm Bồ đề.

d) Chuẩn Đề Cửu Thánh Tự Chân Ngôn:

OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ biểu thị cho lực gia trì của Yết Ma Bộ, giúp cho hành giả tu tập viên mãn Tuệ Ba La Mật (Prajña-pāramitā) để chứng nhập Tâm Bồ đề.

e) Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn:

BHRŪṂ biểu thị cho lực gia trì của Như Lai Bộ, giúp cho Hành Giả tu tập viên mãn 04 Pháp: Phương Tiện Ba La Mật (Upāya-pāramitā), Nguyện Ba La Mật (Praṇidhāna-pāramitā), Lực Ba La Mật (Bala-pāramitā), Trí Ba La Mật (Jñāna-pāramitā) để thành tựu Tâm Bồ đề.

Cách thức trì tụng Ngũ Bộ Chú là trì lần lượt mỗi Chú 108 lần hoặc trì một lúc cả 05 Chú, cứ như vậy cho đủ 108 lần. Thời gian trì tụng là 04 giờ: Tý (23h → 01h), Ngọ (11h → 13h), Mão (5h → 7h), Dậu (17h → 19h).

_ Theo hệ phái khác thì Lục Tự Đại Minh Chú được trì tụng chung với 07 câu Chú khác và cũng gọi đó là Ngũ Bộ Chú.

.)OṂ RAṂ
.)OṂ ŚRHYIṂ
.)OṂ BHRŪṂ PHAṬ
.)OṂ MAHĀ-SITATĀPATRA
.)OṂ ĀḤ HŪṂ HRĪḤ
.)OṂ MAṆI PADME HŪṂ
.)OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ
.)BHRŪṂ

Cách thức trì tụng giống như trên và nhấn mạnh rằng chỉ 21 ngày thì Hành Giả sẽ nhận được lực gia trì qua những điềm báo tốt lành.

_ Khi Mật Giáo Tây Tạng du nhập vào Trung Hoa thì một số vị Đạo Sư đã dạy cách tu TAM MẬT trong "**Mật Tông Vô Thượng Du Già Song Thân Dục Lạc Đại Định**" là:

a_Thân Mật: Kết Ấn (Đại Thủ ấn)
b_Khẩu Mật: Trì chú.
c_Ý Mật: Quán tưởng
d_Ấn Linh: miệng tụng "OṂ ĀḤ HŪṂ" đỉnh lễ 03 lần.

.)Quán tưởng **Mã Đầu Minh Vương Hộ Pháp** và trì tụng câu Chú: "OṂ – MOKṢA-PADMA-RĀJA – MĀNŚCATU HAYAGRĪVA – HURU HURU – HŪṂ PHAṬ"

.) Người Nam, chủ yếu là quán tưởng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát màu hồng từ Phạn huyệt (cái đầu, đỉnh đầu, trái tim) tiến vào trong thân của mình. Quán tưởng mình hóa thành Kim Thân Thánh tượng của Bồ Tát và trị tụng câu chú là: "OṂ – ĀḤ HŪṂ SA – OṂ MAṆI PADME HŪṂ".

.) Người Nữ, chủ yếu là quán tưởng Kim Cương Hợi Mẫu (Vajra-varāhi) là Phạn huyệt tiến vào trong thân của mình. Quán tưởng mình là thành Tượng của Kim Cương Hợi Mẫu và trì tụng câu Chú là: "OṂ OṂ OṂ – SARVA BUDDHA ḌĀKIṆĪYE – VAJRA VARṆAṆIYE – VAJRA VAIROCANIYE – HŪṂ HŪṂ HŪṂ – PHAṬ PHAṬ PHAṬ – SVĀHĀ"

❒ Tại Việt Nam, một số vị Đạo Sư ẩn tu trên Thất sơn đã truyền dạy cho môn đệ trì tụng một lượt các bài chú sau, lần lượt trì ít nhất 108 lần.

-OṂ ĀḤ HŪṂ VAJRA-GURU PADMA SIDDHI HŪṂ
-OṂ PADMA-VAJRA HŪṂ
-OṂ MAṆI PADME HŪṂ
-OṂ VAJRA-PĀṆI HŪṂ
-OṂ MAHĀ-SITATĀPATRE HŪṂ BHRŪṂ
-OṂ AMṚTA TEJE HARA HŪṂ
-OṂ BHRŪṂ HŪṂ
-OṂ ĀḤ VIRA HŪṂ KHACARAḤ - BHRŪṂ

❒ Tại Tây Tạng, theo sự khởi truyền "**Bộ Pháp của Gambhava Sange**" về Chú Lục Tự dùng phép **xuyên Tam Điền** để trợ giúp khai mở Thần Thức, tác các Pháp khác cho mau thành tựu. Cách tập như sau:

Trước khi tu tập, xưng niệm hồng danh của Đức Phật Thích Ca, Đức Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát và Di Lặc Bồ Tát. Xong ngồi tập, đặt gót chân trái lót huyệt Hội Âm, gác chân phải lên chân trái, ngồi Bán Già, tay kết Định Ấn, hít thở và quán tưởng.

Hít thở từ mũi vào, dẫn hơi từ ẤN ĐƯỜNG xuống KHÍ HẢI, đưa vào trong HOÀNG ĐÌNH THẦN, thầm niệm " OṂ", tại chỗ đó thấy một hạt châu. Tiếp theo, trầm vai đưa hạt châu chạy vào trong ống giữa thân lên tới TRUNG HUỲNH ĐÌNH, thấy hạt châu sáng lên trong ống màu đỏ, bọc bên ngoài hạt châu và bên ngoài ống đỏ còn một ống trắng sáng (02 ống đồng tâm, ống trắng ngoài, ống đỏ trong, hạt châu ở chính giữa (◉) thầm đọc "MAṆI". Thấy hạt châu sáng rực rồi từ từ ngay ống giữa thân đi theo đường xuyên Tam Điền qua cổ họng đi thẳng qua Bách Hội thành búp sen màu đỏ. Hạt châu lên đến Bách Hội thì búp sen nở thành hoa sen 7 cánh, trên có một vị Phật phóng tỏa hào quang (Đức Phật nào cũng được, tùy ý thích), thầm niệm " PADME", xong thở ra ẤN ĐƯỜNG, thầm niệm "HŪṂ".

Xong làm lại như trên 12 lần (01 chu kỳ là 12 lần). Tùy theo sức, thực hiện mấy chu kỳ cũng được.

_ Theo Đạo Sư **Tang Tong Gyabo**, vị Thánh Tăng của Phật giáo Tây Tạng ở vào thế kỷ 15 thì Pháp tu trì Lục Tự Minh Chú được ghi nhận trong pháp tu "**Quán tưởng Đức Quán Thế Âm**" như sau: (bản dịch của Thượng Tọa **Thích Minh Lễ**)

(1) **QUY Y**
Quy y Phật, Pháp và Thánh Tăng
Cho đến khi con thành Chánh giác
Nguyện các công đức con tạo nên (như tu Từ Bi, Bố Thí …)
Giúp con thành Phật độ chúng sinh
(Đọc 3 lần)

(2) Con cùng chúng sinh đầy hư không
Đảnh có sen trắng và ánh sáng
Trên có chữ HRĪḤ hiện rõ ràng
Chí tôn Đại Thánh Quán Thế Âm
Trắng sạch, quang minh, sáng năm sắc (trắng, lam, đỏ, vàng, xanh)
Mỉm cười thương xót nhìn chúng sinh
Bốn tay: hai tay chắp trước ngực
Tay cầm chuỗi ngọc, tay sen trắng
Y lụa, ngọc báu, trang nghiêm thân
Vai choàng da lộc (hươu), đảnh mão báu
Trên đảnh hóa Phật A Di Đà
Hai chân chéo lại thế Toàn Già
Lưng dựa một vành trăng trong sáng
Ngài là Chơn tánh mọi Quy y

(3) (Cầu nguyện với Đức Quán Thế Âm. Quán tưởng tất cả chúng sinh cùng với hành giả đồng thanh cầu nguyện)

Chúng con đảnh lễ Quán Thế Âm

Chí Thánh hoàn toàn không lỗi lầm
Bảo Thân (Thân báu) trong trắng không tỳ vết
Đảnh đầu trang sức Phật Toàn Giác
Đôi mắt Từ bi nhìn chúng sinh
(Tụng 3 hay 7 lần, càng nhiều càng tốt)

(4) Dốc lòng cầu nguyện như thế xong
Chí Thánh Bảo Thân phóng hào quang
Tịnh trừ vọng tưởng, tướng nghiệp ác
Ngoại cảnh hóa thành nước Cực Lạc
Chúng sanh ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý
Sắc, Tiếng, Pháp Trần đều thành Không
Tất cả đều là không phân biệt.

(5) Tự Tâm đồng thời quán tưởng, miệng tụng Lục Tự Minh Chú "ÁN MA NI BÁT DI HỒNG" – OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Phản quán Tự Tánh, chiếu Tam luân không tịch: Không người tạo tác, không người lãnh thọ, không sự tạo tác.

(6) (Sau khi xả Thiền Quán đứng dậy hồi hướng)
Tướng con, chúng sanh là tướng Ngài
Âm thanh, âm ba Chú Lục Tự
Bao nhiêu Tâm Vương, Tâm sở niệm
Tổng thành trung khu của Đại Trí

(7) Nguyện nhờ công đức tu tập này
Con sẽ mau thành Quán Thế Âm
Khắp độ tất cả chúng sanh
Cùng qua bờ Giác chẳng chừa ai
(Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật Đạo)

_Như chúng ta đã biết, Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn chính là món quà quý báu mà Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã ban phát cho chúng sinh trong cõi TA BÀ (Sāha-loka-dhātu) nhằm ngăn ngừa và dứt trừ "Khổ, Chướng, Hoặc" ở 03 cõi 06 đường.

Do quyền năng Tâm Trí tác động lên âm thanh và hình sắc của Chân Ngôn mà mỗi chữ của Chân Ngôn sẽ biểu hiện thành một uy lực rất lớn, cực vi diệu và linh nghiệm. Cho nên các Hành Giả Mật Tông Tây Tạng thường dùng "Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn" trong phương pháp Thiền Định và Quán Tưởng để thanh lọc thân xác thoát khỏi 06 phiền não chính cùng với 06 cõi do nhóm phiền não ấy tạo nên. Nhờ thường xuyên tu tập Pháp "**Tịnh Hóa Lục Đạo**", Hành Giả sẽ tự thanh lọc nghiệp căn bản của mình, từ đó mau chóng cắt đứt được gốc rễ tương quan của mình với sinh tử.

Theo Mật Tông Tây Tạng, nếu các cảm xúc phiền não không được tịnh hóa thì chúng sẽ điều động Thần Thức tái sinh vào cõi nào đó trong Lục đạo. Các cảm xúc phiền não thường tích tụ trong hệ Tâm vật lý là những huyệt đạo vi tế hàm chứa nhữngn ăng lực đặc biệt trong cơ thể.

Mật Điển **Dzogchen** nhận định rằng:

“Hạt giống Địa Ngục và nhân của nó là giận dữ, được định vị ở dưới hai gót chân.

Cõi Ngạ Quỷ và nhân của nó là Dục Tham, có gốc ở Bàn tọa.

Cõi Súc Sinh và nhân của nó là Ngu Si thì có vị trí ở lỗ rốn.

Cõi Người và nhân của nó là Hoài nghi, có vị trí ở trái tim.

Cõi Tu La và nhân của nó là ganh tỵ, nằm ở Yết hầu (cổ họng)

Cõi Trời và nhân của nó là Kiêu mạn, thì có vị trí ở Đỉnh đầu.”

Trong khi tu tập Pháp “Tịnh hóa Lục đạo” Hành Giả trì tụng âm thanh và quán tưởng hình sắc mỗi chữ của Chân Ngôn được an bố trên mỗi vị trí tương ứng, đồng thời khởi tâm cầu nguyện và quán tưởng tất cả nghiệp do cảm xúc đặc biệt ấy tạo nên đều khô kiệt, mỗi phần thân thể liên hệ đến nghiệp của cảm xúc ấy đều hoàn toàn tan thành ánh sáng hòa nhập với Pháp giới thanh tịnh.

Như vậy, chữ OṂ ( ) màu trắng được an bố ở đầu, chữ MA ( ) màu xanh lục được an bố ở cổ họng, chữ ṆI ( ) màu vàng được an bố ở trái tim, chữ PAD ( ) màu xanh lục được an bố ở lỗ rốn, chữ ME ( ) màu hồng được an bố ở bàn tọa, chữ HŪṂ ( ) màu đen huyền được an bố ở hai gót chân.

Các ý tưởng cầu nguyện đi kèm theo âm thanh của mỗi chữ theo Chân Ngôn là:

OṂ ( ): Nguyện cho con dứt trừ được Tâm ý ảo tưởng kiêu mạn và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Thiên Giới.

MA ( ): Nguyện cho con dứt trừ được Tâm ý ganh tỵ tranh đấu và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong A Tu La Giới.

ṆI ( ): Nguyện cho con dứt trừ được Tâm ý hoài nghi tự kiêu và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Nhân Gian Giới.

PAD ( ): Nguyện cho con dứt trừ được Tâm ý trì độn mù quáng và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Súc Sinh Giới.

ME ( ) : Nguyện cho con dứt trừ được Tâm ý tham dục thèm khát và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Ngạ Quỷ Giới.

HŪṂ ( ) : Nguyện cho con dứt trừ được Tâm ý giận dữ oán hận và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Địa Ngục Giới.



Điều cần nhớ là trong khi trì niệm Lục Tự Minh Chú, Hành Giả phải luôn luôn nghĩ đến Đức Quán Thế Âm Bồ Tát như là Ngài đang hiện diện trong nội tâm mình chứ không phải bên ngoài. Bất cứ sự mong cầu quyền lực nào bên ngoài đều là những vọng niệm cần phải loại trừ vì không có uy lực nào bên ngoài có thể giúp chúng ta thành Phật được, ngay chính sự mong cầu điều gì dù là sự bình yên, niềm phước lạc cũng là vọng niệm rồi. Thực tế, Bồ Tát là đặc tính Từ Bi thanh tịnh của Tâm và chúng sinh là đặc tính Tham trước uế trược của Tâm. Cho nên, chính năng lực đưa chúng sinh vào 03 nẻo 06 đường cũng chính là năng lực giúp chúng sinh vượt thoát vòng sinh tử luân hồi. Do ý nghĩa này, Mật Tông Phật Giáo nhấn mạnh rằng " Dâm, Nộ, Si chính là GIỚI, ĐỊNH, TUỆ và **Phiền Não** cũng chính là **Bồ Đề**".

Ngoài ra, một công phu tu tập siêng năng vẫn chưa đủ mà còn phải chú trọng việc mở mang Trí Tuệ qua việc tham cứu học hỏi mọi Giáo lý và Mật Điển, nắm vững đạo lý Nhân Quả, thường xuyên gieo trồng phước báo công đức, luôn làm lành lánh dữ, rèn luyện Tâm ý cho trong sạch để hỗ trợ cho Pháp tu và cần nhất là luôn thực hiện 03 điều nòng cốt của con đường giải thoát sinh tử là: sự từ bỏ, chính kiến về Tính Không và phát Tâm Bồ Đề.

Khi Pháp "Tịnh Hóa Lục đạo" được thành tựu thì Tâm ý của Hành Giả đã vượt khỏi các Tâm phàm phu, dứt trừ được mọi ô nhiễm che lấp thân tâm và thực nhận được Giác Tính cực thanh tĩnh vốn có xưa nay, tức là chứng ngộ được Tâm Bồ Đề. Trong thực tế, thì thành quả này chỉ có ở cuối quá trình tinh cần tu tập Thiền Định Ba La Mật (Dhyāna-pāramitā) còn bình thường thì phương pháp này chỉ giúp cho Hành Giả được vãng sinh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Vì thế, các Đạo Sư Mật Tông Tây Tạng thường làm pháp tu luyện này cho người chết đồng thời nhất Tâm quán tưởng rằng sau khi tác Pháp xong, tất cả nghiệp của họ đều thanh tịnh và thân xác họ, bản thể họ tan thành ánh sáng rực rỡ hòa nhập vào ánh sáng đỏ rực của Đức Phật Vô Lượng Quang (Amitābha) đang tỏa rộng ở phương Tây. Dựa vào ý nghĩa này, các giáo đồ Phật giáo Tây Tạng thường hướng về Đức Liên Hoa Thủ Bồ Tát, xưng tụng "Lục Tự Minh Chú" để cầu nguyện cho mình (hay cho người chết) được vãng sinh về Thế giới Cực Lạc.

Tóm lại, khi trì niệm "OṂ MAṆI PADME HŪṂ" Hành Giả tự an trụ Tâm Trí trong Pháp Thiền Định quán tưởng nhằm chặn đứng sự lao xao cuồng động của Tâm Trí cho đến khi **cuồng Tâm** ngưng lại thì lúc ấy Hành Giả tự chứng ngộ được Bản Tâm thanh tịnh không có nhiễm dính vốn có nơi mình, nghĩa là chứng ngộ được Phật Tính bất sinh bất diệt đang tiềm ẩn trong Tâm Thức sinh diệt vậy.

VIỆC KÊU GỌI THẦN CHÚ CỦA THÁNH QUÁN TỰ TẠI

(Bảo thạch thực hiện mọi mong cầu)

Tác phẩm của **Đức DALAI LAMA đời thứ XIII** (*1876-1933*)
Trích trong quyển "Thiền Định trên Tantra Bậc thấp"
Chương 3 (Tr. 65 → Tr.70)

Anh Văn: GLENNH.MULLIN – CHOMDZE TASHI WANGYAL
Việt dịch: DIỆU LÝ

Sắp xếp một bàn thờ trong một nơi yên tĩnh và an lạc và trên đó đặt hình ảnh của Vị Bảo vệ có 11 đầu, là Đức Thánh Quán Tự Tại cao quý, hiện thân của lòng Từ Bi của tất cả chư Phật mười phương. Trước hình để nước và những lễ vật thuộc về giác quan, v...v…v…… Rồi chuẩn bị cho chính Hành giả một nơi ngồi Thiền thuận tiện, và ngồi trong tư thế thích hợp, bắt đầu bằng việc quy y, phát triển tâm Bồ Đề, và v…v… . Nghi thức cho việc này như sau:

Con xin quy y Đạo sư
Con xin quy y Phật
con xin quy y Pháp
Con xin quy y Tăng
Quy y các vị Thiền Thần trong Maṇḍala
Cũng như quy y các quyến thuộc của các Ngài
Con xin quy y các vị Hộ Pháp vinh quang
Con xin quy y các Đấng có Tuệ Nhãn
(3 lần)

Con xin quy y Phật, Pháp và Tăng (Supreme Community – cộng đồng tối cao)
Cho đến khi con đạt được Giác ngộ
Bằng công đức mà con đang thực hành những điều Thiện
Xin cho con đạt được Phật quả để làm lợi ích cho tất cả.

Cầu cho tất cả Hữu tình đều được hạnh phúc và nguyên nhân của hạnh phúc;
Cầu cho tất cả hữu tình thoát khỏi khổ đau và nguyên nhân của đau khổ
Cầu cho tất cả Hữu tình luôn được an vui để vượt qua mọi sự khổ
Cầu cho tất cả Hữu tình giữ được sự bình thản kiên định
Khi đam mê gần kề hay ghét bỏ rời xa.
(Bài này hoàn tất phần mở đầu. Sau đây là phần thực hành thực sự).

➭ OṂ PADMANTĀ KRITA HŪṂ PHAṬ
OṂ SVABHĀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMĀḤ SVABHĀVA SHUDDHO-'HAṂ
Mọi vật thành cái nhìn trống rỗng
Và từ trong vũ trụ trống rỗng này
Ta xuất hiện dưới hình dạng
Thập Nhất Diện Thánh Quán Tự Tại

Mặt chính của Ta mang màu trắng
Tỏa sáng như trăng thu tròn vẹn

Mặt bên phải là màu xanh lục
Còn bên trái mặt thì mang màu đỏ

Ở phía trên là các gương mặt: xanh lục, đỏ và trắng
Ứng với trung tâm, bên phải, bên trái
Trên nữa là các mặt: đỏ, trắng, xanh lục
Lại ứng, trung tâm, bên phải, bên trái

Trên nữa là mặt đen giận dữ
Với tóc cam xoáy tít hướng lên
Và, trên nữa, gương mặt Phật Di Đà
Chủ tể của Phật Đỉnh Bộ

Hai tay chính chắp lại nơi tim
Bên phải, các tay hai, ba, tư
Tương ứng cầm Tràng hạt,
Ấn Đại Thí và Pháp luân.

Bên trái, các tay hai, ba tư
Cầm sen trắng tám cánh hé nở
Bình báu và cung tên

Ta đứng thẳng hai chân
Ngực trái phủ da linh dương
Ánh sáng chói lọi tỏa ra từ châu báu
Trên trang sức của ta và ghi dấu điều Thiện.

Chủng tử OṂ ghi ở trên đầu
ĀḤ cổ họng và HŪṂ nơi tim
Từ chữ HŪṂ nơi tim tỏa chiếu ánh sáng ngay thẳng
Thỉnh mời các chư Phật, Bồ Tát
Đến từ nơi cư trú tự nhiên của các vị
JAḤ HŪṂ BAṂ HOḤ
Cùng ta kết hợp thành một thể không rời.

Rồi Hành giả tạo ra nước và các lễ vật cúng cường thuộc về giác quan, cùng với Thần chú và Ấn, như sau:

⇘ OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA PUṢPE PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA SHABDA PRATĪCHCHHA HŪṂ SVĀHĀ

Lời xưng tán:
Các Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai của **Pháp Thân** (Dharma-kāya)
Ở hình dạng của Quán Tự Tại từ bi
Với hai mắt rộng lớn quán Hữu tình sáu cõi
Và mười một đầu tỏa khắp các bầu trời:
Đỉnh mũ Ngài là Phật Di Đà.
Con cúi lạy và dâng lời xưng tán.

Việc quán tưởng đối với việc lập lại Thần Chú:

Ngay ở trên vành trăng trong tim Ta
Có chủng tử HRĪḤ màu trắng
Tỏa ánh sáng chiếu đến mười phương
Tạo lễ vật dâng Phật, Bồ Tát

Các Tôn Vị có quyền năng chuyển đổi
Do được cầu khẩn: nên quyền năng trên đến trong dạng ánh sáng
Tiến vào thân ta thẳng đến lỗ chân lông,
Rửa sạch những mê mờ trong Thân, Khẩu, Ý của Ta

Một lần nữa tia sáng chiếu thẳng tới
Chạm vào các Hữu tình ở trong 6 nẻo
Rửa sạch các thần trí mê mờ của họ
Và đưa họ đến địa vị Quán Tự Tại Tôn quý

Quán tưởng như đã mô tả ở trên, lập lại Thần Chú dài nhiều lần và rồi lập lại Thần Chú ngắn nhiều lần nếu được.

Thần chú dài:
⇘ NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARA, VAIROCHANA-BYŪHA-RAJĀRA (?VYŪHA RĀJĀYA) TATHĀGATĀYA, ARHATE, SAMYAKSAṂBUDDHAYA
NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAH, ARHATEBHYAḤ, SAMYAKSAṂBUDDHEBHYAḤ
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITESHVARĀYA BODHISATTVĀYA, MAHĀ SATTVĀYA, MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
TADYATHĀ: OṂ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITTE VATTE (? ITI VATI), CHALE CHALE, PRACHALE PRACHALE, KUSUME (? KUSUMA) KUSUME VARE, ILI MILI, JITI JVALAM ĀPANĀYE SVĀHĀ

Thần Chú 6 chữ:
⇘ OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Kết thúc bằng việc lập lại Thần Chú 100 chữ ba lần hay 7 lần:

✎ OṂ PADMASATTVA SAMAYA MANUPĀLAYA, PADMASATTVA TVENOPATISHṬHA DRIḌHO ME BHĀVA, SUTOSHYO ME BHĀVA , SUPOSHYO ME BHĀVA, ANURAKTO ME BHĀVA, SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACHCHA, SARVA KARMA SUCHA ME, CHITTAṂ SHRĪYAṂ KURU HŪṂ , HA HA HA HA HOḤ BHAGAVĀN, SARVA TATHĀGATA-PADMA MĀ ME MUÑCHA , PADMA BHĀVA, MAHĀ-SAMAYA-SATTVA ĀḤ HŪṂ PHAṬ

Và sau đây là những lễ vật, lời xưng tán và lời khẩn cầu:

✎ OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA PUṢPE PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA SĀBDA PRATĪCHCHHAYE SVĀHĀ

Các Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai của **Pháp Thân** (Dharma-kāya)
Ở hình dạng của Quán Tự Tại từ bi
Với hai mắt rộng lớn quán Hữu tình sáu cõi
Và mười một đầu của Người tỏa khắp các bầu trời:
Đỉnh mũ Ngài là Phật Di Đà.
Con cúi lạy và dâng lời xưng tán.

Hỡi Thánh Quán Tự Tại ! Kho báu của Từ bi,
Hỡi các chư Thần quyến thuộc của Ngài
Xin hãy ban cho con sự chú ý của các Ngài.

Để nhanh chóng thoát khỏi biển luân hồi
Bản thân con và tất cả Hữu tình giống như cha mẹ
Đang sống mỏi mòn trong sáu cõi.

Nhanh chóng sinh cùng với dòng tâm thức của con
Là Tâm Bồ đề bao la, sâu thẳm
Là lòng đại Từ kết hợp với Trí tuệ rốt ráo

Với dòng nước sự thật trong lòng Từ của các Ngài
Mau chóng rửa trôi mọi vô minh của chúng con
Cùng các nghiệp tiêu cực (*Ác)* đã tụ tập ngay từ vô thủy

Hỡi Bồ Tát **Gently Gazing**
Ngài có đủ tay Từ bi
Dẫn dắt con và những người khác
Đến **cõi Cực Lạc** (Sukhavati) vùng đất tịch tĩnh của hạnh phúc.

Con cầu mong Đức Di Đà và Quán Tự Tại
Giúp đỡ con đời này sang đời khác
Cầu mong các Ngài dẫn dắt con suốt chặng đường không lầm lỗi
Nhanh chóng đưa con vào vùng đất của Phật quả

Do nghị lực xứng đáng của sự thực hành này
Cầu mong con nhanh chóng đạt được vị trí của Quán Tự Tại
Cầu mong cho tất cả Hữu tình chẳng trừ ngoại lệ
Sẽ được dẫn dắt để đạt được vị trí tột cùng y như thế.

Một lần nữa lập lại Thần chú 100 chữ:

OṂ PADMASATTVA SAMAYA MANUPĀLAYA, PADMASATTVA TVENOPATISHṬHA DRIḌHO ME BHĀVA, SUTOSHYO ME BHĀVA , SUPOSHYO ME BHĀVA, ANURAKTO ME BHĀVA, SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACHCHA, SARVA KARMA SUCHA ME, CHITTAṂ SHRĪYAṂ KURU HŪṂ , HA HA HA HA HOḤ BHAGAVĀN, SARVA TATHĀGATA-PADMA MĀ ME MUÑCHA , PADMA BHĀVA, MAHĀ-SAMAYA-SATTVA ĀḤ HŪṂ PHAṬ

Hỡi Đấng Từ Bi, đối với bất cứ việc gì con đã làm sai
Bởi Vô minh, bởi thiếu vật chất hay vì không có khả năng.
Hỡi Bồ Tát, con cầu xin Người kiên nhẫn
Với tất cả lỗi lầm này.

Sự kết thúc:
Các vị Trí Tuệ
Hài lòng với sự thực hành của con
Tan biến vào trong con
Chính con tan biến vào hư không
Và rồi tái xuất hiện như là Thánh Quán Tự Tại

Sự hiến dâng:
Nguyện xin điều Thiện ngự trị suốt cả ngày;
Nguyện xin điều Thiện ngự trị suốt cả đêm.
Nguyện xin điều Thiện ngự trị cả ngày lẫn đêm;
Và xin thường có các điềm tốt
Ghi dấu sự thịnh vượng khi quy y Tam Bảo.

Lời ghi cuối sách: *Do vị thực hành Phật giáo **Thubten Gyatso** viết theo yêu cầu lập lại của quan chức tu viện **Yeshe Damcho**.*

Glenn H.Mullin và **Chomdze Tashi Wangyal** dịch sang tiếng Anh.

14/08/2004

THIỀN QUÁN VỚI TỨ THỦ QUÁN TỰ TẠI

Tác phẩm của Đức **DALAI LAMA đời thứ II** (1475-1542)
Trích trong quyển “Thiền Định trên Tantra Bậc thấp”
Chương 3 (Tr. 46 → Tr.48)

Anh Văn: KEVIN GARRATT – CHOMDZE TASHI WANGYAL – LOZANG GYALTSEN
Việt dịch: DIỆU LÝ

(Với khát vọng Hành Thiền và tác nghi lễ Mật giáo theo truyền thống của Quán Tự Tại trong hình thể bốn tay. Đầu tiên là quy y, phát sinh sự giác tha và suy nghĩ về Tứ diệu đế).

Con xin quy y Phật, con xin quy y Pháp và Con xin quy y chư Tăng cho đến khi con đạt được sự giác ngộ.

Do công đức mà con đã tạo ra bằng sự thực hành bố thí và làm các việc thiện khác, xin cho con sẽ đạt được Phật quả để lợi lạc hữu tình.

Cầu cho chúng sinh được nhiều hạnh phúc
Cầu cho chúng sinh thoát khỏi khổ đau
Cầu cho chúng sinh luôn luôn an vui
Cầu cho chúng sinh trú trong sự thanh thản, không bị tám nạn của thế gian hay thành kiến (sự nhận thức trước) quấy nhiễu.

(Lập lại kệ trên ba lần. Rồi xác nhận ở hư không tất cả các vật phi thường trong và bên ngoài vòng luân hồi hiện hữu bằng cách đọc thần chú sau:

➷ OṂ SVABHĀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMĀḤ SVABHĀVA SHUDDO-‘HAṂ

Mọi vật trở thành trống rỗng. Trong hư không xuất hiện chữ PAṂ. Chữ PAṂ biến đổi thành một hoa sen màu trắng có chữ ĀḤ bên trên. Chữ ĀḤ trở thành vành trăng; ngay tại trung tâm vành trăng là Tâm Tri của ta (hành giả – ND) trong hình dạng của chữ HRĪḤ màu trắng. Chữ HRĪḤ phát ra những tia sáng, làm thành lạc cảnh cho các Hữu tình, chuyển họ lên hàng cao hơn. Các tia sáng tụ họp lại biến thành chữ HRĪḤ và Ta hiện rõ như là Thánh Quán Tự Tại tôn kính với thân màu tuyết trắng với một mặt, bốn tay. Hai tay phía trước chắp lại đặt nơi tim, tay phải phía sau cầm 1 chuỗi tràng hạt 108 hạt bằng trân châu, và tay trái phía sau cầm một hoa sen nở để bên cạnh lỗ tai.

Ta ngồi ở tư thế Kiết già và được trang điểm với tám vật trang sức bằng châu báu ở: đầu, hai tai, cổ họng, các tay và hai chân. Ta (hành giả – ND) mặc y phục bằng lụa mềm và có sức cuốn hút thần bí, mỉm cười an tĩnh. Chữ OṂ xuất hiện trên vương miện của Ta, ĀḤ ở cổ họng, và HŪṂ ở trái tim. Cũng vậy, chữ HRĪḤ màu trắng ở ngay giữa vành trăng trong tim ta. Chữ HRĪḤ phát ra các ánh sáng, mời gọi Thánh Quán Tự Tại vĩ đại và quyến thuộc của chư Phật và chư Bồ Tát từ nơi ở phương Nam của các Ngài:

➷ JAḤ HŪṂ BAṂ HOḤ

Các vị được câu triệu hòa nhập vào Ta và rồi (Ta và các vị đó) hợp thành một.

Ánh sáng từ chữ HRÌH trong tim ta lại đi thẳng tới, mời gọi chư Thần có quyền năng.

Ta kêu gọi các vị ấy: “Xin hãy ban cho con sự khởi đầu”

Như đã khẩn cầu, các Vị ấy đưa các bình chứa đầy mật hoa lên cao .

(Ngâm nga)

✎ OṂ SARVA TATHĀGATA ABHISHEKATA SAMAYA SHRĪYE ĀḤ HŪṂ

Các vị rưới mật hoa lên đỉnh đầu và tràn đầy thân Ta, rửa sạch mọi sự nhiễm ô nơi Ta. Số mật hoa dư thừa quyện lại phía trên mũ miện của Ta chuyển thành Đức Phật A Di Đà, Ngài trở thành trang sức trên mũ miện.

(Rồi tạo ra các lễ vật để tịnh hóa những điều gây trở ngại, rửa sạch và cầu khẩn phước lành:)

✎ OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA PUṢPE PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

OṂ ĀRYA-LOKESHVARA SAPARIVĀRA SHABDA PRATĪCHCHHAYA SVĀHĀ

Màu trắng tinh khiết không bị mờ phai bởi các lầm lỗi
Đức Phật A Di Đà tô điểm mũ miện trên đầu,
Ngài nhìn chăm chú vào các hữu tình với lòng Từ bi tràn ngập:
Con cúi đầu kính lễ Quán Tự Tại.

(Rồi:)

Quán tưởng chính mình là Quán Tự Tại, nơi tim Ta xuất hiện một vành trăng tròn màu trắng, trên đó là Tâm Trí ta trong hình dạng chữ HRĪḤ màu trắng. Ở chu vi của vành trăng có 6 chủng tử cốt yếu của Thần Chú OṂ MAṆI PADME HŪṂ. Đó là các chữ hình hộp và trắng rực rỡ như các tia sáng của mặt trăng đang mọc.

Ánh sáng từ các chủng tử chiếu thẳng tràn ngập thân Ta và rửa sạch mọi sự tiêu cực và sự mê muội của Ta. Rồi từ các lỗ chân lông của Ta tuôn ra các tia sáng, rửa sạch các Tiêu cực và Mê muội của tất cả Hữu tình, bằng cách ấy ban cho họ trạng thái của Thánh Quán Tự Tại vĩ đại

Sự nhận thức của ta tăng gấp ba lần, liên quan đến việc thấy tất cả sự xuất hiện bên ngoài như những hình thức Thân cầu vồng của Thánh Quán Tự Tại vĩ đại. Tất cả âm thanh được nghe như Thần chú sáu chữ; và tâm trí thấm nhuần phương pháp chủ yếu được kết hợp với trí tuệ, là sự Từ bi rộng lớn tập trung trên tất cả Hữu tình và trí tuệ hiểu sự trống rỗng, hay là trí tuệ nhận thức rõ ràng rằng tất cả thần linh ở trong và bên trên luân hồi không hề có một sự tồn tại cố hữu cụ thể và trái lại chỉ là những điểm linh quang vốn không có tự tính .

Việc quán tưởng chính mình là Quán Tự Tại được pha trộn trong phạm vi gấp ba lần (**three-fold**) này, Hành Giả lập lại Thần Chú Maṇi. Từ năng lực của sự thực hành, tất cả Hữu tình trong 6 nẻo đạt được hình thể thần thánh của Thánh Quán Tự Tại. Ngoài ra, theo cách của một hạt mè tròn vẹn, toàn bộ mặt đất, không khí và bầu trời đầy khắp hình thể của Quán Tự Tại. Các vị này đồng phát ra OṂ MAṆI PADME

HŪṂ, âm thanh của Thần Chú Maṇi vang dội giống như một tiếng sấm mạnh mẽ. Suy tưởng như vậy, rồi lập lại Thần chú nhiều lần nếu có thể.

Nhưng chỉ chữ OṂ, có sự tập hợp ba yếu tố (**three-fold**) của A-O-M (?A, U, M) biểu thị ba sự cứng rắn như kim cương không thể chia lìa của Thân, Khẩu, Ý của ta. Thần chú này được gọi là: "**Người cầm ngọc",** đối với việc liệt kê đơn độc nơi sự minh mẫn như vậy là xứng đáng. Vì vậy, OṂ thường mở đầu Thần Chú.

MAṆI nghĩa là ngọc báu.

PADMA nghĩa là hoa sen, trong khi PADME có nghĩa là lời cầu khẩn.

Vì vậy, với lời cầu khẩn chân thành của Ta đến Quán Tự Tại, **Ngài là *"Ngọc báu trên hoa sen*"**, Hành Giả lập lại Thần Chú này trong khi dấn sâu vào sự quán tưởng như là suy tư về sự hợp nhất các tính chất của Thánh Quán Tự Tại vĩ đại vào trong mình.

Thêm nữa, sáu chủng tử riêng biệt cắt đứt các con đường đưa đến sự tái sinh trong 6 nẻo luân hồi. Các chủng tử (âm tiết) cũng là sự hoàn thành 6 Ba La Mật. Vậy, Thần Chú Maṇi, có những công năng này và những tính chất tuyệt diệu khác, được giữ gìn để trở thành sự thuận lợi và quan trọng vô tận.

Ngoài ra, Thánh Quán Tự Tại vĩ đại được coi là tinh hoa của lòng Từ bi của tất cả chư Phật nói chung và là vị Bồ Tát bảo hộ của Tây Tạng nói riêng. Do vậy, Hành Giả cần cố gắng với lòng nhiệt thành trong việc lập lại Thần Chú, chuyên Tâm về Quán Tự Tại như là một vị Thần Thiền định tuyệt vời nhất do các đặc tính đặc thù này.

(Để chấm dứt phần này:)

Nhất tâm quán tưởng vũ trụ và các thuộc tính của nó, trong hình dáng của Thánh Quán Tự Tại, tan biến vào Ta. Ta tan biến vào HRĪḤ tại tim Ta. HRĪḤ tan biến vào chữ H. Sự tan biến này giống như là cầu vồng trên bầu trời.

(Suy tưởng như vậy với niềm tin chắc chắn)

Rồi nữa trong hình cầu trống rỗng, ngay khi Ta xuất hiện trong hình dạng Thánh Quán Tự Tại sở hữu sự nhận thức của 3 yếu tố (**Three-fold**) đã mô tả ở trên, và ngay lập tức thực hiện các hành động rộng rãi.

(Kết thúc bằng những lời cầu nguyện vô song và hồi hướng công đức, như là:)

Cầu cho con phát triển Tâm Trí tỉnh thức vô song tiềm ẩn trong con; và mong rằng con sẽ đạt được điều đi đến sự thành công ngày càng tăng.

Cầu cho con thọ hưởng đầy đủ cả về tinh thần và điều khác

Cũng như không bao giờ bị tách khỏi đấng Đạo Sư Thập toàn của con trong tất cả các kiếp sống .

Bằng việc góp nhặt hoàn toàn các phẩm chất của các con đường và các cấp độ.

Cầu mong con nhanh chóng đạt được trạng thái của **Kim Cương Trì** (Vajra-dhāra)

Lời ghi cuối sách: *Bài này hiểu dễ dàng việc Thiền định với Quán Tự Tại vĩ đại được sáng tác bởi Gyalwa Gendun Gyatso với sự khẳng định của một số vị Giữ Pháp vĩ đại.*

Kevin Garrat, Chomdze Tashi Wangyal và Lozang Gyaltsen dịch sang tiếng Anh.

09/08/2004

PHÁP TỊNH HÓA LỤC ĐẠO

*_ Tịnh Khí Thế Giới Chân Ngôn:
OṂ _ RAJA UPAGATAḤ SARVA DHARMA (3lần)

*_ Tịnh Thân Chân Ngôn:
OṂ _ SVABHĀVA ŚUDDHAḤ SARVA DHARMA (3lần)

*_ Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:
OṂ _ ŚUDDHE DVAŚUDDHANAYA SVĀHĀ (3 lần)

*_*Tự Tính của con vốn thanh tịnh*
Như Tự Tính thanh tịnh của các Pháp
OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ (3 lần)

*_ Quy Y Phương Tiện Chân Ngôn:
OṂ_ SARVA BUDDHA BODHISATVA ŚARANĀṂ GACCHA MI _ VAJRA-DHARMA HRĪḤ (3 lần)

_ Nam mô tận hư không biến Pháp Giới PHẬT PHÁP TĂNG thường trụ Tam Bảo (1 lạy)
_ Nam mô Tự Tính Pháp Thân TỲ LÔ GIÁ NA PHẬT (1 lạy)
_ Nam mô Tự Thọ Dụng Pháp Thân BẢO TRÀNG PHẬT (1 lạy)
_ Nam mô Tha Thọ Dụng Pháp Thân KHAI PHU HOA VƯƠNG PHẬT (1 lạy)
_ Nam mô Biến Hóa Pháp Thân A DI ĐÀ PHẬT (1 lạy)
_ Nam mô Đẳng Lưu Pháp Thân THIÊN CỔ LÔI ÂM PHẬT (1 lạy)
_ Nam mô Như Lai Bộ Tộc (1 lạy)
_ Nam mô Liên Hoa Bộ Tộc (1 lạy)
_ Nam mô Kim Cương Bộ Tộc (1 lạy)
_ Nam mô Bảo Bộ Tộc (1 lạy)
_ Nam mô Nghiệp Dụng Bộ Tộc (1 lạy)
_ Nam mô Đại Liên Hoa Vương Bồ Tát (1 lạy)
_ Nam mô Liên Hoa Thủ Bồ Tát (1 lạy)
_ Nam mô Như Ý Châu Liên Hoa Vương Bồ Tát (1 lạy)
_ Nam mô Liên Hoa Bộ Hiền Thánh Chúng Bồ Tát (1 lạy)
_ Nam mô Đại Bi Thai Tạng Chư Tôn Hộ Pháp (1 lạy)

*_ Ngũ Bộ Chú:
_ **OṂ RAṂ** (3 lần)
_ **OṂ ŚRHYIṂ** (3 lần)
_ **OṂ MAṆI PADME HŪṂ** (3 lần)
_ **OṂ CALE CULE CUṄDHE SVĀHĀ** (3 lần)
_ **OṂ BHRŪṂ** (3 lần)

*) Nhất Thiết Như Lai Đại Bí Mật Vi Diệu Vô Úy Phật Đỉnh Liên Hoa Quảng Tụ Tâm Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Đại Pháp Vương Căn Bản Tâm Chú:
NAMO STRIYA-DHVIKĀNĀṂ TATHĀGATĀNĀṂ

OṂ _ AMOGHA-MAṆI, JVALA JVALA _ PADMOṢṆĪṢA-HṚDAYA
IHERI MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI _ UṢṆĪṢA RATI ASANA MAṆITE
DHURU DHURU
MAHĀ-RĀGA VIṢA VINAŚANA
PADMA VATI KURU KURU KARMAṂ SIDDHI
DHĀRA DHĀRA DHĀRAYA
KUMĀRA YAKṢĀYA MAṆḌALA PADME SAMA UDBHĀVAYA
SAMANTA AVALOKITE PADME ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA STVAṂ
DAŚA-UṢṆĪṢA RAKṢANA GUHYA
SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA PADMA AVALOKITA NAMO STUTE SVĀHĀ (3 lần)

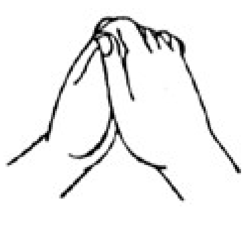
*_ Vô Cấu Liên Hoa Phật Đỉnh Kim Cương Tụ Chú:
NAMO STRIYA-DHVIKĀNÀM TATHĀGATĀNĀṂ
OṂ _AMOGHA-PADMĀSANA MAHĀ-MAKUṬA PATRA VĀYU VIKA AVA DHĀRAṆA
DHĀRA DHĀRA PADMA MUḤ
SAḤ SARA SARA
VĀYU ŚAVI SALA SALA
SAMANTA VARA PARIPŪRṆI
MAṆI MAṆI
SAMANTA-SATYA AVA-PĀŚA JVALAṆI
HŪṂ HŪṂ
PADMOṢṆĪṢA NAMO STUTE SVĀHĀ (3 lần)

*_ Liên Hoa Phật Đỉnh Tâm Chú:
OṂ_ PADMA-DHĀRA, DHĀRA HŪṂ (3 lần)

*_Liên Hoa Phật Đỉnh Tâm Trung Tâm Chú:
OṂ_ PADMA SIDDHI HŪṂ (3 lần)

*_ Liên Hoa Kết Ấn Chú:
OṂ_ PADMA-VATI SAṂBHAVA HŪṂ (3 lần)

*_ Tịnh Hóa Lục Đạo:
1_ Nam mô Hóa Tôn Địa Ngục Đạo THÁNH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT
Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý giận dữ, oán hận và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Địa Ngục Giới.
[Hai tay Nội Phộc, duỗi thẳng ngón cái phải, xưng là **Liên Hoa Bộ Tâm Ấn**]

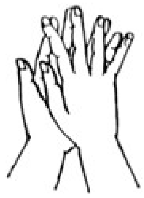


OṂ_ AROLIK SVĀHĀ (3 lần)

2_ Nam mô Hóa Tôn Ngạ Quỷ Đạo THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý tham dục, thèm khát và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Ngạ Quỷ Giới.

[Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, hơi co cong lưng bàn tay cùng cách nhau, hai ngón giữa cùng đối đầu ngón, duỗi giương hai ngón cái, hai ngón út].

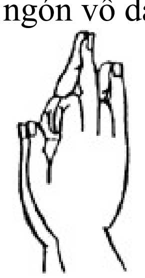


OṂ_ VAJRA-DHARMA SVĀHĀ (3 lần)

3_ Nam mô Hóa Tôn Súc Sinh Đạo MÃ ĐẦU QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý trì độn, mù quáng và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Súc Sinh Giới.

[Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng), co hai ngón trỏ hai ngón vô danh cùng hợp móng ngón, co vào trong lòng bàn tay, hai ngón cái hơi co cong. Đồng với Mã Đầu Ấn trước chỉ có ngón vô danh là sai khác].



OṂ_ AMṚTA UDBHĀVA HŪṂ PHAṬ (3 lần)

4_ Nam mô Hóa Tôn Tu La Đạo THẬP NHẤT DIỆN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý ganh tỵ, tranh đấu và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Tu La Giới.

[Kim Cương Hợp Chưởng, mười đầu ngón tay giao nhau, bên phải đè bên trái, sau đó nâng lên trên đầu, tức là hành giả Quán mười đầu ngón tay là 10 mặt, thêm một mặt của chính mình nên thành 11 mặt, thời thân của mình liền thành thân của Thập Nhất Diện]



OṂ_ LOKEŚVARA HRĪḤ SVĀHĀ (3 lần)

5_ Nam mô Hóa Tôn Nhân Gian Đạo BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý hoài nghi, tự kiêu và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Nhân Gian Giới.

[Hai tay tác Liên Hoa Hợp Chưởng. Hai ngón trỏ, ngón cái cài chéo nhau bên ngoài, duỗi ngón cái phải đến khoảng giữa ngón cái trái và ngón trỏ trái (hổ khẩu). Lại có tên là Liên Hoa Quyến Sách Ấn]

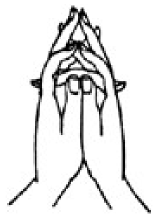


OṂ_ AMOGHA APRATIHĀTE HŪṂ PHAṬ (3 lần)

6_ Nam mô Hóa Tôn Thiên Đạo NHƯ Ý LUÂN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý ảo tưởng, kiêu mạn và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc trong Thiên Giới.

[Hai tay Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón trỏ sao cho đầu ngón hợp nhau như hình báu. Hai ngón cái, ngón vô danh đều tự dựng đứng thành dạng cây phướng, hai ngón út cùng cài chéo nhau].



OṂ_ VARADA PADME HŪṂ (3 lần)

*_ Lục Tự Đại Minh Thần Chú:

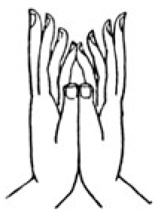
Nam mô Đại Bi QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Nương vào năng lực Đại Bi huyền nhiệm tuôn phát từ Thân Tâm của Bản Tôn.

Nguyện xin cho con tịnh trừ được tất cả: nghiệp ác, nghiệp chướng, nghiệp phiền não.

Nguyện xin Bản Tôn gia trì, ban ân sũng dìu dắt cho con tự biết được những việc cần làm của chính mình để cho con có thể làm lợi lạc cho tất cả Hữu Tình.

[Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), bung mở hai ngón trỏ, hai ngón giữa, hai ngón vô danh như hình hoa sen nở]



OṂ_ MAṆI PADME HŪṂ (108 lần)

*_ Tức Thân Thành Phật Chân Ngôn:

Nam mô NHẤT THIẾT PHẬT PHÁT TÂM GIÁC NGỘ PHÁP GIỚI BÌNH ĐẲNG TÍNH GIẢ_ TU HÀNH BỒ ĐỀ ĐẠI NIẾT BÀN THƯỜNG TRỤ KIM CƯƠNG TAM MUỘI

Nguyện cho con mau chóng chứng nhập được Tam Muội **Kim Cương Bất Hoại** và trực kiến được **Phật Tính** vốn có trong Bản Tâm của con.

[Chắp hai tay lại, co hai ngón út, hai ngón Vô Danh trong lòng bàn tay , bên phải đè bên trái, cài chéo ngón tay trong lòng bàn tay. Hai ngón cái, bên phải đè bên trái, nhập vào lòng bàn tay; hai ngón giữa đứng thẳng hơi cong đầu ngón; đem hai ngón trỏ đè trên lóng giữa bên cạnh hai ngón giữa, đầu ngón dính nhau]

OṂ_ A VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ_ MAṆI PADME HŪṂ (108 lần)

*_ Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tăng
Nam mô Chính Pháp Giáo Chủ THÍCH CA MÂU NI NHƯ LAI
Nam mô Quán Âm Bản Sư A DI ĐÀ NHƯ LAI
Nam mô Quán Âm Bản Thể CHÍNH PHÁP MINH NHƯ LAI
Nam mô Thế Tôn QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG BỒ TÁT
Nam mô Liên Hoa Bộ Hiền Thánh Chúng Bồ Tát
Nam mô Thập phương thường trụ chư vị Hộ Pháp

*_ Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề
(Lễ 3 lạy rồi lui ra)

Ghi chú:

NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐẠI BÍ MẬT VI DIỆU VÔ ÚY
PHẬT ĐỈNH LIÊN HOA QUẢNG TỤ TÂM NHẤT THIẾT NHƯ LAI
BÍ MẬT ĐẠI PHÁP VƯƠNG CĂN BẢN TÂM CHÚ

NAMO STRIYA-DHVIKĀNĀṂ TATHĀGATĀNĀṂ (Quy mệnh các Như Lai trong ba đời)
OṂ (Kính lễ)
AMOGHA MAṆI JVALA (Bất Không Như Ý Bảo quang)
JVALA (Ánh lửa bùng cháy)
PADMOṢṆĪṢA-HṚDAYA (Liên Hoa Đỉnh Tâm)
IHERI (Hãy khéo đến)
MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI (Bảo, bảo, đại bảo)
UṢṆĪṢA (Đỉnh)
RATI (Lạc, vui vẻ) ASANA (Tọa, chỗ ngồi)
MAṆITE (Như Ý Bảo tính)
DHURU DHURU (Lóe sáng, chuyển tải)
MAHĀ-RĀGA (Đại ái nhiễm)
VIṢA (Cảnh)
VINAŚANA (Trừ diệt)
PADMA-VATI (Liên Hoa Cụ, Đại Liên Hoa)
KURU KURU KARMAṂ (Tác, làm cho mọi nghiệp báo của tôi)
SIDDHI (Thành tựu)
DHĀRA DHĀRA DHĀRAYA (Trì giữ, giữ gìn , cầm nắm)
KUMĀRA (Đồng tử)

YAKṢĀYA (Dược Xoa đẳng)
MAṆḌALA (Đàn trường)
PADME (trong hoa sen, như Hoa Sen)
SAMA (Đẳng)
UDBHĀVAYA (Phát sinh)
SAMANTA AVALOKITE PADME (Phổ Quán Liên Hoa)
ADHIṢṬANA (Thần lực)
ADHIṢṬITA (Gia trì)
STVAṂ (cho tôi)
DAŚA-UṢṆĪṢA (Thập Đỉnh _ 10 Đỉnh)
RAKṢANA (Ủng hộ)
GUHYA (Bí mật)
SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA (Tất cả Như Lai Đỉnh)
PADMA AVALOKITA (Liên hoa quán chiếu)
NAMO STUTE (Nay tôi quy mệnh)
SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

Thỉnh các Phật Đỉnh nơi Hư Không xuống Thế Giới này làm Phật Sự cứu Thế Gian cùng với trời Sắc Cứu Cánh, Tam Thập Tam Thiên

VÔ CẤU LIÊN HOA PHẬT ĐỈNH KIM CƯƠNG TỤ CHÚ

NAMO STRIYA-DHVIKĀNĀṂ TATHĀGATĀNĀṂ (Quy mệnh các Như Lai ba đời)
OṂ (Kính lễ)
AMOGHA-PADMĀSANA (Bất Không Liên Hoa Tòa)
MAHĀ-MAKUṬA (cái mão lớn)
PATRA (lọng)
VĀYU (Gió)
VIKA (Thổi lay)
AVA (Khắp cả)
DHĀRAṆA (Tổng Trì)
DHĀRA (Trì giữ)
DHĀRA PADMA (cầm giữ hoa sen)
MUḤ (Giải thoát)
SAḤ (Đường ngôn ngữ)
SARA SARA (Kiên cố, bền chắc)
VĀYU ŚAVI SALA SALA (Tràng hoa lung lay theo gió)
SAMANTA VARA (Phổ nguyện)
PARIPŪRṆI (Thắng mãn)
MAṆI MAṆI (Bảo, viên ngọc Như Ý)
SAMANTA-SATYA (Phổ chân thật, khắp cả chân thật)
AVA PĀŚA (Chu biến quyến sách, dẫn dắt tất cả)
JVALAṆI (Quang diễm)
HŪṂ HŪṂ (Khủng bố 2 nhân : Năng chướng, Sở chướng)
PADMOṢṆĪṢA (Liên Hoa Đỉnh)
NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)
SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

Hư Không hiện ra mây bảy báu che trùm khắp hết , lại có gió thơm thổi tràng hoa phát ra âm thanh vi diệu cùng với chư Thiên trong 3 cõi cúng dường Như Lai

_ **Liên Hoa Phật Đỉnh Tâm Chú**:
OṂ_ PADMA-DHĀRA DHĀRA HŪṂ
Hỡi Bậc **Trì Liên Hoa** hãy giúp cho thành tựu sự nhiếp trì

_**Liên Hoa Phật Đỉnh Tâm Trung Tâm Chú**:
OṂ_ PADMA-SIDDHI HŪṂ
Thân khẩu ý thành tựu Liên Hoa Tất Địa

_ **Liên Hoa Kết An Chú**:
OṂ_ PADMA-VATI SAṂBHAVA HŪṂ
Thân khẩu ý hãy phát sinh Đại Liên Hoa để thành tựu

25/03/2011



PHỤ LỤC:

NGHI NGŨ HỐI

Hán văn: Trích trong THẤT CÂU CHI PHẬT MẪU SỞ THUYẾT ĐÀ LA NI KINH HỘI THÍCH, QUYỂN HẠ do Sa Môn HOẰNG TÁN hội thích
Việt dịch: HUYỀN THANH

Kinh ghi rằng: *"Mỗi khi vào Đạo Trường, trước tiên nên **lễ Phật, Sám Hối, Tuỳ Hỷ, Phát Nguyện** xong…nên tự thề thọ nhận **Bồ Đề Tâm Giới**. Đây là năm Pháp, nên theo phép tắc Hành Đạo trong sáu thời của các Bồ Tát".*
Văn đã có sẵn trong các Kinh Luận, nay lược lục **phần cần thiết** để tiện tu trì.

_ Hành Giả mới vào Đạo Trường, quỳ thẳng lưng, chắp tay, chuyên Tâm định Ý, tay nâng lò hương, nói rằng:
Nguyện mây hương hoa này
Tràn khắp mười phương giới
Tất cả các cõi Phật
Vô lượng hương trang nghiêm
*Đầy đủ **Bồ Tát Đạo***
_ Cúng dường xong, tiếp nên đứng dậy, lễ kính
*Một lòng đỉnh lễ **Tỳ Lô Giá Na Mâu Ni Thế Tôn***

_ Phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi rằng:
*"Đức Như Lai ban đầu đối với **Vô Thượng Thừa**, phát Tâm Bồ Đề*
*Do Đức Phật **A Súc** gia trì cho nên chứng được Tâm Bồ Đề viên mãn*
*Do chứng Bồ Đề nên bên ngoài cảm được Đức Phật **Bảo Sinh** trong hư không **Quán Đỉnh,** thọ nhận địa vị **Pháp Vương** của ba cõi*
*Do Đức Phật **Quán Tự Tại Vương** gia trì Ngữ Luân cho nên nói vô lượng **Tu Đa La Pháp Môn***
*Do Đức Phật **Bất Không Thành Tựu** gia trì, cho nên đối với các việc Phật với việc của hữu tình, lợi lạc đã tu hành thảy đều thành tựu"*
Chính vì thế cho nên bên dưới nên theo thứ tự, mỗi mỗi lễ.
Một lòng đỉnh lễ **A Súc Thế Tôn**
Một lòng đỉnh lễ **Bảo Sinh Thế Tôn**
Một lòng đỉnh lễ **Quán Tự Tại Vương Thế Tôn**
Mot lòng đỉnh lễ **Bất Không Thành Tựu Thế Tôn**
Một lòng đỉnh lễ **A Di Đà Thế Tôn** ở Thế Giới Cực Lạc
Một lòng đỉnh lễ các **Phật Thế Tôn** trong mười phương Pháp Giới
Một lòng đỉnh lễ **Đại Chuẩn Đề Đà La Ni** do bảy câu chi Phật Mẫu nói
Một lòng đỉnh lễ **Tu Đa La Tạng**, tất cả **Đà La ni Môn** trong mười phương Pháp Giới
Một lòng đỉnh lễ **Thất Câu Chi Chuẩn Đề Phật Mẫu Bồ Tát Ma Ha Tát** trong cung điện của **Tỳ Lô Giá Na**
Một lòng đỉnh lễ **Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát**

Một lòng đỉnh lễ **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Trừ Cái Chướng Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Vô Năng Thắng Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ **Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát**
Một lòng đỉnh lễ tất cả **Bồ Tát Ma Ha Tát** trong mười phương Pháp Giới
Một lòng đỉnh lễ **Ma Ha Ca Diếp Tôn Giả**, các **Đại Thanh Văn Tăng**
Một lòng đỉnh lễ tất cả **Hiền Thánh Tăng** thuộc **Ba Thừa** trong mười phương Pháp Giới

Phần bên trên đều vái lạy một lần, đến **Chuẩn Đề Phật Mẫu** với **Chuẩn Đề Đà La Ni** đều nên vái lạy ba lần. Đây là Pháp của người, chủ của Đạo Trường.

_ Lễ xong, tiếp nên **Sám Hối**

Hành Giả nên tưởng thân của mình đối trước Tam Bảo, nghĩ nhớ tội trước kia với việc đã gây tạo trong đời này. Nếu chẳng Sám Hối sẽ bị đoạ vào Địa Ngục **A Tỳ** chịu khổ rất lớn, há có thể thành tựu Diệu Hạnh của Chân Ngôn đã tu ư !

Kinh **Trì Minh Tạng Nghi Quỹ** ghi rằng*: "Hành Nhân đối với Pháp Môn **Du Già**, nếu muốn tu tập cầu các Tất Địa. Trước tiên nơi thân của mình. Mọi loại tác Pháp, ăn năn hối lỗi trừ Nghiệp đời trước, khiến cho không có chướng nạn. Nếu chẳng như điều này thời Thánh Đạo khó thành"*

Bản dịch của **Kim Cương Trí** cùng với Nghi Quỹ này, tuy đưa ra năm Pháp của nhóm Sám Hối, nhưng văn giản lược nên sợ Hành Giả gặp văn có ý riêng cầu đảo mà căn vặn hỏi cho ra lẽ,cho nên thuật Kinh khác để làm rõ ý chỉ ấy.

Như **vô Lượng Thọ Nghi Quỹ** ghi rằng:

"Tự thân cúi năm vóc sát đất, tưởng ở trước mặt tất cả Phật Bồ Tát, cung kính làm lễ xong. Liền quỳ gối phải sát đất, chắp tay ngang trái tim, chân thành tỏ bày sám hối tất cả tội chướng từ vô thuỷ đến nay

Liền tuỳ hỷ với Phước Nghiệp đã tu của chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, tất cả hữu tình

*Lại quán mười phương Thế Giới, hết thảy Như Lai, bậc mới thành Chính Giác thời xin thỉnh chuyển Pháp Luân. Hết thảy Như Lai hiện **Bát Niết Bàn** thì xin thỉnh trụ lâu ở đời, chẳng **Bát Niết Bàn***

Lại phát Nguyện rằng: ***"Con đã gom chứa căn lành do lễ Phật, Sám Hối, Tuỳ Hỷ, Khuyến Thỉnh. Xin đem nhóm Phước này hồi thí cho tất cả Hữu Tình cho đến thấy Phật nghe Pháp, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề"***

Biết như vậy xong, Tâm sinh đau buồn, miệng tuyên sám hối:

_Con, Đệ Tử (họ tên là…) chí tâm **Sám Hối**:

Con tự mình từ vô thuỷ đến nay, tuỳ theo điều ác lưu chuyển, cùng chung với các chúng sinh gây tạo nghiệp, tội chướng…bị Tham Sân Si ràng buộc. Do thân miệng ý tạo tội Vô Gián với mười nghiệp ác, tự mình làm hoặc dạy người khác nhìn thấy làm tuỳ vui. Hoặc tự tại dùng vật của Tháp, vật của Tăng. Đối với các người hiền thiện, ngang ngược sinh huy báng. Nhìn thấy người hành Thanh Văn, Duyên Giác, Đại Thừa…ưa sinh mắng chửi khiến các người hành sinh tâm bực bội chẳng lành. Thấy kẻ hơn mình liền ôm ấp sự ganh ghét. Pháp thí, Tài Thí thường sinh keo kiệt. Do Vô Minh ngăn che khiến sinh tâm Tà Kiến mê hoặc, chẳng tu Nhân lành, khiến ác tăng trưởng. Đối với các chỗ của Đức Phật, dấy lên sự **phỉ báng** (Apavādaka: Người dùng lời nói chẳng thật để chế diễu, mỉa mai)

Mọi tội như vậy, Đức Phật đều thấy biết. Nay con quy mệnh đối trước chư Phật, Bồ Tát, chúng Thánh thảy đều tỏ bày, chẳng dám che dấu. Tội chưa gây tạo càng

chẳng dám làm. Tội đã làm rồi, nay đều sám hối. Nghiệp chướng đã gây tạo đáng bị đoạ vào ba đường ác với nơi có tám nạn. Nguyện con đời này, hết thảy nghiệp chướng đều được tiêu diệt, đời sau chẳng nhận chịu hết thảy quả báo ác. Cũng như các Đại Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại tu **Hạnh Bồ Đề** (Bodhi-caryā) hết thảy nghiệp chướng thảy đều sám hối. Nghiệp chướng của con, nay cũng sám hối, thảy đều bày tỏ, chẳng dám che dấu. Tội đã gây tạo, nguyện được trừ diệt. Điều ác của vị lại càng chẳng dám làm.

Sám Hối xong, quy mệnh lễ Tam Bảo

_ Con (họ tên…) chí tâm **Tuỳ Hỷ**:

Hết thảy căn lành do tu hành **Thí, Giới, Tâm, Tuệ** của tất cả chúng sinh trong quá khứ, vị lai, hiện tại…. Nay con thảy đều sinh tuỳ hỷ sâu xa.

Do làm Phước **Tuỳ Hỷ** như vậy, nên quyết định sẽ được quả: tôn trọng, thù thắng không có gì cao hơn, không có gì ngang bằng

Lại đối với hết thảy vô lượng nhóm Công Đức của tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Nay con chí Tâm thảy đều tuỳ theo mà vui vẻ khen ngợi

Tuỳ Hỷ xong, quy mệnh lễ Tam Bảo

_ Con (họ tên…) chí tâm **Khuyến Thỉnh**:

Tất cả chư Phật Thế Tôn ở mười phương, Đấng hiện được Vô Thượng Bồ Đề mà chưa chuyển Pháp Luân thời con đều chí thành khuyến thỉnh chuyển Đại Pháp Luân, an vui hữu tình.

Tất cả chư Phật Thế Tôn ở mười phương muốn buông bỏ **Báo Thân** nhập vào Niết Bàn thời nay con cúi đầu đỉnh lễ, chí Tâm khuyến thỉnh trụ lâu dài ở Thế Gian, độ thoát an vui cho tất cả chúng sinh.

Khuyến Thỉnh xong, quy mệnh lễ Tam Bảo

_ Con (họ tên…) chí Tâm **Hồi Hướng**:

Từ vô thuỷ cho đến ngày nay, hết thảy căn lành tu hành thành thục ở chỗ của Tam Bảo, cho đến bố thí một miếng ăn cho chúng sinh. Lại đem Công Đức *tụng trì bí mật* như vậy; căn lành do *sám hối, khuyến thỉnh, tuỳ hỷ*…thảy đều hồi thí cho tất cả chúng sinh, không có tâm hối hận

Căn lành đã nhiếp được của phần Giải Thoát đó, như chỗ thấy biết của chư Phật Thế Tôn, chẳng thể đo lường, trong sạch không ngăn ngại. Như vậy, hết thảy Công Đức, căn lành đều đem hồi thí cho tất cả chúng sinh, chẳng trụ tướng tâm, chẳng buông bỏ tướng tâm.

Con cũng như vậy, Công Đức, căn lành đều đem hồi thí cho tất cả chúng sinh, cùng chung với các chúng sinh đồng chứng **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), được **Nhất Thiết Trí** (Sarva-jñā). Nhân vào căn lành này lại càng sinh ra vô lượng **Pháp lành** (Thiện Pháp: Kuśala-dharma) cũng đều hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề

Lại như các Đại Bồ Tát trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại… khi tu hành thời Công Đức, căn lành thảy đều hồi hướng **Nhất Thiết Chủng Trí** (Sarvathā-jñāna). Như thế hết thảy Công Đức, căn lành của con cũng đều hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Các căn lành đó, nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh đều thành Chính Giác.

Như chư Phật khác ngồi ở Đạo Trường, dưới cây Bồ Đề chẳng thể nghĩ bàn, trong sạch không ngăn ngại, trụ ở **Vô Tận Pháp Tạng Đà La Ni**, **Thủ Lăng Nghiêm Định** phá vô lượng binh chúng của Ma **Ba Tuần,** trong một sát na thảy đều soi thấu, vào lúc gần sáng được Pháp Cam Lộ, chứng nghĩa Cam Lộ. Con với chúng sinh nguyện đồng chứng Diệu Giác như vậy

Giống như chư Phật thị hiện ứng hoá, được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển Diệu Pháp Luân để cứu độ chúng sinh. Con cũng như vậy hiện bày Ứng Hoá, được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển Diệu Pháp Luân, độ các chúng sinh.

Hồi Hướng xong, quy mệnh lễ Tam Bảo

_ Con (họ tên…) chí tâm **Phát Nguyện**:

Nguyện cho các chúng sinh đều phát Tâm **Vô Thượng Bồ Đề**, thường nhớ Công Đức Trí Tuệ của chư Phật ở mười phương

Lại nguyện cho tất cả chúng sinh phá ngay Vô Minh, được thấy **Phật Tính** (Buddhatā)

Giống như các Đại Bồ Tát, tất cả tám Bộ Trời Rồng tăng ích uy quang, ủng hộ quốc thổ với ở Đàn Trường, đẩy lui Ma Oán khiến cho Pháp Yếu bí Mật của chư Phật mà con đã tu mau được thành tựu.

Phát Nguyện xong, quy mệnh lễ Tam Bảo

_ Tiếp nên tự thể thọ nhận **Bồ Đề Tâm Giới**:

Như văn của *Sám Hối, Tuỳ Hỷ, Khuyến Thỉnh, Hồi Hướng* bên trên được trích ra từ Kinh **Đại Kim Quang Minh** mà năm Pháp đều gọi là **Hối**. Dùng điều ấy đều hay trừ chướng diệt tội

Lễ Phật hay trừ chướng của Ngã Mạn, được thân tôn quý

Sám Hối hay trừ ba chướng, được **Y Chính** đều đủ

Tuỳ Hỷ hay trừ chứng ganh ghét đố kỵ, được quyến thuộc lớn

Khuyến Thỉnh hay trừ chướng của **Mạn Pháp**, được đa văn Trí Tuệ

Hồi Hướng nghĩa là hướng về. Đem căn lành mà tự mình đã tu hướng về ba chỗ tức **Thật Tướng**, **Bồ Đề** cùng với **Chúng Sinh**. Hay trừ sự dính mắc vào điều có (Bhāva: hữu) với tâm tham lam keo kiệt. Do hồi hướng chút điều lành vào khắp ba bờ mé (tam tế) như nhỏ nước vào biển, như tiếng vào cái tù và liền hay vang xa khắp.

Phát Nguyện hay trừ chướng của co lùi, được tổng trì các Hạnh, mau được Diệu Quả. Như thế **Hồi Hướng** tức kiêm cả **Phát Nguyện.**

_Nay ở **Hồi Hướng** mở ra **Phát Nguyện** để đối trị tâm *không có quyết định, sự ngăn che của niềm vui co lùi*

Hoặc có thể vào Đạo Trường thời lễ Phật cho đến Hồi Hướng. Trì tụng xong mới kèm Phát Nguyện cũng được. Niệm tụng xong đều như thứ tự lúc trước, kết An đều tụng Chân Ngôn một biến.

_ Lại tu **Ngũ Hối**, nếu thời gian mau chóng, chẳng thể như bên trên tụng văn của nhóm **Sám Hối**, thì có thể dùng **Kệ** nói là:

.) Con, Đệ Tử tên là…

Quy mệnh mười phương Phật
Đại Thánh **Chuẩn Đề Tôn**
Tất cả chúng **Hiền Thánh**
Đều biết, đều thấy con
Thân này, nếu thân trước
Đã tạo các nghiệp ác
Nay con bày tỏ hết
Mọi tội đều **Sám Hối**

.) Con, Đệ Tử tên là…

Xin chí tâm **Khuyến Thỉnh**

Chư Phật ở mười phương
Bậc hiện đời thành Đạo
Con thỉnh chuyển **Pháp Luân**
An vui các chúng sinh
Chư Phật ở mười phương
Nếu muốn **Bát Niết Bàn**
Nay con cúi đầu lễ
Khuyến Thỉnh trụ đời lâu

.) Con, Đệ Tử tên là…
Xin chí tâm **Tuỳ Hỷ**
Các Như Lai ba đời
Chúng Bồ Tát, Thanh Văn
Người tu tập ba Thừa
Cho đến loại Phàm Phu
Hết thảy các Phước Thiện
Thí, Giới, Thiền Định, Tuệ
Nhẫn Nhục và Tinh Tiến
Nay con đều tuỳ hỷ

.) Con, Đệ Tử tên là…
Xin chí tâm **Phát Nguyện**
Nguyện các hàng chúng sinh
Đều phát Tâm Bồ Đề
Chặt hết các phiền não
Sẽ chứng **Nhất Thiết Trí**
Lại nguyện:*Ngày nay con*
Tu **Chẩn Đề Bí Mật Hạnh**
Mong cầu các ***Tất Địa***
Tuỳ Tâm mau thành tựu

.) Con, Đệ Tử tên là…
Xin chí tâm **Hồi Hướng**
Đem **Phước** con đã tu
Cùng với **Chân Ngôn Hạnh**
Hồi hướng các Hữu Tình
Đồng thành **Đạo vô thượng**

_ Nay đem điều đã tu
Lễ bái với **Sám Hối**
Khuyến Thỉnh và **Tuỳ Hỷ**
Phát Nguyện, **Hồi Hướng** Thiện
Đều ban cho chúng sinh
Lìa hẳn khổ ba đường (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh)
Đồng đến **Đại Bồ Đề**
Biển **Pháp Giới Chân Như**

Hết

26/03/2011

MỤC LỤC

